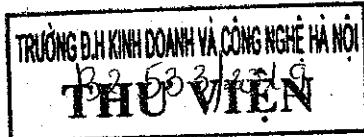


GS.TS. PHAN HUY ĐƯỜNG (Chủ biên)
TS. PHAN ANH

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ



QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ



QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

Bản quyền © 2017 tác giả và Trường Đại học Kinh tế – Đại học Quốc gia Hà Nội

*Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép
hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào
mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của tác giả và Nhà trường.*



TƯ LIỆU
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

GS.TS. Phan Huy Đường (Chủ biên)
TS. Phan Anh

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ KINH TẾ

Tái bản lần thứ hai





**THƯ VIỆN
HUST**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	7
Chương 1: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	9
1.1. Những vấn đề chung về nhà nước.....	9
1.2. Quản lý nhà nước và thể chế hành chính nhà nước	26
1.3. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học quản lý nhà nước về kinh tế.....	56
Tóm tắt chương	58
Câu hỏi ôn tập	60
Bài tập	60
Chương 2: ĐẶC TRUNG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	63
2.1. Kinh tế và quản lý nhà nước về kinh tế.....	63
2.2. Kinh tế thị trường	72
2.3. Các đặc trưng chủ yếu của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	77
2.4. Quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	90
Tóm tắt chương	98
Câu hỏi ôn tập	100
Bài tập	100
Chương 3: CƠ CHẾ, CHỨC NĂNG VÀ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	101
3.1. Quy luật kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế	101
3.2. Chức năng quản lý nhà nước về kinh tế	105
3.3. Các nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế	118
Tóm tắt chương	135
Câu hỏi ôn tập	136
Bài tập	136



Chương 4: PHƯƠNG PHÁP VÀ CÔNG CỤ QUẢN LÝ

NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	137
4.1. Các phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế.....	137
4.2. Các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế	142
Tóm tắt chương.....	154
Câu hỏi ôn tập	155
Bài tập.....	156

Chương 5: THÔNG TIN VÀ QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ

NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	157
5.1. Thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế	157
5.2. Quyết định quản lý kinh tế của nhà nước	164
Tóm tắt chương.....	170
Câu hỏi ôn tập	171
Bài tập.....	171

Chương 6: BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

6.1. Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế	173
6.2. Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam....	182
6.3. Đổi mới bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam..	186
Tóm tắt chương.....	192
Câu hỏi ôn tập	194
Bài tập.....	194

Chương 7: CÁN BỘ, CÔNG CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

VỀ KINH TẾ	195
7.1. Tổng quan về cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế	195
7.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế	204
7.3. Đổi mới công tác cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế	220
Tóm tắt chương.....	231
Câu hỏi ôn tập	233
Bài tập.....	233

TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 235



THƯ VIỆN
HUBT

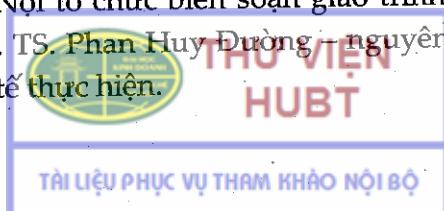
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LỜI NÓI ĐẦU

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, đặc biệt là khi vai trò của “bàn tay vô hình” trong nền kinh tế thị trường hiện đại có nhiều bất cập khiến nền kinh tế bất ổn thì vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của nhà nước ở mỗi quốc gia đòi hỏi phải có sự tương thích nhằm ổn định và tạo đà cho nền kinh tế đất nước phát triển bền vững. Ở Việt Nam, các nội dung của quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường cũng đang dần được hoàn thiện, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế. Chính vì vậy, việc học tập, nghiên cứu và vận dụng vào thực tiễn những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước nói chung, quản lý nhà nước về kinh tế nói riêng có ý nghĩa đặc biệt đối với sinh viên, học viên và những người nghiên cứu kinh tế.

Quản lý nhà nước về kinh tế là môn khoa học giáp ranh giữa kinh tế học, quản trị học, quản trị kinh doanh, khoa học quản lý và nhà nước pháp quyền, có đối tượng nghiên cứu là các quy luật và các vấn đề mang tính quy luật về sự ra đời, hình thành, tác động qua lại của các mối quan hệ, giữa các thực thể có liên quan đến các hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế của một quốc gia.

Nhằm giúp việc giảng dạy, nghiên cứu và học tập của giảng viên, sinh viên và học viên đảm bảo tính hệ thống, cơ bản các kiến thức quản lý nhà nước về kinh tế, Trường Đại học Kinh tế – Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức biên soạn giáo trình *Quản lý nhà nước về kinh tế*, do GS. TS. Phan Huy Đường – nguyên Chủ nhiệm Bộ môn Quản lý kinh tế thực hiện.



Giáo trình *Quản lý nhà nước về kinh tế* được biên soạn trên cơ sở đúc kết lý luận và thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện đại và trong quá trình đổi mới nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Giáo trình đã khái quát hóa các khái niệm, phạm trù, các yếu tố, bộ phận cấu thành, các chức năng, nguyên tắc, phương pháp, tổ chức bộ máy, thông tin và quyết định quản lý, cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế.

Trong quá trình biên soạn, tác giả đã kế thừa và chọn lọc những kiến thức từ các công trình nghiên cứu, các chuyên đề về quản lý nhà nước và quản lý nhà nước về kinh tế kết hợp với những vấn đề lý luận và thực tiễn mới này sinh. Tác giả xin chân thành cảm ơn các tác giả của những tư liệu được sử dụng tham khảo trong cuốn giáo trình này. Đặc biệt, tác giả xin trân trọng cảm ơn và đánh giá cao sự tham gia đóng góp ý kiến hết sức quý báu của các nhà nghiên cứu, chuyên gia, nhà khoa học: PGS. TS. Phùng Xuân Nhạ – Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; PGS. TS. Ngô Quang Minh, Viện trưởng Viện Kinh tế – Học viện Chính trị – Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh; PGS. TS. Nguyễn Cúc, nguyên Giám đốc Học viện Chính trị – Hành chính Khu vực I, thuộc Học viện Chính trị – Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh... trong quá trình biên soạn và hoàn thiện giáo trình này. Do thời gian có hạn, giáo trình không tránh khỏi sai sót, rất mong tiếp tục nhận được ý kiến phản biện, góp ý quý báu của bạn đọc.

TÁC GIẢ CHỦ BIÊN

GS.TS. Phan Huy Đường



Chương 1

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC

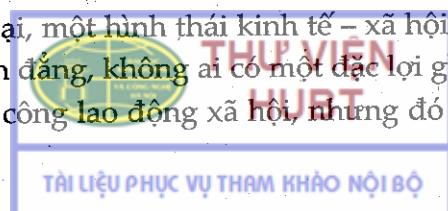
1.1.1. Nguồn gốc, bản chất và chức năng của nhà nước

1.1.1.1. Nguồn gốc nhà nước

Trong quá trình phát triển của xã hội, nhà nước là một hiện tượng lịch sử – chính trị – xã hội. Kể từ bình minh của lịch sử xã hội loài người đến nay, nhân loại đã trải qua các giai đoạn phát triển: chế độ công xã nguyên thủy (chưa có tư hữu và giai cấp) và xã hội đã phân chia giai cấp.

Chế độ công xã nguyên thủy và các thiết chế xã hội của tổ chức thị tộc, bộ lạc

Chế độ công xã nguyên thủy là hình thức tổ chức đầu tiên của con người, chưa có tư hữu, giai cấp, nhà nước và pháp luật. Cơ sở kinh tế của nó dựa trên sở hữu chung về tư liệu sản xuất và sản phẩm. Mọi người đều bình đẳng trong việc phân phối của cải do xã hội làm ra. Không ai có tài sản riêng, không có người giàu, người nghèo. Do vậy, cũng không có sự chiếm đoạt của cải của nhau. Đó là một xã hội dựa trên cơ sở huyết thống của các thị tộc, bộ lạc. Tổ chức thị tộc có thể coi là hình thức kinh tế – xã hội đầu tiên trong lịch sử nhân loại, một hình thái kinh tế – xã hội mà ở đó mọi người đều tự do, bình đẳng, không ai có một đặc lợi gì khác. Trong thị tộc đã có sự phân công lao động xã hội, nhưng đó chỉ là sự phân công



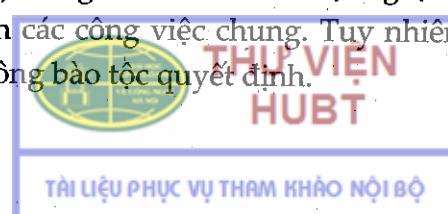
lao động tự nhiên giữa đàn ông và đàn bà để thực hiện những công việc khác nhau.

Trong công xã nguyên thủy, quyền lực chưa tách khỏi xã hội mà nó gắn liền với xã hội. Quyền lực đó do toàn xã hội tổ chức ra để phục vụ cho lợi ích chung của cộng đồng. Trong mỗi thị tộc có hội đồng thị tộc, bao gồm tất cả các thành viên lớn tuổi, có quyền quyết định mọi công việc trong thị tộc, như: Tổ chức lao động sản xuất, tiến hành chiến tranh và giải quyết hậu quả, điều hòa các tranh chấp trong nội bộ, tổ chức các nghi lễ tôn giáo... Các quyết định của hội đồng thị tộc đều phải dựa trên ý nguyện của tất cả thành viên và phản ánh ý chí chung của cộng đồng. Một thiết chế tổ chức thị tộc không có cưỡng bức, cảnh sát, nhà tù, tòa án..., nhưng mọi công việc đều được tiến hành suôn sẻ.

Thị tộc bầu ra tù trưởng (người cầm đầu trong thời bình và là người thủ lĩnh chỉ huy quân sự) của mình. Tất cả đàn ông, đàn bà đều có quyền tham gia bầu cử.

Quyền lực của tù trưởng là quyền lực gia trưởng về phương diện đạo đức, uy tín cá nhân. Tù trưởng không có một phương tiện cưỡng bức nào. Quyền lực đó dựa trên sự tự nhiên và ủng hộ của tất cả các thành viên trong thị tộc. Tù trưởng có thể bị bãi miễn bất cứ lúc nào khi người đó không còn đủ uy tín, không được cộng đồng ủng hộ.

Xã hội ngày càng phát triển trên cơ sở kinh tế phát triển ở mức cao hơn đã làm nổ tung sự “đóng kín” của một thị tộc. Các thị tộc phải có quan hệ với nhau – đó là nguyên nhân xuất hiện các bào tộc và bộ lạc. Bào tộc là liên minh của nhiều thị tộc. Tổ chức bào tộc không khác gì tổ chức thị tộc. Nhưng ở mức độ nhất định nào đó, quyền lực của bào tộc tập trung cao hơn. Hội đồng bào tộc bao gồm các tù trưởng – thủ lĩnh của thị tộc (chứ không phải tất cả các thành viên của bào tộc) đứng ra tổ chức các hội nghị cộng đồng bào tộc nhằm quyết định các công việc chung. Tuy nhiên, cũng có trường hợp chỉ do hội đồng bào tộc quyết định.



Bộ lạc bao gồm nhiều bào tộc. Tổ chức bộ lạc cũng dựa trên cơ sở tổ chức của bào tộc, thị tộc. Nhưng quyền lực của hội đồng bộ lạc được tập trung cao hơn ở mức độ nhất định, tuy nhiên quyền lực đó vẫn là quyền lực xã hội.

Tóm lại, công xã nguyên thủy là tổ chức đầu tiên của xã hội loài người, mọi người đều bình đẳng trong lao động sản xuất, trong phân phối sản phẩm và mọi người đều có trách nhiệm cá nhân trước cộng đồng trên tất cả các lĩnh vực của cuộc sống. Mặc dù công xã đã có quyền lực nhưng đó là quyền lực xã hội. Quyền lực đó được tổ chức, thực hiện mang tính ý chí của cộng đồng – một quyền lực dân chủ, như Ăngghen đã nói: "Một chế độ xã hội ở đó không có quân đội, hiến binh và cảnh sát, không có quý tộc, vua chúa, tổng đốc, trưởng quan và quan tòa, không có nhà tù, không có một vụ xử án – thế mà mọi việc đều trôi chảy. Mọi sự xích mích và mọi tranh chấp đều được giải quyết bởi tập thể những người có liên quan – tức là thị tộc hoặc bộ lạc, hoặc giữa các thị tộc với nhau"¹.

Tổ chức thị tộc tan rã và sự xuất hiện nhà nước

Sau khi con người đã thuần dưỡng được những động vật hoang dã thì nguồn cung cấp thịt và sữa cho con người ngày càng nhiều hơn. Một số bộ lạc đã lấy việc chăn nuôi và trông coi gia súc làm ngành lao động chính. Những bộ lạc du mục đã tách khỏi số dân cư chậm tiến còn lại. Đó là sự phân công xã hội lớn đầu tiên. Những bộ lạc du mục không chỉ sản xuất ra nhiều loại thức ăn với số lượng ngày càng nhiều hơn như thịt, sữa, mà còn cung cấp một khối lượng lớn da thú, len lông dê – nguyên liệu để dệt sợi. Sản phẩm do lao động tạo ra ngày càng nhiều nên đã xuất hiện sự trao đổi. Lúc đầu việc trao đổi được thông qua từ trưởng của mỗi thị tộc. Gia súc được coi là hàng hóa đóng vai trò trung gian trong trao đổi (đóng vai trò tiền tệ). Nghề chăn nuôi và trồng trọt phát triển. Trong công nghiệp, người ta đã chế tạo ra khung dệt, nấu quặng và chế tạo kim loại, sản xuất đều tăng lên trong tất cả các ngành: chăn

¹ Mác – Ăngghen (1984), *Tuyển tập*, tập VI, NXB. Sự thật, Hà Nội, tr. 151.



**THƯ VIỆN
HÚT**

nuôi gia súc, nông nghiệp, thủ công nghiệp. Của cải do sức lao động của con người tạo ra không chỉ đủ ăn mà phần nào đã có dư thừa. Sản xuất ngày càng phát triển, nhu cầu về sức lao động ngày càng tăng. Sự tác động của phân công lao động xã hội lớn đầu tiên đã dẫn đến sự gia tăng của cải. Những đàn gia súc thuộc sở hữu công cộng (thuộc bộ lạc và thị tộc) đã chuyển sang sở hữu của các chủ gia đình cá thể. Tư hữu xuất hiện làm thay đổi chế độ hôn nhân và thay đổi địa vị của người chồng trong gia đình. Người chồng trước đây là người “chăn nuôi có tính nết nhu mì hơn thì lại cậy mình có của mà tiến lên hàng thứ nhất”.¹ Giờ đây, người chồng có vai trò tuyệt đối và có quyền lực vô hạn trong gia đình. Xã hội ngày càng phát triển ở một bước cao hơn. Cơ sở cho sự phát triển đó là sự phát triển mạnh của ngành chăn nuôi, trồng trọt và thủ công nghiệp. Việc phát hiện ra sắt và chế tác sắt thành cây kiếm, lưỡi cày, dùi sắt... đã cho phép con người trồng trọt trên những diện tích rộng lớn hơn. Sắt đem lại cho thợ thủ công các công cụ đa dạng. Các nghề như dệt, chế tạo kim loại và những nghề thủ công khác được chuyên môn hóa đã làm cho sản phẩm của chúng ngày càng phong phú hơn. Lúc này, ngoài ngũ cốc, đỗ và hoa quả thì nông nghiệp còn cung cấp dầu thực vật và rượu vang... Hoạt động nhiều mặt này không thể do một cá nhân tiến hành mà phải có sự phân công. Đó chính là *sự phân công lao động lớn lần thứ hai*: Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp. Sự phân công lao động lớn này đã làm cho của cải và năng suất lao động không ngừng tăng lên. Cùng với sự tăng lên của cải, người ta hết sức coi trọng sức lao động của con người. Do vậy, ở thời điểm này, nô lệ đã được coi là bộ phận cấu thành chủ yếu của xã hội, chứ không phải là kẻ phụ giúp đơn thuần như ở giai đoạn trước. “Nô lệ đã bị đẩy đi làm việc ở ngoài đồng ruộng và trong xưởng thợ, thành từng đoàn mươi mười hai người một”.²

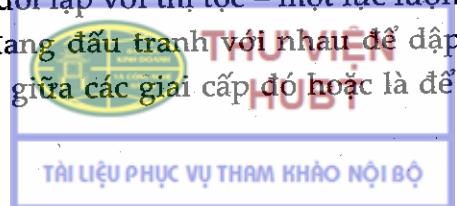
¹ Mác – Ăngghen (1984), *Tuyển tập*, tập VI, NXB. Sư thuật, Hà Nội, tr. 148.

² Mác – Ăngghen (1984), *Tuyển tập*, tập VI, NXB. Sư thuật, Hà Nội, tr. 250.

Nền sản xuất tách ra làm hai ngành chính là nông nghiệp và thủ công nghiệp. Đó là nguyên nhân xuất hiện sự trao đổi và sản xuất hàng hóa, đồng thời thương nghiệp cũng xuất hiện và phát triển. Điều này lại đưa đến *phân công lao động lần thứ ba* – một sự phân công có ý nghĩa quyết định: Sự phân công này nảy sinh một giai cấp không còn tham gia sản xuất nữa mà chỉ làm công việc trao đổi sản phẩm – đó là thương nhân.

Cho đến trước khi xuất hiện sự phân công lao động lần thứ ba này, tất cả các nguyên nhân của sự hình thành giai cấp đều chỉ gắn liền với sản xuất, tức là phân chia những người tham gia sản xuất thành những người điều khiển và những người thừa hành, hay còn phân chia họ thành những người sản xuất đại quy mô hoặc tiểu quy mô. Nhưng ở lần phân công lao động thứ ba này, “*lần đầu tiên xuất hiện một giai cấp tuy không tham gia sản xuất một tí nào, nhưng lại chiếm toàn quyền lãnh đạo sản xuất và bắt những người sản xuất phụ thuộc vào mình về mặt kinh tế và bóc lột cả hai*”.

Thương nhân xuất hiện, thương mại bành trướng thì tiền bằng kim khí xuất hiện. Tiền kim khí – hàng hóa của các hàng hóa được phát hiện thì nạn cho vay nặng lãi, tư hữu rộng đất, chế độ cầm cố, sự tích tụ và tập trung của cải vào tay một giai cấp số ít người giàu có diễn ra rất nhanh chóng. Song song với nó là sự gia tăng quá trình bần cùng hóa những người nghèo khổ. Sự áp bức bóc lột của chủ nô đối với nô lệ ngày càng nặng nề. Tất cả các yếu tố nói trên đã làm đảo lộn đời sống của thị tộc. Những cộng đồng truyền thống không còn đứng vững được nữa bởi các nhu cầu và lợi ích của tầng lớp mới đã đối lập với thị tộc. Những xung đột về lợi ích giữa kẻ giàu, người nghèo, chủ nợ, con nợ diễn ra hết sức gay gắt trong tổ chức thị tộc. Do vậy, nó đòi hỏi phải có những tổ chức mới hình thành bên cạnh, bên ngoài thị tộc, đối lập với thị tộc – một lực lượng thứ ba đứng trên các giai cấp đang đấu tranh với nhau để dập tắt các cuộc xung đột công khai giữa các giai cấp đó hoặc là để cuộc đấu tranh đó



diễn ra trong lĩnh vực kinh tế, dưới hình thức gọi là hợp pháp. Tổ chức thị tộc đã không còn tồn tại nữa. Nó đã phân chia xã hội thành giai cấp phá tan thị tộc. Nhà nước đã xuất hiện.

Như vậy, nhà nước là sản phẩm của xã hội đã phát triển đến một trình độ nhất định, khi xuất hiện tư hữu, xuất hiện giai cấp và các giai cấp đó có quyền lợi kinh tế mâu thuẫn với nhau thì cần có một lực lượng tựa hồ như trên xã hội, có nhiệm vụ làm dịu bớt sự xung đột và giữ cho sự xung đột đó nằm trong vòng "trật tự" và lực lượng đó này sinh từ xã hội, đứng trên xã hội và ngày càng xa rời xã hội.¹

1.1.1.2. Khái niệm nhà nước

Từ nguồn gốc trên đây, có thể thấy: Nhà nước về thực chất là một thiết chế quyền lực chính trị, là cơ quan thống trị giai cấp của một hoặc một nhóm giai cấp này đối với một hoặc toàn bộ các giai cấp khác, đồng thời còn để duy trì và phát triển xã hội thông qua việc cung cấp các dịch vụ công mà nhà nước đó quản lý trước lịch sử và trước các nhà nước khác.

1.1.1.3. Bản chất, chức năng của nhà nước

Bản chất

Trong tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và của nhà nước*, Ăngghen đã nói về nguyên nhân xuất hiện và bản chất của nhà nước. Nhà nước này sinh từ nhu cầu phải kiểm chế sự đối lập giai cấp, đồng thời nhà nước cũng này sinh ra từ cuộc xung đột của giai cấp đó. Nên theo lẽ thường, nhà nước là nhà nước của giai cấp thống trị về mặt chính trị và do đó có thêm phương tiện mới để đàn áp và bóc lột giai cấp bị áp bức. Lê nin, người kế tục và phát triển các quan điểm của Mác về vấn đề nhà nước đã kết luận: "Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được"².

¹ Mác – Ăngghen (1984), *Tuyển tập*, tập VI, NXB. Sư thuật, Hà Nội, tr. 254.

² Lê nin (1976), *Toàn tập*, tập 33, NXB. Tiến bộ, Matxcova, tr. 9.

Như vậy, nhà nước có hai thuộc tính là giai cấp và xã hội, thể hiện bản chất giai cấp sâu sắc. Nhà nước là bộ máy cưỡng chế đặc biệt nằm trong tay giai cấp cầm quyền, là công cụ để duy trì sự thống trị của giai cấp. Trong xã hội có giai cấp, “nhà nước theo đúng nghĩa của nó là bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác”¹.

Sự trấn áp đặc biệt đó được thể hiện ở ba loại quyền lực: Quyền lực chính trị, quyền lực kinh tế và quyền lực tư tưởng. Quyền lực chính trị, thực chất là bạo lực có tổ chức của giai cấp để đàn áp các giai cấp khác, như Mác và Ăngghen đã nói, nhà nước là một bộ máy bạo lực của giai cấp thống trị, do đó nhà nước là tổ chức quyền lực chính trị đặc biệt. Thông qua nhà nước, giai cấp thống trị thực hiện ý chí của giai cấp mình một cách tập trung thống nhất, có trật tự trong những luật lệ do nhà nước của giai cấp thống trị đặt ra. Trong các xã hội có giai cấp, có bóc lột đều có đặc điểm chung là duy trì sự thống trị về chính trị, kinh tế, tư tưởng của một nhóm người bóc lột để đàn áp quần chúng lao động – một lực lượng đồng đảo cư dân trong xã hội. Trong ba quyền lực đó, quyền lực kinh tế giữ vai trò quyết định vì nó là cơ sở, nền tảng, sức mạnh bảo đảm cho sự thống trị của giai cấp. Nó bắt những người bị bóc lột phụ thuộc về kinh tế và theo đó lệ thuộc vào chính trị. Song quyền lực chính trị là hết sức quan trọng. Nhà nước là công cụ cơ bản của quyền lực chính trị, thống trị kinh tế và thực hiện sự tác động về tư tưởng đối với quần chúng. Nhà nước có một bộ máy đặc biệt để cưỡng chế và thực hiện chức năng quản lý.

Chức năng

Bản chất và vai trò xã hội của nhà nước được thể hiện đầy đủ trong các chức năng của nhà nước. Mỗi chức năng đều hướng vào việc tác động đến các đối tượng nhất định. Giữa các chức năng không có sự tách biệt mà có quan hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau. Các chức năng của nhà nước đều quy tụ về một mục đích

¹ Lenin (1976), *Toàn tập*, tập 33, NXB. Tiên bộ, Matxcova, tr. 110.

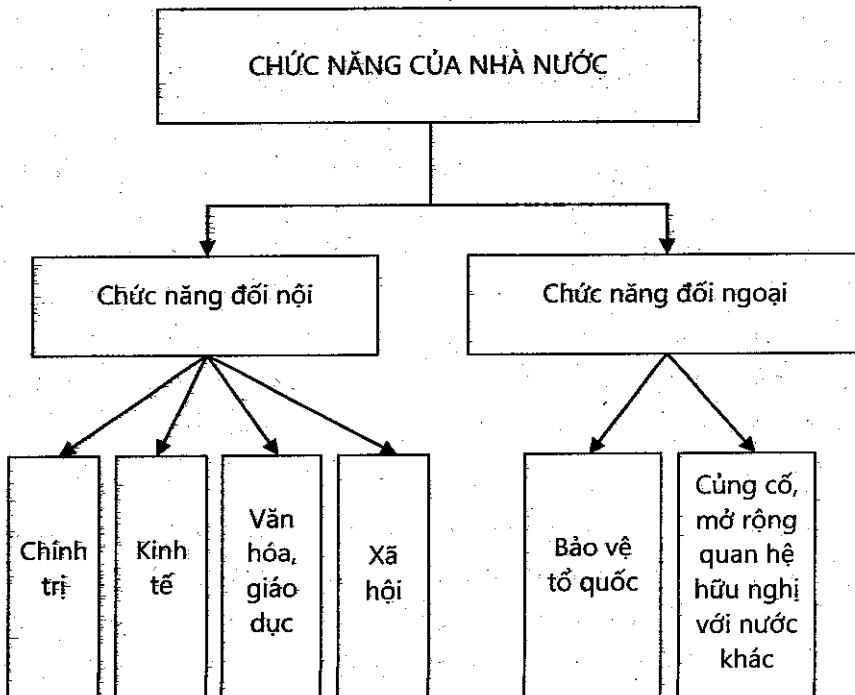


chung là thực hiện tốt nhiệm vụ cơ bản của nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Bất kể nhà nước nào cũng thực hiện các chức năng của mình bằng các hình thức pháp lý cơ bản: Hoạt động lập pháp, chấp hành pháp luật và bảo vệ pháp luật. Phương pháp để thực hiện các chức năng đó của nhà nước là có sự kết hợp giữa thuyết phục và cưỡng chế.

Chức năng của nhà nước tồn tại là quy luật khách quan phản ánh bản chất của nhà nước.

Chức năng của nhà nước thường được phân ra làm hai nhóm cơ bản: Đối nội và đối ngoại. Hai nhóm này được thích ứng với chế độ chính trị – xã hội của mỗi loại hình nhà nước nhất định, được thể hiện rõ nét trong từng giai đoạn phát triển lịch sử cụ thể của mỗi nhà nước.



Hình 1.1: Chức năng của nhà nước
THƯ VIỆN
HUBT

- *Chức năng nội*

Chức năng chính trị

Bất kỳ nhà nước nào cũng đều coi trọng chức năng chính trị và đặt nó ở vị trí chủ yếu nhất. Chức năng chính trị phản ánh rõ nét bản chất giai cấp của nhà nước. Nó phản ánh mục đích, phương hướng hoạt động của nhà nước trong từng thời kỳ nhất định. Với ý nghĩa đó, có thể nói chức năng chính trị là chức năng thống trị giai cấp.

Chức năng chính trị có nội dung khá rộng và phức tạp. Song ở đây, chúng ta chỉ nghiên cứu hai vấn đề lớn: Bảo đảm ổn định chính trị, an ninh, an toàn xã hội và bảo vệ tự do, quyền và lợi ích của công dân. Chức năng này là chức năng đầu tiên của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

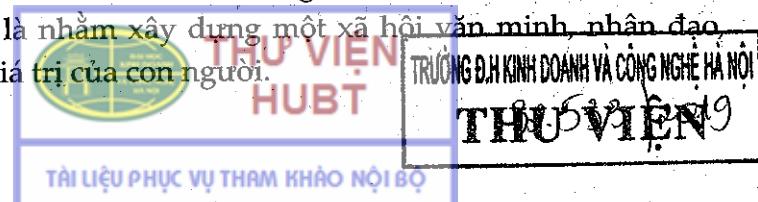
Chức năng kinh tế

Chức năng kinh tế là chức năng quan trọng nhất và cơ bản của nhà nước. Chức năng kinh tế được thể hiện ở việc tổ chức quản lý phát triển nền kinh tế theo định hướng chính trị của nhà nước. Nhà nước có nhiệm vụ quản lý kinh tế vĩ mô thông qua các công cụ, đường lối chiến lược; các chính sách, phương pháp; tạo điều kiện, môi trường lành mạnh cho các chủ thể, thành phần kinh tế phát triển; thực hiện thanh tra, kiểm soát theo định hướng của nhà nước.

Chức năng văn hóa, giáo dục

Văn hóa, giáo dục là nhu cầu không thể thiếu của đời sống con người. Do vậy, thực hiện chức năng văn hóa, giáo dục là một đòi hỏi khách quan của sự phát triển xã hội. Chức năng này làm cho con người có được cuộc sống không ngừng tăng lên trong sự hướng thụ văn hóa tinh thần. Chất lượng của cuộc sống con người không dừng lại ở việc thỏa mãn các điều kiện vật chất, mà còn phải được thỏa mãn về văn hóa, giáo dục.

Đối với nhà nước xã hội chủ nghĩa, thực hiện chức năng văn hóa, giáo dục là nhằm xây dựng một xã hội văn minh, nhân đạo, nâng cao các giá trị của con người.



Chức năng xã hội

Chức năng xã hội có nội dung khá phong phú. Nói xã hội thực chất là nói đến con người. Đây là chức năng nhà nước về vấn đề con người. Chức năng xã hội được cụ thể ở các chính sách chăm lo con người của nhà nước.

Mỗi nhà nước khác nhau có chức năng xã hội khác nhau. Đối với các nước xã hội chủ nghĩa, vấn đề con người được nhà nước hết sức coi trọng, quyền con người và quyền dân chủ của công dân được coi là nguyên tắc cơ bản trong hoạt động nhà nước. Hay các vấn đề kế hoạch hóa dân số, việc làm, thu nhập, an sinh và công bằng xã hội..., và đặc biệt là chính sách người có công, người nghèo và những người gặp rủi ro trong cuộc sống được nhà nước hết sức quan tâm giải quyết.

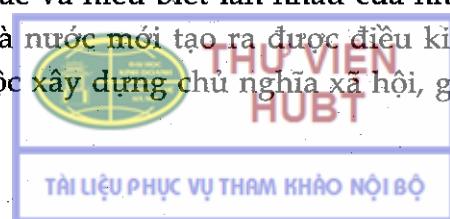
- *Chức năng đối ngoại*

Chức năng bảo vệ tổ quốc

Bảo vệ tổ quốc là chức năng quan trọng của bất kỳ quốc gia nào có chủ quyền. Nhà nước thực hiện chức năng này nhằm giữ gìn từng tấc đất của tổ quốc, bảo vệ độc lập dân tộc. Đối với những quốc gia luôn ở trong tình trạng bị đe dọa, bị thôn tính thì chức năng này được nhà nước đặc biệt coi trọng. Đối với các nhà nước xã hội chủ nghĩa, thực hiện chức năng này không chỉ là bảo vệ độc lập dân tộc mà còn bảo vệ chế độ xã hội, bảo vệ sự ổn định cho đất nước, cho khu vực và thế giới.

Chức năng củng cố, mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác với nhân dân các nước

Đây là chức năng quan trọng và cơ bản của nhà nước trong hoạt động đối ngoại. Song ở mỗi nhà nước khác nhau thì việc thực hiện chức năng này có mục đích khác nhau. Ở các nước xã hội chủ nghĩa, thực hiện chức năng này nhằm mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác và hiểu biết lẫn nhau của nhân dân các nước. Có như vậy, nhà nước mới tạo ra được điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, góp phần tích cực



vào sự nghiệp hòa bình độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

1.1.2. Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

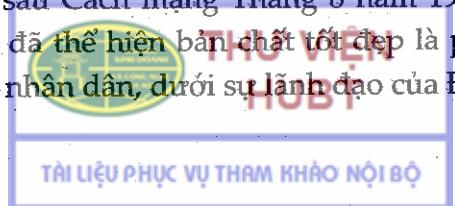
1.1.2.1. Bản chất

Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa (CHXHCN) Việt Nam là nhà nước của dân do dân vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân đạo và tính dân tộc sâu sắc. Bản chất Nhà nước Việt Nam như Điều 2 Hiến pháp 1992 khẳng định: "Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức."

Với bản chất đó, Nhà nước đã phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa; mọi hoạt động quản lý, điều hành đều dựa trên nguyên tắc và phương pháp dân chủ. Tuy nhiên, trong thực thi quyền lực, trong quan hệ với dân có những trường hợp chưa thực hiện được điều đó, chẳng hạn như tình trạng mất dân chủ ở cấp cơ sở, phân tán cục bộ, kỷ luật lỏng lẻo, phép nước không nghiêm, kỷ cương xã hội bị buông lỏng... Những hiện tượng đó đều trái với bản chất Nhà nước trong chế độ mới (Văn kiện Hội nghị Trung ương 3, Khóa VIII, trang 3). Để thực hiện nhà nước là của dân, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, cần thực hiện tốt phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" để nhân dân phát huy hơn nữa vai trò làm chủ của mình trong quản lý nhà nước và xã hội. Và điều đó thể hiện bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

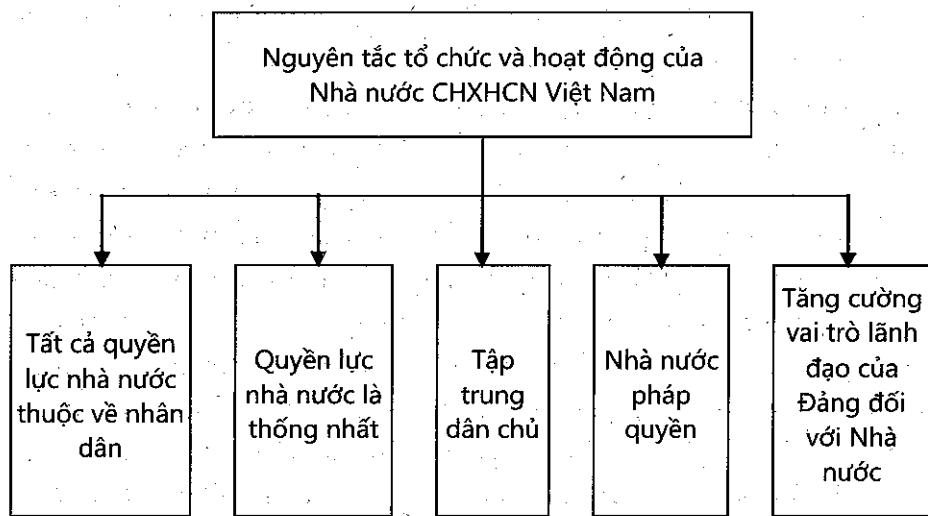
1.1.2.2. Các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Nhà nước CHXHCN Việt Nam

Ra đời từ sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945, từ những ngày đầu Nhà nước đã thể hiện bản chất tối đEEP là phục vụ lợi ích của dân tộc, lợi ích nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt



Nam. Qua quá trình phát triển, Nhà nước không ngừng lớn mạnh, làm tròn nhiệm vụ của mình, xứng đáng là công cụ đắc lực của nhân dân trong quá trình đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng cuộc sống và xã hội mới.

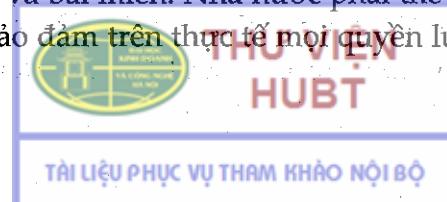
Trong những năm đổi mới, tổ chức và hoạt động của Nhà nước có nhiều tiến bộ trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp. Quản lý nhà nước bằng pháp luật được tăng cường, dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy trên nhiều lĩnh vực, trước hết là phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị, xã hội. Những tiến bộ nói trên là do Nhà nước nắm vững và thực hiện tốt các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước.



Hình 1.2: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động
của Nhà nước CHXHCN Việt Nam

Một là, nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Đây là nguyên tắc quan trọng nhất trong tổ chức và hoạt động quản lý của Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Nhà nước do dân bầu ra, dân giám sát và bãi miễn. Nhà nước phải thể hiện ý chí nguyện vọng của dân, bảo đảm trên thực tế mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.



Chủ thể quyền lực nhà nước là nhân dân, nhưng quyền lực đó không nằm trong tay từng cá nhân riêng lẻ hoặc trong tay một nhóm người cụ thể nào. Quyền lực đó nằm trong tay nhân dân được tổ chức lại thành nhà nước. Nhà nước thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực. Quyền làm chủ đó được thể chế hóa bằng pháp luật, được hoàn thiện và nâng cao trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội, mở mang dân trí. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân và nghiêm trị những kẻ xâm phạm lợi ích nhân dân, vi phạm an ninh Tổ quốc.

Để nguyên tắc “Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân” được thực hiện trong đời sống, điều quan trọng hàng đầu là nâng cao chất lượng chế độ dân chủ đại diện, từng bước thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp một cách thiết thực, đúng hướng và có hiệu quả.

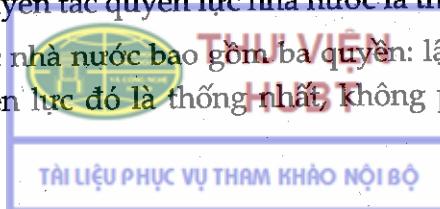
Để đạt được điều đó, Nhà nước cần:

- Thực sự dân chủ trong việc bầu cử các cơ quan dân cử, bảo đảm cử tri tiếp xúc, đối thoại với ứng cử viên có đủ thông tin để trao đổi, nhận xét, lựa chọn và bầu đại biểu của mình.
- Đại biểu của nhân dân là những người có đức, có tài, thường xuyên liên hệ với nhân dân, luôn nắm chắc thực tiễn, nắm chắc tâm tư nguyện vọng, yêu cầu của dân. Các đại biểu cần định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của dân, nếu không được tín nhiệm thì cử tri thực hiện quyền bãi miễn.

- Có các hình thức để nhân dân theo dõi trực tiếp qua các phương tiện thông tin đại chúng, các kỳ họp của cơ quan dân cử. Cải tiến cách thức để nhân dân tham gia thảo luận góp ý kiến vào các dự án luật của Nhà nước một cách thiết thực và có hiệu quả.

Hai là, nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất.

Quyền lực nhà nước bao gồm ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp. Quyền lực đó là thống nhất, không phân chia. Sự thống



nhất quyền lực nhà nước được thể hiện tập trung ở vai trò của Quốc hội.

Quốc hội là cơ quan đại diện của nhân dân và là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, có quyền xem xét, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp và giám sát toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước. Các cơ quan khác của Nhà nước như Chính phủ, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao đều do Quốc hội lập ra. Tổ chức hoạt động của các cơ quan đó phải nghiêm túc chấp hành các quyết định và chịu sự kiểm tra, giám sát của Quốc hội.

Quyền lực nhà nước là thống nhất, song trong hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước có sự phân công trách nhiệm rõ ràng để thực hiện ba quyền của quyền lực nhà nước. Quốc hội là cơ quan lập pháp, Chính phủ là cơ quan hành pháp, Tòa án và Viện kiểm soát là cơ quan tư pháp. Mặc dù mỗi cơ quan được xác định rõ chức năng, quyền hạn khác nhau nhưng các cơ quan đó có sự phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc thực hiện quyền lực nhà nước.

Với nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất đã phản ánh đầy đủ bản chất Nhà nước CHXHCN Việt Nam, là nơi tập trung ý chí nguyện vọng của nhân dân, phản ánh quyền làm chủ của nhân dân trong tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước.

Ba là, nguyên tắc tập trung dân chủ.

Tập trung dân chủ được kết hợp một cách đúng đắn, chặt chẽ là yếu tố quyết định sức mạnh và hiệu lực của bộ máy nhà nước.

Nguyên tắc này được thể hiện đầy đủ trong việc xây dựng pháp luật, trong quy chế tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, được quy định cụ thể, sát hợp với tính chất, chức năng của từng tổ chức, từng lĩnh vực hoạt động và được chấp hành một cách nghiêm túc.

Nguyên tắc tập trung dân chủ là sự phản ánh bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước, là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước.

Tập trung được thể hiện ở việc tăng cường sự lãnh đạo và điều hành tập trung thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy trách nhiệm, nghĩa vụ của các địa phương. Còn dân chủ được thể chế hóa bằng pháp luật, dân chủ trong khuôn khổ pháp luật.

Nguyên tắc tập trung dân chủ là một thể thống nhất, không tách rời nhau, không đối lập nhau, song có sự phân định rõ ràng thẩm quyền và trách nhiệm của mỗi cấp chính quyền: Tập trung vào Trung ương quyền quyết định những vấn đề vĩ mô, đồng thời phân cấp quản lý để pháp huy tính chủ động và tinh thần trách nhiệm của chính quyền địa phương.

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ cần khắc phục các khuynh hướng lệch lạc như phân tán cục bộ và tập trung quan liêu.

Bốn là, nguyên tắc nhà nước pháp quyền.

Nguyên tắc nhà nước pháp quyền hiện nay có nghĩa là Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, theo pháp luật. Pháp luật là cơ sở chủ yếu để điều chỉnh các quan hệ cơ bản trong xã hội.

- Mọi hoạt động của công dân, tổ chức nhà nước, đoàn thể xã hội đều phải tuân theo pháp luật. Bất kỳ ai, tổ chức nào vi phạm pháp luật đều phải xử lý một cách nghiêm minh, bình đẳng trước pháp luật.

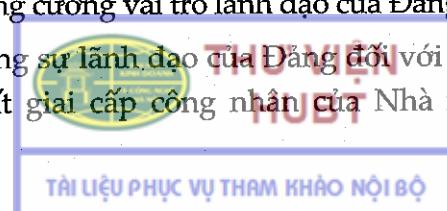
- Tổ chức và hoạt động của Nhà nước được pháp luật quy định và có những chế tài bảo đảm cho các quy định đó được thực hiện trong cuộc sống.

- Giáo dục pháp luật toàn dân, trước hết là trong các cơ quan nhà nước cần nắm vững và hiểu rõ pháp luật, làm theo pháp luật.

Nguyên tắc nhà nước pháp quyền không cho phép bất kỳ ai có tư tưởng coi thường pháp luật, làm trái pháp luật, đặc biệt là người hoạt động trong cơ quan nhà nước – thực hiện quyền lực nhà nước, những người thực thi pháp luật.

Năm là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nhằm giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước, đảm bảo mọi



quyền lực của Nhà nước thuộc về nhân dân, đưa công cuộc đổi mới đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước được gắn liền và dựa trên cơ sở đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng. Làm như vậy là nhằm đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có hiệu quả và đạt chất lượng cao hơn.

Đảng lãnh đạo định ra đường lối, chính sách, các chủ trương cụ thể quan trọng, có quan hệ nhiều mặt, có ảnh hưởng chính trị rộng. Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và tổ chức, quản lý, điều hành việc thực hiện, Đảng kiểm tra việc chấp hành đường lối, chủ trương chính sách, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn kịp thời những lệch lạc, coi trọng việc bố trí cán bộ, chỉ đạo sự phối hợp giữa các tổ chức, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo Nhà nước, nhưng Đảng và mọi đảng viên đều phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng lãnh đạo thông qua đảng bộ, đảng ủy, đảng đoàn, ban cán sự, qua đảng viên hoạt động ở các cơ quan nhà nước. Tổ chức Đảng và đảng viên hoạt động ở các cơ quan đó phải nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

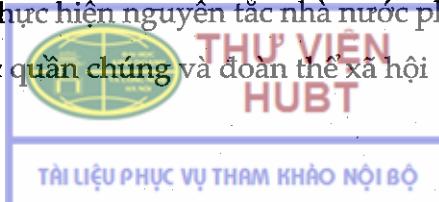
1.1.2.3. Hệ thống chính trị, cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam

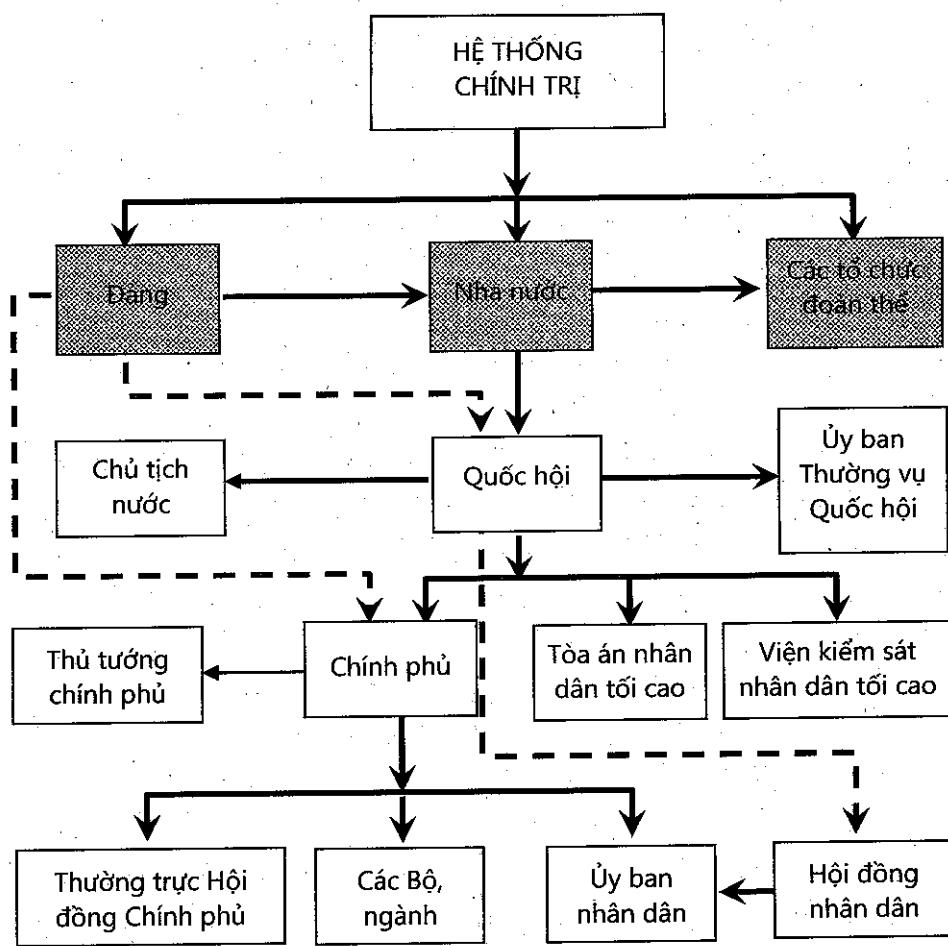
Hệ thống chính trị nhà nước bao gồm:

- Đảng Cộng sản Việt Nam: Lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội

- Nhà nước: Trung tâm của hệ thống chính trị, quản lý xã hội bằng pháp luật, thực hiện nguyên tắc nhà nước pháp quyền

- Các tổ chức quần chúng và đoàn thể xã hội





Chú thích:



Các bộ phận của hệ thống chính trị



Quan hệ trực tiếp, cấu trúc



Các bộ phận của cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước



Quan hệ gián tiếp, chức năng

Hình 1.3: Hệ thống chính trị và cơ cấu tổ chức bộ máy
Nhà nước CHXHCN Việt Nam

Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước bao gồm:

- Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội
- Chủ tịch nước
- Chính phủ
- Tòa án Nhân dân và Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao
- Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân tối cao.

Các đơn vị hành chính nhà nước:

- Nước ta được chia thành các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chia thành huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh

- Huyện, quận được chia thành xã, phường, thị trấn

Tương ứng với các đơn vị hành chính có các cấp chính quyền nhà nước:

- Cấp Trung ương
- Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- Cấp huyện, quận, thị xã
- Cấp xã, phường, thị trấn

Hiện nay ở cấp xã, phường chia ra thành thôn, bản, tổ dân phố để thuận tiện cho công tác quản lý. Tuy nhiên, các đơn vị đó không phải là một cấp chính quyền.

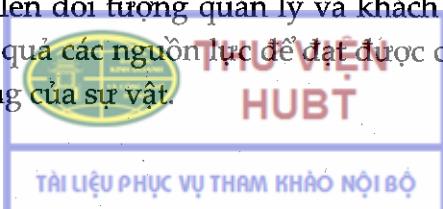
1.2. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ THỂ CHẾ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

1.2.1. Quản lý nhà nước

1.2.1.1. Khái niệm, đặc trưng của quản lý nhà nước

Khái niệm quản lý

Quản lý nói chung là sự tác động có tổ chức, có mục đích của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý và khách thể quản lý nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đạt được các mục tiêu đặt ra trong sự vận động của sự vật.



Đối tượng quản lý, khách thể quản lý chủ yếu là quản lý con người, ngoài ra còn quản lý các khách thể khác như tài nguyên, cơ sở vật chất kỹ thuật... Chủ thể quản lý có thể là một người, một tổ chức, một bộ máy...

Quản lý là sự kết hợp giữa trí tuệ và lao động, bởi vì ba nhân tố có tính chất quyết định sự thành bại, phát triển của một công việc, một chế độ xã hội là trí lực, sức lao động và quản lý, trong đó quản lý là sự phối, kết hợp giữa sức lao động và trí thức. Nếu phối hợp tốt thì xã hội, nền kinh tế sẽ phát triển, ngược lại thì sẽ trì trệ, rối ren. Vì thế, nói đến quản lý là phải nói đến một cơ chế vận hành, tức là cơ chế quản lý (như chế độ, chính sách, biện pháp tổ chức, tâm lý xã hội...).

Vì vậy, chủ thể quản lý phải có khoa học và nghệ thuật trong việc tác động vào đối tượng bị quản lý (con người trong xã hội) và các khách thể quản lý khác như tài nguyên, môi trường, khoa học công nghệ... hoạt động hướng đích của chủ thể quản lý với hiệu quả cao nhất.

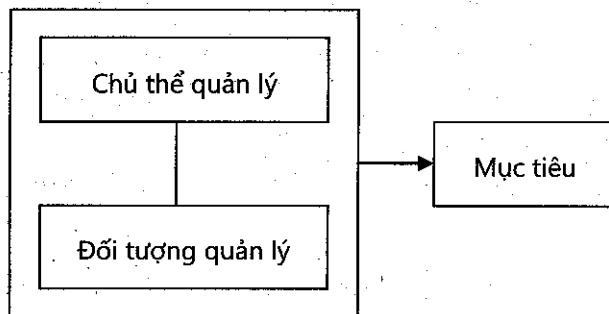
Quản lý này sinh chủ yếu từ tính xã hội hóa lao động sản xuất và hoạt động lao động nói chung của con người. Quản lý sinh ra từ tính chất biến đổi của lao động do tác động của sự phát triển lực lượng sản xuất. Các Mác đã viết: "Bất kỳ một lao động xã hội hay cộng đồng nào được tiến hành trên quy mô tương đối lớn cũng đều cần có sự quản lý, nó xác lập mối quan hệ hài hòa giữa các công việc riêng rẽ và thực hiện những chức năng chung nhất, xuất phát từ sự vận động của toàn bộ cơ cấu sản xuất (khác với sự vận động của từng bộ phận độc lập trong nền sản xuất ấy). Một nghệ sĩ chơi đàn chỉ phải điều khiển có chính mình, nhưng một dàn nhạc thì cần phải có nhạc trưởng"¹.

¹ Mác – Ăngghen (1983), *Toàn tập*, tập 23, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 480.



Quản lý là sự tác động có ý thức để chỉ huy, điều khiển, hướng dẫn các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người để đạt tới mục đích đúng ý chí của người quản lý và phù hợp với quy luật khách quan.

Quản lý vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật, quản lý là một tất yếu khách quan của quá trình xã hội hóa sản xuất.



Hình 1.4: Sơ đồ quản lý

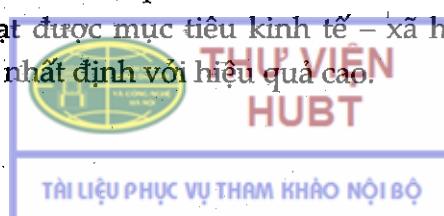
Khái niệm quản lý nhà nước

Trong quá trình tồn tại và phát triển của xã hội loài người, quản lý xuất hiện như một tất yếu khách quan. Có thể có nhiều dạng quản lý, nhiều chủ thể quản lý khác nhau trong sự vận động và phát triển của xã hội. Trong chương này chỉ đi sâu vào một dạng quản lý rất cơ bản đặc thù, đó là quản lý nhà nước.

Có thể định nghĩa quản lý nhà nước như sau:

Quản lý nhà nước là một dạng quản lý do nhà nước làm chủ thể, định hướng điều hành, chỉ phôi... để đạt được mục tiêu kinh tế – xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định.

Quản lý nhà nước là sự quản lý xã hội bằng quyền lực nhà nước, ý chí nhà nước, thông qua bộ máy nhà nước làm thành hệ thống tổ chức điều khiển quan hệ xã hội và hành vi hoạt động của con người để đạt được mục tiêu kinh tế – xã hội nhất định, theo những thời gian nhất định với hiệu quả cao.



Đặc trưng quản lý nhà nước

Một là, quản lý nhà nước là một tất yếu khách quan. Bởi vì trong quá trình phát triển của xã hội loài người, tất yếu này sinh những tầng lớp, giai cấp, những lợi ích kinh tế, chính trị, xã hội, đặc biệt là lợi ích kinh tế giữa các cá nhân, cộng đồng và toàn xã hội thường có tính mâu thuẫn trái ngược và phủ định lẫn nhau, làm thiệt cho người này nhưng làm lợi cho người khác, cộng đồng, sắc tộc khác... Do vậy, tất yếu phải có nhà nước đứng trên xã hội, đứng ngoài quan hệ gia đình, xã hội công dân để điều tiết, điều chỉnh, dung hòa các lợi ích. Đó chính là đặc trưng của quản lý nhà nước. Đặc trưng này chỉ có ở quản lý nhà nước. Còn các dạng thức khác của quản lý chỉ giới hạn trong một tổ chức nhất định.

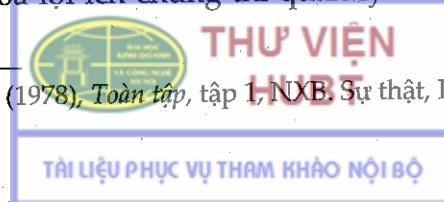
Hai là, quản lý nhà nước là dạng quản lý mang tính cưỡng chế, mệnh lệnh. Chủ thể quản lý buộc đối tượng, khách thể quản lý phải chấp hành, đặc biệt là quản lý theo pháp luật: "Không cho phép bất cứ ai dựa vào quyền thế để làm trái pháp luật" và đòi hỏi cần phải nghiêm trị những kẻ phạm pháp ở bất cứ cương vị nào.

Quản lý nhà nước được thực hiện thông qua các công cụ chủ yếu như chiến lược, kế hoạch, pháp luật, các công cụ và chính sách kinh tế.

Ba là, quản lý nhà nước là dạng quản lý mang tính chính trị rõ nét. Trước hết phải hiểu nhà nước là một cơ thể chính trị, "Chế độ chính trị là cơ thể của nhà nước, hay cơ thể của nhà nước là chế độ chính trị. Coi nhà nước chính trị là một cơ thể, coi việc phân chia quyền lực không phải là phân chia mây mỏc mà là sự phân chia có sức sống và hợp lý"¹.

Ngoài tính cộng đồng tất yếu giữ trật tự chung, quản lý nhà nước nằm ngoài quan hệ gia đình, quan hệ cộng đồng, công dân xã hội. Để điều hòa lợi ích chung thì quản lý nhà nước chính là thực

¹ Mác – Ăngghen (1978), *Toàn tập*, tập 1, NXB. Sự thật, Hà Nội, tr. 303.



hiện ý đồ của giai cấp thống trị với giai cấp bị trị. Nhưng người cai trị và người bị trị đều cần đến yếu tố chính trị là nhà nước và quản lý nhà nước. Quản lý nhà nước làm cho luật pháp và lợi ích phục tùng, lệ thuộc vào nhà nước. “Ý chí của nhà nước và luật pháp của nhà nước thể hiện ra là sự tất yếu đối với ý chí và luật pháp của gia đình và của toàn xã hội công dân”¹.

Tuy nhiên, nhà nước và quản lý nhà nước trong quan hệ dân chủ, quan hệ với đồng đảo nhân dân có những nấc thang tiến bộ rõ rệt: Trong chế độ quân chủ, nhân dân bị đặt vào phương thức tồn tại của họ, tức là chế độ chính trị của họ. Trong chế độ dân chủ, bản thân nhà nước là người đại diện của nhân dân, nhà nước là của nhân dân. Ngược lại, trong chế độ quân chủ thì nhân dân của nhà nước. Đặc biệt, trong dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Phương châm quản lý nhà nước, tính chính trị của quản lý nhà nước ở Việt Nam đã được khẳng định trong Hiến pháp năm 1992: Dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra.

Tóm lại, quản lý nhà nước xuất hiện là sản phẩm tự do của con người. Tự do trong điều kiện xã hội có giai cấp là tự do có tính chính trị rõ rệt.

Bốn là, quản lý nhà nước là một dạng quản lý đại diện cho xã hội, đòi hỏi phải thích ứng và sáng tạo.

Thông qua sự thích ứng và sáng tạo của quản lý nhà nước mà phát hiện ra những yếu tố phát sinh trong hiện thực vận động kinh tế – xã hội để giải quyết các mâu thuẫn đặt ra.

Quản lý nhà nước là sự năng động và sáng tạo, vừa thay mặt xã hội tập trung mọi “quyền uy” để nhận thức và điều khiển xã hội, con người, kinh tế và tự nhiên, đồng thời để cải tạo tự nhiên, kinh tế, xã hội theo ý muốn có lợi cho con người.

¹ Mác – Ăngghen (1978), *Toàn tập*, tập 1, NXB. Sư thật, Hà Nội, tr.294.



1.2.1.2. Chức năng, nguyên tắc và phương pháp quản lý nhà nước

Chức năng quản lý của nhà nước

Chức năng quản lý của nhà nước là tất yếu khách quan mà nhà nước phải thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của mình trong các giai đoạn phát triển của lịch sử.

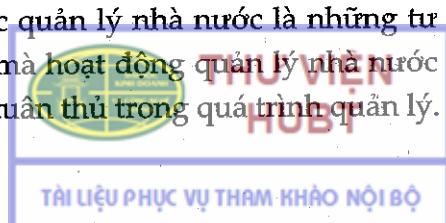
Nhà nước có các chức năng quản lý sau:

- Định hướng phát triển đất nước bằng đường lối kinh tế – chính trị nhằm chỉ rõ và dẫn dắt con đường mà đất nước phải đi tới. Ở Việt Nam, chức năng này chủ yếu do Đảng thực hiện, thông qua chủ thuyết lựa chọn con đường xây dựng và phát triển đất nước được Nhà nước cụ thể hóa bằng chiến lược kế hoạch.
- Chế định pháp luật: Xây dựng, ban hành, thực thi và bảo vệ hiến pháp, pháp luật của đất nước. Chức năng này do nhà nước thực hiện với sự giám sát của toàn xã hội.
- Hỗ trợ phát triển xã hội đúng hướng, bao gồm tạo môi trường pháp lý về kinh tế – xã hội và môi trường đối ngoại cho các hoạt động kinh tế – xã hội phát triển, khắc phục các yếu tố gây nhiễu, cản trở sự phát triển đất nước.
- Điều chỉnh kinh tế – xã hội, đảm bảo xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và quyền lợi chung của quốc gia, khắc phục các khuyết tật của xã hội.
- Bảo vệ xã hội chống lại các cản phá, trở ngại do các quốc gia khác gây ra, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; bảo tồn, phát triển truyền thống dân tộc.
- Hình thành tri thức quản lý xã hội: Học thuyết quản lý, các quan điểm, chuẩn mực, giá trị xã hội...

Các nguyên tắc quản lý của nhà nước

Khái niệm

Nguyên tắc quản lý nhà nước là những tư tưởng chỉ đạo, tiêu chuẩn hành vi mà hoạt động quản lý nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước phải tuân thủ trong quá trình quản lý.



Nguyên tắc quản lý do chủ quan của con người đặt ra nhưng phải trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của các quy luật khách quan và phải hướng tới thực hiện các mục tiêu của quản lý.

Trong quản lý nói chung cũng như quản lý nhà nước nói riêng, có nhiều nguyên tắc quản lý và giữa các nguyên tắc đều có quan hệ chặt chẽ với nhau, nằm trong một hệ thống nhất.

Các nguyên tắc cơ bản

- Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của chính đảng cầm quyền

Đảm bảo sự lãnh đạo của đảng cầm quyền là nguyên tắc trong tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước, đảm bảo cho nhà nước đi theo đúng đường lối chính trị đề ra.

Đảng cầm quyền định ra đường lối, chủ trương, chính sách cụ thể, quan trọng có quan hệ nhiều mặt, có ảnh hưởng chính trị rộng lớn tới tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phân cấp và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lực đó

Tại Việt Nam, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; nhân dân là chủ thể và là cội nguồn của Nhà nước, trao quyền lực nhà nước cho Quốc hội (cơ quan do dân trực tiếp bầu ra), là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân và là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Nhân dân trao quyền cao nhất, thống nhất vào Quốc hội, đồng thời có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước vì không một cơ quan nhà nước nào có thể thực thi tất cả các quyền lực đó.

- Nguyên tắc đảm bảo sự tham gia của người dân vào sự quản lý nhà nước

Thu hút đông đảo nhân dân tham gia công việc quản lý nhà nước là một nguyên tắc quan trọng trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, nguyên tắc này không chỉ tạo khả năng phát huy sức lực trí tuệ của nhân dân vào công việc của nhà



THU VIỆN
HUST

nước mà còn là phương pháp có hiệu quả để ngăn chặn tệ quan liêu, cửa quyền của bộ máy nhà nước. Hình thức tham gia của nhân dân vào nhà nước rất phong phú, các cơ quan nhà nước bầu những người đại diện của mình vào các cơ quan quyền lực nhà nước hoặc dư luận xã hội.

- Nguyên tắc tập trung dân chủ

Nguyên tắc này đòi hỏi kết hợp sự chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của trung ương với hoạt động tự chủ, năng động sáng tạo của địa phương và cơ quan nhà nước cấp dưới. Nguyên tắc này còn là cơ chế hoạt động của mỗi cấp trong bộ máy nhà nước cũng như trong việc kết hợp hoạt động quyết định của tập thể với trách nhiệm của cá nhân, cần phải khắc phục những biểu hiện lệch lạc của hai hướng: nhấn mạnh tập trung hoặc coi trọng dân chủ.

- Nguyên tắc pháp chế

Nguyên tắc này đòi hỏi việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước phải tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Khi thi hành quyền hạn và nhiệm vụ của mình, nguyên tắc này đòi hỏi phải tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật.

Các phương pháp quản lý của nhà nước

Khái niệm

Phương pháp quản lý của nhà nước là tổng thể các cách thức tác động của nhà nước đến quá trình kinh tế – xã hội nhằm đạt được các mục tiêu do nhà nước đặt ra.

Các phương pháp quản lý được hình thành trên cơ sở yêu cầu của các quy luật khách quan và quán triệt các nguyên tắc quản lý. Các phương pháp quản lý có vai trò quan trọng trong hệ thống quản lý. Mục tiêu, nhiệm vụ của quản lý chỉ được thực hiện thông qua tác động của các phương pháp quản lý nhằm khơi dậy những động lực, kích thích tính năng **TÔI VIỆN HUST** sáng tạo của con người và tiềm năng của hệ thống cũng như các cơ hội có lợi từ bên ngoài.

Khác với nguyên tắc quản lý, phương pháp quản lý có tính năng động, linh hoạt và thường thay đổi trong từng tình huống cụ thể, tùy thuộc vào đặc điểm của đối tượng cũng như năng lực và kinh nghiệm của nhà nước và đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước.

Tác động của phương pháp quản lý luôn luôn là tác động có mục đích nhằm phối hợp hoạt động, bảo đảm sự thống nhất. Trong quá trình quản lý, tùy từng tình huống cụ thể mà chủ thể quản lý phải biết lựa chọn phương pháp quản lý phù hợp. Tài năng, nghệ thuật quản lý tùy thuộc rất nhiều vào khả năng sử dụng phương pháp quản lý có phù hợp và có hiệu quả hay không.

Trong quản lý nói chung và quản lý nhà nước nói riêng, có rất nhiều phương pháp quản lý và giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, do đó việc sử dụng các phương pháp quản lý một cách đồng bộ cũng là một yếu tố nâng cao hiệu quả quản lý.

1.2.2. Thể chế hành chính nhà nước

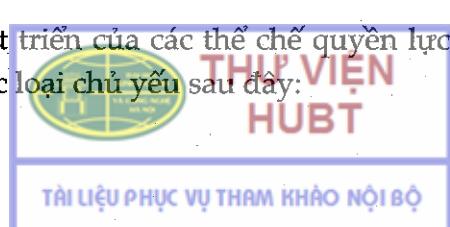
1.2.2.1. Khái niệm

Thể chế hành chính nhà nước là phương thức tổ chức của các cơ quan hành chính, sự phân chia quyền lực và các hệ thống vận hành công việc hành chính của nhà nước. Đây là phạm trù của kiến trúc thượng tầng và là một bộ phận không thể thiếu của thể chế chính trị.

Thể chế hành chính bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

Thể chế quyền lực hành chính: Chỉ rõ mối quan hệ và chế độ phân phối quyền lực giữa các cơ quan hành chính nhà nước với cơ quan nhà nước khác và với các tổ chức, chính đảng, cơ quan đoàn thể... Nội dung chủ yếu của thể chế quyền lực hành chính là về vị trí, quyền hạn, phạm vi vốn có đã được quy định trong thể chế hành chính nhà nước.

Lịch sử phát triển của các thể chế quyền lực hành chính ở các quốc gia gồm các loại chủ yếu sau đây:



- *Tam quyền phân lập:* Là chế độ phân biệt ba loại quyền lực gồm lập pháp, hành pháp và tư pháp. Ở các nước tư bản, các quyền này do nghị viện, nội các (hoặc là tổng thống) và tòa án nắm giữ. Ba loại quyền này do ba cơ quan khác nhau thi hành nhằm phát huy vai trò ràng buộc lẫn nhau giữa ba loại quyền lực, duy trì trạng thái cân bằng giữa ba loại quyền lực nhà nước, ngăn ngừa sự chuyêng quyền, độc đoán của bất cứ cơ quan hay cá nhân nào để bảo vệ lợi ích của công dân. Diễn hình của quyền lực này là ở các nước như Mỹ, Pháp, Đức, Ý... Thực chất của tam quyền phân lập là sự phân phối quyền lực, mấu đầu là sự phân phối quyền lực giữa các giai cấp, sau đó là sự phân phối quyền lực giữa các tập đoàn có lợi ích khác nhau.

- *Tập quyền:* Là thể chế quyền lực hành chính tiến hành thống nhất giữa cơ quan quyết định và chấp hành trong các công việc trọng yếu của nhà nước, đối lập với chế độ tam quyền phân lập. Đây chính là sự thể hiện chế độ tập trung dân chủ ở các nước theo chủ nghĩa xã hội trong quan hệ phân phối quyền lực giữa các cơ quan nhà nước và trong quan hệ công tác giữa các cơ quan. Diễn hình theo chế độ này là Trung Quốc, Việt Nam. Trong đó, đảng là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội, quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, có quyền lập hiến, lập pháp và giám sát các cơ quan hành pháp, tư pháp.

- *Chế độ quân chủ lập hiến:* Đứng đầu nhà nước là vua. Nội các được thành lập sau mỗi cuộc bầu cử quốc hội. Vua bổ nhiệm người đứng đầu, lãnh tụ đảng chiếm đa số ghế trong quốc hội làm thủ tướng. Thủ tướng đóng vai trò người lãnh đạo chính phủ, đảm nhiệm chức năng đại diện nhà nước trong quan hệ quốc tế. Diễn hình theo chế độ này là các quốc gia như Anh, Thái Lan, Nhật Bản...

Thể chế dân não chính phủ: Là chế độ quan hệ giữa những người đại diện cho quyền lực hành chính tối cao với những người đảm nhiệm trong thực tế các quyền lực hành chính ở các quốc gia hiện đại. Nội dung chủ yếu đề cập đến mối quan hệ phân phối quyền

lực hành chính giữa nguyên thủ quốc gia với người đứng đầu chính phủ. Thể chế đầu não chính phủ chia thành ba loại chủ yếu:

- *Nhất nguyên chế*: Là thể chế trong đó chức vụ nguyên thủ quốc gia và đầu não chính phủ do một người đảm nhận là tổng thống. Diễn hình của thể chế này là Mỹ, Philippines.

- *Nhị nguyên chế*: Là thể chế trong đó các chức vụ nguyên thủ quốc gia và đầu não chính phủ do các cá nhân khác nhau đảm nhận.

- *Đa nguyên chế*: Là thể chế trong đó đầu não chính phủ, nguyên thủ quốc gia do các cá nhân khác nhau hoặc do một tập thể từ hai người trở lên đảm nhận.

Thể chế chính phủ trung ương: Được dùng để gọi chung cho sự phân chia quyền lực giữa các cơ quan hành chính tối cao, đại diện cho sự lãnh đạo thống nhất toàn quốc của giai cấp thống trị với các cơ quan hành chính địa phương cùng với các phuơng thức hoạt động, hình thức của nó. Đây là bộ phận cốt lõi của thể chế hành chính, ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu suất và tình trạng vận hành của bộ máy nhà nước.

Thể chế chính phủ trung ương có sự khác nhau về tính chất chính quyền và điều kiện lịch sử ở mỗi nước, có nhiều loại hình khác nhau. Xét theo chiều ngang, có thể phân loại thành trung ương tập quyền, phân quyền địa phương, kết hợp giữa tập quyền và phân quyền. Theo góc độ quyền hạn hành chính theo chiều dọc, có thể phân chia thành chế độ quyết nghị và chế độ thủ trưởng. Theo tính chất giai cấp của một quốc gia, có thể chia thành chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

1.2.2.2. Vai trò và các nhân tố ảnh hưởng tới thể chế hành chính

Vai trò của thể chế hành chính

Thể chế hành chính nhà nước là bộ phận cấu thành quan trọng của thể chế chính trị, nó đóng những vai trò to lớn sau đây:

- Một thể chế hành chính Khoa học sẽ thúc đẩy sản xuất xã hội phát triển, góp phần phát huy tính ưu việt của chế độ xã hội. Thể

chế hành chính khoa học chính là sự phân chia chính xác và khoa học các quyền hạn hành chính trong các cơ quan cùng với các nhân viên hành chính ở đó. Thể chế hành chính thuộc phạm trù của kiến trúc thượng tầng, nó phải thích ứng với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, trên cơ sở xác định chức năng một cách hợp lý và sắp xếp khoa học bộ máy quản lý hành chính.

- Thể chế hành chính khoa học sẽ góp phần khắc phục tệ quan liêu tham nhũng, tăng thêm sức sống và khả năng thích nghi của quản lý hành chính.

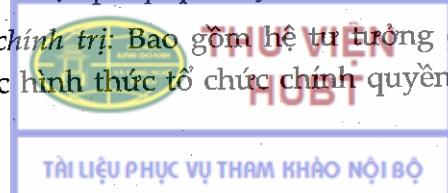
- Thể chế hành chính khoa học sẽ giúp cho việc đào tạo nhân viên hành chính có chất lượng hơn. Việc nâng cao hiệu suất hành chính, tăng thêm sức sống hành chính cho đến việc nâng cao hiệu quả của toàn bộ bộ máy phụ thuộc vào tố chất chính trị, văn hóa, năng lực và thể lực của các nhân viên hành chính. Thể chế hành chính hoàn thiện sẽ tạo ra một chế độ quản lý khích lệ sự chủ động, sáng tạo, thể hiện được nguyên tắc giám sát dân chủ và công khai, có tác dụng mở ra môi trường làm việc mới, làm xuất hiện thêm nhân tài cho đất nước.

- Thể chế hành chính khoa học góp phần đảm bảo sự ổn định, vững vàng của nhà nước, xử lý tốt mọi mối quan hệ, huy động được tính tích cực của xã hội trên mọi lĩnh vực, đảm bảo quyền dân chủ của công dân, duy trì đoàn kết trong xã hội...

Các nhân tố ảnh hưởng

- **Thể chế kinh tế:** Thể chế kinh tế của một quốc gia bao gồm chế độ sở hữu, quyết sách kinh tế, bộ máy điều tiết kinh tế, các phương thức phân chia lợi ích kinh tế và hệ thống tổ chức kinh tế. Trong đó, nhân tố quyết định là chế độ sở hữu. Thể chế hành chính phải phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế – xã hội, với thể chế kinh tế – xã hội. Khi có sự thay đổi về hình thức kinh tế và thể chế kinh tế, tất yếu sẽ dẫn đến sự thay đổi thể chế hành chính cũng như chức năng, phương thức và biện pháp quản lý kinh tế.

- **Thể chế chính trị:** Bao gồm hệ tư tưởng đường lối chính trị, chính sách, các hình thức tổ chức chính quyền, kết cấu, hình thức



quản lý nhà nước và cơ chế vận hành của chúng. Cùng với thể chế kinh tế, thể chế chính trị có tác động, ảnh hưởng tới thể chế hành chính. Giữa chúng vừa có mối liên kết chặt chẽ vừa có tính độc lập tương đối. Sự chế ước và ảnh hưởng của thể chế chính trị đối với thể chế hành chính biểu hiện ở chỗ: Thể chế chính trị quy định tính chất và phương hướng vận hành chủ yếu của thể chế hành chính, mặt khác thể chế hành chính phải phù hợp với thể chế chính trị và biến đổi theo sự phát triển của thể chế chính trị.

- *Truyền thống văn hóa dân tộc:* Là những quan niệm chung, giá trị chung và chịu ảnh hưởng của những quan niệm đó khi xây dựng nên các chế độ nhà nước ở mỗi quốc gia và cộng đồng dân tộc. Chúng được ghi sâu trong từng cử chỉ, hành vi của mọi người và có ảnh hưởng to lớn đến thể chế hành chính.

- *Văn hóa nước ngoài:* Cùng với quá trình hội nhập kinh tế, sự hội nhập, giao lưu và xuất nhập khẩu văn hóa ngày càng gia tăng. Có quốc gia chủ động tiếp nhận những cái hay của nước khác để xây dựng và hoàn thiện thể chế hành chính của mình, nhưng cũng có quốc gia bị cưỡng bức hoặc chủ động sử dụng một cách cứng nhắc mô hình của các quốc gia khác.

Ngoài ra, các nhân tố khác như hoàn cảnh địa lý, chính trị của một quốc gia, những thay đổi chính trị trên thế giới cũng ảnh hưởng tới các đặc điểm của thể chế hành chính.

1.2.3. Tổ chức hành chính nhà nước

Cơ cấu hành chính nhà nước

Nền hành chính quốc gia là hệ thống thực thi quyền hành pháp, là công cụ của hành pháp, quản lý xã hội theo đường lối chính sách và pháp luật của nhà nước. Do vậy, cơ cấu nền hành chính quốc gia có thể xét theo các góc độ dưới đây:

Một là, cơ cấu nền hành chính quốc gia xét theo yếu tố cấu thành của nó:

- Đây là một hệ thống thiết kế tổ chức bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương đến cơ sở. Nó được cấu trúc theo hệ thống

ngành dọc từ trên xuống dưới, có thiết chế và bộ máy tổ chức cho từng cấp nhất định.

- Yếu tố cấu thành thứ hai là một hệ thống pháp luật lấy hành pháp và luật làm khuôn khổ.

- Yếu tố cấu thành thứ ba là hệ thống quản lý tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán và quản lý tài sản.

Các yếu tố trên làm thành cơ cấu nền hành chính quốc gia. Mỗi yếu tố cấu thành là một hệ thống, có chức năng cụ thể về từng lĩnh vực.

Ở Việt Nam, cơ cấu của nền hành chính quốc gia vừa được hình thành và phát triển, vừa đang phải sắp xếp, cải cách lại cơ cấu hành chính để giảm bớt tính quan liêu, cản trở sản xuất phát triển và làm mất tính làm chủ của nhân dân, mà trước hết là tính làm chủ của nhân dân về phản biện xã hội, tính kiểm soát của các đại biểu được nhân dân bầu vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

Hai là, cơ cấu hành chính quốc gia xét về mặt hoạt động, đó là một cơ cấu được thể hiện ở các mặt như sau:

- Xét về mặt hoạt động thực tiễn quản lý nhà nước, trong đó có quản lý hành chính thì nền hành chính quốc gia như một hệ thống tổ chức và quản lý thống nhất, quản xuyến mọi quá trình, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, môi trường, khoa học kỹ thuật đến an ninh quốc phòng. Đây chính là hoạt động quản lý hành pháp với công cụ đắc lực là nền hành chính quốc gia đầy quyền lực, năng lực và hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước.

- Về mặt hoạt động pháp lý, tổ chức hành chính quốc gia chính là một pháp nhân công quyền có đủ thẩm quyền thực thi quyền hành pháp để quản lý xã hội. Rõ ràng uy quyền của bộ máy nhà nước được thể hiện chủ yếu ở tính pháp nhân công quyền này.

- Về mặt thiết chế, phải coi nền hành chính quốc gia như một hệ thống cơ cấu có tổ chức và chức năng nhiệm vụ, quyền hạn,



thẩm quyền được thể chế hóa bằng các văn bản pháp quy để thực hiện việc quản lý của bộ máy nhà nước.

- Về tính độc lập tương đối cơ cấu hành chính quốc gia, đây là một tổ chức độc lập, có tính khoa học, có mục đích, đối tượng, quy trình và phương pháp hoạt động quản lý riêng. Nó vừa có tính phân công, phân cấp rõ ràng giữa quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, đồng thời cũng có thể có mâu thuẫn giữa ba quyền đó. Ở Việt Nam, cơ bản các quyền đó có tính thống nhất.

Đặc điểm của nền hành chính nhà nước

Một là, tính chính trị của nền hành chính nhà nước. Nền hành chính nhà nước là yếu tố chủ yếu của bộ máy nhà nước, và nhà nước chính là một tổ chức chính trị. Chính trị tức là bảo vệ quyền lợi cho ai, hành động theo mục tiêu chính trị nào? Theo đường lối, quan điểm của ai? Vì ai? Nói cụ thể hơn là vì nhân dân hay vì giai cấp thống trị? Nhà nước Việt Nam là Nhà nước của dân, do dân và vì dân nên nền hành chính quốc gia cũng là nền hành chính của dân, do dân và vì dân. Đó là mục tiêu chính trị hàng đầu, do vậy, nền hành chính quốc gia phải phục vụ mục tiêu đó, nắm chắc mục tiêu đó mà hành động, tổ chức và cải cách nền hành chính nhà nước.

Mặt khác, tính chính trị của nền hành chính quốc gia là quản lý hành chính nhà nước theo mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa. Có thể có nhiều nền hành chính quốc gia, quản lý theo nhiều mô hình khác nhau. Ví dụ, nền hành chính nhà nước quản lý kiểu nhà nước phúc lợi. Nhà nước phúc lợi của giai cấp tư sản trước hết bảo vệ lợi ích cho giai cấp tư sản, sau đó mới đến lợi ích nhân dân, lợi ích người nghèo. Và con đường của họ là giữ vững sự thống trị của giai cấp tư sản đối với toàn xã hội. Dù họ có thay đổi đảng này đảng kia thì mục tiêu chính trị của họ là lật đổ cộng sản, bảo vệ, duy trì sự thống trị tư sản của chế độ tư bản. Còn tính chính trị của Nhà nước ta là quyền lực phải thuộc về toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.



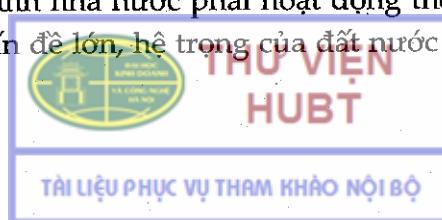
Nền hành chính quốc gia có thể có tính độc lập tương đối, có tính nghiệp vụ, kỹ thuật, kỹ năng đặc biệt song tất cả tính đặc biệt đó phải hướng về mục tiêu chính trị, lệ thuộc vào mục tiêu chính trị. Quản lý hành chính nhà nước, quản lý công quyền chính là để phục vụ mục đích chính trị trong từng giai đoạn phát triển xã hội nhất định. Bất kỳ nền hành chính quốc gia nào cũng có đặc trưng chính trị rõ nét. Nền hành chính nhà nước tư sản có đặc trưng chính trị tư sản, nền hành chính nhà nước xã hội chủ nghĩa có đặc trưng chính trị của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Dù về mặt kỹ thuật, nghiệp vụ, hình thức... chúng có giống nhau đến đâu đi nữa thì tính chính trị, mục đích chính trị và tính lệ thuộc vào chính trị là đặc trưng thứ phát của mọi nền hành chính quốc gia. Bản chất nhà nước khác nhau, tính chính trị khác nhau đưa đến tính hành chính nhà nước khác nhau.

Hai là, tính pháp quyền. Nhà nước Việt Nam là nhà nước pháp quyền, nhà nước pháp quyền không phải của giai cấp tư sản mà pháp quyền của nhân dân. Mọi hoạt động kinh tế – xã hội phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

Tính pháp quyền của nhà nước chính là tính quyền lực công, công quyền. Tổ chức hành động của quản lý hành chính nhà nước là mang tính quyền lực, tính chỉ huy, tính phục tùng và tính cương bức. Tuy tính quyền lực đó có kết hợp với thuyết phục, với giáo dục, đạo đức song cuối cùng vẫn phải tuân theo quyền lực hành chính nhà nước. Tính pháp quyền thể hiện ở các mặt sau:

- Pháp luật: Công cụ để thực hiện quyền lực nhà nước. Tổ chức để đưa pháp luật vào cuộc sống, đó chính là hệ thống tổ chức nền hành chính nhà nước. Tính pháp luật của nền hành chính nhà nước không chỉ có quyền lực đối với đối tượng quản lý mà nó có quyền lực ngay với chính tổ chức hành chính quốc gia như:

- + Hành chính nhà nước phải hoạt động theo các quy tắc pháp quy. Những vấn đề lớn, hệ trọng của đất nước phải được Quốc hội thông qua.



+ Nền hành chính nhà nước đòi hỏi mọi cơ quan tổ chức trong bộ máy hành pháp, mọi công chức phải tuân thủ pháp luật, tuân thủ tính chính quy, một cách có trật tự, kỷ cương chặt chẽ.

- Nền hành chính nhà nước pháp quyền điều hành mọi hành vi xã hội theo pháp luật.

- Phân biệt rõ lợi ích công với lợi ích tư, nhưng có sự kết hợp hài hòa hai loại lợi ích, trong đó lợi ích tư là động lực trực tiếp, lợi ích công cộng là tối cao.

- Từ lợi ích mà có phân biệt quản lý công với quản lý tư, có sự phân chia và thống nhất giữa công pháp và tư pháp, giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư nhân, nhưng nó là một thể thống nhất. Sự phân chia hoạt động và quan niệm chỉ là tương đối. Công và tư đều nhằm mục đích phục vụ mục tiêu chính trị, mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Ba là, tính ổn định, tính liên tục và tính thích ứng cao của quản lý hành chính nhà nước và nền hành chính nhà nước.

- Mục đích hoạt động hành chính nhà nước theo hướng hiện đại là phục vụ nhà nước nhỏ, xã hội lớn, công vụ và phục vụ công dân hàng ngày càng tốt hơn. Do vậy, đòi hỏi tổ chức hệ thống hành chính quốc gia phải có tính ổn định, bền vững, liên tục và thích ứng với mọi nhu cầu của người dân.

- Tính ổn định, liên tục và thích ứng được thể hiện ở các mặt:

+ Ông định hành chính nhà nước là thể hiện sự ổn định chính trị quốc gia, ổn định thể chế.

+ Cơ cấu tổ chức cũng như hoạt động của nền hành chính nhà nước trên cơ sở hệ thống hành pháp được quy định rõ ràng, chặt chẽ. Các công chức vừa có kỹ năng vừa có kỳ hạn ổn định, ít thay đổi trong nhiệm kỳ công tác. Có thể có cán bộ dân cử là công chức thay đổi, còn các chuyên viên, chuyên gia hành chính phải có tính liên tục, tính kế thừa và thích ứng cao.



THIẾU VIỆN
HUBT

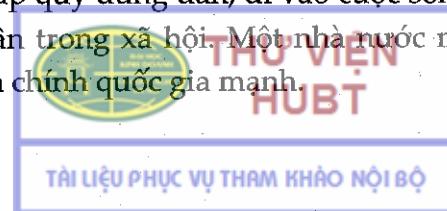
+ Nhà nước là một tổ chức có tính xã hội, tính giai cấp cao. Nhà nước thuộc thượng tầng kiến trúc, phải lệ thuộc vào hạ tầng cơ sở, quan hệ sản xuất, phong tục tập quán và tâm lý hoạt động của con người, đặc biệt là phụ thuộc vào sự biến đổi không ngừng và nhanh chóng của sự phát triển lực lượng sản xuất, nhất là sự phát triển của khoa học công nghệ, nên nhà nước nói chung, nền hành chính nhà nước nói riêng cũng phải vận động thích ứng theo sự biến đổi của lực lượng sản xuất và hạ tầng cơ sở.

Trong điều kiện quốc tế ngày nay, nền hành chính nhà nước cũng phải thích ứng với cơ cấu kinh tế mở và với quan hệ quốc tế sâu rộng.

Bốn là, tính chuyên môn hóa, kỹ năng và nghiệp vụ hành chính cao.

Có quan điểm cho rằng, hành chính nhà nước chỉ đơn thuần là những nghiệp vụ giấy tờ, có tính thủ tục hành chính, không có tác dụng nhiều đến hoạt động khoa học kỹ thuật, kinh tế, xã hội. Đó chỉ là một sự ràng buộc hành chính thường gây cản trở cho sản xuất kinh doanh mà thôi. Thực ra đây là một hoạt động khoa học sâu, có tính chuyên nghiệp, có tính nghiệp vụ kỹ thuật, kỹ năng cao.

Kỹ năng hành chính nhà nước chính là khả năng vận dụng tri thức quản lý nhà nước về các mặt kinh tế, xã hội, chính trị, khoa học kỹ thuật, môi trường. Đó là kỹ năng nhận thức và tư duy, khả năng nhân sự, tổ chức, kỹ năng kỹ thuật. Nếu không có chuyên môn hóa cao, không có kỹ năng kỹ thuật nghiệp vụ cao thì công việc sẽ không hiệu quả. Ví dụ, một văn bản pháp quy hành chính ban hành ra là nhằm thực hiện luật pháp, thực hiện mục đích chính trị và đường lối của Đảng, thực hiện yêu cầu các quy luật kinh tế, xã hội, tâm lý khách quan. Nếu không am hiểu sâu sắc, không có kỹ thuật hiện đại, không có nghiệp vụ chuyên môn cao thì không thể có văn bản pháp quy đúng đắn, đi vào cuộc sống hàng ngày của tất cả các công dân trong xã hội. Một nhà nước mạnh mẽ hiện trước hết ở nền hành chính quốc gia mạnh.



Năm là, tính thứ bậc trong hệ thống hành chính quốc gia.

Như đã phân tích ở phần khái niệm, nền hành chính quốc gia là một hệ thống tổ chức bao trùm lên tất cả các mặt hoạt động của đời sống xã hội và từ trên xuống dưới. Do đó, nó không chỉ ở cấp cao mà còn có sự phân định rõ ràng các thứ bậc về quyền hạn và trách nhiệm, ranh mạch ở từng khâu, từng lĩnh vực, theo các nguyên tắc sau:

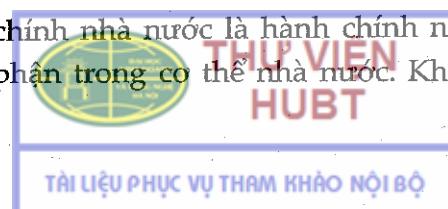
- Dân chủ nhưng tập trung cao độ
- Cấp dưới phải phục tùng cấp trên
- Trách nhiệm mỗi cấp rõ ràng và cụ thể
- Phát huy tính chủ động sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của cấp dưới
- Kiểm tra, giám sát thi hành chỉ thị cấp trên một cách chặt chẽ
- Sáu là, tính không vụ lợi.

Nền hành chính quốc gia là cơ quan hành pháp. Mục đích chính là đưa pháp luật vào cuộc sống, phục vụ lợi ích công và lợi ích công dân. Sự phục vụ đó không nhằm mục đích lợi nhuận vì nó không phải là cơ quan kinh doanh mà là cơ quan quản lý nhà nước. Vì thế, tiêu chuẩn trước hết của cơ quan công quyền là phải công tâm, vì lợi ích công và lợi ích công dân mà phục vụ, "chí công vô tư, cẩn kiệm liêm chính". Do vậy, ở cơ quan này cần phải chống mọi biểu hiện tiêu cực như cửa quyền, gây phiền hà, sách nhiễu, tham nhũng.

Thực ra, quyền lực nền hành chính nhà nước có được là quyền lực của nhân dân. Nhân dân trao cho một số người để thực hiện quyền lực đó nhằm phục vụ nhân dân, vì nhân dân chứ không phải bắt ép nhân dân, nô dịch nhân dân. Để thực hiện được những điều này, cần coi trọng dân chủ, minh bạch, công khai và tăng cường sự giám sát của nhân dân, đề cao vai trò phản biện xã hội.

Bảy là, tính nhân đạo.

Nền hành chính nhà nước là hành chính nhân dân, các công dân là một bộ phận trong cơ thể nhà nước. Khi một công dân bị



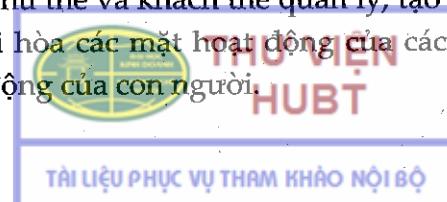
trừng phạt là một bộ phận cơ thể nhà nước bị đau đớn. Do đó, nhà nước của dân trước hết phải thể hiện tính thương dân, vì dân, lấy mục tiêu của nhân dân, mục tiêu công vụ làm mục tiêu của mình.

Tổ chức hành chính nhà nước

Tổ chức hành chính là sự thiết lập cơ cấu bộ máy hành chính nhà nước (chủ yếu là bộ máy hành pháp), xác định các mối quan hệ hành chính của xã hội và con người, giữa các tập thể để thực hiện một quá trình quản lý xã hội, con người. Ở đây, việc tổ chức nền hành chính nhà nước là quan trọng nhất, vì không có tổ chức hành chính nhà nước thì không thể điều hành bằng hành chính được. Nội dung chủ yếu của tổ chức nền hành chính nhà nước bao gồm:

- Bộ máy hành chính nhà nước trung ương.
 - Bộ máy hành chính nhà nước địa phương.
 - Phân định thẩm quyền và mối quan hệ giữa các chức năng nhiệm vụ được giao.
 - Bố trí con người trong bộ máy như người lãnh đạo, các chuyên gia, chuyên viên giúp việc, các nhân viên thừa hành nhiệm vụ khác.
 - Các quy tắc, quy định có tính công nghệ hành chính về các văn bản, phạm vi giới hạn của các loại văn bản như luật, các văn bản dưới luật, tính pháp lý hành chính của các văn bản đó.
- Tóm lại, hành chính nhà nước là tổ chức hành chính có tính hệ thống để vừa điều hành toàn xã hội, vừa phát huy cao nhất quyền làm chủ của mọi người dân. Cân chống bộ máy hành chính quan liêu, phiền hà, chồng chéo, những nhiễu nhương dân.

Nội dung điều chỉnh hành chính nhà nước chính là sự xác định về mặt pháp lý, thể hiện bằng các quyết định, các chỉ thị, về quy tắc, tiêu chuẩn, biện pháp, đối tượng điều chỉnh nhằm tạo ra sự phù hợp giữa các chủ thể và khách thể quản lý, tạo ra sự ổn định vĩnh cửu, sự cân đối hài hòa các mặt hoạt động của các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người.



1.2.3. Cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam

1.2.3.1. Thực trạng nền hành chính ở Việt Nam

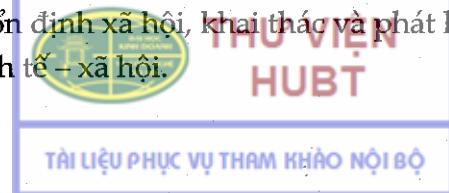
Trong những năm qua, nền hành chính nhà nước ở Việt Nam đã từng bước được cải cách cho phù hợp với sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước và đạt được những kết quả bước đầu quan trọng, thể hiện ở các mặt sau:

- Hệ thống thể chế pháp luật từng bước được đổi mới và hoàn thiện, góp phần xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Về cơ bản, các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình chuyển nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được thể chế hóa, tạo dựng và từng bước hoàn thiện khung pháp lý cho các chủ thể kinh tế, cho người dân làm ăn và sinh sống. Khuôn khổ thể chế về tổ chức và hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước, về công chức, công vụ được chú trọng đổi mới để bảo đảm thích ứng với yêu cầu quản lý nhà nước trong điều kiện chuyển đổi này.

Cơ sở pháp lý phân biệt quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh và các hoạt động sự nghiệp dịch vụ công, thúc đẩy xã hội hóa, phân công, phân cấp đã hình thành và từng bước được bổ sung, hoàn thiện. Thủ tục hành chính trên các lĩnh vực được rà soát, sửa đổi theo hướng đơn giản hóa, loại bỏ những khâu phiền hà, trùng lắp, bao gồm thủ tục hành chính trong quan hệ với dân, với doanh nghiệp và quan hệ giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau.

Cùng với các thể chế kinh tế, việc xây dựng và hoàn thiện thể chế về bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dân chủ hóa kinh tế và đời sống xã hội đã có bước tiến đáng kể, góp phần quan trọng vào ổn định xã hội, khai thác và phát huy các nguồn lực để phát triển kinh tế – xã hội.



- *Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước được điều chỉnh từng bước phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong kinh tế thị trường.*

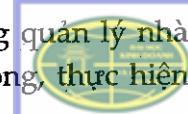
Chính phủ, các Bộ đã tập trung nhiều hơn vào thực hiện chức năng quản lý nhà nước vĩ mô trong phạm vi cả nước, trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế – xã hội; tập trung thời gian và nguồn lực vào việc thực hiện chức năng đích thực của mình là xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách, thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

Việc điều chỉnh chức năng quản lý nhà nước giữa các cấp hành chính cho phù hợp với tình hình thực tiễn đã được thực hiện, trên nguyên tắc mỗi việc chỉ do một cơ quan phụ trách, khắc phục sự trùng lắp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Chính quyền địa phương được phân cấp nhiều hơn, nhất là trong các lĩnh vực ngân sách, tài chính, biên chế, đầu tư, đất đai, y tế, giáo dục... Trên cơ sở điều chỉnh lại phạm vi, đổi tượng quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước, phân biệt và tách chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành và chính quyền địa phương với quản lý sản xuất, kinh doanh và quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công, từng bước xóa bỏ chế độ chủ quản đối với doanh nghiệp.

- *Cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương được điều chỉnh, sắp xếp hợp lý hơn.*

Đồng thời với quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế, từng bước làm rõ phạm vi, nội dung, chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Trong những năm qua, Nhà nước đã tiến hành nhiều đợt sắp xếp, điều chỉnh lại tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước.

Cơ cấu các cơ quan của Chính phủ và chính quyền địa phương cũng có bước điều chỉnh theo hướng phân biệt rõ các đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước với các tổ chức sự nghiệp cung cấp dịch vụ công, thực hiện quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, giảm



THƯ VIỆN
HỘI

phiên hà cho cấp dưới, thực hiện phân công hợp lý giữa Trung ương, địa phương, ngành và lãnh thổ.

- *Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy hành chính nhà nước được nâng lên.*

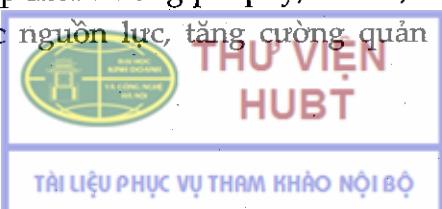
Công tác xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức thời gian qua được quan tâm triển khai trên diện rộng, kết hợp huy động nhiều giải pháp và đã đạt được một số kết quả tích cực. Năm 1986, số lượng cán bộ, công chức hành chính, sự nghiệp là 1,2 triệu người, năm 2007 là hơn 1,7 triệu người, bằng 2% dân số cả nước, trong đó biên chế trong khối sự nghiệp nhà nước khoảng 1,4 triệu người, và nếu so với nhiều nước trên thế giới, đây là một tỷ lệ không cao.

Pháp lệnh Cán bộ, Công chức năm 1998 qua 2 lần sửa đổi vào các năm 2001 và 2003, đến năm 2008 được nâng cấp thành Luật Cán bộ, Công chức đã có sự phân loại tương đối rõ đối tượng cán bộ, công chức, tạo căn cứ pháp lý để định ra yêu cầu, tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn, phẩm chất và chế độ, chính sách đãi ngộ tương ứng (cán bộ qua bầu cử, công chức hành chính, viên chức sự nghiệp, cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo trong doanh nghiệp nhà nước, cán bộ chuyên trách và công chức cơ sở cấp xã).

Đội ngũ cán bộ công chức đã có bước trưởng thành đáng kể. Phần lớn công chức hành chính đã có năng lực, trình độ, kỹ năng đáp ứng đòi hỏi của một nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại.

- *Phương thức hoạt động của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và ủy ban nhân dân (UBND) các cấp có bước đổi mới.*

Tinh thần xuyên suốt quá trình đổi mới phương thức hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước là giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp. Các cơ quan nhà nước tập trung làm tốt chức năng định hướng phát triển, tạo lập môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách thuận lợi để phát huy các nguồn lực, tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật.



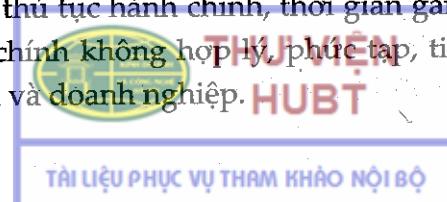
Những nỗ lực cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, áp dụng phương thức quản lý theo cơ chế “một cửa” ở cả ba cấp chính quyền địa phương (kết quả ở cấp tỉnh 100%, cấp huyện 98%, cấp xã 92% tính tới tháng 5/2007), từ năm 2007 tiếp tục thí điểm tổ chức “một cửa” ở 8 Bộ, ngành Trung ương nhằm tạo ra sự thống nhất trong hệ thống hành chính. Việc triển khai quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và trong cơ quan hành chính nhà nước... đã có tác dụng tích cực góp phần đổi mới mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với dân, quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau trong quá trình tổ chức thực hiện công việc và thực thi công vụ.

Hạn chế, yếu kém của nền hành chính nhà nước

Tuy đã đạt được những kết quả quan trọng, nhưng so với yêu cầu của công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế – xã hội và chủ động hội nhập quốc tế thì cải cách hành chính còn chậm, hiệu quả thấp. Nền hành chính còn bộc lộ một số tồn tại, yếu kém sau:

- Hệ thống thể chế pháp luật vẫn còn thiếu, chưa đồng bộ, thiếu nhất quán và trong một số lĩnh vực chưa bám sát quá trình chuyển đổi khó khăn và phức tạp. Sự chưa đồng bộ của hệ thống thể chế một mặt thể hiện ở chỗ một số luật, pháp lệnh đã ban hành nhưng các nghị định và thông tư hướng dẫn triển khai ban hành chậm. Sự thiếu nhất quán trong hệ thống thể chế biểu hiện rõ trong việc chậm chuẩn bị và ban hành các văn bản dưới luật, pháp lệnh để hướng dẫn thi hành. Nhiều cơ quan nhà nước vẫn có xu hướng giữ thuận lợi cho hoạt động quản lý của mình nhiều hơn là đáp ứng nhu cầu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân.

- Thủ tục hành chính vẫn chưa được cải cách đơn giản hóa triệt để, tính công khai minh bạch còn thấp, xu hướng tập trung hóa chưa được hạn chế. Sau một thời gian có những kết quả bước đầu trong cải cách thủ tục hành chính, thời gian gần đây vẫn còn nhiều thủ tục hành chính không hợp lý, phức tạp, tiếp tục gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.



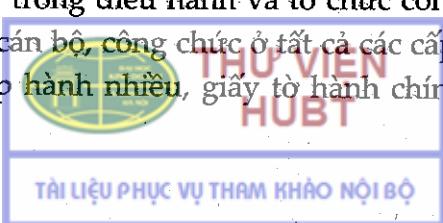
- Chậm xác định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước vĩ mô của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước, nhất là ở cấp Chính phủ và các Bộ, ngành chưa có cơ chế phối hợp theo ngành và lãnh thổ, không tránh khỏi chồng chéo, trùng lắp, lãng phí. Nhìn tổng thể, mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường, giữa Nhà nước với doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nhà nước vẫn chưa đủ rõ.

- Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước vẫn công kenneh, nhiều tầng nấc với 18 Bộ, 4 cơ quan ngang Bộ và 8 cơ quan trực thuộc Chính phủ. Bộ máy hành chính ở cấp Trung ương còn quá lớn, số lượng tổ chức bên trong các Bộ, ngành còn nhiều và có xu hướng phình ra. Việc thực hiện phân cấp về ngành và lĩnh vực giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương còn chậm, vẫn chưa có sự phân biệt rõ về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của chính quyền đô thị với chính quyền nông thôn.

- Chế độ công vụ mới chậm hình thành đầy đủ, chất lượng cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển kinh tế – xã hội. Đội ngũ cán bộ, công chức còn bất cập cả về kiến thức và kỹ năng quản lý mới, thiếu tính nhạy bén thị trường, trách nhiệm thực thi công vụ chưa cao. Một bộ phận cán bộ, công chức suy thoái phẩm chất, đạo đức, tham nhũng. Rõ ràng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đang là vấn đề có ý nghĩa sống còn không chỉ riêng của công cuộc cải cách hành chính mà của cả sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Phương thức, lề lối, điều kiện, trang thiết bị làm việc còn thủ công, lạc hậu; số lượng cán bộ, công chức nhiều nhưng chưa đáp ứng yêu cầu chuyên nghiệp, hiện đại, nhất là ở tuyến cơ sở.

Quy trình làm việc của cán bộ, công chức nhìn chung còn thiếu tính chuyên nghiệp. Dấu ấn của cơ chế tập trung quan liêu còn khá đậm nét, trong điều hành và tổ chức công việc của các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức ở tất cả các cấp vẫn còn có biểu hiện xin cho. Hợp hành nhiều, giấy tờ hành chính gia tăng, thẩm



quyền và trách nhiệm giải quyết công việc của từng cán bộ, công chức không rõ; đặc biệt khâu phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong quá trình giải quyết công việc còn yếu.

Trang bị thiết bị, điều kiện làm việc của cơ quan hành chính nhà nước nói chung còn nhiều hạn chế. Sau hơn một nửa thế kỷ xây dựng và củng cố chính quyền, vẫn còn tới 10% chính quyền cấp xã chưa có trụ sở làm việc, khoảng 30% trụ sở cấp xã là nhà cấp bốn, không bảo đảm điều kiện làm việc và giải quyết công việc của dân.

Việc triển khai áp dụng các giải pháp kỹ thuật, nhất là công nghệ tin học vào hoạt động quản lý nhà nước còn chậm, đạt hiệu quả thấp. Chủ trương hiện đại hóa nền hành chính, thu hẹp khoảng cách tụt hậu so với các nước trong khu vực như Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010 và cho giai đoạn tiếp theo đã đề ra vẫn là một thách thức lớn.

1.2.2.3. Sự cần thiết cải cách hành chính ở Việt Nam

Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế – xã hội, giữ vững và tăng cường chính trị, đưa đất nước cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng. Tốc độ tăng trưởng GDP tăng trung bình gần 7%/năm, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, quan hệ đối ngoại được mở rộng, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và viện trợ phát triển chính thức (ODA) liên tục tăng cao qua từng năm.

Song song với cải cách kinh tế, Việt Nam đã thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng trong hệ thống chính trị, tiến hành cải cách một bước nền hành chính quốc gia, tiếp tục xây dựng Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

Quá trình phát triển này có sự đóng góp không nhỏ của nền hành chính quốc gia. Tuy đã có nhiều điểm tiến bộ nhưng nền hành chính nước ta còn nhiều mặt non yếu như đã nêu trên.

Nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém đó là do công cuộc cải cách hành chính ở nước ta trong những năm qua còn bộc lộ nhiều bất cập:

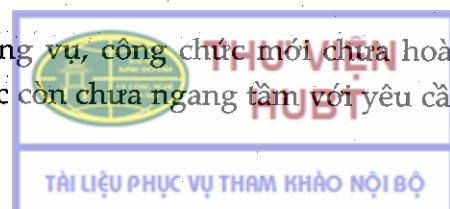
- Cải cách hành chính ở nước ta đang được triển khai cùng với một loạt các cuộc cải cách khác, đó là đổi mới từng bước hệ thống chính trị, cải cách lập pháp, cải cách tư pháp, cải cách kinh tế, cải cách doanh nghiệp nhà nước... Nhiều vấn đề, vốn thuộc cải cách hành chính, nhưng tự thân cải cách hành chính không thể làm được, mà phải đặt trong tổng thể đổi mới hệ thống chính trị để xem xét giải quyết. Tuy nhiên, thực tế cải cách hành chính không đồng bộ với các cuộc cải cách khác là một trong những nguyên nhân làm cho cải cách hành chính chậm, hiệu quả thấp.

- Hiệu quả cải cách hành chính còn thấp, có nguyên nhân về nhận thức. Nhận thức của chúng ta về một nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN còn rất hạn chế, điều đó cũng ảnh hưởng nhất định đến kết quả cải cách ở các lĩnh vực, trong đó có cải cách hành chính.

- Mặc dù những năm gần đây có những chuyển biến tích cực dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, nhưng nhìn chung chưa có sự chỉ đạo kiên quyết, tập trung của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với toàn bộ quá trình cải cách hành chính trong phạm vi cả nước.

- Các thành viên Chính phủ, chủ tịch UBND các tỉnh chưa thực sự thường xuyên thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong phạm vi trách nhiệm của mình. Ban chỉ đạo cải cách hành chính các cấp hoạt động còn mang tính hình thức, chưa phát huy vai trò, trách nhiệm giúp người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp trong việc chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ cải cách đã xác định.

- Chế độ công vụ, công chức mới chưa hoàn chỉnh, đội ngũ cán bộ công chức còn chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ quản



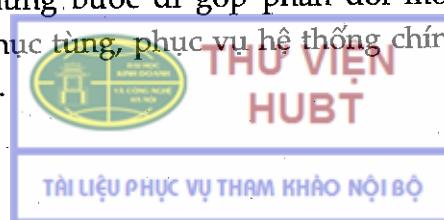
lý mới trong quá trình chuyển đổi. Nhìn chung, chưa tạo được động lực cho cải cách hành chính, trong đó có vấn đề chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, công chức. Chế độ tiền lương vẫn chưa được cải cách cơ bản theo yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 7 Khóa VIII năm 1999, chưa đảm bảo đời sống của cán bộ, công chức và gia đình họ. Điều này tác động không nhỏ đến động cơ và thái độ làm việc, dẫn đến những biểu hiện tiêu cực như không an tâm làm việc, móc ngoặc, trục lợi, những nhiễu trong một bộ phận cán bộ, công chức.

- Công tác cải cách hành chính còn gặp nhiều cản trở. Đáng chú ý là: một mặt nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, tính chất, yêu cầu của cải cách hành chính; mặt khác cải cách hành chính đụng chạm đến bộ máy, con người nên rất khó khăn, phức tạp; thêm nữa thói quen, nếp nghĩ, cách làm của đội ngũ cán bộ, công chức và của bản thân bộ máy hành chính còn mang nặng dấu ấn của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, không dễ dàng thay đổi.

Chính vì vậy, việc tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính là rất cần thiết bởi đó là khâu mấu chốt, đảm bảo sự thành công của cải cách kinh tế, luôn gắn liền với những thành tựu trong cải cách kinh tế, đổi mới hệ thống chính trị, cải cách pháp luật và tư pháp.

Cải cách hành chính trước hết là cải cách thể chế của nền hành chính, có mối liên hệ mật thiết phụ thuộc lẫn nhau với cải cách pháp luật và tư pháp. Những thay đổi trong cải cách hành chính cần phải được đảm bảo thực hiện bằng hệ thống pháp luật và nền tư pháp, chỉ có cải cách pháp luật mới tạo cơ sở pháp lý cho cải cách hành chính thành công.

Cải cách hành chính cũng chính là cải cách thể chế hoạt động của Nhà nước nói chung và trực tiếp là Chính phủ – một bộ phận cấu thành quan trọng của thể chế chính trị. Cải cách hành chính là một trong những bước đi góp phần đổi mới hệ thống chính trị nhưng vẫn phục tùng, phục vụ hệ thống chính trị và giữ vững ổn định chính trị.



1.2.3.3. Mục tiêu, yêu cầu của cải cách hành chính

Mục tiêu

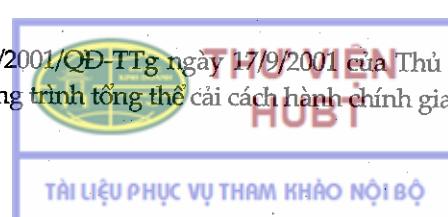
Xây dựng một nền hành chính trong sạch vững mạnh, có đủ năng lực, sử dụng đúng quyền lực và từng bước hiện đại hóa để quản lý có hiệu lực và hiệu quả công việc của Nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội lành mạnh, đúng hướng, phục vụ đắc lực đời sống nhân dân, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong xã hội.

*"Một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng" và đảm bảo xây dựng một "đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước"*¹.

Yêu cầu

- Xây dựng nền hành chính dân chủ xã hội chủ nghĩa phục vụ đắc lực cho nhân dân và giữ vững trật tự, kỷ cương xã hội theo pháp luật.
- Cải cách hành chính nhà nước là bộ phận trọng yếu của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, gắn với đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Cải cách hành chính gắn liền với cải cách cơ quan quyền lực, cơ quan tư pháp.
- Cải cách hành chính phải phục vụ đắc lực và thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc đổi mới, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường và theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Mọi chủ trương cải cách nền hành chính nhà nước đều phải xuất phát từ yêu cầu của cuộc sống, sát với điều kiện thực tế, giữ vững và phát huy truyền thống dân tộc, đồng thời vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm của nền hành chính hiện đại thế giới.

¹ Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2001-2010.



- Cải cách hành chính nhằm xây dựng một nền hành chính dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, nằm trong tổng thể hệ thống chính trị, trong đó nhân dân làm chủ thông qua Nhà nước.

1.2.3.4. Nội dung cải cách hành chính

Cải cách thể chế

- Xây dựng và hoàn thiện các thể chế, trước hết là thể chế kinh tế của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thể chế về tổ chức và hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước.

- Đổi mới quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Bảo đảm việc tổ chức thực thi pháp luật nghiêm minh của cơ quan nhà nước, của cán bộ, công chức.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính.

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới.

- Từng bước điều chỉnh những công việc mà Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương đảm nhận để khắc phục những chồng chéo, trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ. Chuyển cho các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ hoặc doanh nghiệp làm những công việc về dịch vụ không cần thiết phải do cơ quan hành chính nhà nước trực tiếp thực hiện.

Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

- Xây dựng chiến lược cán bộ.

- Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức.

- Cải cách tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức cán bộ, công chức.

Cải cách tài chính công

- Đổi mới cơ chế phân cấp quản lý tài chính và ngân sách, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tài chính quốc gia và vai trò chỉ đạo của ngân sách trung ương; đồng thời phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo và trách nhiệm của địa phương và các ngành trong việc điều hành tài chính và ngân sách.

- Bảo đảm quyền quyết định ngân sách địa phương của hội đồng nhân dân các cấp, tạo điều kiện cho chính quyền địa phương chủ động xử lý các công việc ở địa phương; quyền quyết định của các Bộ, sở, ban, ngành về phân bổ ngân sách cho các đơn vị trực thuộc; quyền chủ động của các đơn vị sử dụng ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt phù hợp với chế độ, chính sách.

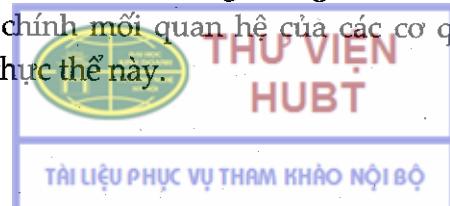
1.3. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

1.3.1. Đối tượng môn học

Quản lý nhà nước về kinh tế là môn khoa học giáp ranh giữa kinh tế học, khoa học quản lý và nhà nước pháp quyền, có đối tượng nghiên cứu là các quy luật và các vấn đề mang tính quy luật về sự ra đời, hình thành, tác động qua lại của các mối quan hệ, giữa các thực thể có liên quan đến các hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế của một quốc gia.

Các thực thể của nền kinh tế bao gồm:

Một là, các cơ quan quyền lực nhà nước (trong đó có một mảng làm chức năng quản lý nhà nước về kinh tế) là thực thể khá quan trọng trong việc chi phối, tác động lên thực thể khác, đặc biệt là các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh tế (ở nước ta hiện nay là các cá nhân, đơn vị thuộc các thành phần kinh tế); quyền hạn và mức độ tác động của thực thể này lệ thuộc vào khuôn khổ luật pháp của chế độ quy định, vào mỗi tác động tương tác trở lại đối với các thực thể khác và vào chính mối quan hệ của các cơ quan, phân hệ, cá nhân nội tại của thực thể này.



Hai là, các chủ thể tham gia trực tiếp vào các hoạt động kinh tế, bao gồm các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, các nhóm liên kết hoạt động kinh tế và các cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế.

Ba là, các quốc gia (qua các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức...) và các thực thể xã hội khác (với tư cách là các tổ chức chính quyền nhưng không được thế giới công nhận là nhà nước) cũng có các tác động kinh tế không nhỏ đối với mỗi hoạt động kinh tế ở mỗi nước.

Bốn là, các thiết chế xã hội khác (văn hóa, tôn giáo, gia đình, dân tộc...).

Đối tượng nghiên cứu của môn quản lý nhà nước về kinh tế bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

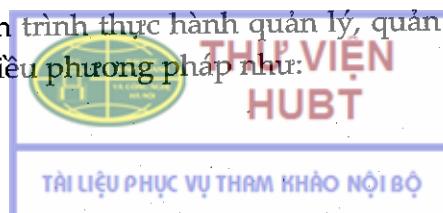
- Thực chất và bản chất quản lý nhà nước về kinh tế;
- Nhà nước và vai trò của nhà nước trong quản lý kinh tế;
- Các nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế;
- Các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế;
- Các chức năng và phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế;
- Thông tin và quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế;
- Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế;
- Cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế;

1.3.2. Phương pháp môn học

Quản lý nhà nước về kinh tế là môn học khoa học xã hội chịu sự tác động to lớn của ý thức xã hội và các phương pháp chung thường dùng.

Phương pháp luận của quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta hiện nay được sử dụng là phương pháp luận triết học Mác – Lênin (phương pháp duy vật lịch sử, phương pháp duy vật biện chứng) và các quan điểm đổi mới có tính thời đại của Đảng và Nhà nước.

Trong tiến trình thực hành quản lý, quản lý nhà nước về kinh tế sử dụng nhiều phương pháp như:



- Phương pháp tiếp cận phân tích hệ thống;
- Phương pháp lịch sử;
- Phương pháp điều tra xã hội học;
- Phương pháp thống kê;
- Phương pháp của dịch học;
- Phương pháp mô phỏng toán học;
- Phương pháp xử lý tình huống.

Trong đó, phương pháp được đặc biệt sử dụng là phương pháp phân tích hệ thống, hay còn gọi là quản lý nhà nước về kinh tế xét trên quan điểm hệ thống.

TÓM TẮT CHƯƠNG

Nhà nước là sản phẩm của xã hội đã phát triển đến một trình độ nhất định, khi xuất hiện tư hữu, xuất hiện giai cấp và các giai cấp đó có quyền lợi kinh tế mâu thuẫn với nhau. Nhà nước về thực chất là một thiết chế quyền lực chính trị, là cơ quan thống trị giai cấp của một hoặc một nhóm giai cấp này đối với một hoặc toàn bộ các giai cấp khác, đồng thời còn để duy trì và phát triển xã hội thông qua việc cung cấp các dịch vụ công mà nhà nước đó quản lý trước lịch sử và trước các nhà nước khác.

Bản chất và vai trò xã hội của nhà nước được thể hiện đầy đủ trong các chức năng của nhà nước theo hai nhóm cơ bản: đối nội và đối ngoại. Chức năng đối nội bao gồm: chức năng chính trị, chức năng kinh tế, chức năng văn hóa, giáo dục và chức năng xã hội. Chức năng đối ngoại bao gồm hai chức năng cơ bản là bảo vệ tổ quốc và củng cố, mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác với nhân dân các nước.

Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước của dân do dân vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân đạo và tính dân tộc sâu sắc.

Nhà nước ta được tổ chức và hoạt động theo các nguyên tắc chính như: tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; quyền lực



nà nước là thống nhất; tập trung dân chủ, nhà nước pháp quyền và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Nhà nước CHXHCN Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Quản lý nhà nước là sự quản lý xã hội bằng quyền lực nhà nước, ý chí nhà nước, thông qua bộ máy nhà nước làm thành hệ thống tổ chức điều khiển quan hệ xã hội và hành vi hoạt động của con người để đạt được mục tiêu kinh tế – xã hội nhất định, theo những thời gian nhất định với hiệu quả cao. Quản lý nhà nước tồn tại là một tất yếu khách quan, mang tính cưỡng bức, cưỡng chế, mệnh lệnh và tính chính trị rõ nét, đại diện cho cả xã hội.

Chức năng quản lý của nhà nước là những phương diện tất yếu, khách quan mà nhà nước phải thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của mình trong các giai đoạn phát triển của lịch sử.

Nguyên tắc quản lý nhà nước là những tư tưởng chỉ đạo, tiêu chuẩn hành vi mà hoạt động quản lý nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước phải tuân thủ trong quá trình quản lý.

Phương pháp quản lý của nhà nước là tổng thể các cách thức tác động của nhà nước đến quá trình kinh tế – xã hội nhằm đạt được các mục tiêu do nhà nước đặt ra.

Hành chính nhà nước là một dạng thức của quản lý nhà nước mang tính hành chính, tính pháp luật, tính quyền uy của bộ máy nhà nước, là cơ quan trong bộ máy nhà nước, thuộc hệ thống hành pháp. Quản lý hành chính nhà nước chính là sự tác động vào đối tượng quản lý có tính quyền uy của nhà nước.

Ở Việt Nam, cơ cấu nền hành chính quốc gia vừa được hình thành đầy đủ từng mặt, vừa đang phải sắp xếp, cải cách lại cơ cấu hành chính để giảm bớt tính quan liêu, sách nhiễu, cản trở sản xuất phát triển và làm mất tính làm chủ của nhân dân.

Nền hành chính nhà nước có đặc điểm là tính chính trị, tính pháp quyền, ổn định, liên tục, thích ứng cao và chuyên môn hóa, kỹ năng và nghiệp vụ hành chính đồng thời có tính thứ bậc, không vụ lợi, nhân đạo.



Tổ chức hành chính là sự thiết lập cơ cấu bộ máy hành chính nhà nước, có tính hệ thống để vừa điều hành toàn xã hội, vừa phát huy cao nhất quyền làm chủ của mọi người dân.

Trong những năm qua, nền hành chính nhà nước ở Việt Nam đã từng bước được cải cách cho phù hợp với sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước và đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng, tuy nhiên còn bộc lộ một số tồn tại, yếu kém. Do vậy, cần thiết phải cải cách hành chính ở Việt Nam nhằm mục tiêu xây dựng một nền hành chính trong sạch, vững mạnh, có đủ năng lực, sử dụng đúng quyền lực và từng bước hiện đại hóa để quản lý có hiệu lực công việc của Nhà nước, thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh, đúng hướng, phục vụ đắc lực đời sống nhân dân, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong xã hội. Các nội dung của cải cách hành chính bao gồm: cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy hành chính, đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và cải cách tài chính công.

❖ CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm về nhà nước, bản chất và các chức năng của nhà nước.
2. Trình bày các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam.
3. Thế nào là quản lý nhà nước? Phân tích chức năng, nguyên tắc và phương pháp quản lý nhà nước.
4. Vì sao phải cải cách nền hành chính nhà nước ở Việt Nam?

FILE BÀI TẬP

Bài tập 1

Xưa có một ông quan ra chợ mua giày, ra đến nơi lại quên mất số đo chân nên sai lính kiệu quan về nhà tìm số đo. Khi quay lại thì chợ đã tan, quan không mua được giày.



**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Câu hỏi:

1. Theo bạn, luật pháp đặt ra có bao giờ như mău đo chân của vị quan nọ không? Vì sao?
2. Luật pháp có phải tất cả đều bắt di bắt dịch không?

Bài tập 2

Nguyên Thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu đã đưa 6 bí quyết điều hành đất nước mang lại những thành công cho đảo quốc Sư tử. Đó là:

- Đưa ra những tín hiệu rõ ràng, không nê mê hoặc nhân dân.
- Trước sau nhất trí, không nên đột nhiên chuyển hướng và sửa đổi.
- Giữ gìn liêm khiết, tuyệt đối ngăn chặn tham ô.
- Muốn được người tôn kính, không nên cầu người ưu thích, không dễ làm, khó bỏ.
- Chia sẻ lợi ích, không tước đoạt điều kiện sống cần có của nhân dân.
- Cố gắng thành công, quyết không khuất phục.

Câu hỏi:

1. Nếu bạn là một trong những người tham gia lãnh đạo nhà nước, bạn có suy nghĩ gì về 6 kinh nghiệm của Thủ tướng Lý Quang Diệu?
2. Những kinh nghiệm trên có ý nghĩa gì trong việc cải cách nền hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay?





**THƯ VIỆN
HUST**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Chương 2

ĐẶC TRƯNG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

2.1. KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

2.1.1. Khái niệm kinh tế

Kinh tế là hoạt động để tồn tại và phát triển của con người và xã hội, liên quan đến nhiều mặt của đời sống con người. Nó có nhiều mối quan hệ nên cũng có nhiều cách hiểu khác nhau:

- Kinh tế là sử dụng các nguồn tài nguyên có hạn, khan hiếm một cách hợp lý để thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của con người.
- Kinh tế là kinh bang, tế thế, là trị nước, cứu dân, tiết kiệm và hiệu quả.

Có thể hiểu, kinh tế là tổng thể các yếu tố vật chất, các điều kiện hoạt động, các quan hệ phân phối, trao đổi để con người hoạt động nhằm làm thỏa mãn nhu cầu cuộc sống của mình qua các giai đoạn lịch sử. Đó là quan hệ giữa con người với tự nhiên và quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất và tái sản xuất vật chất do quan hệ sở hữu, quan hệ lợi ích chi phối.

Như vậy, bản chất kinh tế là quan hệ sở hữu, quan hệ lợi ích. Kinh tế còn được hiểu ở quan hệ sản xuất và tiết kiệm. Với ý nghĩa đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói:

- "- Chúng ta cố gắng dành dụm, cố gắng tích lũy là để mở mang kinh tế.
- Chế độ chi tiêu của Nhà nước là một sự ràng buộc. Nhưng đó là sự ràng buộc cần thiết và rất hay. Nó ràng buộc những kẻ phung



phí, những người thích phô trương. Nó ràng buộc cả những người chỉ biết việc trước mắt mà không thấy việc lâu dài, chỉ biết việc bộ phận mình mà không thấy việc chung của cả nước. Nhưng chính nhờ đó mà nó lại chặt xiềng, chắt cánh cho kinh tế nước ta tiến lên như ngựa thằn trên con đường xã hội chủ nghĩa. Nó giúp chúng ta dành dụm từng đồng xu thành những số vốn lớn. Nó vít kín các lỗ thủng, các khe hở, không để của dành dụm của chúng ta bị hao hụt, phân tán. Như vậy mới dần được phần lớn vốn của Nhà nước vào công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa”¹.

Tóm lại, kinh tế là một phạm trù chỉ quan hệ giữa người và người trong quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội, dựa trên sở hữu và lợi ích kinh tế chi phối. Phạm trù này chưa đựng các khía cạnh hoạt động kinh tế tiết kiệm và hiệu quả, dựa trên sự so sánh các yếu tố đầu vào và đầu ra, các lĩnh vực sản xuất, phân phối, lưu thông và tiêu dùng của cải.

Kinh tế là mặt xã hội của sản xuất nên nó có tính giai cấp, tính chính trị, tính hiệu quả và tính tăng trưởng bền vững.

2.1.2. Hoạt động kinh tế

Hoạt động kinh tế là hoạt động sản xuất, kinh doanh của con người nhằm tìm kiếm lợi ích kinh tế của mình. Nếu kinh tế là một khái niệm chỉ mối liên hệ xã hội của con người trong quá trình tái sản xuất xã hội dựa trên sở hữu và lợi ích kinh tế thì hoạt động kinh tế là khái niệm chỉ rõ hoạt động của con người, của các chủ thể kinh tế nhằm đạt được lợi ích kinh tế.

Hoạt động kinh tế có các đặc trưng:

Thứ nhất, đó là hoạt động của con người, hoặc của các tổ chức kinh tế có con người tham gia.

Thứ hai, hoạt động kinh tế có mục đích là vì cuộc sống, là thu lợi nhuận và lợi ích cá nhân..., tùy trình độ phát triển sản xuất mà mục đích đó đạt được ở mức độ nào.

¹ Báo Nhân dân ngày 8/2/1960.



Trong thời kỳ cộng sản nguyên thủy, hoạt động kinh tế có mục đích chính là để sống, tìm kiếm cái ăn để sinh tồn. Ở các xã hội chiếm hữu nô lệ, phong kiến có dư thừa chút ít sản phẩm là do hoạt động kinh tế dựa trên quan hệ sở hữu của chủ nô, của địa chủ phong kiến. Hoạt động kinh tế có mục đích là bóc lột người khác, nô dịch bộ tộc khác... Đến xã hội tư bản chủ nghĩa, hoạt động kinh tế gắn liền với kinh tế thị trường, kinh tế tiền tệ, và đỉnh cao là kinh tế tư bản, thì mục đích của hoạt động kinh tế là giá trị đem lại giá trị tăng thêm, là lợi nhuận và lợi ích tối đa chứ không đơn thuần tạo ra giá trị sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu sống còn như trước đây.

Thứ ba, hoạt động kinh tế là hoạt động của con người diễn ra trong suốt quá trình sản xuất.

- Ở khâu đầu vào dựa trên quan hệ sở hữu, quan hệ lợi ích mà con người ứng xử, lựa chọn các yếu tố đầu vào gồm lao động, đất đai, tiền vốn, kỹ thuật, tài nguyên, thông tin, thiết chế quản lý vĩ mô, kết cấu hạ tầng xã hội... mà xác định quy mô sản xuất, chất lượng, giá thành...

- Ở khâu sản xuất: Hoạt động chính ở đây là sức lao động của con người được kết hợp với tư liệu sản xuất để sản xuất ra giá trị sử dụng thỏa mãn nhu cầu con người. Đặc biệt dưới chế độ chủ nghĩa tư bản thì sự kết hợp hai yếu tố sản xuất đó tạo ra giá trị sử dụng chỉ là phương tiện, còn mục đích chính là tạo ra giá trị thặng dư, tạo ra lợi nhuận tối đa bằng cách:

+ Không ngừng hoàn thiện sản xuất để có năng suất lao động cao, giá thành hạ và chất lượng sản phẩm tốt.

+ Không ngừng tăng cường bóc lột lao động làm thuê, bóc lột các dân tộc, các nước lạc hậu khác. Nguyễn Ái Quốc đã nói cách đây hơn 80 năm: “Đó chính là con đĩa hai vòi, một vòi cắm vào lao động làm thuê chính quốc và một vòi cắm vào thuộc địa và các nước phụ thuộc khác”.

- Ở khâu đầu ra là giai đoạn chuyên hóa hàng hóa thành tiền, nghĩa là giai đoạn thực hiện giá trị hàng hóa trên thị trường. Nhưng



THỦ TƯỚNG
HỘ KHẨU

như chúng ta biết, có mâu thuẫn gay gắt giữa quan hệ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa với tính chất xã hội hóa cao của sản xuất, nên khủng hoảng thừa vẫn nổ ra và thất nghiệp tăng lên bởi hàng hóa được sản xuất ra không có thị trường tiêu thụ. Do vậy, hoạt động kinh tế ở giai đoạn này là hoạt động trọng cầu, hoạt động tìm kiếm thị trường, tìm biện pháp để tăng cường tự do hóa thương mại. "Cơ hội là một sức mạnh... Mục tiêu của nước Mỹ ngày nay là tự do hóa thương mại toàn cầu..."¹

C. Mác đã từng nói: "Vì luôn luôn bị thúc đẩy bởi nhu cầu về những nơi tiêu thụ sản phẩm, giai cấp tư sản xâm lấn khắp toàn cầu. Nó phải xâm nhập vào khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ khắp nơi".²

- Giai đoạn tiêu dùng: Hoạt động kinh tế tạo ra một xã hội "hậu công nghiệp", một xã hội tiêu thụ xa hoa là không kinh tế.

Thứ tư, hoạt động kinh tế có đặc trưng là tiết kiệm và hiệu quả, là thước đo mọi hoạt động kinh tế.

Sản xuất là hoạt động kinh tế cơ bản nhất. Đặc trưng của sản xuất là tiết kiệm các nguồn lực sản xuất. Có như vậy, sản xuất mới có hiệu quả, sản xuất mới đem lại hiệu quả cao cho con người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: "Tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm là hai việc then chốt để khôi phục kinh tế... Tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm là hai việc cần thiết nhất để phát triển chế độ dân chủ, nhân dân tiến dần lên chủ nghĩa xã hội".³

Thứ năm, mục tiêu hoạt động kinh tế là lợi ích.

Kinh tế là lợi ích. Hoạt động kinh tế có hoạt động tích cực và tiêu cực. Biểu hiện của hoạt động kinh tế tiêu cực như thua lỗ, kém hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường, tham ô, lãng phí... Ngược lại, hoạt động kinh tế làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh... là hoạt động kinh tế tích cực.

¹ Bill Clinton (1997), *Hy vọng và lịch sử*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 32-33.

² Mác – Ăngghen (1962), *Toàn tập*, tập 2, NXB. Sự thật, Hà Nội, tr. 601.

³ Hồ Chí Minh (1970), *Toàn tập*, tập 1, NXB. Sự thật, Hà Nội, tr. 623.

Hoạt động kinh tế là vì lợi ích kinh tế. Nhưng có nhiều phạm vi của lợi ích kinh tế. Vấn đề là con người cần phải ứng xử với các lợi ích kinh tế đó như thế nào để bảo đảm tính bền vững cho sự phát triển của nền kinh tế. Các lợi ích gồm:

- Lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp;
- Lợi ích xã hội là chủ đạo;
- Lợi ích cộng đồng;
- Lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài;
- Lợi ích kinh tế và lợi ích kinh tế – xã hội.

Vì thế, chủ nghĩa tư bản ngày nay đang có mô hình điều chỉnh hoạt động kinh tế từ kinh tế thị trường truyền thống chuyển sang kinh tế thị trường – xã hội. Song hoạt động kinh tế thị trường xã hội gắn với nhà nước phúc lợi đã bị giới hạn của lợi ích tư sản cản trở.

Tóm lại, hoạt động kinh tế là hoạt động cơ bản bao quát rất rộng, nó gắn chặt với hoạt động sinh tồn nhằm thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của con người ngày càng tăng cao, là hoạt động vì lợi ích của con người, bảo đảm cho con người ngày càng phát triển toàn diện, thực sự tự do, hạnh phúc và giàu có. Nó có tính đặc thù riêng khác với hoạt động chính trị, xã hội...

2.1.3. Quản lý nhà nước về kinh tế

2.1.3.1. Khái niệm quản lý nhà nước về kinh tế

Quản lý nhà nước về kinh tế là sự tác động có tổ chức, có mục đích của nhà nước lên các hoạt động kinh tế (đối tượng và khách thể hoạt động kinh tế) để sử dụng có hiệu quả tiềm năng, các nguồn lực, các cơ hội nhằm đạt được mục tiêu trước mắt và lâu dài của nền kinh tế – xã hội.

Quản lý nhà nước về kinh tế là nhà nước phát hiện ra các mâu thuẫn kinh tế, từ đó đề ra các chiến lược, chính sách giải quyết các mâu thuẫn còn che giấu trong các quan hệ kinh tế chưa phát triển.¹

¹ Mác – Ăngghen (1962), *Tuyển tập*, tập 2, NXB. Sự thật, Hà Nội, tr. 184.



- Quản lý nhà nước về kinh tế là việc nhà nước nhận thức, vận dụng quy luật về các mối quan hệ quản lý như: Quy luật kinh tế, quy luật quan hệ giữa những con người trong cùng một hệ thống, giữa người thủ lĩnh của chính phủ với các ngành, các lĩnh vực, các địa phương theo hệ thống, các quy luật về công nghệ, thị trường, tổ chức... có liên quan đến sự tồn tại và phát triển của kinh tế – xã hội.

- Quản lý nhà nước về kinh tế cũng là quá trình điều hành nền kinh tế chủ yếu theo pháp luật.

- Thực chất quản lý nhà nước về kinh tế là sự kết hợp được mọi tổ chức chung của con người trong hệ thống và việc sử dụng tốt của cải vật chất thuộc phạm vi sở hữu để đạt mục tiêu kinh tế với hiệu quả cao. Vì vậy, vai trò quản lý nhà nước về kinh tế được thể hiện ở việc:

+ Nhà nước lập kế hoạch, chương trình, đề ra các mục tiêu kinh tế trong từng thời kỳ nhất định.

+ Không ngừng hoàn thiện pháp luật, thực hiện nghiêm pháp luật kinh tế. Pháp luật chỉ phối các hoạt động của công dân, của các chủ thể kinh tế của xã hội.

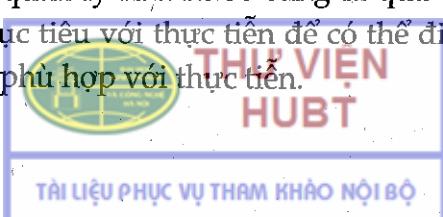
+ Đưa ra các chính sách, các công cụ điều hành để đạt mục tiêu kinh tế – xã hội với hiệu quả cao.

+ Có các biện pháp nhằm huy động các nguồn lực, khơi dậy và sử dụng có hiệu quả cao các tiềm năng, lợi thế của đất nước. Đề cao nội lực, coi trọng ngoại lực để đạt các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội đã đề ra.

+ Phải đấu tranh với thế lực nào? Và đấu tranh như thế nào? Có rủi ro nào có thể xảy ra, cách xử lý?

+ Phải kiểm tra, giám sát, xử lý các sai phạm trong quá trình triển khai các chủ trương, kế hoạch đề ra.

+ Quá trình quản lý nhà nước cũng là quá trình xem xét, đối chiếu, so sánh mục tiêu với thực tiễn để có thể điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu cho phù hợp với thực tiễn.



+ Quá trình quản lý nhà nước cũng là quá trình giáo dục, thuyết phục, khuyến khích lợi ích vật chất và cưỡng bức bằng pháp luật, thỏa mãn, hài hòa các lợi ích để động viên được sức người và sức của trong nước và ngoài nước một cách cao nhất nhằm đạt mục tiêu đã đề ra.

Quản lý nhà nước về kinh tế cần giải quyết tốt các vấn đề sau:

- + Kế hoạch phải hợp lý, đúng đắn và khoa học.
- + Quản lý nhà nước tạo động lực, môi trường, phương tiện để thực hiện các mục tiêu.
- + Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu.
- + Khi mục tiêu đạt được thì những thành quả kinh tế đó được phân phối cho ai? Ai được hưởng các lợi ích kinh tế đó...

Tóm lại, có thể hiểu:

- Quản lý nhà nước về kinh tế là quản lý các quá trình kinh tế, trong đó chủ yếu là quản lý kinh tế vĩ mô.
- Quản lý nhà nước về kinh tế bao gồm kế hoạch, tổ chức thực hiện, động viên và kiểm tra.
- Quản lý nhà nước về kinh tế là sự kết hợp giáo dục với khuyến khích lợi ích vật chất, kết hợp giáo dục với biện pháp hành chính.
- Quản lý nhà nước về kinh tế bao gồm xác định mục tiêu, phân bổ nguồn lực, tạo điều kiện thực hiện mục tiêu.
- Trong điều kiện kinh tế thị trường, phải kết hợp chặt chẽ kế hoạch với thị trường để bổ sung, hỗ trợ, uốn nắn và sửa chữa những sai sót cho nhau, làm cho nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước bằng các công cụ kế hoạch, chính sách, pháp luật và các công cụ kinh tế – xã hội khác.
- Quản lý nhà nước về kinh tế là hoạt động chủ quan, chỉ có hiệu lực và hiệu quả khi hành động phù hợp với quy luật khách quan.
- Mục tiêu quản lý to lớn nhất của nước ta hiện nay là làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.



2.1.3.2. Nội dung của quản lý nhà nước về kinh tế

- Nhà nước định hướng cho nền kinh tế phát triển. Thông qua đường lối, chiến lược phát triển, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách, hình thức tổ chức, kiểm tra, giám sát, đánh giá để quản lý.

- Nhà nước cung cấp dịch vụ và xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở để tạo điều kiện cho kinh tế phát triển nhanh và bền vững. Do vậy, quản lý nhà nước chính là quản lý sự hình thành và sử dụng các kết cấu hạ tầng, kinh tế công, làm nền móng cho sự phát triển kinh tế.

- Nhà nước tạo môi trường pháp lý cho kinh tế phát triển, vì vậy nhà nước quản lý kinh tế chủ yếu quản lý bằng pháp luật, theo pháp luật.

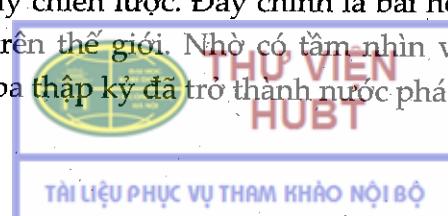
- Nhà nước điều tiết nền kinh tế, khắc phục những khuyết tật của thị trường, ổn định kinh tế vĩ mô.

- Để nền kinh tế thị trường phát triển lành mạnh, phải có hệ thống chính trị ổn định, năng động, có các cân đối vĩ mô như ổn định tiền tệ, cân bằng cán cân thanh toán, giá cả, thuế, ngân sách nhà nước... Do vậy, quản lý nhà nước chính là giữ vững sự ổn định và các cân đối vĩ mô để nền kinh tế ổn định và phát triển.

- Nền kinh tế thị trường chủ yếu phát triển và vận động theo cơ chế thị trường, trong đó sự tác động của quy luật giá trị, quy luật cung cầu, cạnh tranh... dễ dẫn đến phân hóa giàu nghèo và sự phát triển chênh lệch giữa các vùng. Do đó, quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường là gắn chặt phát triển kinh tế với vấn đề xã hội, chống phân hóa giàu nghèo.

2.1.3.3. Yêu cầu quản lý nhà nước về kinh tế

Thứ nhất, quản lý nhà nước về kinh tế trước hết là tầm nhìn chiến lược, tư duy chiến lược. Đây chính là bài học thành công của nhiều quốc gia trên thế giới. Nhờ có tầm nhìn và tư duy, một số nước nghèo sau ba thập kỷ đã trở thành nước phát triển.



Thứ hai, quản lý nhà nước về kinh tế là quản lý theo pháp luật. Để pháp luật nhà nước được tôn trọng thì pháp luật phải hợp lòng dân, đi vào cuộc sống của nhân dân. Do vậy, quá trình quản lý là quá trình giáo dục, thuyết phục, tổ chức nhân dân cùng tôn trọng pháp luật, làm theo pháp luật.

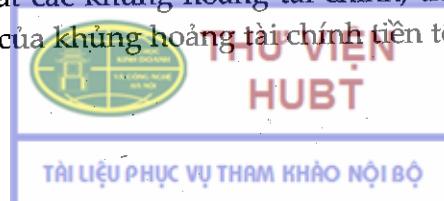
Thứ ba, nhân tố cơ bản của đối tượng hoạt động kinh tế là nhân tố con người. Do vậy, quản lý nhà nước chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm sự phát triển tự do toàn diện của con người. Con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của quản lý nhà nước nói chung, quản lý kinh tế nói riêng, đặc biệt trong kinh tế, lợi ích của con người là căn cứ quan trọng của chính sách.

Thứ tư, quản lý nhà nước về kinh tế nhằm phát triển lực lượng sản xuất, do vậy, nhà nước quản lý hướng tới sự phát triển nhanh chóng, toàn diện khoa học – công nghệ tân tiến, hiện đại và có nguồn nhân lực chất lượng cao thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong đó, nội dung rất quan trọng là thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ năm, quản lý nhà nước về kinh tế chính là quá trình vừa đảm bảo tính độc lập, tự chủ về kinh tế, vừa từng bước hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế toàn cầu, tham gia phân công lao động quốc tế, phát huy lợi thế so sánh của đất nước. Độc lập tự chủ trong điều kiện mới là biết sử dụng tiềm năng, lợi thế trong quan hệ đa phương, chủ động tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ sáu, quá trình quản lý nhà nước về kinh tế cũng chính là quá trình từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp với lực lượng sản xuất mới; trên cơ sở giải quyết tốt các quan hệ sở hữu, quản lý, phân phối, tạo động lực phát triển.

Thứ bảy, quản lý nhà nước về kinh tế là sự quản lý tài chính, tiền tệ, ổn định kinh tế vĩ mô, đồng thời ngăn chặn và hạn chế đến mức thấp nhất các khủng hoảng tài chính, tiền tệ, ngân hàng, hạn chế tác động của khủng hoảng tài chính tiền tệ có tính toàn cầu đến nước ta.



2.2. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

2.2.1. Khái niệm và các loại kinh tế thị trường

Nền kinh tế được coi như một hệ thống các quan hệ kinh tế. Khi các quan hệ kinh tế giữa các chủ thể biểu hiện qua mua, bán hàng hóa, dịch vụ trên thị trường (người bán cần tiền, người mua cần hàng hóa, dịch vụ và họ phải gặp nhau trên thị trường) thì nền kinh tế đó gọi là nền kinh tế thị trường.

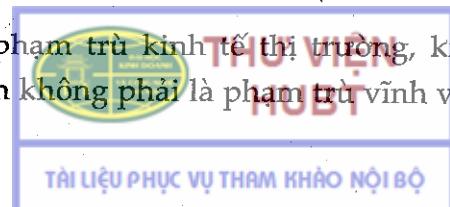
Kinh tế thị trường là cách tổ chức nền kinh tế – xã hội, trong đó các quan hệ kinh tế của các cá nhân, các doanh nghiệp đều biểu hiện qua quan hệ mua, bán hàng hóa, dịch vụ trên thị trường nhằm tìm kiếm lợi ích của chính mình theo sự dẫn dắt của giá cả thị trường.

Kinh tế thị trường là kinh tế hàng hóa phát triển ở trình độ cao. Khi tất cả các quan hệ kinh tế trong quá trình tái sản xuất xã hội đều được tiền tệ hóa, các yếu tố của sản xuất như đất đai và tài nguyên, vốn bằng tiền và vốn vật chất, sức lao động, công nghệ và quản lý, các sản phẩm dịch vụ tạo ra, chất xám đều là đối tượng mua – bán và hàng hóa.

Kinh tế thị trường – kinh tế hàng hóa là sản phẩm của cả xã hội, nó là bước đi tất yếu quan trọng của loài người gắn với sự phát triển của sản xuất. Nó không phải là giai đoạn lịch sử trước chủ nghĩa xã hội, càng không phải chỉ thuộc chủ nghĩa tư bản như một số người quan niệm.

Trong xã hội có giai cấp, có nhiều giai cấp và tầng lớp xã hội khác nhau, với những lợi ích khác nhau thì nền kinh tế hàng hóa không thể thuần nhất. Gắn với mỗi hình thức sở hữu tư liệu sản xuất của mỗi tầng lớp xã hội là một thành phần kinh tế có những đặc thù, có quá trình phát triển riêng. Bởi vậy, nền kinh tế thị trường có nhiều thành phần cũng là một tất yếu khách quan của lịch sử. Điều đó không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của giai cấp hay tầng lớp nào.

Tuy nhiên, phạm trù kinh tế thị trường, kinh tế hàng hóa nhiều thành phần không phải là phạm trù vĩnh viễn mà nó mang



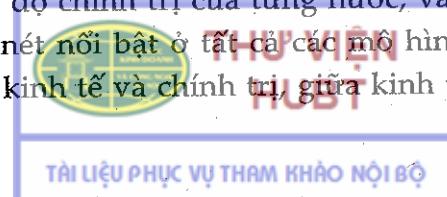
tính lịch sử. Trước hết, ở mỗi giai đoạn lịch sử, mỗi phương thức sản xuất khác nhau, kinh tế thị trường có những đặc điểm riêng. Những đặc điểm này bị điều kiện lịch sử cụ thể của giai đoạn và phương thức sản xuất đó quy định. Bởi vậy, nói đến kinh tế thị trường bao giờ cũng phải gắn nó với một thể chế, một chế độ chính trị - xã hội nhất định, không có một nền kinh tế thị trường chung cho mọi xã hội, mọi trình độ phát triển của loài người. Ở mỗi chế độ chính trị, giai cấp thống trị và đảng cầm quyền (của giai cấp đó) luôn sử dụng kinh tế thị trường như là một phương tiện để phát triển kinh tế - xã hội theo mục tiêu và phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị. Có thể nhận biết điều đó qua các bằng chứng lịch sử.

Trong xã hội phong kiến, thị trường trao đổi, mua bán hàng hóa còn giản đơn bởi sản xuất chưa phát triển. Thị trường bị bó hẹp trong phạm vi cát cứ của các lãnh chúa phong kiến.

Thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản, khi chủ nghĩa tư bản còn mang tính tự do cạnh tranh thì thị trường cũng mang đầy đủ tính chất tự do cạnh tranh đó. Các nhà lý luận thời đó, tiêu biểu là A. Smith đòi hỏi một "thị trường tự do", kêu gọi nhà nước không nhúng tay vào, "không cần có kế hoạch, không cần có quy tắc, thị trường sẽ giải đáp tất cả". Đó là thời kỳ gắn liền với nền chính trị cộng hòa, với nhà nước dân chủ tư sản đang còn phải đương đầu với thế lực quân chủ chuyên chế.

Kinh tế thị trường chịu sự tác động, điều hành của nhà nước thể hiện rõ trong nền thống trị phát xít. Ở đó, hoạt động của nền kinh tế phải răm rắp tuân theo mệnh lệnh của nhà nước trong một cơ chế hết sức nghiêm ngặt.

Trong lịch sử, đặc biệt từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay, có rất nhiều mô hình kinh tế thị trường khác nhau, tùy thuộc vào chế độ chính trị của từng nước, vào giai cấp nào nắm quyền. Song, nét nổi bật ở tất cả các mô hình đó là sự kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế và chính trị, giữa kinh tế với dân tộc, kinh



tế thị trường bao giờ cũng là nền kinh tế thị trường hỗn hợp, nhiều thành phần, vận động và phát triển không thể thiếu sự can thiệp của nhà nước.

2.2.2. Quan hệ sở hữu và lợi ích trong nền kinh tế thị trường

2.2.2.1. Quan hệ sở hữu trong nền kinh tế thị trường

Sở hữu trước hết là một quan hệ chiếm hữu của con người đối với tự nhiên thông qua lao động sản xuất. Không có lao động thì không có chiếm hữu và do đó không có sở hữu. Với tư cách là lao động chung, trùu tượng của con người, sở hữu biểu hiện như một quan hệ sản xuất phản ánh lao động xã hội tổng thể của con người nhằm tác động, chiếm hữu những điều kiện khách quan phục vụ lợi ích của con người. Lao động tổng thể được cấu thành bởi tổng số các lao động cá biệt, biểu hiện ở thời gian lao động xã hội cần thiết mà xã hội phải dành ra để sản xuất sản phẩm nhất định.

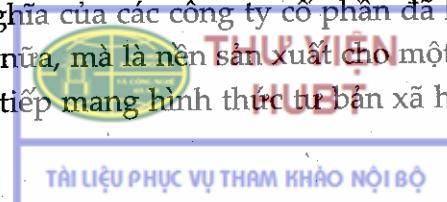
Xét về mặt này, sở hữu bao giờ cũng mang tính xã hội, phản ánh mối quan hệ giữa con người với nhau trong quá trình chiếm hữu điều kiện lao động. Với tư cách là lao động cụ thể, có ích của con người, sở hữu biểu hiện như là quá trình chiếm hữu thực tế bằng lao động của mình tác động vào các đối tượng cụ thể để tạo ra một vật phẩm nhất định. Xét về mặt này, sở hữu bao giờ cũng mang tính cá biệt, phản ánh một dạng hoạt động lao động cụ thể của con người. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa đã đem lại cho sở hữu một sự vận động mang tính hai mặt vừa thống nhất, lại vừa tách biệt nhau. Một mặt, sở hữu là hình thái xã hội tuyệt đối của cải được xã hội thừa nhận như là giá trị, có thể tích lũy, chuyển nhượng hay trao đổi... Mặt khác, sở hữu lại phải luôn luôn ở một trạng thái hoạt động cụ thể, một sự chiếm hữu giá trị sử dụng nhất định. Vì vậy, nó bao giờ cũng thuộc về một quá trình chiếm hữu thực tế hay một quá trình kinh doanh của một chủ thể tư nhân, tập thể hay nhà nước...

Hệ quả của tính hai mặt hay sự tách rời tương đối đó dẫn tới sự phân biệt giữa quyền sở hữu và quyền chiếm hữu thực tế (hay

còn gọi là quyền sử dụng hoặc quyền kinh doanh). Quyền sở hữu ở đây là việc nắm quyền chi phối giá trị nhằm mục đích tìm kiếm một giá trị lớn hơn. Còn quyền chiếm hữu thực tế là việc thực hiện một hoạt động kinh tế cụ thể để tạo ra giá trị – nó là phương tiện để tăng giá trị. Chính sự tách biệt này đã tạo ra những tầng lớp đầu tư gián tiếp, không trực tiếp kinh doanh, nhưng vẫn thu lợi bằng quyền sở hữu của mình. Trong quá trình lịch sử lâu dài, điều đó thể hiện ở sự ra đời và phát triển thị trường tài chính và công ty cổ phần trong nền kinh tế thị trường.

Hệ quả của tính hai mặt của sở hữu giúp người ta nhìn nhận, không phân biệt đối xử với các loại hình sở hữu khác nhau khi sở hữu được khoác những cái tên thể hiện chủ sở hữu như sở hữu tư nhân, sở hữu tập thể, sở hữu nhà nước... Vì rằng, dù mang tên chủ sở hữu nào chăng nữa thì vẫn góp phần nói lên tính xã hội của nó, thể hiện ở hình thái giá trị, hình thái tiền tệ, cùng với sự vận động của nền kinh tế hàng hóa, hệ thống ngân hàng, thị trường tài chính, công ty cổ phần..., kéo theo nó là sự phồn thịnh của nền kinh tế.

Trong nền kinh tế thị trường, tồn tại nhiều hình thức sở hữu khác nhau, trong đó sở hữu tư nhân chiếm tỷ lệ chủ yếu. Tiếp đó là các hình thức sở hữu khác như sở hữu của nhà nước, sở hữu hỗn hợp, sở hữu tập thể... ở các nước phát triển, kinh tế thị trường dựa vào sở hữu tư nhân, sở hữu cổ phần và sở hữu của nhà nước tư bản... Theo tạp chí kinh doanh *FAQ* tháng 12/2000 của SBA, các nhà kinh doanh nhỏ ở Mỹ chiếm trên 99,7% tổng số hàng kinh doanh có thuê công nhân, sản xuất 51% tổng sản phẩm của khu vực tư nhân, cung cấp 75% số việc làm mới được tạo ra. Còn các công ty đa quốc gia là các công ty cổ phần, tập trung trong tay số tư bản lớn, có thể nói, số vốn này là do các nhà tài phiệt chi phối. Hiện tại, chỉ hơn 100 công ty đa quốc gia hàng đầu đã chiếm khoảng 1/4 sản lượng toàn thế giới. Khi nói về sở hữu cổ phần, C. Mác đã chỉ ra rằng: Sản xuất tư bản chủ nghĩa của các công ty cổ phần đã không còn là nền sản xuất tư nhân nữa, mà là nền sản xuất cho một số cổ đông. Công ty cổ phần trực tiếp mang hình thức tư bản xã hội đối lập với tư bản



tư nhân, còn các xí nghiệp của nó biểu hiện ra là các xí nghiệp xã hội đối lập với các xí nghiệp tư nhân. Đó là sự thủ tiêu tư bản với tư cách là sở hữu tư nhân trong khuôn khổ của bản thân phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Như vậy, trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, có một chủ sở hữu không phải là sở hữu tư nhân (như người ta đã nhầm tưởng, đây là sở hữu duy nhất) mà là sở hữu của các cổ đông hay đáng dấp của sở hữu tập thể, sở hữu công cộng.

Còn sở hữu nhà nước ở các nước tư bản cũng rất rõ. Ở các nước tư bản, có sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế (nhất là từ khi vận dụng học thuyết kinh tế của Keynes) nhằm góp phần điều tiết chu kỳ phát triển. Chi tiêu của chính phủ (cũng có nghĩa là sở hữu của nhà nước dưới hình thức tiền tệ, vốn) nhằm xây dựng các xí nghiệp quốc doanh sản xuất hàng hóa và dịch vụ công... thường chiếm một tỷ trọng thấp trong GDP của mỗi nước.

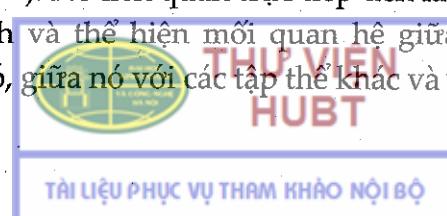
2.2.2.2. Lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường

Lợi ích là một trong những vấn đề quan trọng, là yếu tố trung tâm chi phối toàn bộ hoạt động của con người và là động lực của sự phát triển xã hội. C. Mác đã chỉ ra rằng: "Tất cả những gì con người đấu tranh để giành lấy, đều dính liền với lợi ích của họ".

Trong nền kinh tế thị trường, tồn tại ba loại lợi ích chủ yếu: Lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích xã hội.

Lợi ích cá nhân là lợi ích của từng con người cụ thể, bao hàm không chỉ những lợi ích riêng (liên quan đến cuộc sống cá nhân), mà còn cả những lợi ích chung (liên quan đến các cá nhân khác, đến tập thể và xã hội).

Lợi ích tập thể là lợi ích của các cộng đồng người (giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế – xã hội, chính trị – xã hội...). Nó liên quan trực tiếp đến lao động trong một tập thể nhất định và thể hiện mối quan hệ giữa tập thể với các thành viên của nó, giữa nó với các tập thể khác và với xã hội.

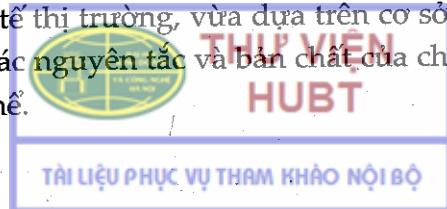


Lợi ích xã hội là tổng hợp những lợi ích chung của toàn xã hội (bao gồm những lợi ích của các cá nhân và tập thể trong xã hội); nó thể hiện quan hệ cơ bản, lâu dài của xã hội (quốc gia) với các thành viên và tập thể trong xã hội. Đại biểu (chủ thể) của lợi ích xã hội là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Trong quan hệ “lợi ích xã hội – lợi ích tập thể – lợi ích cá nhân”, thì lợi ích cá nhân là cơ sở, động lực trực tiếp thúc đẩy hoạt động của con người và sự phát triển xã hội; lợi ích tập thể trở thành “mắt xích trung gian” chuyển hóa hoạt động cá nhân vào xã hội và tác động xã hội vào cá nhân; lợi ích xã hội giữ vai trò chủ đạo, điều chỉnh, định hướng hoạt động cá nhân và tập thể để tạo ra hệ thống động lực tác động cùng chiều, cùng hướng với sự phát triển xã hội. Đó là cơ sở khách quan của tính thống nhất giữa các lợi ích và sự kết hợp hài hòa giữa chúng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nó cũng là cơ sở kinh tế của sự đồng thuận và thống nhất về tư tưởng, chính trị, văn hóa, mục đích và hành động của toàn xã hội. C. Mác chỉ rõ: “Ở đâu không có sự thống nhất về lợi ích thì ở đó không thể có sự thống nhất về mục đích, chứ đừng nói đến sự thống nhất trong hành động”.

2.3. CÁC ĐẶC TRƯNG CHỦ YẾU CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chính là mô hình kinh tế trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vừa mang những đặc điểm chung của kinh tế thị trường hiện đại (đã và đang tồn tại, phát triển ở các nước trên thế giới), vừa có những đặc điểm riêng phù hợp với điều kiện và đặc điểm cụ thể của Việt Nam. Xét về bản chất, nó là một mô hình tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được sự dẫn dắt, chỉ phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội ở một đất nước cụ thể.



Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có những đặc điểm chủ yếu sau:

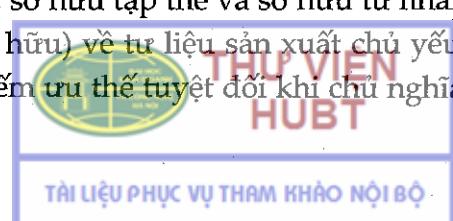
2.3.1. Hệ thống mục tiêu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Mục tiêu chung là thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu cụ thể từ nay đến năm 2020, từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật bảo đảm cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển thuận lợi; phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước đi đôi với phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; hình thành một số tập đoàn kinh tế, các tổng công ty đa sở hữu, áp dụng mô hình quản trị hiện đại, có năng lực cạnh tranh quốc tế; đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công; phát triển đồng bộ, đa dạng các loại thị trường cơ bản thống nhất trong cả nước, từng bước liên thông với thị trường khu vực và thế giới; giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; nâng cao hơn hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị – xã hội và nhân dân trong quản lý, phát triển kinh tế – xã hội.

2.3.2. Chế độ sở hữu và thành phần kinh tế

Trong báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ IX, Đảng ta xác định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, trong đó có ba hình thức sở hữu cơ bản là sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân, “chế độ sở hữu công cộng (công hữu) về tư liệu sản xuất chủ yếu từng bước được xác lập và sẽ chiếm ưu thế tuyệt đối khi chủ nghĩa xã hội được xây



dựng xong về cơ bản". Văn kiện Đại hội X Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: "Phát triển kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân".

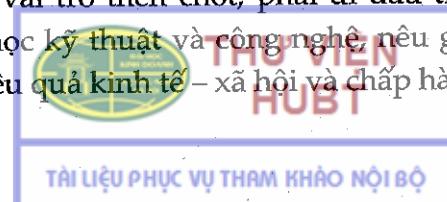
Ngoài ba hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế cơ bản trên đây, Hiến pháp năm 1992 còn thừa nhận một số hình thức sở hữu hỗn hợp, đan xen, được hình thành từ mối liên hệ liên doanh liên kết giữa các thành phần kinh tế. Điều 22 Hiến pháp năm 1992 quy định: Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được liên doanh, liên kết với cá nhân, tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Đây là cơ sở pháp lý để thừa nhận sự tồn tại hình thức sở hữu của các tổ chức kinh tế do các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế liên kết liên doanh như sở hữu của các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, sở hữu của xí nghiệp liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX nêu 6 thành phần kinh tế, đến Đại hội X của Đảng đã xác định nước ta có 5 thành phần kinh tế chủ yếu sau:

(1) *Thành phần kinh tế nhà nước*, bao gồm các doanh nghiệp nhà nước, ngân hàng nhà nước, các quỹ dự trữ quốc gia, các quỹ bảo hiểm nhà nước và các tài sản thuộc sở hữu nhà nước có thể đưa vào vòng chu chuyển kinh tế.

Kinh tế nhà nước dựa trên chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất (sở hữu toàn dân và sở hữu nhà nước). Kinh tế nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong nền kinh tế quốc dân, là nhân tố mở đường cho sự phát triển kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Các doanh nghiệp nhà nước, bộ phận quan trọng của kinh tế nhà nước giữ vai trò then chốt, phải đi đầu trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ, nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế – xã hội và chấp hành pháp luật.



(2) *Thành phần kinh tế tập thể*: Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt, có thể dựa trên sở hữu tập thể, cũng có thể quyền sở hữu hợp pháp vẫn thuộc về các thành viên, nhưng quyền sử dụng lại mang tính chất tập thể.

Kinh tế tập thể là hình thức liên kết tự nguyện, rộng rãi của người lao động, các hộ sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa không giới hạn về quy mô, lĩnh vực và địa bàn, có thể kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành.

Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo cán bộ, ứng dụng khoa học, công nghệ, thông tin, mở rộng thị trường, xây dựng các quỹ phát triển hỗ trợ hợp tác, giải quyết nợ tồn đọng. Khuyến khích việc tích lũy, phát triển có hiệu quả vốn tập thể trong hợp tác xã.

(3) *Thành phần kinh tế tư nhân*: Kinh tế cá thể, tiểu chủ ở nông thôn và thành thị hoạt động kinh doanh dựa vào vốn và sức lao động của người sở hữu là chủ yếu. Thế mạnh của thành phần kinh tế này là phát huy nhanh và có hiệu quả vốn, sức lao động, tay nghề, sản phẩm truyền thống..., vì thế nó có vai trò rất quan trọng trong sự phát triển. Do những ưu thế đó, Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ về vốn, kỹ thuật, công nghệ, tài chính, tiêu thụ sản phẩm... để nó phát triển, khuyến khích các hình thức tổ chức hợp tác tự nguyện, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp hoặc phát triển lớn hơn.

Kinh tế tư bản tư nhân bao gồm các đơn vị kinh tế mà vốn do một hoặc một số nhà tư bản trong và ngoài nước đầu tư để sản xuất kinh doanh. Nét nổi bật của thành phần kinh tế này là sở hữu tư nhân hoặc sở hữu hỗn hợp và lao động làm thuê, nó được tổ chức dưới hình thức doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần. Các doanh nghiệp kinh tế tư bản tư nhân không chỉ đóng góp và huy động ngày càng nhiều các nguồn vốn trong xã hội đầu tư vào sản xuất, kinh doanh mà còn qua đó giữ vai trò quan trọng trong việc tạo thêm việc làm, xóa đói giảm nghèo,

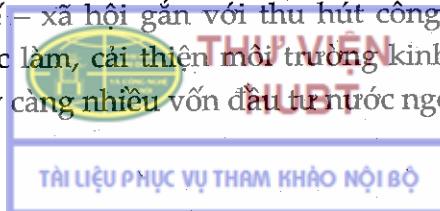


**THỦ VIỆN
HUBT**

cải thiện đời sống và hoạt động nhân đạo. Với vị thế ấy, Nhà nước chủ trương khuyến khích phát triển rộng rãi kinh tế tư bản tư nhân trong các ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm; tạo môi trường kinh doanh về chính sách, pháp lý để phát triển trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài; khuyến khích tư bản tư nhân chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động; đẩy mạnh liên doanh liên kết với các thành phần kinh tế khác.

(4) *Thành phần kinh tế tư bản nhà nước:* Kinh tế tư bản nhà nước bao gồm tất cả các hình thức hợp tác, liên doanh giữa kinh tế nhà nước và kinh tế tư bản trong nước cũng như nước ngoài, nhằm khai thác các nguồn lực cho sự phát triển và đặt dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam. Kinh tế tư bản nhà nước là sản phẩm từ sự can thiệp thông minh của Nhà nước vào hoạt động của các tổ chức, đơn vị kinh tế tư bản. Thực tiễn nhiều năm qua cho thấy, kinh tế tư bản nhà nước thực sự là cầu nối giữa sản xuất nhỏ và sản xuất lớn, là “nhip cầu trung gian” đi lên xã hội chủ nghĩa. Nó có vai trò quan trọng trong việc động viên tiềm năng to lớn về vốn, công nghệ, khả năng tổ chức quản lý của các nhà tư bản, vì lợi ích của bản thân họ cũng như của công cuộc xây dựng và phát triển của đất nước. Do đó, Đảng ta chủ trương phát triển đa dạng các hình thức tư bản nhà nước dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước.

(5) *Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:* Đây là thành phần kinh tế mới được bổ sung. Sở dĩ như vậy là vì thực tế trong những năm gần đây bộ phận đầu tư kinh doanh của nước ngoài chiếm tỷ trọng ngày càng tăng, có vị trí quan trọng trong nền kinh tế nước ta. Đảng đã chủ trương tạo điều kiện để thành phần kinh tế này phát triển thuận lợi, hướng mạnh vào khâu xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm, cải thiện môi trường kinh doanh và pháp lý để thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư nước ngoài.



2.3.3. Cơ chế vận hành kinh tế

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước và theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Ở đây, cơ chế thị trường là tổng thể phương thức vận hành nền kinh tế sao cho phù hợp với các quy luật khách quan của thị trường, trong đó gồm có các quan hệ kinh tế (mà quan hệ cung cầu là trung tâm), các hình thức kinh tế (mà giá cả thị trường là cốt lõi), các phương pháp (mà cạnh tranh là sức sống), từ đó tạo ra những lực hút, lực đẩy theo một xu hướng nhất định nhằm chi phối ba vấn đề cơ bản của nền sản xuất xã hội: Sản xuất cái gì, sản xuất bằng cách nào, sản xuất cho ai.

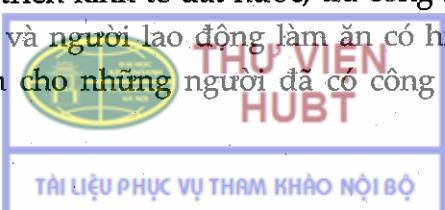
Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước được thể hiện trong việc vận hành nền kinh tế ở cả tầm vĩ mô và vi mô, cả trong sản xuất, lưu thông và phân phối. Quản lý nhà nước về kinh tế được đổi mới từ can thiệp trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính vào hoạt động sản xuất, kinh doanh sang quản lý bằng luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và các công cụ điều tiết vĩ mô khác.

2.3.4. Hình thức phân phối

Hiện nay ở nước ta có ba hình thức phân phối chính:

- Phân phối theo lao động và hiệu quả kinh tế;
- Phân phối theo vốn, tài sản và các nguồn lực khác;
- Phân phối thông qua các quỹ phúc lợi xã hội.

Trong đó, phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu. Sở dĩ có các hình thức phân phối trên bởi lẽ, nền kinh tế của chúng ta còn tồn tại nhiều chủ thể sản xuất, kinh doanh. Với nhiều hình thức phân phối khác nhau, chúng ta có thể vừa khuyến khích người lao động hăng hái đóng góp tài năng của mình cho công cuộc phát triển kinh tế đất nước, trả công xứng đáng cho các chủ thể kinh tế và người lao động làm ăn có hiệu quả, đồng thời bảo đảm lợi ích cho những người đã có công đóng góp cho đất



nước và trợ cấp cho các đối tượng không có khả năng lao động thông qua các quỹ phúc lợi xã hội nhằm giảm khoảng cách giàu nghèo trong xã hội, thể hiện bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

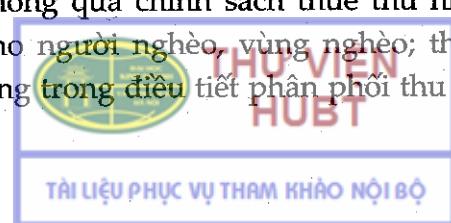
Để nền kinh tế thị trường không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm tốt các vấn đề xã hội và thực hiện công bằng xã hội, Nhà nước phải chủ động thực hiện và điều tiết các quan hệ phân phối, cụ thể:

- Kết hợp vấn đề kinh tế với vấn đề xã hội: Mục đích của sự kết hợp này là vừa bảo đảm cho các chủ thể tham gia kinh tế thị trường có điều kiện đua tranh phát huy tài năng và có lợi nhuận cao, vừa chú ý đến sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội.

- Kết hợp chặt chẽ các nguyên tắc phân phối của chủ nghĩa xã hội và nguyên tắc của kinh tế thị trường, trong đó, phải làm sao để quan hệ phân phối theo lao động đóng vai trò chủ đạo. Thừa nhận sự tồn tại của các hình thức thuê mướn lao động, các quan hệ thị trường lao động, nhưng không để chúng biến thành quan hệ thống trị, dẫn đến tình trạng không kiểm soát được sự phân hóa xã hội thành hai cực đối lập.

- Nhà nước chủ động điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp dân cư theo hướng tích cực. Một mặt, Nhà nước phải có chính sách hỗ trợ người nghèo để giảm bớt khoảng cách chênh lệch giữa lớp người giàu và lớp người nghèo cũng như sự chênh lệch quá mức giữa các vùng, miền, các dân tộc và các tầng lớp, dân cư, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội. Mặt khác, phải có chính sách, biện pháp bảo vệ thu nhập chính đáng, hợp pháp cho người giàu, khuyến khích người có tài năng.

Việc điều tiết phân phối thu nhập được thực hiện theo hai kênh: Nhà nước là chủ thể duy nhất tiến hành tổ chức điều tiết phân phối thu nhập trên phạm vi toàn xã hội, nhằm bảo đảm công bằng xã hội thông qua chính sách thuế thu nhập, chính sách trợ cấp, ưu đãi cho người nghèo, vùng nghèo; thị trường có những nguyên tắc riêng trong điều tiết phân phối thu nhập. Chế độ phân



phối trong xã hội là sự kết hợp giữa cơ chế thị trường và sự quản lý, điều tiết của Nhà nước.

Trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc thực hiện công bằng xã hội không thể chỉ dựa vào chính sách điều tiết và phân phối lại thu nhập của các tầng lớp dân cư, mà còn phải thực hiện tốt các chính sách phát triển kinh tế – xã hội, nhằm giải quyết hài hòa các mối quan hệ xã hội, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2.3.5. Tính văn hóa dân tộc trong nền kinh tế thị trường

Văn hóa, hiểu theo nghĩa hẹp, là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, thể hiện trong đời sống tinh thần của con người. Song, văn hóa không chỉ là một hình thái của ý thức xã hội, mà còn là trình độ phát triển lịch sử của một xã hội nhất định, là những năng lực và hoạt động sáng tạo của con người trong xã hội đó; nó biểu hiện ở lối sống, trình độ tri thức, sự phát triển đạo đức và thẩm mỹ, hoàn thiện nhân cách... Như vậy, theo nghĩa rộng, văn hóa không chỉ là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, mà nó còn thâm sâu vào mọi hoạt động của xã hội.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta luôn khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực để thúc đẩy kinh tế – xã hội phát triển. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, mang nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa kết tinh truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc vừa tiếp thu tinh hoa của văn hóa nhân loại, khẳng định được tầm vóc, trình độ, bản lĩnh và bản sắc văn hóa Việt Nam trong giao lưu và hợp tác quốc tế.

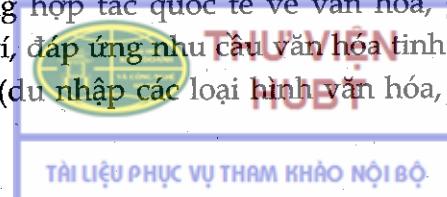
Quá trình toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế có thể tạo ra cơ hội, đồng thời đặt ra thách thức đối với sự phát triển của văn hóa Việt Nam. Về thời cơ, hội nhập kinh tế quốc tế tạo điều kiện thuận lợi để đổi mới tư duy về kinh tế, tạo cơ hội cho quá trình

THƯ VIỆN
HUBI

đổi mới tư duy về văn hóa trong cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và mở rộng giao lưu văn hóa trong xu thế toàn cầu hóa. Đây là cơ hội rất lớn để chúng ta xem xét, đánh giá vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế – xã hội, gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa với nhiệm vụ phát triển kinh tế và xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị, khai thác văn hóa như một động lực, như một nguồn lực để phát triển kinh tế – xã hội. Đặc biệt là trong thời kỳ xuất hiện nền kinh tế thị trường và xã hội thông tin, khoa học – công nghệ, một thành tựu lớn của sự sáng tạo văn hóa trở thành nguồn lực trực tiếp thúc đẩy kinh tế – xã hội phát triển. Hội nghị lần thứ 10 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) đã khẳng định, phát triển văn hóa gắn liền với phát triển kinh tế và xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị. Đảm bảo thực hiện tốt ba lĩnh vực trên là điều kiện đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng tạo cơ hội để phát triển giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ, xây dựng và phát triển nguồn lực con người, đặc biệt là nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ trí thức và nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần xây dựng văn minh đô thị và công nghiệp, tạo động lực để hiện đại hóa văn hóa dân tộc. Hiện đại hóa văn hóa dân tộc trước hết phải được chuẩn bị trong hệ thống giáo dục – đào tạo và trong hệ thống giáo dục ngoài nhà trường để tạo lập môi trường văn hóa lành mạnh cho quá trình xây dựng con người, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước và sự biến đổi của tình hình quốc tế.

Sự phát triển kinh tế cũng tạo cơ hội để chuyển giao vốn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ, chuyển giao kỹ năng và kinh nghiệm tổ chức, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa, tạo ra cơ hội để mở rộng xuất nhập khẩu văn hóa phẩm, mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa, góp phần nâng cao trình độ dân trí, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần ngày càng cao của nhân dân (đu nhập các loại hình văn hóa, nghệ thuật, giải trí,

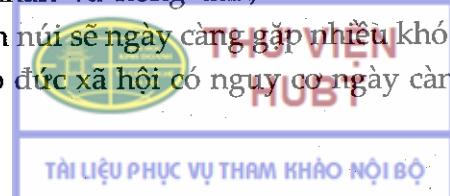


thể thao, giới thiệu các thành tựu văn hóa Việt Nam ra nước ngoài...), kích thích năng lực sáng tạo của nền văn hóa dân tộc.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ tạo điều kiện để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại cho sự nghiệp phát triển văn hóa dân tộc. Các khu công nghiệp, khu chế xuất được xây dựng nhiều, các liên doanh, liên kết kinh tế quốc tế mở rộng, các khu vui chơi giải trí, văn hóa, thể thao được nâng cấp, tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu học tập, thưởng thức văn hóa, nghệ thuật của nhân dân ngày càng cao. Nó cũng tác động vào tinh thần dân tộc, ý thức cộng đồng, kích thích tinh thần dân tộc phát triển, thúc đẩy tinh thần cạnh tranh để nâng cao vị thế văn hóa của dân tộc trong khu vực và cộng đồng quốc tế.

Mặt khác, cũng có thể nhận thấy một số thách thức nỗi lên trong kinh tế thị trường đối với văn hóa Việt Nam như: về sự tụt hậu của văn hóa so với tốc độ phát triển của kinh tế và so với các nước trong khu vực; tạo ra sự chênh lệch hướng về phát triển văn hóa. Mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới là xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đang bị nhiều cản trở do tính thương mại của hoạt động văn hóa đang diễn ra một cách xô bồ, hỗn loạn, không chỉ dừng lại ở suy thoái lối sống và đạo đức xã hội ở một bộ phận không nhỏ, mà còn có nguy cơ làm biến dạng cả mục tiêu, lý tưởng chính trị định hướng, vi phạm các nguyên tắc và chuẩn mực xây dựng nền văn hóa. Sự du nhập tràn lan và hỗn loạn các sản phẩm văn hóa độc hại của nước ngoài có thể tác động làm cho văn hóa nước ta suy yếu và lệ thuộc.

Sự phân hóa xã hội trên lĩnh vực văn hóa diễn ra mạnh mẽ cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đời sống văn hóa của các vùng nông thôn, miền núi, đời sống văn hóa của các nhóm xã hội nghèo so với các vùng đô thị, các loại hình nghề nghiệp có thu nhập cao có khoảng cách ngày càng xa. Đặc biệt là đời sống văn hóa của công nhân và nông dân, nhất là ở những vùng dân tộc thiểu số và miền núi sẽ ngày càng gặp nhiều khó khăn. Sự suy thoái về lối sống, đạo đức xã hội có nguy cơ ngày càng gia tăng, nhất là

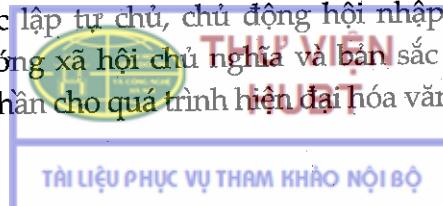


sự sa sút về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và nếp sống ở một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân; mức độ trầm trọng của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, của các tệ nạn xã hội và các tiêu cực xã hội khác. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự mất ổn định, thậm chí đe dọa sự tồn tại chế độ chính trị – xã hội.

Sức cạnh tranh của văn hóa dân tộc đối với các nền văn hóa trong khu vực và cộng đồng quốc tế yếu. Sức cạnh tranh của nền kinh tế nước ta phải bao hàm cả sức cạnh tranh về văn hóa như: hàm lượng khoa học trong giá trị sản phẩm, vận dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm (ISO), tiêu chuẩn về môi trường lao động và sinh hoạt cộng đồng (SA 8000), tiêu chuẩn về minh bạch trong kế toán, kiểm toán, trình độ am hiểu luật pháp quốc tế và nền văn hóa của các đối tác kinh tế. Trình độ về khoa học – công nghệ, giáo dục đào tạo, chỉ số HDI của Việt Nam rất thấp so với các nước trong khu vực và cộng đồng quốc tế.

Đội ngũ trí thức khoa học và trí thức văn nghệ gặp nhiều khó khăn trong sáng tạo. Thị trường khoa học mới hình thành, còn nhiều bất cập cả về chính sách và quản lý sở hữu trí tuệ. Việc thu hút nhân tài vào các cơ quan công quyền khó khăn do chế độ đài ngộ thấp. Tình trạng rò rỉ chất xám ngày càng gia tăng, do trình độ tổ chức quản lý của Nhà nước còn nhiều mặt hạn chế và chiến lược sử dụng nhân tài có mặt chưa hợp lý.

Để thúc đẩy nền văn hóa dân tộc tiên tiến, Đảng ta đề ra yêu cầu: “Bản sắc dân tộc và tính chất tiên tiến của nền văn hóa phải được thẩm định không chỉ trong công tác văn hóa – văn nghệ mà cả trong mọi hoạt động xây dựng sáng tạo vật chất, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo... sao cho trong mọi lĩnh vực của chúng ta có cách tư duy độc lập, có cách làm vừa hiện đại, vừa mang sắc thái Việt Nam”. Để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong nền kinh tế thị trường, trước hết cần phát huy truyền thống yêu nước và tinh thần đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc văn hóa dân tộc, tạo động lực tinh thần cho quá trình hiện đại hóa văn hóa dân tộc.



Tinh thần yêu nước và đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường là những giá trị hàng đầu trong bảng giá trị văn hóa của dân tộc. Chúng ta phải tăng cường giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng, giáo dục ý thức và trách nhiệm công dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, tạo động lực tinh thần thống nhất và đồng thuận trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó, cần nâng cao trình độ dân trí, trình độ khoa học – công nghệ và trình độ quản lý nhà nước cho phù hợp với yêu cầu và tốc độ của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; nâng cao tính sáng tạo của nền văn hóa dân tộc, mở rộng dân chủ, khai thác mọi tiềm năng, sáng tạo trong nhân dân, khuyến khích đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân tham gia vào quá trình xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc.

Tóm lại, kế thừa và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là một vấn đề có nhiều ý nghĩa quan trọng không chỉ trong giai đoạn hiện nay mà cả ở tương lai của đất nước. Do đó, nó phải trở thành ý thức, tình cảm và hành động của toàn xã hội. Kế thừa và phát triển bản sắc văn hóa của dân tộc không phải là việc chung chung, trừu tượng, càng không phải là sự hô hào khẩu hiệu, phô trương hình thức, mà phải là những hoạt động cụ thể, là việc làm hằng ngày ở mọi người, mọi ngành, mọi tổ chức trong xã hội, trong đó Nhà nước phải là người lãnh đạo, tổ chức quản lý, xác định quan điểm, định hướng mục tiêu phát triển văn hóa và giới trí thức, văn nghệ sĩ cùng những người làm công tác văn hóa phải là lực lượng nòng cốt; và quan trọng hơn hết vẫn là quần chúng nhân dân, đặc biệt là tầng lớp thanh thiếu niên. Có giữ gìn và phát huy được bản sắc văn hóa của dân tộc, chúng ta mới có thể sánh vai cùng các cường quốc khác đi vào ngôi nhà chung của văn hóa nhân loại trên con đường công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

2.3.6. Quan hệ quốc tế

Kể từ khi thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đến nay, Việt Nam kiên trì thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự

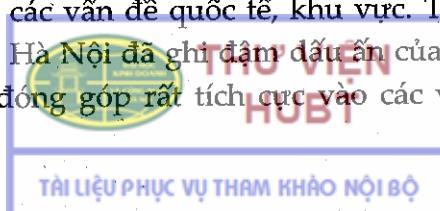


HUBT

chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế với phương châm Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế. Nhờ đó, quan hệ hợp tác của nước ta với các nước trên thế giới ngày càng mở rộng. Hoạt động kinh tế đối ngoại được tăng cường theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa thị trường và các đối tác, tham gia tích cực vào hoạt động của các tổ chức quốc tế nhằm nâng cao thế và lực của Việt Nam. Nhờ đó, quan hệ quốc tế được mở rộng, các cam kết quốc tế được triển khai thực hiện tốt; đồng thời đã tiến hành ký kết nhiều hiệp định đa phương, song phương, tạo bước phát triển mới về kinh tế đối ngoại. Việt Nam đã chính thức gia nhập WTO từ cuối năm 2006; nguồn vốn tài trợ phát triển chính thức (ODA) liên tục tăng qua các năm, kể cả trong điều kiện kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn; nguồn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) tăng mạnh nhờ môi trường đầu tư tiếp tục được cải thiện. Đến nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với hơn 180 nước và có quan hệ về kinh tế, thương mại và đầu tư với hơn 220 nước và vùng lãnh thổ. Việt Nam tham gia ngày càng tích cực trên các diễn đàn khu vực và thế giới, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của cộng đồng thế giới vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

Trong các hoạt động đối ngoại, Việt Nam ưu tiên tạo dựng khuôn khổ quan hệ hợp tác hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng, các nước khu vực nhằm tạo môi trường hòa bình, ổn định và các điều kiện thuận lợi cho phát triển đất nước. Việt Nam cũng đã chủ động thúc đẩy quan hệ với các nước lớn, các trung tâm kinh tế – chính trị thế giới...

Cùng với các hoạt động ngoại giao song phương, ngoại giao đa phương của Việt Nam cũng phát triển mạnh mẽ. Trên các diễn đàn đa phương, Việt Nam ngày càng đóng vai trò tích cực và có trách nhiệm đối với các vấn đề quốc tế, khu vực. Thành công của Năm APEC 2006 tại Hà Nội đã ghi đậm dấu ấn của Việt Nam với nhiều sáng kiến và đóng góp rất tích cực vào các vấn đề quan trọng



được thông qua tại Hội nghị, đặc biệt là Kế hoạch hành động Hà Nội thực hiện Lộ trình Bu-san.

Trong những năm qua, Việt Nam đã tích cực phát huy vai trò và chủ động tham gia, đóng góp nhiều sáng kiến xây dựng tại các tổ chức, diễn đàn quốc tế đa phương khác như Liên Hợp Quốc, ASEAN... Đồng thời, Việt Nam cũng tăng cường hợp tác vì lợi ích chung của các nước đang phát triển như trong phong trào Không Liên Kết, Hợp tác Nam – Nam, Nhóm 77... Vị thế và uy tín của Việt Nam tiếp tục được nâng cao với việc tất cả các nước trong Nhóm Châu Á ở Liên Hợp Quốc nhất trí đề cử Việt Nam làm ứng cử viên ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc khóa 2008-2009. Đó là sự thừa nhận của cộng đồng quốc tế về uy tín quốc tế của Việt Nam và về khả năng đóng góp đầy trách nhiệm của nước ta trong việc giải quyết các vấn đề an ninh – chính trị quốc tế quan trọng.

Trong thời gian gần đây, hoạt động kinh tế đối ngoại của Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ. Từ ngày 7/11/2006, Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Việc gia nhập WTO là kết quả tất yếu của quá trình đổi mới, tích cực hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế của Việt Nam. Đây là bước hội nhập đầy đủ hơn và thực chất hơn của Việt Nam vào kinh tế thế giới, đồng thời đánh dấu một mốc mới rất quan trọng trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế: từ hội nhập ở cấp độ khu vực (ASEAN năm 1995) đến cấp độ liên khu vực (ASEM năm 1996, APEC năm 1998) và đến cấp độ toàn cầu hiện nay.

2.4. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

2.4.1. Sự cần thiết khách quan của quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

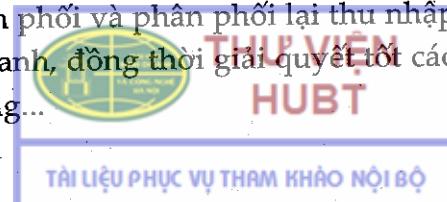
Kinh tế thị trường là một hệ thống tự điều chỉnh nền kinh tế, bảo đảm có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Thị trường luôn năng động, luôn đổi mới. Tuy nhiên, bên cạnh nhiều ưu điểm, nền

kinh tế thị trường còn tồn tại một số khuyết tật như: Thiếu định hướng, tính chu kỳ; phân hóa giàu nghèo; vấn đề độc quyền, ngoại ứng; hàng hóa cộng đồng...

Trong nền kinh tế thị trường, cần phải có sự quản lý của Nhà nước vì những lý do sau:

Thứ nhất, mặc dù thị trường có vai trò to lớn nhưng không thể thiếu vai trò của Nhà nước, cơ chế có tính phổ biến là cơ chế hỗn hợp để phát huy mặt tích cực, hạn chế các mặt tiêu cực và những thất bại của thị trường. Sự can thiệp của Nhà nước nhằm đảm bảo hiệu quả sự vận động của thị trường được ổn định, nhằm tối đa hóa hiệu quả kinh tế, bảo đảm định hướng chính trị của sự phát triển kinh tế, sửa chữa khắc phục những khuyết tật vốn có của kinh tế thị trường, tạo ra những công cụ quan trọng để điều tiết thị trường ở tầm vĩ mô. Bằng cách đó, Nhà nước mới có thể kiềm chế tính tự phát của kinh tế thị trường, kích thích sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quản lý nhà nước về kinh tế là một yêu cầu khách quan và phải tuân thủ các nguyên tắc chung của quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường như mọi quốc gia khác. Nhìn chung, sự can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế cũng nhằm mục tiêu hạn chế và khắc phục những khuyết tật của kinh tế thị trường; đồng thời, Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn phải chủ động sử dụng kinh tế thị trường để phục vụ cho mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, dẫn dắt nền kinh tế phát triển đi lên xã hội chủ nghĩa, chứ không để kinh tế thị trường phát triển tự phát theo con đường tư bản chủ nghĩa. Để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, yêu cầu về vai trò của Nhà nước càng cần thiết hơn. Bởi lẽ định hướng xã hội chủ nghĩa phụ thuộc trước hết vào vai trò mục tiêu của Nhà nước, nhất là lĩnh vực phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân, bảo đảm phát triển nhanh, đồng thời giải quyết tốt các vấn đề xã hội, phát triển bền vững...



Thứ hai, trình độ xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất đòi hỏi phải có sự điều tiết của Nhà nước – một trung tâm quyền lực đối với nền kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường, các chủ thể kinh doanh đều có mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận nên rất ít hoặc không quan tâm đến những ngành không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận thấp nhưng lại rất cần thiết và quan trọng đối với nền kinh tế. Vì vậy, phải có sự quản lý của Nhà nước để cho nền kinh tế phát triển đúng hướng, bảo đảm sự tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội. Lịch sử và thực tiễn của thế giới đã khẳng định vai trò quan trọng của nhà nước. Không phải nước nào chuyển sang kinh tế thị trường đều giàu có. Ngày nay, sự giàu nghèo của một quốc gia trước hết phụ thuộc vào vai trò của nhà nước gắn liền với tầm nhìn và tư duy chiến lược. Ông định hay rối loạn, tăng trưởng hay suy thoái, giàu hay nghèo đều tìm thấy nguyên nhân từ phía nhà nước. Cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu phải chăng bắt nguồn từ tư tưởng của thuyết tự do mới, sự bất cập về thể chế tiền tệ, buông lỏng giám sát đã làm đổ vỡ có tính hệ thống.

Bên cạnh những lý do khách quan trên đây, còn có nguyên do từ chính hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế trong thời gian qua. Sau gần 30 năm đổi mới, nhất là một vài năm gần đây, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam từng bước được hình thành. Qua đó, sự quản lý nhà nước về kinh tế đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, tất cả mới chỉ là bước đầu, sự quản lý nhà nước về kinh tế còn nhiều yếu kém, hiệu lực và hiệu quả quản lý còn thấp. Hệ thống luật pháp, chính sách chưa đồng bộ và chưa nhất quán, kỷ cương pháp luật chưa nghiêm. Công tác tài chính, ngân hàng, giá cả, kế hoạch, quy hoạch xây dựng, quản lý đất đai... còn nhiều yếu kém, sơ hở; thủ tục hành chính vẫn rườm rà, cải cách hành chính còn chậm và chưa kiên quyết. Do đó, việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với kinh tế thị trường ở Việt Nam cũng là một yêu cầu khách quan và cấp bách.

Tóm lại, quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là tất yếu khách quan nhằm



phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, động viên sức mạnh của toàn dân tộc, điều chỉnh các quan hệ xã hội để các quan hệ lao động sáng tạo được tiến hành một cách tối ưu, các quan hệ lợi ích được thực hiện một cách công bằng, văn minh, phát huy các lợi ích trước mắt và lâu dài; hỗ trợ tập trung cho các công dân có điều kiện đóng góp vào mục tiêu "dân giàu, nước mạnh" bằng cách tạo các tiền đề về ý chí, khát vọng và niềm tin vào con đường làm giàu, về những tri thức và thông tin có liên quan đến sự nghiệp kinh tế, các hành lang pháp lý, các phương tiện sản xuất kinh doanh mà công dân không thể tự lực được, như vốn, hạ tầng cơ sở, các điều kiện để mở rộng thị trường trong và ngoài nước; bảo vệ và tăng cường mở rộng môi trường kinh doanh, môi trường thiên nhiên.

2.4.2. Mục tiêu, đối tượng, phạm vi, nội dung quản lý nhà nước về kinh tế

2.4.2.1. Mục tiêu

Nhà nước Việt Nam chủ trương nhất quán xây dựng một nhà nước của dân, do dân, vì dân, lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm căn cứ cho toàn bộ hoạt động của Nhà nước và khẳng định mục tiêu cuối cùng của việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam chính là thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Do vậy, mục tiêu của quản lý nhà nước về kinh tế cũng phải hướng tới mục tiêu tổng thể đó thông qua việc thực hiện các mục tiêu cụ thể dưới đây.

Thứ nhất, thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững.

Tăng trưởng nhanh và bền vững là mục tiêu hàng đầu đối với mọi quốc gia. Đặc biệt, đây là vấn đề sống còn đối với những nước đi sau, có xuất phát điểm thấp về kinh tế như nước ta. Bởi chỉ có tăng trưởng nhanh và bền vững thì chúng ta mới tránh được nguy cơ tụt hậu, giảm dần khoảng cách về mức thu nhập so với các nước phát triển hơn và vượt qua ngưỡng thu nhập thấp, trở thành quốc gia có thu nhập trung bình.

THƯ VIỆN
HUBT

Để có thể duy trì tăng trưởng bền vững ở mức cao, một điều đặc biệt quan trọng cần nhận thức rõ là, Nhà nước phải có vai trò quan trọng trong việc cân bằng kinh tế – xã hội, môi trường và cao hơn là tạo nền tảng phát triển bền vững: tầm nhìn dài hạn, chất lượng thể chế, chất lượng nguồn nhân lực, sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, hạ tầng xã hội. Lý thuyết kinh tế hiện đại đã khẳng định rằng thất bại của kinh tế thị trường trong việc bảo vệ môi trường bắt nguồn từ thực tế là sản xuất tư nhân có thể gây ra tác động tiêu cực đối với môi trường do chi phí xã hội không được phản ánh đầy đủ vào chi phí sản xuất. Do đó, lượng ô nhiễm luôn có khuynh hướng vượt quá mức “tối ưu” và các nguồn tài nguyên thiên nhiên có thể bị khai thác cạn kiệt. Khi đó, chúng ta không thể nói đến tăng trưởng bền vững, và càng không thể nói đến phát triển bền vững.

Thứ hai, thực hiện công bằng xã hội.

Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Bên cạnh mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững, nhà nước còn phải đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu công bằng xã hội, đảm bảo cho mọi người chứ không phải chỉ một số người được hưởng lợi từ thành quả tăng trưởng kinh tế chung của đất nước. Đây là vấn đề cốt lõi của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, một tiêu chí quan trọng bậc nhất để phân định chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Trong quá trình phát triển nền kinh tế, để thực hiện mục tiêu công bằng xã hội, cần coi trọng việc đảm bảo công bằng về: Cơ hội làm việc (bình đẳng trong việc sử dụng các nguồn lực phát triển và các hoạt động làm ăn kinh doanh theo pháp luật); cơ hội sử dụng các nguồn lực; nghĩa vụ và sự đóng góp cho Nhà nước và xã hội theo pháp luật; hưởng thụ các thành quả phát triển chung của đất nước (qua thu nhập, các chế độ phúc lợi công cộng, dịch vụ công, chính sách xã hội...).

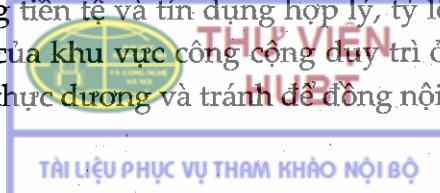


Theo lý thuyết, thực hiện mục tiêu công bằng xã hội có thể mâu thuẫn với mục tiêu đảm bảo cho nền kinh tế hoạt động hiệu quả và tăng trưởng nhanh. Lý do cơ bản là để lấy thu nhập của người giàu chuyển cho người nghèo, Chính phủ phải theo đuổi các chính sách tái phân phối thu nhập. Với các chính sách này, những người có thu nhập cao phải nộp thuế cao, những người có thu nhập thấp nhận được các khoản chuyển giao thu nhập. Điều này sẽ làm giảm động lực lao động và gây ra tổn thất xã hội. Do vậy, Nhà nước phải cân đối giữa những lợi ích thu được từ sự bình đẳng và những thiệt hại do việc bóp méo các động cơ khuyến khích. Ngoài ra, nhiều nhà kinh tế và hoạch định chính sách còn tin rằng phân phối không công bằng là điều kiện cần thiết để tăng tiết kiệm, đầu tư nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Điều đó hàm ý Việt Nam có thể phải chấp nhận hy sinh ở một mức độ nhất định mục tiêu phân phối công bằng trong giai đoạn đầu của phát triển, tuy nhiên khi nền kinh tế đã phát triển đến trình độ cao thì chúng ta có thể đồng thời đạt được cả hai mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững đi cùng với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Thứ ba, ổn định kinh tế vĩ mô.

Ôn định kinh tế vĩ mô, nhất là tài khóa, tiền tệ, giảm mức độ dao động của nền kinh tế, bình ổn tổng cầu là môi trường thuận lợi để khuyến khích tiết kiệm và gia tăng đầu tư, do đó nó là điều kiện cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và vững chắc. Để ổn định kinh tế vĩ mô, Nhà nước phải bảo đảm những cân đối cơ bản: Tích lũy và tiêu dùng, tiết kiệm và đầu tư, thu, chi ngân sách, cung – cầu về tiền tệ, cán cân thanh toán, an ninh tài chính, an ninh lương thực... Những kinh nghiệm thành công nhất về phát triển kinh tế ở các quốc gia Đông Á cho thấy các yếu tố quan trọng để duy trì môi trường kinh tế vĩ mô ổn định bao gồm: Hệ thống tài chính – ngân hàng lành mạnh, mức thâm hụt ngân sách thấp, tốc độ tăng trưởng tiền tệ và tín dụng hợp lý, tỷ lệ lạm phát hợp lý và các khoản nợ của khu vực công cộng duy trì ở mức có thể quản lý được, lãi suất thực dương và tránh để đồng nội tệ bị đánh giá cao.



2.4.2.2. Đối tượng, phạm vi quản lý nhà nước về kinh tế

Về đối tượng, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân, bao gồm:

- Quản lý kinh tế trên lãnh thổ quốc gia (kể cả các dự án có vốn đầu tư của nước ngoài) và ngoài lãnh thổ quốc gia (các hoạt động kinh tế của công dân nước Việt Nam đang diễn ra ở nước ngoài).
- Quản lý một bộ phận cấu thành nền kinh tế quốc dân, gồm: tài nguyên quốc gia, kết cấu hạ tầng kinh tế, quỹ tiền tệ quốc gia, dự trữ ngoại tệ và vàng cùng các kim loại quý, hệ thống các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình sở hữu.
- Quản lý mọi ngành kinh tế hợp thành hệ thống kinh tế quốc dân.

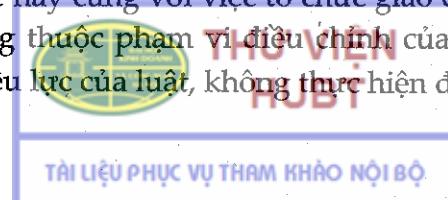
Về phạm vi, Nhà nước thực hiện chức năng Nhà nước quản lý vĩ mô nền kinh tế thị trường ở Việt Nam bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, điều hành kinh tế thông qua bộ máy nhà nước, các công cụ chính sách và tiềm lực nhà nước.

2.4.2.3. Nội dung chủ yếu của quản lý nhà nước về kinh tế

Thứ nhất, xây dựng pháp luật kinh tế.

Pháp luật kinh tế nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động của nền kinh tế, tạo hành lang an toàn, điều kiện thuận lợi và sự khuyến khích đúng mức của Nhà nước đối với các thành phần kinh tế. Thời gian qua, Nhà nước đặc biệt quan tâm việc xây dựng pháp luật về kinh tế và đang tìm mọi biện pháp để đẩy nhanh việc hoàn thiện.

Tuy nhiên, hệ thống pháp luật này đến nay vẫn chưa đầy đủ, không đồng bộ, khi đã có luật thì các văn bản dưới luật như nghị định, thông tư thường ban hành không kịp thời (thậm chí có luật đã đến thời điểm có hiệu lực nhưng chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện); hoặc có nghị định lại chưa có thông tư hướng dẫn thực hiện. Sự chậm trễ này cùng với việc tổ chức giáo dục, tuyên truyền cho các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của luật chưa tốt đã làm giảm tính hiệu lực của luật, không thực hiện được yêu cầu sớm



đưa luật vào cuộc sống. Chưa kể không thiếu các ví dụ về sự chồng chéo, thậm chí mâu thuẫn nhau giữa các văn bản pháp luật (đặc biệt các văn bản dưới luật).

Trong thời gian tới, Nhà nước đã xác định tiếp tục đổi mới hoạt động lập pháp trong tất cả các khâu và công đoạn của quy trình lập pháp để nâng cao chất lượng của các luật, pháp lệnh, nhằm sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

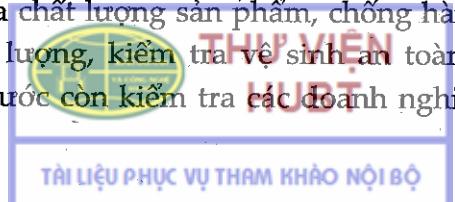
Thứ hai, xây dựng phương hướng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, trong đó có mục tiêu phân bổ các nguồn lực, tạo động lực thực hiện.

Thứ ba, cung ứng dịch vụ công cho mọi hoạt động kinh tế của đất nước và nhu cầu toàn xã hội.

Trong mỗi quốc gia luôn có các ngành sản xuất các loại hàng hóa và dịch vụ mà các thành phần kinh tế khác không “mặn mà” đầu tư như các công trình hạ tầng cơ sở về đường sá, cầu cống, hệ thống cấp thoát nước, vận tải công cộng trong thành phố, giáo dục, văn hóa, y tế; đầu tư ở các vùng sâu, vùng xa (thường vốn đầu tư lớn, thời gian đầu tư dài, tỷ suất lợi nhuận thấp hoặc không có lợi nhuận và ở một số ngành đặc biệt và ở một số địa điểm đặc biệt về an ninh, quốc phòng). Nhưng các ngành này lại không thể thiếu cho một quốc gia. Đây chính là trách nhiệm của Nhà nước. Nhà nước phải đầu tư xây dựng các loại doanh nghiệp hoạt động trong các ngành này, tổ chức xây dựng và khai thác sử dụng các hệ thống kết cấu hạ tầng. Trong quá trình phát triển, có thể xã hội hóa một phần dịch vụ công để giảm gánh nặng cho Nhà nước, Nhà nước quản lý và với tư cách là người đặt hàng.

Thứ tư, kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các chủ thể kinh tế.

Kiểm tra các chủ thể kinh tế về việc tuân thủ pháp luật kinh doanh, pháp luật lao động, pháp luật về bảo vệ tài nguyên và môi trường; kiểm tra chất lượng sản phẩm, chống hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, Nhà nước còn kiểm tra các doanh nghiệp tuân thủ pháp



luật về tài chính, kế toán, thống kê. Nhà nước đứng ra thông qua các tổ chức viện kiểm sát, tòa án để làm “trọng tài” trong các vụ việc tranh chấp trong lĩnh vực kinh tế, liên quan đến lao động, phạm vi trong nước và cả với ngoài nước.

TÓM TẮT CHƯƠNG

Kinh tế là tổng thể các yếu tố vật chất, các điều kiện hoạt động, các quan hệ phân phối, trao đổi để con người hoạt động làm thỏa mãn nhu cầu sống của mình qua các giai đoạn lịch sử.

Hoạt động kinh tế là hoạt động sản xuất, kinh doanh của con người nhằm tìm kiếm lợi ích kinh tế của mình. Mục tiêu hoạt động kinh tế là lợi ích.

Quản lý nhà nước về kinh tế là sự tác động có tổ chức, có mục đích của nhà nước lên các hoạt động kinh tế để sử dụng có hiệu quả các tiềm năng, các nguồn lực, các cơ hội để đạt được mục tiêu trước mắt và lâu dài của nền kinh tế – xã hội, bao gồm các nội dung cơ bản như: Nhà nước định hướng cho nền kinh tế thị trường phát triển; nhà nước cung cấp dịch vụ công để tạo điều kiện cho kinh tế phát triển nhanh và bền vững; nhà nước sửa chữa những khuyết tật của thị trường, giữ vững sự ổn định và các cân đối vĩ mô để nền kinh tế ổn định, phát triển và gắn chặt phát triển kinh tế với vấn đề xã hội, chống phân hóa giàu nghèo ngay từ đầu.

Quản lý nhà nước về kinh tế là quản lý theo pháp luật, hướng tới sự giải phóng con người, sự phát triển tự do toàn diện của con người, quản lý vì con người; đồng thời nhằm phát triển lực lượng sản xuất và khoa học công nghệ một cách nhanh nhất, vừa đảm bảo tính độc lập, tự chủ về kinh tế, vừa từng bước hội nhập kinh tế quốc tế; từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp với lực lượng sản xuất mới.

Kinh tế thị trường là cách tổ chức nền kinh tế – xã hội, trong đó các quan hệ kinh tế của các cá nhân, các doanh nghiệp đều biểu hiện qua quan hệ mua, bán hàng hóa, dịch vụ trên thị trường nhằm



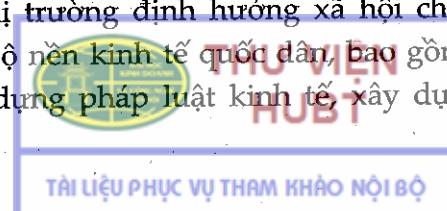
tìm kiếm lợi ích của chính mình theo sự dẫn dắt của giá cả thị trường. Trong nền kinh tế thị trường, quan hệ sở hữu và lợi ích kinh tế đóng vai trò quan trọng.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chính là mô hình kinh tế trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vừa mang những đặc điểm chung của kinh tế thị trường hiện đại (đã và đang tồn tại, phát triển ở các nước trên thế giới), vừa có những đặc điểm riêng phù hợp với điều kiện và đặc điểm cụ thể của Việt Nam. Xét về bản chất, nó là một mô hình tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được sự dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội ở một đất nước cụ thể.

Quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự tác động có tổ chức, có mục đích của nhà nước lên các hoạt động kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm sử dụng có hiệu quả các tiềm năng, các cờ hội để đạt được mục tiêu trước mắt và lâu dài là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đây là một sự cần thiết khách quan nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế các mặt tiêu cực và những thất bại của thị trường. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quản lý nhà nước về kinh tế là một yêu cầu khách quan và phải tuân thủ các nguyên tắc chung của quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường như mọi quốc gia khác, tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển đúng hướng, bảo đảm sự tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội.

Mục tiêu cuối cùng của quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam chính là thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân, bao gồm các nội dung chủ yếu như xây dựng pháp luật kinh tế, xây dựng phương hướng,



mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, quản lý hệ thống các doanh nghiệp nhà nước, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng cho mọi hoạt động kinh tế của đất nước và nhu cầu toàn xã hội, kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các chủ thể kinh tế.

❖ CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm, nội dung và yêu cầu quản lý nhà nước về kinh tế?
2. Phân tích các đặc trưng chủ yếu của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và phân biệt với nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa?
3. Vì sao phải quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?
4. Phân tích nội dung chủ yếu của quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

☰ BÀI TẬP

Bài tập 1

Nhiều người cho rằng, bất cứ nhà nước nào cũng lo làm giàu cho mình. Theo bạn, quan niệm này đúng hay sai? Vì sao?

Bài tập 2

Có người nói rằng, kinh tế thị trường là sản phẩm riêng có của chủ nghĩa tư bản, đã là kinh tế thị trường thì không thể có định hướng xã hội chủ nghĩa. Bạn nghĩ thế nào về ý kiến này?

Bài tập 3

Có người quan niệm, kinh tế thị trường là phải chấp nhận cạnh tranh nên rất khó giữ được đạo lý và khó có thể giữ được tình người. Theo bạn, nên giải thích điều này như thế nào?



Chương 3

CƠ CHẾ, CHỨC NĂNG VÀ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

3.1. QUY LUẬT KINH TẾ VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ

3.1.1. Quy luật kinh tế

3.1.1.1. Khái niệm

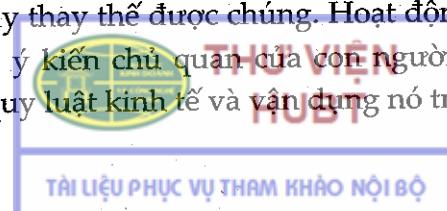
Quy luật kinh tế là mối liên hệ nhân quả mang tính bản chất, phổ biến, tồn tại trong các hiện tượng kinh tế ở những thời điểm nhất định khi điều kiện tồn tại của nó vẫn còn.

3.1.1.2. Nội dung, yêu cầu của các quy luật kinh tế

Cũng như các quy luật khác, quy luật kinh tế là khách quan, nó xuất hiện, tồn tại trong những điều kiện kinh tế nhất định và mất đi khi các điều kiện đó không còn; nó tồn tại độc lập ngoài ý chí con người. Người ta không thể sáng tạo hay thủ tiêu quy luật kinh tế mà chỉ có thể phát hiện, nhận thức và vận dụng quy luật kinh tế để phục vụ cho hoạt động kinh tế của mình. Các quy luật kinh tế có yêu cầu khách quan sau:

- Đối với con người, chỉ có các quy luật chưa biết, chứ không có các quy luật không biết.

- Các quy luật kinh tế có tính khách quan, con người không thể tạo ra, bỏ đi hay thay thế được chúng. Hoạt động của chúng không phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của con người. Con người có thể nhận biết các quy luật kinh tế và vận dụng nó trong hoạt động thực



tiễn. Con người không thể tạo ra các quy luật kinh tế nếu điều kiện của chúng chưa có, ngược lại, khi điều kiện xuất hiện và tồn tại của các quy luật vẫn còn thì con người không thể xóa bỏ được. Các quy luật kinh tế tồn tại và hoạt động không lệ thuộc vào việc con người có nhận biết được nó hay không, ưa thích nó hay là ghét bỏ nó. Chúng hoạt động và tồn tại thông qua hoạt động của con người.

- Các quy luật kinh tế đan xen vào nhau, hoạt động trong mỗi liên hệ ràng buộc lẫn nhau, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau tạo thành một hệ thống thống nhất, nhưng khi xử lý các quy luật thì thường chỉ do một số quy luật chi phối (tùy điều kiện cụ thể của môi trường) hoặc đi theo một hướng do quy luật kinh tế cơ bản quy định.
- Các quy luật kinh tế thường kém bền vững hơn so với các quy luật tự nhiên do sự biến đổi kinh tế – xã hội nhanh hơn.
- Các quy luật kinh tế tác động đến cơ chế quản lý kinh tế trên cơ sở nhận thức vận dụng quy luật vào các hoàn cảnh cụ thể hình thành cơ chế kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế.

3.1.2. Cơ chế quản lý kinh tế

3.1.2.1. Khái niệm

Cơ chế quản lý kinh tế là các quy tắc điều chỉnh các hành vi, hoạt động kinh tế của các cá nhân và tổ chức kinh tế; là hệ thống các biện pháp, hình thức, cách thức tổ chức, điều khiển nhằm duy trì các mối quan hệ kinh tế phát triển phù hợp với các quy luật kinh tế khách quan theo mục tiêu đã xác định trong những điều kiện kinh tế – xã hội của từng giai đoạn phát triển. Cơ chế quản lý kinh tế tác động sâu sắc đến hiệu quả phát triển của nền kinh tế quốc dân.

Cơ chế quản lý kinh tế của nhà nước là phương thức điều hành có kế hoạch của nhà nước đối với nền kinh tế, dựa trên cơ sở các đòi hỏi của các quy luật khách quan, bao gồm tổng thể các phương pháp, hình thức, công cụ để thực hiện yêu cầu của các quy luật khách quan đó.



Cơ chế quản lý kinh tế hiện nay ở nước ta là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ quản lý khác. Nhà nước đóng vai trò điều hành kinh tế vĩ mô nhằm phát huy vai trò tích cực, hạn chế và ngăn ngừa các mặt tiêu cực của kinh tế thị trường.

3.1.2.2. Các bộ phận cấu thành cơ chế quản lý kinh tế

- Các quy tắc, chuẩn mực về hành vi kinh tế; các chính sách, công cụ và phương pháp quản lý, các hình thức cụ thể của quan hệ sản xuất như hệ thống kế hoạch, hệ thống đòn bẩy kinh tế;
- Các chủ thể tham gia nền kinh tế và mối liên hệ giữa chúng;
- Cách thức tổ chức thực hiện các quy tắc, chuẩn mực về hành vi kinh tế nhằm đạt được mục tiêu, hay kết quả mà các chủ thể kinh tế mong muốn.

3.1.3. Thể chế kinh tế

3.1.3.1. Khái niệm thể chế kinh tế và thể chế quản lý kinh tế

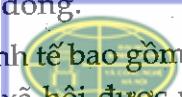
Thể chế là các quy tắc, quy định, chuẩn mực, khung khổ do con người đặt ra nhằm điều chỉnh các mối quan hệ qua lại của con người.

Thể chế kinh tế được coi là một bộ phận cấu thành của hệ thống thể chế xã hội, tồn tại song trùng với các bộ phận khác như thể chế chính trị, thể chế giáo dục, tôn giáo...

3.1.3.2. Đặc trưng thể chế kinh tế

Đặc trưng lớn nhất của thể chế kinh tế là những quy định mang tính chủ quan do con người đặt ra nên phụ thuộc vào trình độ, nhận thức của người ban hành ra chúng. Nếu các quy định đó là tiến bộ, phù hợp với các quy luật khách quan thì sẽ thúc đẩy nền kinh tế – xã hội, cộng đồng phát triển. Ngược lại, nếu chúng phản tiến bộ, không phù hợp, không dựa trên các quy luật khách quan thì có thể kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế – xã hội và cả cộng đồng.

Thể chế kinh tế bao gồm: Các quy định về kinh tế của nhà nước và các quy tắc xã hội được nhà nước công nhận; hệ thống các chủ



THƯ VIỆN

HUBT

thể thực hiện các hoạt động kinh tế; các cơ chế, phương pháp, thủ tục thực hiện các quy định và vận hành bộ máy đó.

Thể chế kinh tế là sự vận hành đồng bộ của ba bộ phận chính, bao gồm:

- Các quy tắc tạo thành luật chơi kinh tế (khung pháp luật về kinh tế, các quy tắc, chuẩn mực xã hội về kinh tế);
- Các chủ thể tham gia "trò chơi" kinh tế (cơ quan, tổ chức nhà nước, các doanh nghiệp, các đoàn thể, hiệp hội, cộng đồng dân cư và người dân);
- Cơ chế thực thi các luật chơi kinh tế.

Bên cạnh đó, thể chế kinh tế vừa là tiền đề cơ bản của sự vận hành nền kinh tế, vừa là điều kiện quan trọng của tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Nó liên quan đến mọi công đoạn của các hoạt động kinh tế, từ việc phân bổ nguồn lực tới phân bổ đầu ra của các hoạt động kinh tế. Thể chế kinh tế là hệ thống pháp luật nhằm điều chỉnh các chủ thể tham gia kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế. Thể chế kinh tế bao gồm các yếu tố chủ yếu là các đạo luật, quy chế, quy tắc, chuẩn mực về kinh tế gắn với các chế tài xử lý vi phạm, các tổ chức kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, truyền thống văn hóa và văn minh kinh doanh, cơ chế vận hành nền kinh tế.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế ở Việt Nam trong bối cảnh mới

Cùng với quá trình đổi mới kinh tế, thể chế quản lý kinh tế ở nước ta đã có sự đổi mới căn bản và đạt được những kết quả bước đầu rất đáng khích lệ, thể hiện ở chỗ:

- Bước đầu hình thành hệ thống thể chế quản lý kinh tế ngày càng phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó pháp luật, chính sách đóng vai trò quan trọng trong thể chế quản lý kinh tế. Hệ thống này ngày càng phù hợp với trình độ phát triển, điều kiện kinh tế – xã hội ở nước ta và phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Thẩm quyền và quy trình ban hành nhiều thể chế đã được tiêu chuẩn và luật hóa.



Tuy nhiên, hệ thống thể chế quản lý kinh tế ở nước ta còn nhiều yếu kém, như:

- Tính ổn định chưa cao, hay thay đổi bất thường;
- Hệ thống thể chế còn thiếu đồng bộ, thống nhất, còn chồng chéo, thiếu gắn kết;
- Quy trình ban hành thể chế còn nhiều điểm chưa hợp lý, thiếu khách quan, chưa vì lợi ích số đông, còn có hiện tượng lạm quyền trong việc ban hành;
- Việc tổ chức thực hiện chưa nghiêm.

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế quản lý kinh tế ở nước ta, trong đó việc đổi mới thể chế phải phù hợp với điều kiện trong nước và quá trình hội nhập, theo thông lệ và luật pháp quốc tế; hình thành hệ thống thể chế đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển và cho các chủ thể kinh tế gia nhập thị trường và tiến hành hoạt động sản xuất – kinh doanh; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính...

3.2. CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

3.2.1. Khái niệm về chức năng quản lý nhà nước về kinh tế

Chức năng quản lý nhà nước về kinh tế là hình thức biểu hiện phương pháp, nội dung và giai đoạn tác động có chủ đích của nhà nước lên đối tượng và khách thể quản lý; là tập hợp những nhiệm vụ khác nhau mà nhà nước phải tiến hành trong quá trình quản lý.

Mục đích thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế là xác định hệ thống mục tiêu quản lý nền kinh tế quốc dân cũng như phương thức thực hiện các mục tiêu đã định cho từng thời kỳ nhất định của phát triển đất nước.

3.2.2. Nội dung chức năng quản lý nhà nước về kinh tế

3.2.2.1. Định hướng sự phát triển của nền kinh tế

Vấn đề cơ bản nhất trong các chức năng quản lý của nhà nước về kinh tế là định hướng sự phát triển của nền kinh tế, xác định xem phải làm gì, làm như thế nào, khi nào và ai thực hiện. Nó đòi

hỏi nhà nước phải xác định đường lối và chiến lược phát triển đất nước trên cơ sở các mục tiêu đề ra.

Định hướng sự phát triển của nền kinh tế được thể hiện ở việc:

- Dự báo, chiến lược, quy hoạch; kế hoạch xác định hệ thống mục tiêu phát triển và phương thức đạt được mục tiêu đó.

- Tạo điều kiện cho việc thực hiện các chức năng khác của quản lý nhà nước về kinh tế. Không thực hiện tốt chức năng định hướng thì các chức năng khác không thể thực hiện tốt.

- Đảm bảo cho nền kinh tế phát triển ổn định, khai thác, huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực phát triển, tránh chồng chéo, trùng lắp.

Chức năng định hướng cho sự phát triển của nền kinh tế được thực hiện thông qua các hình thức chủ yếu sau:

Một là, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, tầm nhìn dài hạn.

Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội là một hệ thống các quan điểm cơ bản, các mục tiêu dài hạn phát triển kinh tế – xã hội và các giải pháp chủ yếu được lựa chọn một cách có căn cứ khoa học trên cơ sở huy động và sử dụng tối ưu các nguồn lực và lợi thế phát triển của đất nước nhằm đạt các mục tiêu đề ra trong khoảng thời gian 10 năm hoặc dài hơn. Nhờ chiến lược mà có thể rút ngắn khoảng cách phát triển.

Nội dung cơ bản của chiến lược phát triển kinh tế – xã hội bao gồm:

- * Chủ thuyết hoặc các quan điểm phát triển: Là những tư tưởng chỉ đạo, xuyên suốt, từ việc xác định tầm nhìn, mục tiêu, nguyên tắc, thứ tự ưu tiên đến các nhiệm vụ cũng như chính sách. Trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2001-2010, Đảng ta đã xác định một hệ thống các quan điểm gồm:

- Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.



- Coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng đồng bộ nền tảng cho một nước công nghiệp là yêu cầu cấp thiết.

- Đẩy mạnh công cuộc đổi mới, tạo động lực giải phóng và phát huy mọi nguồn lực.

Tiếp tục đổi mới sâu rộng, đồng bộ về kinh tế, xã hội và bộ máy nhà nước hướng vào hình thành và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát huy sức mạnh vật chất, trí tuệ và tinh thần của toàn dân tộc, tạo động lực và nguồn lực phát triển nhanh, bền vững.

- Gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, có hiệu quả.

Độc lập tự chủ về kinh tế tạo cơ sở cho hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả tạo điều kiện cần thiết để xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.

Xây dựng kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất – kỹ thuật đủ mạnh; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có hiệu quả và sức cạnh tranh; có thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm nền kinh tế đủ sức đứng vững và ứng phó được với các tình huống phức tạp, tạo điều kiện thực hiện có hiệu quả các cam kết hội nhập quốc tế, biết sử dụng tiềm năng lợi thế, có khả năng thích ứng trong quan hệ đa phương.

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế – xã hội với quốc phòng – an ninh.

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế – xã hội với xây dựng tiềm lực và thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, được thể hiện trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của cả nước, của các ngành, các địa phương và trong các dự án đầu tư lớn.



* Hệ thống mục tiêu chiến lược: Là kết quả mong đợi, cần có và có thể có của hệ thống kinh tế quốc dân khi kết thúc thời kỳ chiến lược. Trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, mục tiêu mang tính tổng hợp, dài hạn và định tính. Các mục tiêu bộ phận gắn liền với giải quyết các vấn đề của kinh tế và xã hội như tăng trưởng kinh tế, chuyển đổi cơ cấu, xóa đói giảm nghèo... Các mục tiêu này phải thể hiện một cách tập trung những biến đổi quan trọng nhất về chất của nền kinh tế.

Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2001-2010 đã đề ra mục tiêu chiến lược là: "Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao".

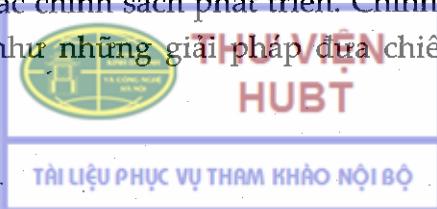
* Các nhiệm vụ và giải pháp chiến lược:

Nhiệm vụ chiến lược là những công việc phải thực hiện trong suốt thời kỳ chiến lược nhằm phục vụ các mục tiêu đề ra.

Giai đoạn 2001-2010 và đến 2020, Đảng ta đã xác định các nhiệm vụ kinh tế cơ bản là:

- Phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trọng tâm.
- Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước.
- Giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

Giải pháp chiến lược là phương thức cơ bản để thực hiện nhiệm vụ nhằm đạt tới mục tiêu đề ra, thường biểu hiện chủ yếu dưới hình thức các chính sách phát triển. Chính sách trong chiến lược được xem như những giải pháp đưa chiến lược tới thành



công. Có nhiều cấp chính sách; trong chiến lược, chính sách là những giải pháp lớn; trong các kế hoạch, chính sách là những giải pháp cụ thể hơn.

Trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2001-2010, Đảng ta đặc biệt quan tâm đến các chính sách như phát triển kinh tế nhiều thành phần, chính sách kinh tế đối ngoại, chính sách tài chính, tiền tệ, phát triển đồng bộ các loại thị trường.

Hai là, xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội.

Quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội là hình thức định hướng phát triển kinh tế dài hạn, trong đó xác định rõ quy mô và giới hạn cho sự phát triển, tạo ra khung cảnh và đường nét phát triển. Quy hoạch là tiền đề cho việc xây dựng các kế hoạch, chương trình và dự án khu vực và quốc gia. Bản chất của quy hoạch là cụ thể hóa chiến lược về không gian và thời gian. Do đó, cần nâng cao chất lượng và địa vị pháp lý của quy hoạch. Đảng và Nhà nước ta đang xúc tiến xây dựng, hoàn thiện quy hoạch tổng thể và chi tiết cho sự phát triển của nền kinh tế đất nước, các ngành, vùng và địa phương, quan hệ ngành và lãnh thổ.

Ba là, lập kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội trung và dài hạn 5 năm.

Đây là hình thức chủ yếu của công tác kế hoạch hóa, cụ thể hóa chiến lược dài hạn, các phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế quốc dân, các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của nền sản xuất. Kế hoạch 5 năm xác định những chỉ tiêu cơ bản, định hướng cho sự phát triển của đất nước, xác định những lĩnh vực Nhà nước sẽ ưu tiên tập trung phát triển, xác định nguyên tắc hoạch định và xây dựng chính sách cụ thể để hướng toàn bộ nền kinh tế quốc dân theo định hướng đã chọn.

Ở Việt Nam, các kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm đã được hoạch định, trở thành công cụ quản lý quan trọng của Nhà nước, là định hướng để nền kinh tế tăng trưởng và phát triển.

Các bước xây dựng kế hoạch 5 năm bao gồm:

- Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu và các chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm trước.

- Dự báo các tình huống phát triển trong thời kỳ kế hoạch, bao gồm đánh giá các nguồn lực, các cơ hội, thời cơ phát triển có thể khai thác và đưa vào kế hoạch.

- Lựa chọn các phương án phát triển, phân tích từng phương án dựa trên việc dự báo các tình huống phát triển.

- Xây dựng hệ thống các quan điểm phát triển dựa vào chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

- Xác định các mục tiêu và các chỉ tiêu phát triển của nền kinh tế ở cấp vĩ mô.

- Xây dựng hệ thống các cân đối vĩ mô chủ yếu.

- Xây dựng các chương trình phát triển nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu.

- Xây dựng hệ thống các giải pháp, các cơ chế, chính sách để điều hành nền kinh tế bảo đảm thực hiện mục tiêu.

Bốn là, lập kế hoạch kinh tế – xã hội hàng năm.

Kế hoạch hàng năm là cơ sở của sự chỉ đạo và điều hành nền kinh tế quốc dân, là chương trình công tác cụ thể của các khâu chủ yếu trong nền kinh tế. Kế hoạch hàng năm đảm bảo thực hiện tuân tự các nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm, đồng thời là công cụ điều chỉnh kế hoạch 5 năm có tính đến tình hình kinh tế – chính trị hiện tại. Kế hoạch hàng năm có thể bao hàm các chính sách linh hoạt, phù hợp với những thay đổi trong và ngoài nước.

Năm là, xây dựng các chương trình quốc gia.

Chương trình là tổ hợp các mục tiêu, chính sách, thủ tục, quy tắc, nhiệm vụ, các bước phải tiến hành, các nguồn lực cần sử dụng và các yếu tố cần thiết khác để thực hiện một ý đồ lớn, một mục tiêu nhất định về phát triển kinh tế – xã hội trong một thời kỳ nhất định.

Chương trình có thể lớn và dài hạn, như chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước có thể là trung hạn (5 năm) và chương trình ngắn hạn (1 năm). Việc thực hiện các chương trình là

nhiệm vụ mà theo đó Nhà nước thiết lập trình tự các hoạt động cần thiết để thực hiện các mục tiêu đề ra. Chương trình quy định sự ưu tiên của các hoạt động như vậy, Nhà nước có thể tập trung phần cơ bản các nguồn lực của đất nước vào các khâu xung yếu quyết định sự phát triển.

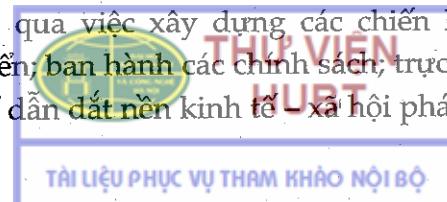
Chương trình quốc gia là một văn kiện có kế hoạch, có tính pháp lệnh và phân công cụ thể, trong đó quy định các biện pháp kinh tế – kỹ thuật, nghiên cứu khoa học và tổ chức kinh doanh gắn với nhau theo các nguồn, theo người và thời gian thực hiện.

3.2.2.2. Tạo lập môi trường cho sự phát triển kinh tế

Mọi hoạt động sản xuất – kinh doanh đều phải diễn ra trong một môi trường nhất định. Môi trường thuận lợi cho các hoạt động đó trước hết phải là sự ổn định về chính trị. Không có sự ổn định về chính trị sẽ không có đầu tư và do đó không có tăng trưởng.

Thứ nhất, nhiệm vụ quan trọng đầu tiên của Nhà nước là duy trì sự ổn định về chính trị cho đất nước và môi trường phát triển kinh tế – xã hội. Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi và đảm bảo ổn định chính trị, xã hội cho sự phát triển kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường, các chủ thể kinh tế của thị trường được tự chủ, nhưng quyền tự chủ được thể chế hóa thành pháp luật và mọi hành vi đều phải tuân theo pháp luật. Với hệ thống pháp luật đồng bộ, có hiệu lực cao và sự ổn định chính trị, xã hội là điều kiện cần thiết cho sự phát triển kinh tế.

Thứ hai, Nhà nước tạo lập và duy trì môi trường kinh tế thuận lợi bằng việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng hệ thống các định chế, phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng quan hệ kinh tế với các doanh nghiệp nước ngoài, có hệ thống các chính sách rõ ràng, hợp lý... Nhà nước tạo môi trường kinh tế vĩ mô ổn định cho phát triển kinh tế thông qua việc xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển; ban hành các chính sách; trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dẫn dắt nền kinh tế xã hội phát triển theo mục tiêu



xác định. Nhà nước thông qua những chính sách ưu đãi, những hình thức hỗ trợ, những đòn bẩy kinh tế để hướng các doanh nghiệp vào các ngành, các lĩnh vực mà Nhà nước muốn ưu tiên phát triển. Nhà nước trực tiếp đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng sản xuất, kết cấu hạ tầng xã hội, tham gia phát triển và kinh doanh những dịch vụ công cộng quan trọng như bảo đảm an ninh, quốc phòng, tài chính, tín dụng... Nên kinh tế thị trường khó tránh khỏi những chấn động, khủng hoảng, lạm phát, thất nghiệp, do đó Nhà nước sử dụng các chính sách tài chính, tiền tệ, thu nhập và giá cả, kinh tế đối ngoại... để ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể kinh tế yên tâm hoạt động, phát huy nội lực của nền kinh tế, đồng thời mở rộng hợp tác và phân công lao động quốc tế.

Thứ ba, Nhà nước xây dựng được hệ thống pháp luật và các cơ quan thi hành pháp luật đủ mạnh để bảo vệ lợi ích chính đáng của các doanh nghiệp và các chủ thể khác, cung cấp khung khổ pháp lý đầy đủ, đồng bộ, nhất quán, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho mọi chủ thể kinh tế.

Thứ tư, xây dựng đồng bộ các loại thị trường nhằm huy động và luân chuyển các nguồn lực một cách có hiệu quả; loại bỏ những chính sách làm cản trở hoặc bóp méo thị trường, tạo điều kiện cho các loại thị trường phát triển và vận hành có hiệu quả.

Thứ năm, Nhà nước phát triển hệ thống giáo dục – đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng ngày càng cao đáp ứng yêu cầu về nhân lực của quá trình tăng trưởng; phát triển hệ thống y tế nhằm bảo vệ sức khỏe và nâng cao thể lực của người lao động...

3.2.2.3. Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh tế

Hoạt động kiểm tra, giám sát là những hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước. Đây là những hoạt động mang tính tất yếu quan trọng của tất cả các nhà nước ở mọi thời đại lịch sử. Nhà nước nào cũng ban hành pháp luật để quản lý nhà nước và tiến

hành hoạt động giám sát đối với toàn xã hội trong việc tuân thủ pháp luật của mình. Giám sát việc tuân theo pháp luật là hoạt động có tính đặc trưng của tất cả các nhà nước trên thế giới. Không có một nhà nước nào tồn tại và phát triển mà không tiến hành hoạt động giám sát. Điểm giống nhau cơ bản trong hoạt động giám sát của tất cả các nhà nước có thể được thể hiện ở hai vấn đề:

Thứ nhất, hoạt động giám sát của tất cả các nhà nước đều là hoạt động mang tính quyền lực chính trị (thực hiện quyền lực nhà nước).

Thứ hai, hoạt động giám sát của tất cả các nhà nước đều nhằm mục đích bảo đảm cho pháp luật của mình được chấp hành một cách nghiêm chỉnh và thống nhất (theo quan niệm của lực lượng nắm giữ quyền lực chính trị).

Chức năng kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế là tổng thể các hoạt động của nhà nước nhằm kịp thời phát hiện và xử lý những sai sót, ách tắc, những khó khăn, vướng mắc cũng như những cơ hội phát triển kinh tế để bảo đảm cho nền kinh tế hoạt động đúng hướng và có hiệu quả.

Nhiệm vụ của chức năng trên là đánh giá chính xác kết quả hoạt động của nền kinh tế để có những can thiệp hợp lý của nhà nước.

Kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế là chức năng tất yếu của quản lý nhà nước về kinh tế, được thể hiện trên các mặt sau:

- Kiểm tra, giám sát bảo đảm cho việc thực hiện pháp luật các kế hoạch kinh tế.

- Kiểm tra, giám sát cho phép phát hiện sửa chữa các sai lầm trước khi chúng trở nên nghiêm trọng để mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước cũng như các chủ thể kinh tế trên thị trường thực hiện đúng định hướng của kế hoạch và luật pháp.

- Kiểm tra, giám sát giúp nhà nước theo sát và đôn đốc được với sự thay đổi của môi trường, tạo ra sự phù hợp của hệ thống kinh tế với môi trường.

- Kiểm tra, giám sát cho phép hoàn thiện các quyết định quản lý của nhà nước, của hệ thống kế hoạch, đường lối và chính sách



cùng pháp luật của nhà nước; cho phép phát hiện những cơ hội mới cho phát triển của kinh tế đất nước để kịp thời khai thác.

Nội dung của kiểm tra bao gồm:

- Kiểm tra, giám sát sự phát triển theo định hướng kế hoạch của nền kinh tế.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước.
- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng các nguồn lực của đất nước.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chức năng của cơ quan nhà nước.

Giám sát là hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước, tòa án nhằm chấn chỉnh những lệch lạc, trái pháp luật, sai mục tiêu đối với hệ thống khác nằm ngoài quan hệ trực thuộc theo chiều dọc.

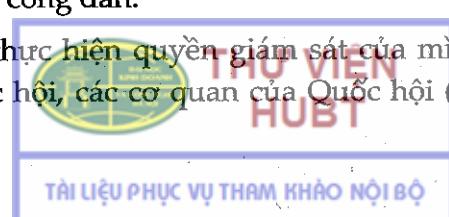
Giám sát là chức năng kiểm định của cơ quan quyền lực nhà nước. Chức năng này xuất phát từ địa vị chính trị, pháp luật của Quốc hội, hội đồng nhân dân là cơ quan thực hiện tiếp nhận quyền lực từ nhân dân. Mặt khác, còn xuất phát từ quyền ban hành luật của Quốc hội và những nghị quyết mà những cơ quan hành chính nhà nước phải chấp hành.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động kinh tế do các cơ quan tổ chức sau đây của Nhà nước thực hiện:

* *Hoạt động giám sát của Quốc hội*

Theo Điều 83 Hiến pháp năm 1992, Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Điều đó có nghĩa là Quốc hội giám sát tất cả các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước (lập pháp, hành pháp và tư pháp), tất cả các cơ quan nhà nước (các cơ quan nhà nước ở Trung ương, địa phương, các ngành, các cấp) và mọi công dân.

Quốc hội thực hiện quyền giám sát của mình thông qua hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội (Ủy ban thường vụ



Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban) và các đại biểu Quốc hội với các phương pháp như xét báo cáo, thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh, chất vấn, xét đơn khiếu tố, kiểm tra tại chỗ. Với tư cách là cơ quan quyền lực cao nhất, định kỳ theo quy định của pháp luật, Quốc hội xét báo cáo của các cơ quan cao cấp của Nhà nước như Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Để giúp Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao của mình, các Ủy ban của Quốc hội có nhiệm vụ chủ yếu là nghiên cứu, thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh cũng như các dự án khác. Thông qua hoạt động kiểm tra các dự án, các Ủy ban của Quốc hội thực hiện kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp của chúng. Trong quá trình kiểm tra, thẩm định nêu trên, các Ủy ban của Quốc hội có quyền yêu cầu các thành viên của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các cơ quan hữu quan khác trình bày hoặc cung cấp các tài liệu về những vấn đề cần thiết cho quá trình thẩm tra.

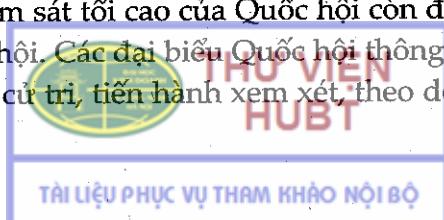
Những điều chỉnh trong hoạt động giám sát của Quốc hội đối với bộ máy hành chính nhà nước bao gồm:

- Về tổ chức: Quyết định việc thành lập, bãi bỏ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; thành lập mới, chia tách, điều chỉnh địa giới hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thành lập hoặc giải thể các đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

- Về nội dung công tác: Bãi bỏ các văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ trái với Hiến pháp, luật và các nghị quyết của Quốc hội trên lĩnh vực kinh tế, sửa đổi luật.

- Về nhân sự: Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh cao nhất của bộ máy nhà nước; phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên Chính phủ.

Quyền giám sát tối cao của Quốc hội còn được thể hiện bởi các đại biểu Quốc hội. Các đại biểu Quốc hội thông qua chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri, tiến hành xem xét, theo dõi, đôn đốc việc giải



quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Đây là hoạt động kiểm tra mà đại biểu Quốc hội thường xuyên thực hiện.

Theo Hiến pháp 1992, đại biểu Quốc hội còn có quyền chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, các thành viên Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Quyền chất vấn của đại biểu Quốc hội có thể được thực hiện trong thời gian Quốc hội họp hoặc trong thời gian Quốc hội không họp.

Để thực hiện quyền giám sát của mình, đại biểu Quốc hội còn có quyền yêu cầu các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế trả lời những vấn đề mà mình quan tâm hoặc cung cấp các tài liệu cần thiết.

*** Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân**

Hội đồng nhân dân với tư cách là cơ quan đại biểu của nhân dân và cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương có quyền ra nghị quyết về các biện pháp bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; về kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và ngân sách; về quốc phòng, an ninh ở địa phương; về biện pháp ổn định thực hiện các nghị quyết đó. Hội đồng nhân dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát việc thực thi Hiến pháp, pháp luật bằng cách xét báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, của Chánh án Tòa án nhân dân, của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và của thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân.

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có quyền trực tiếp kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hiến pháp, pháp luật thông qua mối liên hệ với cử tri, chất vấn Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và các thành viên Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp...

*** Hoạt động kiểm tra, giám sát của Chủ tịch nước**

Theo Hiến pháp 1992, với tư cách là người đứng đầu Nhà nước, Chủ tịch nước kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp của các pháp lệnh và nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc bổ

nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng, các thành viên khác của Chính phủ và việc tuyên bố tình trạng chiến tranh khi Nhà nước bị xâm lược (Điều 103 khoản 7).

*** *Hoạt động kiểm tra, giám sát của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ***

Theo Điều 109 Hiến pháp 1992, Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của Nhà nước. Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước; bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Để thực hiện được những nhiệm vụ to lớn và nặng nề trên (được cụ thể hóa ở Điều 112 Hiến pháp 1992), Chính phủ được quyền hướng dẫn và kiểm tra Hội đồng nhân dân thực hiện các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, tạo điều kiện để Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo luật định; tổ chức và lãnh đạo công tác kiểm kê, thống kê của Nhà nước, công tác thanh tra và kiểm tra nhà nước, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; chỉ đạo việc thực hiện các điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam ký kết hoặc tham gia... Nói ngắn gọn, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và cơ quan thuộc Chính phủ có quyền ban hành các văn bản được quy định trong luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và kiểm tra việc thi hành các văn bản đó đối với tất cả các ngành, các địa phương và cơ sở.

*** *Hoạt động kiểm tra, giám sát của Viện Kiểm sát***

Theo Hiến pháp và Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 1992, Viện Kiểm sát nhân dân ở nước ta được tổ chức với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật và thực hành quyền công tố, nhằm bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan khác thuộc tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân, thực hành quyền công tố. Các Viện Kiểm sát nhân dân địa phương, các Viện

Kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố trong phạm vi trách nhiệm do luật định.

Viện Kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện quyền kiểm tra, giám sát của mình thông qua các hoạt động kiểm sát chung (nay gọi là kiểm sát việc tuân theo pháp luật trên lĩnh vực hành chính, kinh tế, xã hội), kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử, kiểm sát giam giữ cải tạo, kiểm sát thi hành án, kiểm sát xét khiếu tố.

** Hoạt động kiểm tra, giám sát của tòa án*

Theo Hiến pháp và Luật tổ chức Tòa án nhân dân hiện hành, hệ thống tòa án ở nước ta (gồm tòa án nhân dân tối cao, các tòa án luật định) được thành lập để thực hiện chức năng xét xử. Bằng hoạt động xét xử, tòa án phát hiện ra những vi phạm, những hành vi phạm tội để xử lý theo pháp luật, bảo vệ trật tự, kỷ cương của Nhà nước, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Nhân danh Nhà nước, bằng các bản án và quyết định của mình, tòa án đưa ra những phán quyết, xử lý đối với các hành vi vi phạm Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân.

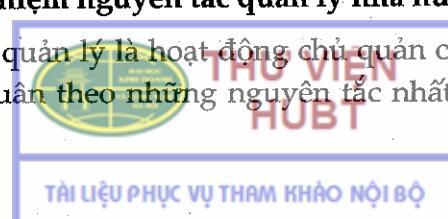
** Hoạt động kiểm tra giám sát của kiểm toán nhà nước*

Hoạt động của kiểm toán nhà nước là hoạt động kiểm tra nhằm xác định tính đúng đắn, hợp pháp của các tài liệu và số liệu kế toán, báo cáo quyết toán của các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, đơn vị kinh tế của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp. Hoạt động kiểm toán nhà nước nhằm kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước ở các cơ quan nhà nước. Ngoài kiểm toán nhà nước, để thực hiện tốt hoạt động tài chính, Nhà nước còn tổ chức hoạt động kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ.

3.3. CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

3.3.1. Khái niệm nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế

Hoạt động quản lý là hoạt động chủ quản của con người, hoạt động đó phải tuân theo những nguyên tắc nhất định. Nguyên tắc



quản lý là những nguyên tắc chủ đạo chi phối các mối quan hệ chủ yếu trong hoạt động quản lý và tổ chức hệ thống quản lý.

Nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế là các nguyên tắc chủ đạo, các tiêu chuẩn hành vi mà hoạt động quản lý nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước phải tuân thủ trong quá trình quản lý.

Nguyên tắc quản lý do chủ quan của con người tạo ra nhưng không phải đặt ra một cách tùy tiện mà phải trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của các quy luật khách quan, phù hợp với các đối tượng quản lý và phải hướng tới thực hiện các mục tiêu của quản lý.

3.3.2. Các nguyên tắc

Trong quản lý nói chung cũng như quản lý nhà nước về kinh tế nói riêng, có rất nhiều nguyên tắc quản lý và giữa các nguyên tắc đều có quan hệ chặt chẽ với nhau, cùng nằm trong một hệ thống nhất. Sau đây là các nguyên tắc cơ bản nhất:

3.3.2.1. Thống nhất lãnh đạo chính trị và kinh tế

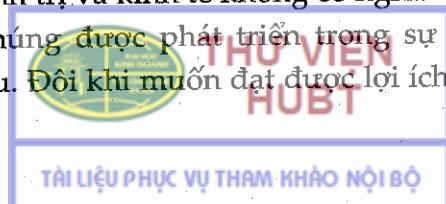
* Cơ sở hình thành nguyên tắc

Nguyên tắc thống nhất lãnh đạo chính trị và kinh tế được hình thành trên cơ sở mối quan hệ khách quan, biện chứng giữa hai yếu tố kinh tế và chính trị.

Chính trị là tổng thể các quan điểm, các phương pháp hoạt động thực tế nhất định của Đảng, của Nhà nước và giai cấp mà mẫu chốt là vấn đề chính quyền.

Kinh tế là lĩnh vực của những quan hệ giữa con người với con người diễn ra trong quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng.

Sự thống nhất và tác động lẫn nhau giữa chính trị và kinh tế được thể hiện ở đặc điểm sau: Sự thống nhất và mối liên hệ lẫn nhau giữa chính trị và kinh tế không có nghĩa là sự đồng nhất mặc dù mặc dù chúng được phát triển trong sự thống nhất và phụ thuộc lẫn nhau. Đôi khi muốn đạt được lợi ích kinh tế nào đó, cần



có hàng loạt biện pháp chính trị và kinh tế. Trong mỗi quan hệ giữa kinh tế và chính trị thì kinh tế giữ vai trò quyết định. Mỗi một sự thay đổi trong quan hệ kinh tế cuối cùng đòi hỏi phải có sự thay đổi phù hợp trong quan hệ chính trị. Ngược lại, chính trị không phản ánh một cách thụ động thực tế kinh tế mà có tác động mạnh mẽ đến các quá trình kinh tế. Theo Ăngghen: Chính trị hoạt động cùng chiều với kinh tế sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển; chính trị hoạt động ngược chiều với kinh tế sẽ kìm hãm sự phát triển kinh tế; chính trị có thể thúc đẩy sự phát triển kinh tế theo hướng này ở lĩnh vực này, đồng thời cản trở sự phát triển của kinh tế theo hướng khác ở lĩnh vực khác.

** Yêu cầu của nguyên tắc thống nhất lãnh đạo chính trị và kinh tế*

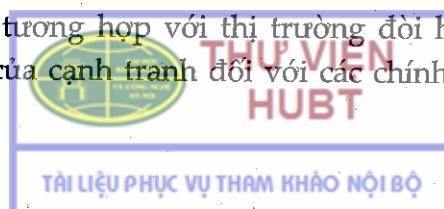
- Phải đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận kinh tế và quản lý kinh tế, cụ thể: Đảng vạch ra đường lối, chủ trương phát triển kinh tế; nắm khâu tổ chức cán bộ, động viên đông đảo quần chúng thực hiện đường lối chủ trương của Đảng và tích cực tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội và tăng cường kiểm tra.

- Phát huy vai trò quản lý của Nhà nước. Nhà nước phải biến chủ trương, đường lối của Đảng thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn; Nhà nước dùng quyền lực của mình để hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, ban hành hệ thống chính sách, công cụ, giải pháp, triển khai thực hiện kế hoạch do Nhà nước vạch ra, phải kiểm tra, tổng kết việc thực hiện kế hoạch.

- Phải có quan điểm chính trị đúng đắn khi giải quyết các vấn đề kinh tế, khi đề ra đường lối chính sách phát triển kinh tế. Quan điểm chính trị đúng đắn, trước hết là quan điểm về lợi ích của các giai cấp, dân tộc và của nhân dân. Ngược lại, phát triển kinh tế có tác động đến ổn định chính trị, tạo niềm tin vào chế độ.

3.3.2.2. Nguyên tắc tương hợp với thị trường

Nguyên tắc tương hợp với thị trường đòi hỏi phải bảo đảm tính tương hợp của cạnh tranh đối với các chính sách kinh tế của



Nhà nước. Điều đó có nghĩa là những biện pháp được đề ra trong các chính sách kinh tế của Nhà nước, vừa tạo động lực phát triển vừa bảo đảm công bằng xã hội, ổn định và phát triển bền vững; ngăn ngừa được sự phá vỡ hay hạn chế các hoạt động cạnh tranh quá mức trên thị trường.

Nhà nước cần tuân thủ sự hài hòa giữa các chức năng của Nhà nước đối với thị trường. Nếu sự can thiệp của Nhà nước là cần thiết thì sự can thiệp đó phải được thực hiện sao cho phù hợp nhất với nguyên tắc thị trường. Nhà nước chỉ nên làm những gì thị trường không làm được, quản lý thị trường chứ không chống lại thị trường. Việc hỗ trợ của Chính phủ đối với các ngành, các vùng lãnh thổ khi gặp khó khăn hay triển vọng cụ thể về khả năng phát triển trong tương lai là hết sức cần thiết nhưng phải bảo đảm nguyên tắc tương hợp với thị trường, tránh những trường hợp không tương hợp với thị trường; không tuân theo các quy luật khách quan.

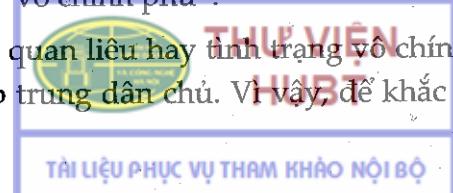
3.3.2.3. Nguyên tắc tập trung dân chủ

Nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc trung tâm trong hệ thống các nguyên tắc quản lý. Nguyên tắc này không chỉ cần thiết trong lĩnh vực quản lý nhà nước mà còn cần thiết ở nhiều lĩnh vực quản lý khác nhau. Hơn nữa, trong quá trình đổi mới quản lý kinh tế hiện nay, nguyên tắc này cũng được Nhà nước quán triệt nhiều nhất.

** Cơ sở để ra nguyên tắc*

Quản lý bao giờ cũng gắn liền với sự chỉ đạo tập trung, không có tập trung sẽ không có quản lý, song tập trung trong quản lý lại phải gắn liền với dân chủ với phân cấp. Tập trung phải được thực hiện trên cơ sở dân chủ, ngược lại dân chủ phải nằm trong khuôn khổ của tập trung. Tập trung mà xa rời dân chủ sẽ dẫn tới tập trung quan liêu; dân chủ mà vượt ra khỏi khuôn khổ của tập trung sẽ rơi vào tình trạng “vô chính phủ”.

Tập trung quan liêu hay tình trạng vô chính phủ đều xa lì với nguyên tắc tập trung dân chủ. Vì vậy, để khắc phục tình trạng tập



trung quan liêu và tránh tình trạng tự phát vô chính phủ trong quản lý nói chung và quản lý nhà nước nói riêng thì phải quán triệt đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ. Vấn đề quan trọng đặt ra ở nguyên tắc này là: Xây dựng mức độ, phạm vi giữa tập trung và dân chủ một cách hợp lý; tập trung đến đâu để không dẫn tới tập trung quan liêu, dân chủ đến đâu để đừng dẫn đến tình trạng vô chính phủ.

* *Yêu cầu của nguyên tắc tập trung dân chủ*

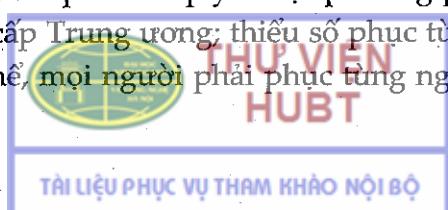
- Nhà nước là tổ chức đại diện cho ý chí và quyền lợi của dân nên việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động là vấn đề cơ bản được thể hiện đầy đủ trong tổ chức và hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế.

- Nhà nước phải giữ quyền thống nhất quản lý những vấn đề cơ bản, những quan hệ cần đổi thuộc về Trung ương; đồng thời phải giao quyền hạn và phát huy tính chủ động cho các địa phương, các ngành.

- Thực hiện quản lý tập trung đòi hỏi Nhà nước phải thống nhất quản lý nền kinh tế – xã hội thông qua hệ thống pháp luật và chính sách quản lý kinh tế. Thực hiện chế độ một thủ trưởng ở tất cả các đơn vị, các cấp. Đồng thời, để bảo đảm quản lý dân chủ đòi hỏi phải tăng cường phân cấp quản lý, mở rộng phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của các cấp; thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, phát huy đầy đủ vai trò của thị trường trong điều tiết kinh tế.

- Trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, nguyên tắc tập trung dân chủ yêu cầu: các cơ quan quyền lực nhà nước đều do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Các cơ quan hành chính nhà nước, tòa án, Viện kiểm sát đều do cơ quan quyền lực nhà nước bầu ra và chịu trách nhiệm trước cơ quan bầu ra mình.

Các cơ quan nhà nước cấp dưới phải phục tùng cơ quan nhà nước cấp trên, các cấp chính quyền địa phương phải phục tùng cơ quan nhà nước cấp Trung ương; thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tập thể, mọi người phải phục tùng người chỉ huy trong



các cơ quan nhà nước, các tổ chức theo chế độ thủ trưởng và trong điều hành công việc ở các công sở.

3.3.2.4. Kết hợp hài hòa các lợi ích xã hội

* Lợi ích là động lực phát triển kinh tế

Hoạt động của con người bao giờ cũng có những động cơ nhất định. Nguồn gốc sâu xa của mọi động cơ là ở chỗ: con người luôn có nhu cầu và mong muốn thỏa mãn nhu cầu. Nhu cầu của con người có hai loại là nhu cầu hiện thực và nhu cầu không hiện thực. Nhu cầu hiện thực là nhu cầu có khả năng thực hiện trên thực tế. Ngược lại, nhu cầu không hiện thực là nhu cầu không có khả năng thực hiện. Khi nhu cầu có tính hiện thực sẽ trở thành lợi ích thiết thân của con người và thôi thúc con người thực hiện lợi ích đó. Vì vậy, lợi ích là động lực của sự phát triển. Trong một xã hội hay một cộng đồng thường tồn tại đồng thời nhiều loại lợi ích có xu hướng vận động khác nhau, thậm chí đối lập nhau. Đó là lợi ích của các giai cấp, các tập đoàn, các nhóm người trong xã hội; là lợi ích giữa cá nhân với lợi ích của tập thể và lợi ích của Nhà nước.

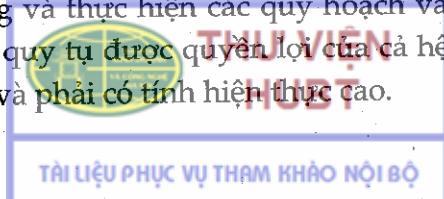
Các lợi ích thống nhất cùng hướng, cùng chiều sẽ tạo ra động lực cho sự phát triển; ngược lại, mâu thuẫn xung đột nhau về lợi ích sẽ trở thành lực cản của sự phát triển.

Vì vậy, vấn đề đặt ra đối với quản lý nhà nước về kinh tế là phải có các hình thức, phương pháp, công cụ để kết hợp hài hòa các lợi ích, qua đó tạo ra động lực phát triển của kinh tế – xã hội.

* Yêu cầu của nguyên tắc

- Thực hiện đường lối phát triển kinh tế đúng đắn dựa trên cơ sở vận dụng các quy luật khách quan phù hợp với đặc điểm của đất nước. Đường lối đó phản ánh lợi ích cơ bản và lâu dài của toàn xã hội, cũng là lợi ích của mọi thành viên xã hội.

- Xây dựng và thực hiện các quy hoạch và kế hoạch phù hợp. Kế hoạch phải quy tụ được quyền lợi của cả hệ thống và lợi ích bộ phận, cá nhân và phải có tính hiện thực cao.



- Thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán kinh tế trên cơ sở các tiêu chuẩn, định mức và vận dụng đúng đắn các đòn bẩy kinh tế để quản lý một cách có hiệu quả mọi tiềm năng, cơ hội là cơ sở để thực hiện lợi ích.

- Người lao động và tập thể của họ không chỉ có lợi ích vật chất mà còn có lợi ích tinh thần. Có những động cơ tinh thần, tư tưởng thúc đẩy hoạt động lao động của con người như: giá trị lao động của mỗi người đối với xã hội, niềm tự hào và vinh dự lao động, hưng phấn lao động và niềm vui sáng tạo... Ngoài ra, con người còn có các quyền lợi về tự do, dân chủ, bình đẳng, quyền được hưởng thụ những giá trị văn hóa tinh thần do xã hội bảo đảm cho họ.

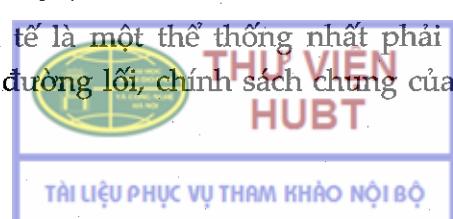
3.3.2.5. Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương, vùng lãnh thổ

** Cơ sở hình thành nguyên tắc*

Phân công lao động xã hội theo ngành và theo lãnh thổ là hai quá trình nằm trong sự phân công lao động xã hội nói chung. Phân công lao động theo ngành là cơ sở hình thành các ngành kinh tế – kỹ thuật, công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải. Phân công lao động theo lãnh thổ là cơ sở hình thành các vùng kinh tế xã hội, kết hợp với sự phân chia địa giới hành chính, sẽ hình thành nên các địa phương. Kết quả của hai quá trình phân công lao động nói trên là nền kinh tế hình thành cơ cấu trong đó có sự đan xen giữa ngành và lãnh thổ. Các đơn vị kinh tế của một ngành lại nằm rải rác ở tất cả các địa phương, ngược lại trên lãnh thổ mỗi địa phương lại có các đơn vị của tất cả các ngành. Vì vậy, trong quản lý nhà nước, cần phải có sự phối hợp giữa quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương, vùng lãnh thổ, trong đó quản lý theo ngành là chủ đạo.

** Yêu cầu của nguyên tắc*

- Nền kinh tế là một thể thống nhất phải được quản lý tập trung theo một đường lối, chính sách chung của Nhà nước. Trong



đó, Nhà nước Trung ương, các Bộ thực hiện sự quản lý theo ngành, địa phương quản lý theo lãnh thổ.

- Các đơn vị kinh tế – kỹ thuật thuộc các ngành kinh tế trước hết phải chịu sự quản lý nhà nước của các Bộ nhưng nằm ở địa phương nào phải chịu sự quản lý của chính quyền địa phương đó về một số mặt theo chế độ quy định. Sự phân cấp quản lý của Trung ương với địa phương phải trên cơ sở đảm bảo sự thống nhất quản lý của Nhà nước Trung ương, đồng thời phải phát huy được tính chủ động sáng tạo của địa phương, chống cát cứ, biệt lập, mà phải liên kết, phối hợp để thực hiện mục tiêu chung.

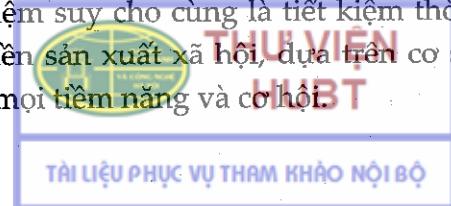
- Nguyên tắc này còn đòi hỏi quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ phải phối kết hợp, gắn bó với nhau trên tất cả mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế nhằm thực hiện lợi ích tổng thể của nền kinh tế, tránh tình trạng Trung ương chạy theo lợi ích của Trung ương, địa phương chạy theo lợi ích của địa phương. Nền kinh tế là một thể thống nhất không chia cắt thành kinh tế Trung ương và kinh tế địa phương mà chỉ có sự phân cấp quản lý giữa Nhà nước Trung ương và chính quyền địa phương.

3.3.2.6. Tiết kiệm và hiệu quả

Tiết kiệm và hiệu quả là hai mặt của một vấn đề, đó là làm sao để với một cơ sở vật chất, một nguồn lực nhất định và trong một giai đoạn phát triển nhất định có thể sản xuất ra được một khối lượng của cải vật chất và tinh thần nhiều nhất, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa của xã hội.

Tiết kiệm bao gồm cả tiết kiệm trong sản xuất, xây dựng và tiêu dùng. Cơ sở khách quan của chế độ tiết kiệm trong quản lý kinh tế là tính kế hoạch trong toàn bộ nền sản xuất xã hội và sự nhất trí về lợi ích cơ bản trong xã hội giữa các giai cấp, tầng lớp, giữa các cá nhân, tập thể và toàn xã hội.

Mọi tiết kiệm suy cho cùng là tiết kiệm thời gian. Tiết kiệm là quy luật của nền sản xuất xã hội, dựa trên cơ sở phải sử dụng có hiệu quả nhất mọi tiềm năng và cơ hội.



Yêu cầu của nguyên tắc hiệu quả và tiết kiệm chính là ở chỗ phải đạt được kết quả của các hoạt động kinh tế cao nhất trong phạm vi có thể.

Khả năng tiết kiệm bao gồm:

- Có đường lối, chiến lược phát triển kinh tế đúng đắn, phù hợp với đòi hỏi của quy luật khách quan.
- Tiết kiệm trong đầu tư, sản xuất, tiêu dùng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.
- Giảm chi phí vật tư. Tiết kiệm nguồn vật tư tương đương với việc mở rộng cơ sở nguyên liệu trong công nghiệp khai thác mà không cần đầu tư thêm việc xây dựng cơ bản. Nó còn đảm bảo cho việc tiết kiệm lao động sống vì giảm bớt nhu cầu về sức lao động cần cho việc bốc dỡ, vận chuyển và bảo quản các vật tư đang sử dụng, giảm bớt thời gian gia công chung, do đó làm giảm giá thành.

Việc tiết kiệm vật tư được thực hiện bằng cách:

- + Đường lối chính sách phải có căn cứ khoa học;
- + Áp dụng kỹ thuật mới và quy trình công nghệ tiên tiến;
- + Có tiêu chí đo lường và so sánh;
- + Cải tiến kết cấu sản phẩm, giảm trọng lượng;
- + Nâng cao chất lượng sản phẩm;
- + Sử dụng vật tư nhiều lần, giảm tổn thất về phế liệu, tận dụng phế liệu;
- + Sử dụng vật liệu thay thế và phế phẩm.

- Tiết kiệm lao động sống. Cần tổ chức một cách khoa học tất cả các loại lao động, kể cả lao động quản lý. Phương tiện để tiết kiệm lao động có hiệu quả là cải tiến bộ máy quản lý, giảm bớt chi phí hành chính theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả và linh hoạt.

- Đảm bảo đầu tư có trọng điểm, tránh phân tán, tản mạn; coi trọng tính hệ thống, tính đồng bộ của đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tiết kiệm trong sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Cần có biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và tận dụng các nguồn tài nguyên sẵn có; tránh khai thác bừa bãi, lãng phí, không có quy hoạch.

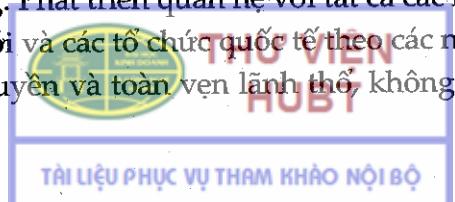
3.3.2.7. Mở rộng hợp tác kinh tế đối ngoại cùng phát triển

Đây là nguyên tắc nhất quán trước sau như một của Đảng và Nhà nước ta.

Nhận thức sâu sắc về tính tất yếu khách quan và lợi ích to lớn của mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế, xuất phát từ tình hình phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã xác định nhiệm vụ “mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực, củng cố và nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế”. Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định chủ trương “phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững”, xác định nhiệm vụ “chủ động hội nhập kinh tế có hiệu quả, mở rộng kinh tế đối ngoại”. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X nhấn mạnh: Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Đại hội chỉ rõ: “Thực hiện nhất quán đường lối đổi ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đổi ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.”

Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế – xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Dựa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững. Phát triển quan hệ với tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế theo các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công



việc nội bộ của nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

Củng cố và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.

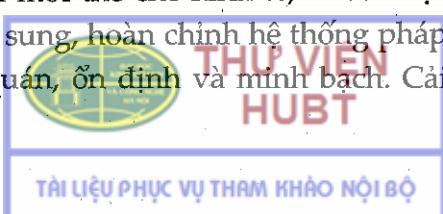
Phát triển công tác đối ngoại nhân dân theo phương châm “chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả”. Tích cực tham gia các diễn đàn và hoạt động của nhân dân thế giới. Tăng cường vận động viện trợ và nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để phát triển kinh tế – xã hội.

Chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người. Sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền. Kiên quyết làm thất bại các âm mưu, hành động xuyên tạc và lợi dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” hòng can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của Việt Nam.

Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất.

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á – Thái Bình Dương... Củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tối đa những thách thức, rủi ro khi nước ta đã là thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế, rà soát lại các văn bản pháp quy, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán, ổn định và minh bạch. Cải thiện môi trường



đầu tư; thu hút các nguồn vốn FDI, ODA, đầu tư gián tiếp, tín dụng thương mại và các nguồn vốn khác. Xác định đúng mục tiêu sử dụng và đẩy nhanh việc giải ngân nguồn vốn ODA, cải tiến phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng và có kế hoạch trả nợ đúng hạn; duy trì tỷ lệ vay nợ nước ngoài hợp lý, an toàn.

Phát huy vai trò chủ thể và tính năng động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế. Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, phát triển thị trường mới, sản phẩm mới và thương hiệu mới. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài và mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài.

Đẩy mạnh công tác văn hóa – thông tin đối ngoại, góp phần tăng cường sự hợp tác, tình hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước.

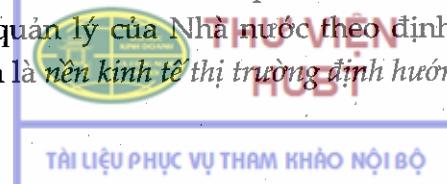
Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại vững vàng về chính trị, có trình độ ngoại ngữ và năng lực nghiệp vụ cao, có đạo đức và phẩm chất tốt.

Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu về đối ngoại với sự tham gia và phát huy trí tuệ của các cơ quan nghiên cứu và các nhà khoa học.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; đối ngoại, quốc phòng và an ninh; thông tin đối ngoại và thông tin trong nước.

3.3.2.8. Phát triển kinh tế, đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa

Tại Đại hội lần thứ IX (2001), Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: "... thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa".



Đại hội lần thứ X (2006) tiếp tục khẳng định: “Để đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”. Đại hội X tiếp tục làm sáng rõ hơn những vấn đề lý luận liên quan đến xây dựng *thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* với bốn nội dung cơ bản:

- Nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.

- Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước.
- Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành của các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh.
- Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức kinh doanh.

Như vậy, trải qua các kỳ Đại hội, Đảng luôn khẳng định con đường mà chúng ta lựa chọn đó là chủ nghĩa xã hội và để đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải phát triển kinh tế thị trường. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được Đảng khẳng định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) với sáu đặc trưng cơ bản và đến Đại hội Đảng X tiếp tục khẳng định ngày càng sáng tỏ hơn với tám đặc trưng cơ bản là:

- Là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.
- Do nhân dân làm chủ.
- Có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.



- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện.
- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
- Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

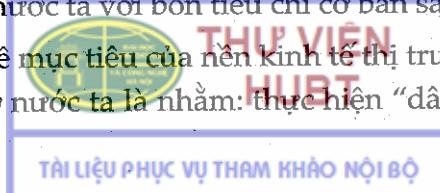
Qua gần 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với những triển vọng tốt đẹp.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng. Sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt: Đất nước đang gặp nhiều khó khăn, thách thức không thể xem thường. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình, là mục tiêu mà chúng ta phải đạt tới. Trong quá trình đó, phải từng bước xác lập, tạo ra những điều kiện, những tiền đề của chủ nghĩa xã hội, đồng thời tránh nguy cơ chệch hướng.

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là sự lựa chọn hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển khách quan và xu thế tất yếu của thời đại. Kinh tế thị trường là một phạm trù kinh tế riêng, có tính độc lập tương đối, phát triển theo những quy luật riêng vốn có của nó dù nó tồn tại ở đâu và bất kể thời điểm nào của lịch sử.

Đại hội lần thứ X của Đảng đã làm sáng tỏ thêm một bước nội dung cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở nước ta với bốn tiêu chí cơ bản sau:

Thứ nhất, về mục tiêu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nhằm: thực hiện “dân giàu, nước mạnh,



xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn.

Như vậy, mục tiêu trên đã thể hiện mục đích của phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là vì con người. Con người phải luôn luôn được chú trọng, đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển, trên cơ sở giải phóng mọi tiềm năng để phát triển lực lượng sản xuất, làm cho mọi người đều được hưởng thành quả của sự phát triển.

Thứ hai, về phương hướng phát triển, phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Chúng ta phải thực hiện phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế là nhằm giải phóng sức sản xuất, giải phóng tiềm năng phát triển trong mỗi thành phần kinh tế, mỗi cá nhân, mỗi vùng miền... Đây là cách để phát huy tối đa nội lực, tạo sức bật để phát triển nhanh và bền vững. Trong nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, bởi vì: ngoài mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước là sự thể hiện định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế; kinh tế nhà nước là công cụ chủ yếu để Nhà nước điều tiết nền kinh tế. Để giữ được vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước phải nắm được những vị trí then chốt của nền kinh tế bằng trình độ công nghệ, hiệu quả sản xuất kinh doanh, chứ không phải dựa vào bao cấp, "xin – cho" hay độc quyền kinh doanh. Đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo hướng cổ phần hóa là con đường chủ yếu nâng cao hiệu quả kinh doanh, là cách thức để kinh tế nhà nước làm tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nhà nước trong



THƯ VIỆN
HỘI

nền kinh tế thị trường cũng là một phương thức kết hợp để vừa phát huy được những sức mạnh của nhau, tạo động lực cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững, vừa hạn chế được cả những mặt tiêu cực của thị trường và những biểu hiện quan liêu, kém hiệu lực của điều tiết nhà nước.

Thứ ba, về định hướng xã hội chủ nghĩa thông qua chế độ phân phối: Phải thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế phải gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển xã hội, văn hóa, giáo dục và đào tạo..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

Quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội không chỉ để bảo đảm sự phát triển bền vững, mà còn là sự thể hiện rõ định hướng phát triển nền kinh tế. Thể hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển, trong từng chính sách phát triển, chính là để hạn chế tiêu cực của kinh tế thị trường, nhằm từng bước thực hiện mục tiêu tất cả vì sự phát triển toàn diện của con người. Tăng trưởng phải đi đôi với phát triển các lĩnh vực xã hội. Bởi lẽ, các lĩnh vực xã hội vừa là mục tiêu, vừa là động lực, là điều kiện cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Thứ tư, định hướng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực quản lý: Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, người lao động là người chủ xã hội. Công nhân dù làm trong xí nghiệp tư nhân vẫn là người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng là sự thể hiện rõ rệt định hướng xã hội chủ nghĩa.



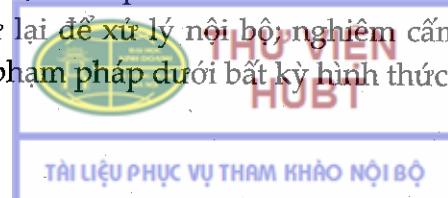
Định hướng xã hội chủ nghĩa là một tất yếu, là sự lựa chọn phù hợp với nội dung của thời đại – thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nhằm mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với xã hội chủ nghĩa, thể hiện trong toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây không chỉ là một tất yếu về chính trị và nguyện vọng mong muốn của nhân dân ta, mà còn là một tất yếu kinh tế, văn hóa, xã hội.

3.3.2.9. Pháp chế xã hội chủ nghĩa

Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa là một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Pháp chế xã hội chủ nghĩa được hiểu là chế độ tuân thủ nghiêm chỉnh, chính xác hiến pháp và luật của mọi chủ thể của các quan hệ pháp luật. Nguyên tắc này cũng được coi là một trong những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ở Việt Nam. Trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp, cần triệt để tôn trọng, thi hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật. Nguyên tắc này cũng đòi hỏi tổ chức và hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước phải dựa trên cơ sở pháp luật, bảo đảm tính thống nhất của pháp chế, bảo đảm tính tối cao của hiến pháp và luật, bảo đảm và bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của công dân đã được pháp luật quy định, ngăn chặn kịp thời và xử lý nhanh chóng, công minh mọi hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm sự thống nhất giữa pháp chế và tính hợp lý, khách quan, công bằng.

Để thực hiện nguyên tắc này phải có điều kiện: Xây dựng và hoàn chỉnh pháp luật; giáo dục pháp luật cho toàn dân; xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật.

Đảng và Nhà nước ta đã chỉ rõ: Pháp luật phải được chấp hành nghiêm chỉnh, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Bất cứ ai vi phạm pháp luật đều phải đưa ra xét xử theo đúng pháp luật, không được giữ lại để xử lý nội bộ, nghiêm cấm mọi hành vi bao che hành động phạm pháp dưới bất kỳ hình thức nào.



TÓM TẮT CHƯƠNG

Quy luật kinh tế là mối liên hệ nhân quả, bản chất, phổ biến, tồn tại trong các hiện tượng kinh tế ở những thời điểm nhất định khi điều kiện tồn tại của nó vẫn còn. Quy luật kinh tế là khách quan, xuất hiện, tồn tại trong các điều kiện kinh tế nhất định và mất đi khi các điều kiện đó không còn, tồn tại độc lập ngoài ý chí con người.

Cơ chế kinh tế biểu thị quan hệ và tác dụng qua lại lẫn nhau giữa các yếu tố cấu thành một thể chế kinh tế nhất định.

Cơ chế quản lý kinh tế của nhà nước là phương thức điều hành có kế hoạch của nhà nước đối với nền kinh tế, dựa trên cơ sở những đòi hỏi của các quy luật khách quan, bao gồm tổng thể các phương pháp, hình thức, thủ thuật để thực hiện yêu cầu của các quy luật khách quan đó.

Thể chế kinh tế là hình thức cụ thể của phương thức, phương pháp, quy tắc, việc tổ chức vận hành kinh tế trong một chế độ kinh tế – xã hội nhất định.

Chức năng quản lý nhà nước về kinh tế là hình thức biểu hiện phương pháp, nội dung và giai đoạn tác động có chủ đích của nhà nước lên đối tượng và khách thể quản lý; là tập hợp những nhiệm vụ khác nhau mà Nhà nước phải tiến hành trong quá trình quản lý, bao gồm các nội dung chính: Định hướng sự phát triển của nền kinh tế; tạo lập môi trường cho sự phát triển kinh tế; kiểm tra, giám sát hoạt động kinh tế.

Nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế là các nguyên tắc chủ đạo, các tiêu chuẩn hành vi mà hoạt động quản lý nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước phải tuân thủ trong quá trình quản lý. Các nguyên tắc cơ bản nhất bao gồm: Thống nhất lãnh đạo chính trị và kinh tế; tương hợp với thị trường; tập trung dân chủ; kết hợp hài hòa các lợi ích xã hội; kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương, vùng lãnh thổ; tiết kiệm và hiệu quả; mở rộng hợp tác kinh tế đối ngoại cùng phát triển, phát triển kinh tế, đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa và cuối cùng là pháp chế xã hội chủ nghĩa.



❖ CÂU HỎI ÔN TẬP

- Thế nào là cơ chế kinh tế? Phân biệt cơ chế kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế của nhà nước?
- Trình bày khái niệm và nội dung chức năng quản lý nhà nước về kinh tế?
- Phân tích các nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế?

FILE BÀI TẬP

Bài tập 1

Một số nhà kinh tế cho rằng, sở dĩ chủ nghĩa xã hội bị bế tắc và kém phát triển là do thực hiện cơ chế quản lý kinh tế bao cấp, không chấp nhận kinh tế tư nhân. Theo bạn, nhận định này đúng hay sai? Vì sao?

Bài tập 2

Có người nói, ở các nước tư bản chủ nghĩa, nhà nước cũng thực hiện khá nhiều chính sách xã hội như thực hiện giáo dục phổ cập, trợ cấp người nghèo, người cơ nhỡ, giúp đỡ người dân lúc thiên tai, bảo vệ các nhà doanh nghiệp, bảo đảm mức lương tối thiểu cho người lao động, tiến hành đô thị hóa đất nước và bảo vệ môi trường sống, thiết lập một xã hội giàu có, công bằng và văn minh. Theo bạn, nên hiểu điều này thế nào cho đúng?



Chương 4

PHƯƠNG PHÁP VÀ CÔNG CỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

4.1. CÁC PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

4.1.1. Khái niệm phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế

Phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế là tổng thể các cách thức tác động của nhà nước đến quá trình kinh tế – xã hội nhằm đạt được các mục tiêu do nhà nước đặt ra.

Các phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế được hình thành trên cơ sở yêu cầu của các quy luật khách quan và quán triệt các nguyên tắc quản lý. Các phương pháp quản lý có vai trò quan trọng trong hệ thống quản lý. Mục tiêu, nhiệm vụ của quản lý chỉ được thực hiện thông qua tác động của các phương pháp quản lý; phương pháp quản lý còn có tác động khơi dậy các động lực, kích thích tính năng động sáng tạo của con người và tiềm năng của hệ thống cũng như các cơ hội có lợi bên ngoài.

Khác với nguyên tắc quản lý, phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế có tính năng động, linh hoạt và thường xuyên thay đổi trong từng tình huống cụ thể, tùy thuộc vào đặc điểm của đối tượng cũng như năng lực và kinh nghiệm của nhà nước và đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước.

Tác động của phương pháp quản lý luôn luôn là tác động có mục đích nhằm phối hợp hoạt động, bảo đảm sự thống nhất. Trong quá trình quản lý, tùy từng tình huống quản lý cụ thể mà chủ thể

quản lý phải biết lựa chọn phương pháp quản lý phù hợp. Tài năng, nghệ thuật quản lý tùy thuộc rất nhiều vào khả năng sử dụng phương pháp quản lý có phù hợp và có hiệu quả hay không.

Trong quản lý nói chung và quản lý nhà nước nói riêng, có rất nhiều phương pháp quản lý và giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, do đó việc sử dụng các phương pháp quản lý một cách đồng bộ cũng là một yếu tố nâng cao hiệu quả của việc sử dụng phương pháp quản lý.

4.1.2. Các phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế

4.1.2.1. Phương pháp hành chính

Khái niệm

Phương pháp hành chính trong quản lý kinh tế là cách thức tác động trực tiếp bằng các quyết định mang tính chất bắt buộc của nhà nước đối với đối tượng quản lý nhằm thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

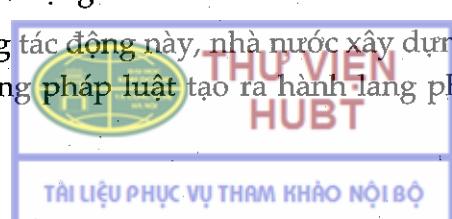
Phương pháp hành chính được xây dựng trên cơ sở sử dụng quyền lực của nhà nước nhằm duy trì tính trật tự, tính ổn định của các quá trình kinh tế – xã hội. Do đó, việc sử dụng phương pháp hành chính mang tính chất bắt buộc, đòi hỏi đối tượng quản lý phải chấp hành một cách nghiêm túc mà không có quyền lựa chọn. Sử dụng phương pháp hành chính thường mang lại kết quả nhanh, vì thế nó đặc biệt cần thiết cho những trường hợp hệ thống quản lý ở trong tình huống phức tạp, nhiều biến động.

Phương pháp hành chính cũng là một trong những hình thức để thực hiện sự quản lý thống nhất, tập trung của nhà nước đối với toàn bộ nền kinh tế – xã hội.

Hai hình thức tác động của phương pháp hành chính

Thứ nhất, tác động về tổ chức.

Theo hướng tác động này, nhà nước xây dựng và không ngừng hoàn thiện khung pháp luật tạo ra hành lang pháp lý cho các chủ



thể kinh tế hoạt động bình đẳng, an toàn và trật tự. Những chủ trương, chính sách lớn, dài hạn của nhà nước đều phải được thể chế hóa bằng các đạo luật nhằm đảm bảo được chấp hành nhất quán. Nhà nước phải ban hành các văn bản quy định về quy mô, cơ cấu, điều lệ hoạt động, tiêu chuẩn nhằm thiết lập tổ chức và xác định các mối quan hệ hoạt động trong nội bộ.

Thứ hai, tác động điều chỉnh.

Nhà nước ban hành các chỉ thị, quy định các thủ tục hành chính buộc tất cả các chủ thể từ cơ quan nhà nước, các đơn vị đến hộ gia đình đều phải tuân thủ. Những công cụ này nhằm giúp nhà nước cụ thể hóa khung pháp luật và các kế hoạch hướng dẫn thị trường, tác động trực tiếp vào các chủ thể như thủ tục xét duyệt cấp giấy phép đầu tư, thành lập đơn vị, thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, thủ tục cấp giấy phép xuất nhập khẩu.

Yêu cầu khi sử dụng phương pháp hành chính

- Các phương pháp hành chính đòi hỏi chủ thể quản lý phải có quyết định dứt khoát, rõ ràng, dễ hiểu, có địa chỉ người thực hiện. Đối với các quyết định hành chính thì cấp dưới bắt buộc phải thực hiện không có quyền lựa chọn, chỉ có cấp thẩm quyền mới có quyền thay đổi quyết định.

- Sử dụng phương pháp hành chính phải có căn cứ, có luận chứng khách quan, hợp lý, tránh trường hợp sử dụng phương pháp hành chính một cách chủ quan, tùy tiện, tránh hành chính quan liêu. Người ra quyết định phải hiểu rõ tình hình thực tế, nắm vững tình huống cụ thể và phải có đủ thông tin cần thiết cho việc ra quyết định.

- Khi sử dụng phương pháp hành chính, phải gắn chặt với quyền hạn và trách nhiệm của cấp ra quyết định. Mỗi bộ phận, mỗi cán bộ khi sử dụng quyền hạn của mình ở cấp càng cao, phạm vi ra quyết định càng rộng, nếu càng sai thì tổn thất càng lớn. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về quyết định của mình.

4.1.2.2. Phương pháp kinh tế

Khái niệm

Phương pháp kinh tế là phương pháp tác động gián tiếp đến đổi tượng quản lý thông qua các lợi ích kinh tế nhằm tạo ra những tình huống để đổi tượng quản lý lựa chọn phương án hành động có hiệu quả nhất.

Đặc điểm của phương pháp kinh tế là tác động đến lợi ích của các chủ thể kinh tế, của người lao động, thông qua đó điều tiết hoạt động của họ trong việc thực hiện các mục tiêu chung.

Nếu như phương pháp hành chính tác động trực tiếp mang tính chất bắt buộc thì phương pháp kinh tế tác động gián tiếp và không mang tính chất bắt buộc. Người thực hiện căn cứ vào tính toán lợi ích, qua đó tự quyết định lựa chọn phương án hành động có lợi nhất. Như vậy, sử dụng phương pháp kinh tế sẽ góp phần phát huy tính chủ động sáng tạo cho người thực hiện.

Phương pháp kinh tế tạo ra sự quan tâm vật chất thiết thân của đổi tượng quản lý, chứa đựng nhiều yếu tố kích thích kinh tế, tạo động lực cho hoạt động nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu chung.

Các hình thức tác động của phương pháp kinh tế

- Định hướng phát triển chung bằng các mục tiêu nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tế của hệ thống với các chỉ tiêu cụ thể cho từng thời gian, cho từng phân hệ, từng cá nhân của hệ thống.

- Sử dụng các đòn bẩy kinh tế (thuế, lãi suất, tỷ giá, tiền lương, thu nhập, tiền thưởng...), các biện pháp kích thích kinh tế để lôi cuốn, thu hút, khuyến khích các cá nhân, các doanh nghiệp phát triển theo hướng đảm bảo hài hòa lợi ích chung với lợi ích riêng.

- Bằng chính sách ưu đãi kinh tế để điều chỉnh hoạt động kinh tế trong cả nước và thu hút được tiềm năng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Các yêu cầu đảm bảo sử dụng tốt phương pháp kinh tế

- Phải hoàn thiện hệ thống các đòn bẩy kinh tế, nâng cao năng lực vận dụng các quan hệ hàng hóa - tiền tệ, quản lý thị trường.

- Phải thực hiện sự phân cấp quản lý đúng đắn theo hướng mở rộng quyền hạn cho các cấp dưới, tạo điều kiện cho họ phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.

- Sử dụng tốt phương pháp kinh tế đòi hỏi cán bộ quản lý phải có kiến thức và kinh nghiệm quản lý, đồng thời phải có tác phong quản lý dân chủ.

- Phương pháp kinh tế có độ bão hòa nhanh, do đó phải thường xuyên hoàn thiện, nhất là hệ thống định mức, tiêu chuẩn...

4.1.2.3. Phương pháp tâm lý giáo dục

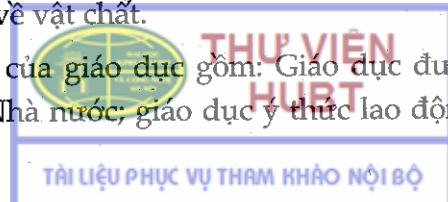
Phương pháp giáo dục là phương pháp tác động đến yếu tố tình cảm, tâm lý của con người nhằm phát huy cao nhất tiềm năng tinh thần của con người vào việc thực hiện các mục tiêu chung.

Phương pháp giáo dục có ý nghĩa to lớn trong quản lý kinh tế vì đối tượng quản lý là con người – một thực thể năng động và tổng hòa của nhiều mối quan hệ xã hội. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu về tinh thần ngày càng tăng lên, do đó phương pháp giáo dục, phương pháp tâm lý – xã hội càng có ý nghĩa quan trọng.

Phương pháp giáo dục dựa trên cơ sở vận dụng các quy luật xã hội, quy luật tâm lý. Sử dụng phương pháp này giúp nâng cao tính tự giác, tính tích cực của người lao động trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao. Phương pháp tâm lý giáo dục thể hiện sự gắn bó, quan tâm, động viên và khích lệ, phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng, khơi dậy lòng tự hào, tự giác, tự tin. Phương pháp giáo dục là sự nâng cao khí chất và tinh thần cho người lao động để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao, bao gồm giáo dục đạo đức, nhân cách, tri thức, kỹ năng...

Phương pháp giáo dục thường được sử dụng kết hợp với các phương pháp khác một cách uyển chuyển, linh hoạt, đặc biệt là phương pháp kinh tế. Khuyến khích về tinh thần phải đi liền với khuyến khích về vật chất.

Nội dung của giáo dục gồm: Giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước; giáo dục ý thức lao động sáng tạo, tự giác;



xóa bỏ chủ nghĩa cá nhân, đầu óc thiến cận, hẹp hòi, tư tưởng địa phương cục bộ...; giáo dục tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại.

4.2. CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

4.2.1. Khái niệm về công cụ quản lý nhà nước về kinh tế

Công cụ quản lý nhà nước về kinh tế được hiểu là toàn bộ các phương tiện mà nhà nước sử dụng theo những phương thức nhất định nhằm định hướng, khuyến khích và phối hợp các hoạt động kinh tế nhằm đạt tới các mục tiêu đã đề ra. Nói cách khác, có thể hiểu hệ thống công cụ quản lý nhà nước về kinh tế là toàn bộ các phương tiện cần thiết mà nhò đó các cơ quan và các cán bộ quản lý kinh tế các cấp sử dụng để điều tiết, hướng dẫn, khuyến khích, phối hợp... các hoạt động của tập thể và cá nhân trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế nhằm hướng tới mục tiêu chung.

Trong hệ thống công cụ đó, việc sử dụng chúng như thế nào lại tùy thuộc vào trình độ phát triển của bản thân nền kinh tế, hoàn cảnh trong nước, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và năng lực đội ngũ cán bộ...

Trong cơ chế kinh tế kế hoạch trước đây, chúng ta cũng có hệ thống công cụ quản lý, nhưng được tạo ra để điều hành nền kinh tế tập trung. Khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, hệ thống công cụ quản lý mà Nhà nước sử dụng cần phải được đổi mới, gạt bỏ những yếu tố lạc hậu cho phù hợp với điều kiện mới. Đặc điểm chung của các phương tiện sử dụng để quản lý nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung là mang tính chất can thiệp trực tiếp, áp đặt ý đồ của người quản lý lên đối tượng quản lý. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các cơ quan quản lý nhà nước chỉ có thể can thiệp vào quá trình phát triển của nền kinh tế một cách gián tiếp qua cơ chế hoạt động của thị trường. Như vậy, các chiến lược, các kế hoạch dài hạn, các dự án phát triển... được vạch ra chỉ mang tính chất định hướng. Trên cơ sở đó, Nhà nước sử dụng công cụ pháp luật kinh tế và các hệ thống chính



THƯ VIỆN
HUBT

sách khuyến khích tác động vào quan hệ lợi ích của chủ thể kinh tế, khuyến khích họ vì theo đuổi lợi ích riêng mà hoạt động cho sự phát triển chung.

4.2.2. Các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế

Để quản lý nền kinh tế, nhà nước cần sử dụng một hệ thống các công cụ chủ yếu sau:

4.2.2.1. Đường lối, chiến lược phát triển kinh tế – xã hội

Đường lối, chiến lược phát triển kinh tế – xã hội là khởi đầu của quá trình xây dựng và phát triển kinh tế – xã hội đất nước, được xem là công cụ hàng đầu của nhà nước trong quản lý vĩ mô nền kinh tế.

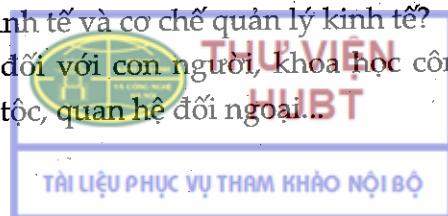
Về đường lối phát triển đất nước

Đường lối phát triển đất nước là định hướng lâu dài cần đạt được do chính đảng cầm quyền một quốc gia đặt ra nhằm định hướng toàn bộ các quá trình xã hội, các hành vi hoạt động của công dân, các quan hệ đối ngoại bên ngoài để từng bước đạt mục đích đó. Nó mang tính định tính, phản ánh bản chất của hệ thống chính trị – xã hội.

Ở Việt Nam, đường lối phát triển kinh tế đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra và thực hiện. Đó là việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đường lối phát triển kinh tế phải giải đáp các nội dung cơ bản sau:

- Đường lối đó phải dựa trên học thuyết chính trị nào? Giai cấp nào lãnh đạo và quản lý xã hội?
- Chế độ sở hữu trong xã hội ra sao?
- Động lực phát triển kinh tế?
- Cơ chế kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế?
- Thái độ đối với con người, khoa học công nghệ, các truyền thống của dân tộc, quan hệ đối ngoại...



Đường lối phát triển có ý nghĩa rất quan trọng bởi đường lối đúng đem lại sự phát triển ổn định và thịnh vượng cho quốc gia, đường lối sai sẽ dẫn tới đổ vỡ, thất bại.

Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội

Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội là một hệ thống các quan điểm cơ bản, các mục tiêu lớn và các giải pháp chủ yếu được lựa chọn một cách có căn cứ khoa học trên cơ sở huy động và sử dụng tối ưu các nguồn lực, các lợi thế phát triển của đất nước, các mối quan hệ phức tạp trong khu vực và trên thế giới nhằm đạt được một bước đường phát triển kinh tế của một quốc gia trong một thời gian đủ dài (thường là 10-20 năm).

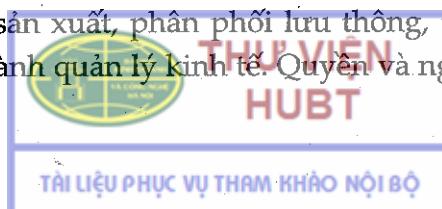
Thực chất chiến lược phát triển kinh tế – xã hội là sự cụ thể hóa đường lối phát triển đất nước trong mỗi chặng đường và do đảng cầm quyền xây dựng. Chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng bởi nó biến đường lối thành hiện thực từng bước. Nó có độ dài đủ lớn để chuyển biến đất nước qua một ngưỡng nhất định, tạo ra tiền đề thực tế để hình dung rõ thêm đường lối.

4.2.2.2. Hệ thống pháp luật

Đây là loại công cụ tác động mang tính chất bắt buộc. Pháp luật xác định hành lang vận động cho đối tượng quản lý, dựa trên cơ sở chức năng quản lý và uy quyền của nhà nước.

Vai trò của pháp luật kinh tế trong quản lý nhà nước về kinh tế

Pháp luật kinh tế bao gồm tổng thể các văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến sự tồn tại, vận hành của nền kinh tế. Trong các văn bản pháp luật đó quy định cụ thể các quy tắc xử sự bắt buộc do nhà nước đặt ra hay thừa nhận mà mỗi cá nhân hay tổ chức kinh tế buộc phải tuân theo để hành vi ứng xử của họ phù hợp với các quan hệ kinh tế khách quan và với lợi ích chung của xã hội. Đối tượng điều chỉnh của pháp luật kinh tế là các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực sản xuất, phân phối lưu thông, tiêu dùng và trong quá trình vận hành quản lý kinh tế. Quyền và nghĩa vụ của các bên



tham gia các quan hệ đó được nhà nước quy định và được đảm bảo thực hiện bằng pháp luật. Bằng cách đó, pháp luật tác động chi phối hành vi kinh tế của đối tượng quản lý cũng như của chủ thể quản lý. Do vậy, pháp luật tồn tại với tư cách là một công cụ quản lý đối với kinh tế và vai trò quan trọng thể hiện trên các khía cạnh sau đây:

Một là, xác lập cơ sở pháp lý, bảo vệ và hỗ trợ cho việc hình thành, phát triển đồng bộ cơ chế thị trường. Dựa trên nhận thức đúng đắn, khách quan và khoa học các quy luật vận động của nền kinh tế theo cơ chế thị trường, nhà nước ban hành các văn bản pháp quy nhằm tổ chức có tính chất nhà nước các quan hệ kinh tế khách quan phù hợp với cơ chế mới. Mặt khác, nhờ sự hỗ trợ và bảo vệ của pháp luật mà ý thức tôn trọng, tuân thủ các quan hệ kinh tế khách quan của các bên tham gia sẽ điều chỉnh hành vi kinh tế của họ, tạo điều kiện để phát triển các mối quan hệ đã được luật pháp xác định. Như vậy, pháp luật giữ vai trò là yếu tố tạo dựng, hỗ trợ và bảo vệ cho sự hình thành và phát triển các quan hệ kinh tế theo mục tiêu định hướng của nhà nước.

Hai là, xác lập trật tự và môi trường kinh doanh lành mạnh cho các chủ thể kinh tế. Bằng việc tổ chức có tính chất nhà nước của các quan hệ kinh tế khách quan dưới hình thức quyền và nghĩa vụ cơ bản, về thực chất pháp luật đã xác định trật tự và môi trường kinh doanh lành mạnh cho mọi hoạt động kinh tế. Bởi vì những quyền và nghĩa vụ thể hiện ở sự phân cấp và thẩm quyền, điều kiện thực hiện, phạm vi và trình tự thực hiện, những điều được làm và không được làm... mà pháp luật xác định luôn hàm chứa những yếu tố của một trật tự. Ví dụ, trật tự và môi trường kinh doanh có thể bị phá vỡ bởi cạnh tranh không lành mạnh do thiếu luật bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, luật quảng cáo... hoặc một thị trường thống nhất có thể bị phá vỡ nếu thẩm quyền của các cấp, các ngành, các địa phương không được pháp luật quy định rõ ràng.

Ba là, bảo vệ lợi ích chính đáng của các chủ thể kinh tế tham gia vào các quan hệ kinh tế. Việc bảo vệ lợi ích của các chủ thể kinh tế



chỉ có thể thực hiện bằng cách ghi nhận, bảo vệ quyền và nghĩa vụ của các bên, ghi nhận hình thức và các thủ tục giải quyết tranh chấp trong kinh doanh... vào luật pháp. Nhờ vậy, lợi ích của các chủ thể kinh tế được tôn trọng và được giải quyết thỏa đáng. Nếu thiếu luật pháp thì việc giải quyết, xử lý các quan hệ lợi ích sẽ thiếu trật tự, gây lộn xộn không cần thiết, ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động kinh tế.

Đặc điểm của pháp luật kinh tế trong quản lý nhà nước đối với kinh tế

- Công cụ pháp luật kinh tế có sức mạnh quyền uy. Sức mạnh quyền uy của công cụ pháp luật kinh tế là sự kết hợp giữa sức mạnh quyền uy khách quan và quyền uy nhà nước. Nội dung của pháp luật kinh tế chính là các mối quan hệ, các lợi ích kinh tế khách quan được xã hội thừa nhận và bảo vệ dưới dạng ý chí của nhà nước. Sự thừa nhận và bảo vệ đó được cụ thể hóa thành những chuẩn mực về quyền lợi và nghĩa vụ để điều chỉnh hành vi của cá nhân và tập thể phù hợp với các yêu cầu thực tế khách quan. Do vậy, sức mạnh quyền uy của pháp luật kinh tế nằm ngay trong nội dung của pháp luật và phụ thuộc vào tính chính xác của nội dung đó. Việc tuân thủ pháp luật, hành động theo yêu cầu của pháp luật là yêu cầu đương nhiên của bản thân pháp luật chứ không phải vì sự cưỡng chế của nhà nước. Sự cưỡng chế của nhà nước mang tính quyền uy chỉ xuất phát từ yêu cầu bảo vệ pháp luật dưới dạng răn đe, do vậy có tác dụng nâng cao hiệu lực của công cụ pháp luật kinh tế.

- Quản lý bằng pháp luật đảm bảo tính phổ biến và công bằng. Pháp luật kinh tế điều chỉnh các mối quan hệ kinh tế, nhưng không phải tất cả mà chỉ các quan hệ kinh tế cơ bản nhất, quan trọng nhất và khái quát nhất. Hơn nữa, pháp luật kinh tế cũng chỉ liên quan đến tất cả các đối tượng nói chung khi tham gia vào các quan hệ kinh tế chứ không phải cho từng đối tượng riêng lẻ. Trước pháp luật, mọi chủ thể và mọi người đều bình đẳng, có cơ hội ngang nhau để phát triển kinh tế.



- Quản lý bằng pháp luật kinh tế là sự tác động điều chỉnh mang tính chất gián tiếp. Tính chất gián tiếp thể hiện ở chỗ luật chỉ đưa ra các điều kiện giả định để quy định quyền và nghĩa vụ cho các hoạt động kinh tế; đưa ra các quy phạm được phép hay không được phép trong các hoạt động kinh tế thuộc lĩnh vực kinh tế, còn các chủ thể kinh tế lựa chọn, tự quyết định hành động trong khuôn khổ của các điều kiện và phạm vi đã xác định của luật.

- Công cụ pháp luật về quản lý nhà nước chủ yếu là quản lý hành chính kinh tế. Do vậy, pháp luật là công cụ quan trọng nhất để nhà nước điều hành nền kinh tế.

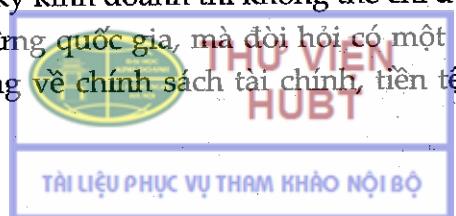
- Pháp luật là ý chí của nhà nước đòi hỏi nền kinh tế phải đi theo. Có thể ví nền kinh tế thị trường như là một sân bóng, các doanh nhân là cầu thủ, còn nhà nước là trọng tài trên sân bóng. Trận đấu hay, đạt kết quả mỹ mãn, các cầu thủ phát huy cao độ tài trí và kỹ năng kỹ xảo của mình để chiến thắng đối phương, một phần rất lớn tùy thuộc vào tài nghệ điều khiển của trọng tài.

4.2.2.3. Kế hoạch hóa

Đây là loại công cụ nhà nước sử dụng nhằm định hướng sự phát triển của các lĩnh vực, các vùng, các phân ngành cũng như toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Kinh tế phát triển phải được hướng theo các mục tiêu đã được lựa chọn, hướng theo các chương trình có mục tiêu nhất định. Kinh tế trong ngắn hạn, đầu vào khó biến đổi lớn thì hiệu quả đầu ra có giới hạn. Kinh tế trong dài hạn có sự biến đổi lớn ở đầu vào. Đó là sự thay đổi lớn về các yếu tố lao động, tay nghề, trình độ học vấn, trình độ khoa học công nghệ... và kéo theo đó là trình độ quản lý cũng không ngừng được hiện đại hóa và nâng cao.

Ngày nay, nhân loại đã đặt ra những yêu cầu mới, như muốn chống lại chu kỳ kinh doanh thì không thể chỉ dừng lại ở chính sách tài khóa của từng quốc gia, mà đòi hỏi có một sự phối hợp chung, điều hòa chung về chính sách tài chính, tiền tệ của khu vực cũng



nhiều toàn cầu. Chỉ một trung tâm IMF, WB, ADB... như hiện nay là không đáp ứng yêu cầu của sự phát triển và không giải quyết được các vấn đề kinh tế này sinh. Thế giới đang tìm kiếm những tổ chức điều hành tài chính tiền tệ mới với những dự báo, dự kiến xa hơn. Như vậy điều hành nền kinh tế thị trường trước hết là điều hành bằng kế hoạch.

Kế hoạch hóa sự pháp lý kinh tế bao gồm:

- Kế hoạch ngắn hạn
- Kế hoạch dài hạn
- Kế hoạch từng lĩnh vực, từng ngành, từng địa phương, lãnh thổ
- Kế hoạch các yếu tố đầu vào, đầu ra...

Kế hoạch mang tính định hướng gián tiếp là chủ yếu. Song kế hoạch là phản ánh các quy luật, các tất yếu khách quan. Nó được thông qua bộ óc tinh vi, thông minh và nhạy cảm của nhà nước, để từ đó chính kế hoạch phát hiện được các tồn tại, các yêu cầu đặt ra của đời sống kinh tế – xã hội. Cũng chính từ kế hoạch mà phát hiện các tiềm năng mới, nội lực mới, thủ đoạn kỹ năng mới để giải quyết những vấn đề thực tiễn bị che lấp trong kinh tế mà chưa được phát hiện để đẩy nhanh sự phát triển.

Kế hoạch là hành động một cách tự giác, không tự phát. Hành động của nó được tổ chức, phối hợp, có mục tiêu sát thực... chống lại các kế hoạch chủ quan, duy ý chí, phô trương, hình thức, kém hiệu quả không hợp lòng dân.

Việt Nam đã qua thời kỳ kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp, thực hiện kế hoạch kiểu duy ý chí chủ quan, thực tiễn áp đặt, mệnh lệnh cưỡng bức hành chính. Chúng ta đã đổi lập kế hoạch với thị trường, từ bỏ cơ chế thị trường, làm mất động lực phát triển kinh tế. Và chúng ta đã phải trả giá quá đắt cho kiểu kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp đó. Trong điều kiện nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, kế hoạch là một tất yếu khách quan. Kế hoạch là một công cụ vô cùng quan trọng không thể thiếu trong quản lý nhà nước về kinh tế.



THƯ VIỆN
HUBT

Kinh tế thị trường bên cạnh những ưu thế, còn có không ít những khuyết tật cần có sự định hướng, điều tiết của Nhà nước. Đó chính là những cơ sở khách quan để Nhà nước quản lý nền kinh tế theo kế hoạch.

Hơn nữa, nền kinh tế tuy có nhiều thành phần, tuy vận động theo cơ chế thị trường nhưng phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kế hoạch và sự quản lý của Nhà nước là điều kiện cụ thể hóa, thực hiện đường lối, chiến lược cho nền kinh tế thị trường đi đúng mục tiêu đã xác định.

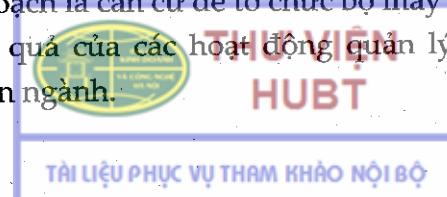
Để quản lý hoạt động kinh tế, chủ thể quản lý các cấp phải sử dụng công cụ kế hoạch. Xét về thực chất, kế hoạch là các quyết định của chủ thể quản lý về mục tiêu, biện pháp và các đảm bảo vật chất cần thiết để thực hiện mục tiêu trong một thời kỳ nhất định. Như vậy, kế hoạch là một công cụ định hướng, tổ chức và điều khiển các hoạt động kinh tế của một đơn vị, một địa phương hay toàn bộ nền kinh tế.

Vai trò của công cụ kế hoạch trong quản lý nhà nước đối với kinh tế

Một là, cho phép chủ thể quản lý cũng như mọi bộ phận trong hệ thống quản lý nhận thức thống nhất về hướng đi, cách đi thích hợp để nhanh chóng đạt tới mục tiêu. Trên cơ sở thống nhất nhận thức mà hoạt động của mọi cấp, mọi bộ phận, mọi tổ chức tự giác, chủ động và thống nhất trong hàng động thực tiễn.

Hai là, kế hoạch giúp các nhà quản lý chủ động thích ứng với những thay đổi trong quá trình phát triển của thực tiễn do có những dự đoán trước; chủ động tạo ra những biến đổi có lợi cho quá trình phát triển; hướng các nhà quản lý tập trung vào những nhiệm vụ trọng yếu...

Ba là, kế hoạch là căn cứ để tổ chức bộ máy quản lý, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của các hoạt động quản lý ở các cấp, các địa phương và toàn ngành.

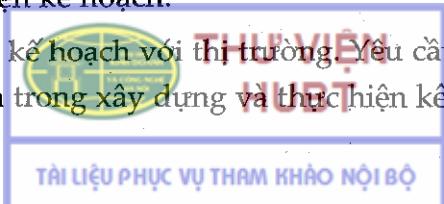


Các yêu cầu cơ bản đối với công cụ kế hoạch phát triển kinh tế trong cơ chế thị trường

Muốn phát huy tối đa vai trò to lớn của công cụ kế hoạch, nhất là kế hoạch trong cơ chế thị trường thì bản thân kế hoạch phải đáp ứng một số yêu cầu nhất định. Trong cơ chế thị trường, kế hoạch hóa kinh tế quốc dân vẫn là một công cụ quan trọng của quản lý nhà nước, có tính chất pháp lệnh, nhưng không có tính chất chỉ đạo theo phương thức giao nhận và chấp hành kế hoạch một cách cứng nhắc, mà chỉ là những định hướng cho sự phát triển ở tầm vĩ mô. Các kế hoạch định hướng bao gồm các chiến lược, các kế hoạch dài hạn, các dự án phát triển kinh tế được xây dựng trên cơ sở nhận thức đúng các quy luật khách quan và tính toán chính xác các điều kiện về nguồn lực của nền kinh tế. Căn cứ quan trọng để vạch ra các kế hoạch định hướng phát triển kinh tế là nhu cầu của thị trường, bao gồm cả thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Trên cơ sở đó, các yếu tố nguồn lực của xã hội được bố trí, huy động vào sản xuất kinh tế một cách hợp lý nhất để khai thác triệt để lợi thế so sánh của nền kinh tế, thực hiện tốt các mục tiêu ý tưởng mà sự phát triển kinh tế cần đạt tới, phù hợp với công cụ đổi mới kinh tế của đất nước. Như vậy, kế hoạch kinh tế cần đáp ứng các yêu cầu chủ yếu:

Thứ nhất, các kế hoạch phải đảm bảo tính khoa học. Hiệu quả quản lý của công cụ kế hoạch phụ thuộc rất lớn vào tính sát thực, tính hợp lý và khoa học của nó. Do vậy, khi xây dựng kế hoạch phải chú trọng việc nghiên cứu và vận dụng các nguyên lý về kế hoạch hóa vào điều kiện cụ thể của nền kinh tế; phân tích rõ thực trạng, tiềm năng về tài nguyên đất đai cũng như lao động, tiền vốn, công nghệ và kỹ thuật có thể huy động; tham khảo kinh nghiệm của địa phương khác hoặc nước khác. Điều này có nghĩa là phải gắn lý luận với thực tiễn trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch.

Thứ hai, gắn kế hoạch với thị trường. Yêu cầu này đòi hỏi phải được đáp ứng cả trong xây dựng và thực hiện kế hoạch. Trong xây

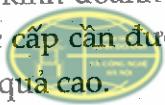


dựng kế hoạch phát triển, cần coi nhu cầu thị trường là điểm xuất phát của kế hoạch, các chủ thể quản lý không nên tuyệt đối hóa kế hoạch trong suy nghĩ và hành động dẫn đến hạn chế tính sáng tạo, linh hoạt và mavin dẻo trong hoạt động quản lý và điều hành. Tuyệt đối hóa kế hoạch, thậm chí đặt đối lập kế hoạch với thị trường mà không gắn kế hoạch với thị trường là xa lạ với cơ chế quản lý mới trong kinh tế nước ta hiện nay.

Thứ ba, trong kinh tế thị trường, kế hoạch hướng dẫn và gián tiếp là chủ yếu. Các kế hoạch khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đều có dấu ấn quyền uy của nhà nước, do vậy chưa đựng tính chất khống chế. Tính chất khống chế này thể hiện bằng các chỉ tiêu, mục tiêu, quy mô, tốc độ, định mức... Trong quá trình phát triển thực tế, nền kinh tế luôn chịu sự chi phối bởi nhiều yếu tố thường xuyên biến động. Tình hình trên phải đòi hỏi giảm tính pháp lệnh, tăng cường tính hướng dẫn của các kế hoạch phát triển kinh tế. Muốn vậy, các kế hoạch chỉ cần bao gồm những chỉ tiêu cần thiết đủ định hướng cho sự phát triển kinh tế. Ngoài ra, các kế hoạch cần bao gồm các yếu tố mở, các chính sách đòn bẩy để khuyến khích tính năng động của người thực hiện.

Thứ tư, tăng cường chất lượng các hoạt động tiền kế hoạch. Để đảm bảo tính sát thực của các kế hoạch, chủ thể quản lý phải coi trọng và tăng cường chất lượng các hoạt động tiền kế hoạch như điều tra khảo sát, nghiên cứu thăm dò để đưa ra các dự báo có căn cứ khoa học về nguồn lực, thị trường trong và ngoài nước, sự phát triển tiến bộ khoa học công nghệ... Các hoạt động tiền kế hoạch càng được coi trọng và có chất lượng cao là căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế có kết quả.

Ngoài ra, trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch, cần phân định rõ chức năng kế hoạch của nhà nước ở các cấp và kế hoạch sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp kinh tế. Bộ máy hoạt động ở các cấp cần được ~~xây dựng~~ theo hướng tinh giản, linh hoạt và có hiệu quả cao.



**THỦY VIỆN
HUBT**

4.2.2.4. Chính sách kinh tế

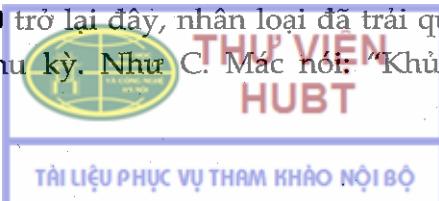
Chính sách kinh tế có vai trò rất quan trọng, giúp nhà nước điều khiển hoạt động của các chủ thể kinh tế. Nhờ các chính sách kinh tế dẫn dắt hoạt động mà các chủ thể kinh tế hành động phù hợp với lợi ích chung của xã hội, các nguồn tài nguyên được huy động một cách có hiệu quả để đạt đến mục tiêu và các kế hoạch định hướng.

Để thực hiện các mục tiêu phát triển vạch ra trong các chiến lược, các kế hoạch, các dự án phát triển kinh tế, nhà nước sử dụng một hệ thống các chính sách kinh tế làm công cụ tác động vào cơ chế vận động của nền kinh tế. Tùy cách tiếp cận khác nhau, người ta có thể phân loại các chính sách kinh tế như sau:

- Chính sách tài khóa
- Chính sách tiền tệ
- Chính sách xóa đói giảm nghèo, công bằng xã hội
- Chính sách kinh tế đối ngoại
- Chính sách tạo việc làm
- Chính sách phân phối thu nhập
- Chính sách tích lũy, tích tụ và tiết kiệm
- Chính sách khuyến khích đầu tư...

Nền kinh tế thị trường tư bản phát triển theo chu kỳ kinh doanh, theo khủng hoảng chu kỳ. Các nhà nước tư sản đã sử dụng nhiều chính sách kinh tế phối hợp như chính sách chống chu kỳ bằng sự phối hợp giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để chống lại chu kỳ kinh doanh. Nhà nước tư sản có thể sử dụng chính sách tài chính và chính sách tiền tệ thắt chặt để chống lại khủng hoảng.

Kết quả chu kỳ kinh doanh có thể tạm thời được khắc phục. Nền kinh tế thị trường tự nó lại phục hồi, lại hưng thịnh và nhất định sẽ đi tới khủng hoảng chu kỳ ở giai đoạn sau. Người ta tính từ những năm 1970 trở lại đây, nhân loại đã trải qua hàng chục cuộc khủng hoảng chu kỳ. Như C. Mác nói: "Khủng hoảng kinh tế



chứng tỏ giai cấp tư sản không thể quản lý sức sản xuất hiện đại nữa, phải chuyển xí nghiệp sản xuất và tư liệu giao thông vào tay các công ty cổ phần các tờ-rót và nhà nước, chứng tỏ giai cấp tư sản trở thành vô dụng”¹.

Hiện nay, nhà nước tư sản đang triệt để sử dụng các chính sách kinh tế để cứu vãn nền kinh tế ra khỏi khủng hoảng kinh tế. Chính phủ Mỹ đã dùng nhiều gói cứu trợ kinh tế trị giá hàng trăm tỷ USD để phục hồi kinh tế. Chính quyền của Tổng thống Obama đã đưa ra gói cứu trợ trị giá tới 783 tỷ USD để vực dậy nền kinh tế Mỹ ra khỏi khủng hoảng với nhiều chính sách kinh tế khác nhau.

Tuy nhiên, do giới hạn lợi ích của giai cấp tư sản nên các lý thuyết chống chu kỳ kinh doanh của các nhà tư sản chỉ có ý nghĩa tạm thời, ý nghĩa trên lý thuyết là chủ yếu, còn thực tiễn thì nó bị phủ định dần.

Nhà kinh tế học Mỹ Samuelson từng đoạt giải thưởng Nobel đã nói về sự vận dụng chính sách kinh tế để chống lại chu kỳ kinh doanh ở Mỹ như sau: “Ngày nay không thấy ai tin rằng chu kỳ kinh doanh lại có thể loại bỏ một cách dễ dàng như vậy. Đã gần 60 năm kể từ khi có lý thuyết Keynes, suy thoái và lạm phát vẫn còn tồn tại cùng chúng ta và chính sách tài khóa trong lý thuyết hoạt động tốt hơn là ngoài thực tiễn. Hơn nữa, chính sách tiền tệ là một công cụ được ưa thích hơn để điều hòa những dao động kinh tế. Tuy nhiên, bất cứ khi nào thất nghiệp tăng lên như vào đầu những năm 90 thì vẫn thường có những áp lực mạnh từ phía công chúng đòi chính phủ phải tăng chi tiêu...”²

Tại Việt Nam, trong những năm gần đây, bằng các công cụ và chính sách đúng đắn về tài khóa, tiền tệ, giá cả và đầu tư, Nhà nước đã từng bước kiềm chế được lạm phát, ngăn chặn đà suy giảm kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

¹ Mác – Ängghen (1962), *Tuyển tập*, tập 2, NXB. Sự thật, Hà Nội, tr. 223.

² Samuelson (1997), *Kinh tế học*, tập 2, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 498.

4.2.2.5. Nhóm các công cụ vật chất

Ngoài các công cụ, chính sách để quản lý vĩ mô về kinh tế, nhà nước còn phải có thực lực kinh tế nhà nước mạnh.

Muốn thực lực kinh tế nhà nước mạnh thì trước hết kinh tế nhà nước, ngân hàng nhà nước, bảo hiểm nhà nước, kho bạc nhà nước, dự trữ quốc gia và các sở hữu nhà nước khác, các lĩnh vực kinh tế công phải vững mạnh, phải vươn tới đóng vai trò nòng cốt trong nền kinh tế. Tuy nhiên, bên cạnh những tích cực, ưu việt về mặt lý thuyết thì cần phải cảnh báo những khó khăn của khu vực kinh tế này. Sở hữu chung, thiếu cơ chế trách nhiệm, động lực lợi ích và hiệu quả, nguy cơ thất thoát, lãng phí luôn luôn hiện hữu.

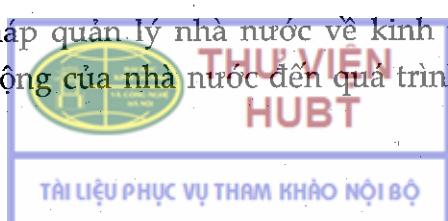
Để làm được điều đó, Nhà nước ta đang thi hành các chủ trương như cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tái cấu trúc các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty nhà nước, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng nhà nước, đổi mới hợp tác xã mà trọng tâm là nâng cao trình độ quản lý hợp tác xã, xây dựng phương án kinh doanh cho hợp tác xã...

Mặt khác, Nhà nước có thể sử dụng các công cụ kinh tế sau đây để điều hành nền kinh tế đúng hướng, đúng mục tiêu: công cụ tiền lương, tiền thưởng; công cụ lợi nhuận; công cụ giá cả, chính sách trợ giá hoặc đơn đặt hàng và các công cụ kinh tế tài chính khác...

Ngoài ra, Nhà nước còn dùng các công cụ, chính sách kết hợp khác để kích thích tăng trưởng, chống đỡ các căn bệnh của kinh tế thị trường, ví dụ giảm thuế, thu hút và khuyến khích đầu tư.

TÓM TẮT CHƯƠNG

Phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế là tổng thể các cách thức tác động của nhà nước đến quá trình kinh tế – xã hội



nhằm đạt được các mục tiêu do nhà nước đặt ra, có vai trò quan trọng trong hệ thống quản lý. Mục tiêu, nhiệm vụ của quản lý chỉ được thực hiện thông qua tác động của các phương pháp quản lý; phương pháp quản lý còn có tác động khơi dậy các động lực, kích thích tính năng động sáng tạo của con người và tiềm năng của hệ thống cũng như các cơ hội có lợi bên ngoài.

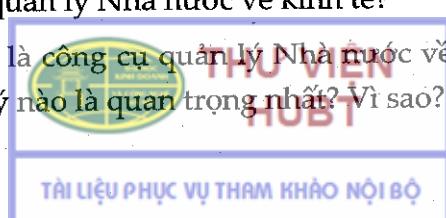
Các phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế được hình thành trên cơ sở yêu cầu của các quy luật khách quan và quán triệt các nguyên tắc quản lý.

Trong quản lý nói chung và quản lý nhà nước nói riêng, có rất nhiều phương pháp quản lý và giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, bao gồm: phương pháp hành chính, phương pháp kinh tế và phương pháp giáo dục.

Công cụ quản lý nhà nước về kinh tế được hiểu là toàn bộ các phương tiện mà nhà nước sử dụng theo những phương thức nhất định nhằm định hướng, khuyến khích và phối hợp các hoạt động kinh tế để đạt tới các mục tiêu đã đề ra. Để quản lý nền kinh tế, nhà nước cần sử dụng một hệ thống các công cụ chủ yếu như: Đường lối, chiến lược phát triển kinh tế – xã hội; hệ thống pháp luật; kế hoạch hóa; các chính sách kinh tế và nhóm các công cụ vật chất khác. Trong hệ thống công cụ đó, việc sử dụng chúng như thế nào lại tùy thuộc vào trình độ phát triển của bản thân nền kinh tế, hoàn cảnh trong nước hay quốc gia, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và năng lực đội ngũ cán bộ...

❖ CÂU HỎI ÔN TẬP

- Phân biệt các phương pháp quản lý Nhà nước và các phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế?
- Thế nào là công cụ quản lý Nhà nước về kinh tế? Theo bạn, công cụ quản lý nào là quan trọng nhất? Vì sao?



 **BÀI TẬP**

Bài tập 1

Sau đây là một số ý kiến sau về vai trò của công tác kế hoạch hóa:

1. Thị trường điều tiết tất cả, không cần có một bộ phụ trách công tác kế hoạch như Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
2. Thị trường gắn với kế hoạch, kế hoạch không thể thoát ly thực tiễn.
3. Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải có vai trò quản lý vĩ mô về kinh tế thông qua công tác kế hoạch hóa, do đó cần phải có một cơ quan nhà nước thuộc Chính phủ làm công tác chỉ đạo kế hoạch, còn quy mô, chức năng đến đâu cần phải được Nhà nước tính toán kỹ trong sự nghiệp đổi mới nền hành chính nhà nước.

Bạn lựa chọn ý kiến nào? Vì sao?

Bài tập 2

Nếu là một nhà doanh nghiệp, bạn hãy cho biết những trở ngại thường gặp về hệ thống tài chính, tín dụng và ngân hàng ở nước ta hiện nay?

Bài tập 3

Nhiều người cho rằng, phương pháp hành chính trong quản lý nhà nước về kinh tế hiện nay không còn phù hợp, lỗi thời. Bạn hãy cho biết ý kiến về vấn đề này?

Bài tập 4

Gói kích cầu của Chính phủ vừa qua đã thực hiện các phương pháp quản lý nào đối với nền kinh tế?



Chương 5

THÔNG TIN VÀ QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

5.1. THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

5.1.1. Khái niệm

Không có một hoạt động quản lý nào dù là quản lý ở cấp vĩ mô hay vi mô lại tách rời thông tin. Thông tin được coi như hệ thống thần kinh của quản lý.

Thông tin là khái niệm xuất hiện từ rất lâu đời, có nội dung và ý nghĩa với tất cả mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng. Không có thông tin, mọi hoạt động của con người bị giới hạn, không có hiệu quả, thậm chí có thể gây nên hậu quả nghiêm trọng.

Thông tin là một khái niệm rộng và được nhiều ngành khoa học quan tâm nghiên cứu. Tùy vào từng lĩnh vực nghiên cứu mà người ta đưa ra các khái niệm khác nhau. Các khái niệm về thông tin được đưa ra thường gắn liền với mục đích phục vụ nghiên cứu của lĩnh vực đó. Ở đây, chúng ta nghiên cứu thông tin với tư cách là một phạm trù quản lý – quản lý nhà nước về kinh tế. Với ý nghĩa đó, có thể hiểu: *Thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế là công cụ để nắm bắt những tín hiệu mới, để nhà nước thu nhận, xử lý, sử dụng có hiệu quả từ đó để ra những quyết định quản lý kinh tế đáp ứng với sự phát triển kinh tế đất nước trong những thời kỳ, giai đoạn nhất định.*



5.1.2. Vai trò của thông tin đối với quyết định quản lý nhà nước về kinh tế

Sản phẩm của thông tin không phải là vật chất, nhưng nó luôn tồn tại với ý nghĩa vật chất. Bởi vì những thông tin đem đến cho người sử dụng, nhất là thông tin kinh tế (giá cả thị trường, khối lượng sản phẩm, nhu cầu cung cấp cho xã hội về loại hàng hóa nào đó, chính sách giá cả, thuế xuất – nhập khẩu của mỗi quốc gia...) mang ý nghĩa và có giá trị kinh tế vật chất.

Thông tin kinh tế là những tín hiệu thu được giúp nhà nước (các cơ quan quản lý, hoạch định chính sách) đưa ra các quyết định đúng đắn để đảm bảo nền kinh tế phát triển liên tục, bền vững, tránh những sai lầm gây tổn thất kinh tế – xã hội. Do đó, thông tin kinh tế phải thể hiện được:

- Thông tin là cơ sở, là tiền đề cho các chính sách giúp nhà nước quản lý nền kinh tế quốc dân có hiệu quả.
- Thông tin là công cụ đắc lực giúp nhà nước đưa ra các quyết định điều chỉnh, uốn nắn, khắc phục hậu quả và buộc mọi công dân, mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế phải tuân theo, phục vụ đường lối phát triển kinh tế – xã hội của nhà nước.
- Dưới góc độ quản lý nhà nước, thông tin kinh tế có những ý nghĩa cụ thể khác nhau. Với những nguồn thông tin đã được xử lý đảm bảo tính chính xác sẽ giúp nhà nước có những quyết sách kịp thời, nhạy bén điều chỉnh xã hội. Từ thông tin kinh tế, nhà nước ngay lập tức và trong lâu dài uốn nắn, điều chỉnh các mặt hoạt động xã hội: văn hóa, giáo dục, y tế, an ninh, quốc phòng.

5.1.3. Yêu cầu đối với thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế

Thông tin kinh tế giữ vai trò hết sức to lớn trong quản lý nhà nước về kinh tế. Vì vậy, thông tin kinh tế ở bất cứ hình thức nào, của tổ chức nào, ở lĩnh vực nào đều phải đảm bảo các yêu cầu sau:



Một là, tính chính xác.

Đây là yêu cầu đầu tiên, quan trọng bậc nhất đối với thông tin kinh tế. Các số liệu thông tin kinh tế cung cấp cho các cơ quan để tổng hợp, nghiên cứu hoạch định chính sách phát triển kinh tế của đất nước phải được thu thập từ cơ sở, điều tra phân tích khoa học. Các số liệu thông tin kinh tế phải thể hiện được cả định lượng và định tính. Việc xử lý thông tin phải tuân thủ quy trình công nghệ thông tin hiện đại.

Một khi nguồn thông tin kinh tế sai lệch sẽ dẫn đến các quyết định của nhà nước không chính xác, gây hậu quả nghiêm trọng không thể lường trước. Ví dụ: Thông tin về giá cả của một loại vật tư như xăng dầu, nếu dự đoán sai theo thông tin kinh tế thiếu chính xác sẽ dẫn đến cung – cầu căng thẳng giả tạo, để nhập giá cao về sau lại bán giá thấp... Hay những thông tin thiếu chính xác, chưa đầy đủ luật pháp thương mại Mỹ (Liên bang và ở mỗi bang) nên xảy ra tranh chấp về việc cho rằng Việt Nam bán phá giá cá basa sang Mỹ...

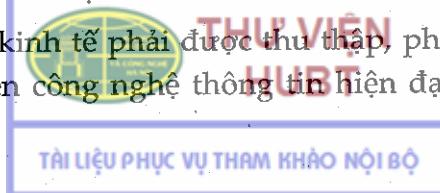
Trong nền kinh tế thị trường mở, cơ chế tự do tạo ra sức cạnh tranh cao. Do đó, thông tin chính xác góp phần để nhà nước có định hướng, giải pháp phù hợp là hết sức cần thiết.

Hai là, tính cập nhật, kịp thời, đầy đủ và hệ thống.

Trong nền kinh tế thị trường, sự biến động giá cả, cung cầu của sản xuất kinh doanh xảy ra hàng giờ, hàng ngày. Để mất cơ hội do thông tin chậm, không kịp thời sẽ không đổi phò được những rủi ro đáng tiếc xảy ra. Thông tin về quản lý kinh tế cần đảm bảo đầy đủ, không chắp vá và có tính hệ thống cao. Do đó, mạng lưới thống kê cần hoạt động thu thập thông tin nhạy bén, kịp thời thông qua các phương pháp phân tích thống kê khoa học. Như vậy, tính cập nhật, kịp thời, đầy đủ và hệ thống sẽ tạo ra các quyết định đúng đắn.

Ba là, tính khoa học.

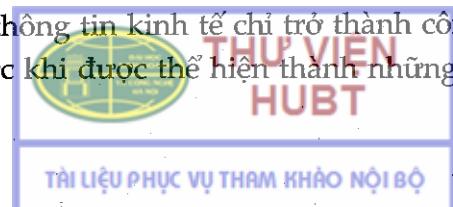
Thông tin kinh tế phải được thu thập, phân tích, xử lý bằng các phương tiện công nghệ thông tin hiện đại, những thông tin



này nhất thiết phải từ các cơ sở, thông qua các phương pháp điều tra, thống kê có hệ thống từ các mạng lưới đáng tin cậy. Các số liệu, tình hình thu nhập qua thông tin kinh tế phải đặt trong mối quan hệ biến động chung về kinh tế – xã hội trong và ngoài nước. Thông tin kinh tế phải đảm bảo logic, ổn định trong hiện tại và là cơ sở dự đoán cho những mốc thời gian nhất định. Tính logic của thông tin nhằm phục vụ các quyết định của nhà nước đảm bảo có sự thống nhất, đồng bộ cho các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện. Đây là cơ sở để nhà nước quyết định hợp lý, có hiệu quả cho nền kinh tế phát triển. Tránh tình trạng các quyết định về kinh tế nhà nước được bổ sung, sửa đổi liên tục, gây tâm lý không an tâm đầu tư phát triển sản xuất – kinh doanh cho các nhà đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp trong nước, cho các hộ gia đình.

Ví dụ: Những thông tin về giá cả, cung cầu về gạo trên thế giới năm 2008 đã dẫn đến những dự báo sai, khiến Việt Nam tạm ngừng xuất khẩu gạo trong thời gian giá cao nhất để sau đó giá tụt xuống gây thiệt hại cho nông dân và doanh nghiệp. Hoặc như chương trình một triệu tấn đường ở nước ta trước đây. Vì mục đích một triệu tấn đường mà Việt Nam phát triển ồ ạt trên 50 nhà máy đường, nơi thì thừa nguyên liệu, nơi thì thiếu nguyên liệu, vốn đầu tư ngành đường chồng chất, máy móc thiết bị nhập kém chất lượng, giống mía năng suất không cao... do đó giá thành đường sản xuất trong nước cao hơn giá bán đường nhập trên 1,5 lần, 2/3 số nhà máy lỗ, mỗi năm tồn kho 200-400.000 tấn đường. Đây chính là do những thông tin về ngành mía đường thiếu chính xác, không có cơ sở khoa học dẫn đến dự đoán sai, quy hoạch phát triển mía đường với xu hướng cung về đường thế giới cao hơn cầu trên thị trường nên giá cả ngày càng giảm. Hệ quả là đường Việt Nam giá thành cao, chất lượng kém, khó cạnh tranh ngay trên thị trường trong nước, xuất khẩu bế tắc...

Ngoài ra, thông tin kinh tế chỉ trở thành công cụ quản lý kinh tế của nhà nước khi được thể hiện thành những quyết định, quyết



sách về chủ trương, chính sách. Trong nền kinh tế thị trường đòi hỏi thông tin cần phải được bảo mật. Thực tế cho thấy thông tin rò rỉ tạo cơ hội cho những kẻ đầu cơ tích trữ, buôn bán bất chính, những kẻ cơ hội làm rối loạn thị trường, sẽ tung dư luận xấu về chính trị, xã hội.

Ví dụ: Những nguồn tin về quy hoạch đô thị, tách tỉnh, thành lập quận mới, làm đường... làm cho thị trường bất động sản nóng lên. Nhà nước mất nguồn thu, dân mất quyền sử dụng đất, đầu cơ buôn bán bất động sản giàu lên. Hoặc như việc chuẩn bị thông tin, phân tích chưa đầy đủ, chưa có cơ sở khoa học để thực hiện thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam thời gian trước đây dẫn đến hiện tượng hàng loạt doanh nghiệp của nhiều thành phần kinh tế lợi dụng trốn thuế, hoàn thuế, gian lận, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước rất nhiều.

Thông tin kinh tế cũng góp phần giành thắng bại trên thị trường quốc tế. Do đó, chiến lược, định hướng phát triển kinh tế – xã hội của quốc gia này là sự quan tâm của quốc gia kia. Và vì vậy, phải luôn luôn đề cao tính bảo mật của thông tin.

5.1.4. Hệ thống thông tin quản lý

Thông tin kinh tế có thể được phân loại theo nhiều cách khác nhau, theo tính chất, nội dung và hình thức thu thập thông tin, như:

- Thông tin theo hệ thống quản lý nhà nước, của ngành, của các địa phương theo định kỳ: Hàng ngày, tuần, tháng, quý, năm. Đây là các nguồn thông tin được gửi từ điều tra, thống kê, phân tích từ cấp quận, huyện gửi về ủy ban nhân dân tỉnh, từ các cơ sở sản xuất – kinh doanh của các ngành gửi về Bộ chủ quản. Từ các nguồn thống kê của các tỉnh, các Bộ gửi báo cáo cho Chính phủ. Các báo cáo này được thực hiện theo biểu mẫu quy định.

- Thông tin không có hệ thống chủ yếu dựa trên những thông tin hàng ngày qua báo chí, Internet... hoặc dựa vào các báo cáo thực hiện các chuyên đề, tài liệu tham khảo nước ngoài.

- Thông tin đầu vào: Là những thông tin về tiềm năng nguồn lực (tài nguyên, nhân lực) kinh tế quốc dân, thông tin hoạt động của các ngành (nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, thương mại, du lịch...). Các thông tin về chiến lược, sách lược về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của các nước đối tác trên thế giới. Thông tin này giúp Nhà nước nhìn nhận xem xét những mặt được, chưa được về hoạt động của các ngành, của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, từ đó tìm ra nguyên nhân tồn tại, đề ra các giải pháp khắc phục. Đây chính là báo cáo tường trình của Chính phủ trước Quốc hội, những chất vấn của đại biểu Quốc hội với các ngành, các địa phương.

- Thông tin đầu ra gồm những thông tin về đường lối, chính sách phát triển kinh tế đất nước như luật pháp, nghị quyết, nghị định, quyết định, thông tư, chỉ thị, các quy chế, các chỉ tiêu kinh tế... do Nhà nước ban hành.

Cụ thể hơn, thông tin kinh tế còn được chia thành thông tin: Giá cả, sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, thị trường trong nước và thế giới; các thông tin về đầu tư, về nguồn lực, về khoa học công nghệ...

5.1.5. Quy trình thực hiện của hệ thống thông tin quản lý kinh tế nhà nước

Để cung cấp những thông tin kinh tế cho cơ quan quản lý kinh tế nhà nước, cần thực hiện đầy đủ các quy trình:

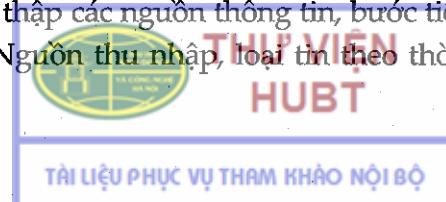
* Thu thập thông tin:

- Cân tôn trọng các số liệu ban đầu (số liệu nguyên thủy).
- Thực hiện các phương pháp thu thập thông tin khoa học (thống kê hiện trạng, điều tra thống kê chọn lọc, xác suất...).

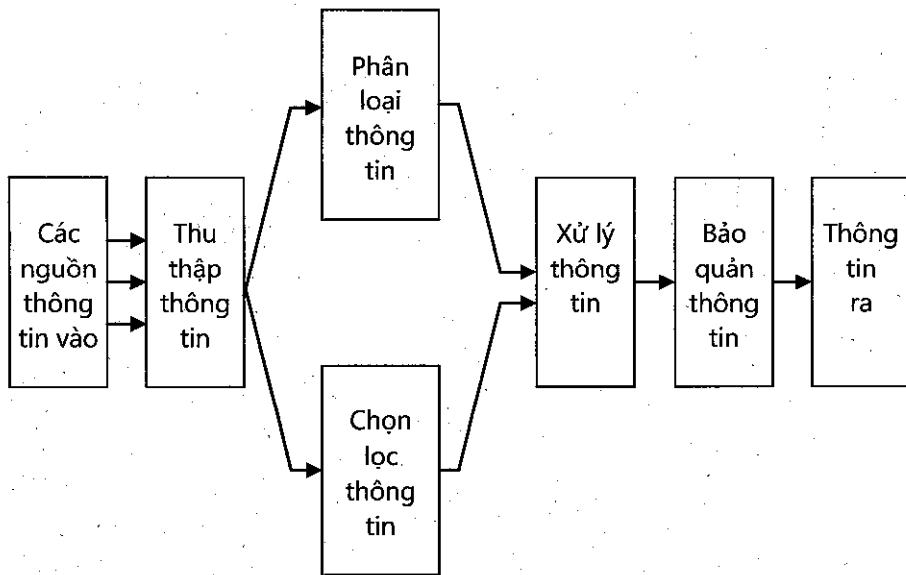
- Chọn lọc thông tin.

* Phân loại thông tin, chọn lọc thông tin:

Sau khi thu thập các nguồn thông tin, bước tiếp theo là phân loại thông tin theo: Nguồn thu nhập, loại tin theo thời điểm nào đó, nội



dung của từng loại tin (giá cả các loại, hàng hóa, nguồn cung cấp hàng hóa, chất lượng hàng hóa...); tiến hành chọn lọc thông tin theo yêu cầu, loại bỏ thông tin không có cơ sở đảm bảo độ tin cậy.



Hình 5.1: Sơ đồ hệ thống thông tin

* Xử lý thông tin:

Phân tích, xử lý và tổng hợp thông tin kinh tế là khâu hoàn thành sản phẩm thông tin. Tính chính xác, cập nhật, khoa học của thông tin do khâu xử lý thông tin quyết định.

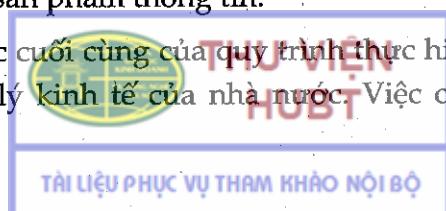
Các công nghệ thông tin hiện đại (tin học, máy tính...) sẽ giúp chất lượng thông tin đáp ứng yêu cầu của người sử dụng.

* Bảo quản thông tin:

Thông tin được bảo quản trong các phương tiện lưu giữ thuận lợi, an toàn cho sử dụng, như: Phim ảnh, đĩa từ, băng từ, bộ nhớ của máy điện tử..., vừa đề cao tính bảo mật của thông tin.

* Giao nộp sản phẩm thông tin:

Đây là bước cuối cùng của quy trình thực hiện hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế của nhà nước. Việc cung cấp thông tin



chấp hành theo nguyên tắc: Đúng thời gian yêu cầu, đúng nội dung thông tin đặt ra, đúng người (cơ quan) sử dụng. Hệ thống thông tin đảm bảo các quy trình, các yêu cầu như trên được coi là Trung tâm thông tin (của Nhà nước, Bộ, ngành...).

5.1.6. Hoàn thiện nâng cao chất lượng các nguồn thông tin quản lý kinh tế của nhà nước

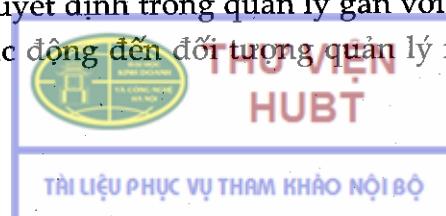
Để nâng cao chất lượng thông tin kinh tế phục vụ kịp thời cho sự lãnh đạo, chỉ đạo với vai trò quản lý kinh tế nhà nước, cần thực hiện tốt các nội dung sau:

- Xây dựng, ban hành các quy định về công tác thông tin kinh tế.
- Các nội dung quy định cụ thể: Nội dung thông tin, yêu cầu phục vụ nghiên cứu, đối tượng điều tra thống kê thu thập số liệu, biểu mẫu...; trách nhiệm người thu nhập, phân tích, báo cáo; người nhận báo cáo, xử lý thông tin qua báo cáo...
- Không ngừng đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị thu thập, điều tra, phân tích thông tin kinh tế (đổi mới công nghệ thông tin, bộ phận lưu trữ, điều kiện làm việc).
- Bồi dưỡng, bổ sung cán bộ trong lĩnh vực thông tin kinh tế cấp Trung ương, ngành, các địa phương.
- Tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên việc thực hiện thông tin báo cáo.

5.2. QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC

5.2.1. Khái niệm

Quyết định là những hành vi chỉ sự lựa chọn hay phán quyết của cá nhân hoặc tổ chức về một vấn đề nào đó trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định nhằm đáp ứng nhu cầu của cá nhân hay tập thể. Quyết định trong quản lý gắn với hoạt động của chủ thể quản lý, tác động đến đối tượng quản lý nhằm đạt mục tiêu nhất định.



Xét ở phạm trù quản lý, quyết định là hành vi có tính chỉ thị, mệnh lệnh đơn phương của chủ thể quản lý nhằm định hướng, tổ chức hay huy động mọi nguồn lực để thực hiện các mục tiêu đề ra.

Trong quản lý nhà nước về kinh tế, *quyết định quản lý kinh tế của nhà nước là những hành vi sáng tạo với tư cách sản phẩm lao động của nhà nước, nhằm định ra chính sách, công cụ, phương pháp hoạt động của ngành hoặc cấp phải thực hiện quyết định đó.*

Như vậy, quyết định quản lý kinh tế của nhà nước là sản phẩm sáng tạo của nhà nước, là mệnh lệnh, chỉ thị, biện pháp có tính chất bắt buộc của chủ thể quản lý đến đối tượng bị quản lý. Đó là hành vi có ý thức, có mục đích, đòi hỏi đối tượng bị quản lý phải chấp hành nghiêm.

Quyết định quản lý kinh tế của nhà nước là thực hiện được đầy đủ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế. Tức là nhà nước phải đưa ra được những chủ trương, quyết sách gì nhằm thúc đẩy nền kinh tế quốc dân phát triển. Những quyết định này phải thể hiện đầy đủ chức năng quản lý toàn diện: Lựa chọn phương án phát triển kinh tế – xã hội tối ưu, can thiệp, điều khiển mỗi khi nền kinh tế đi chệch hướng, phải có giải pháp kịp thời khắc phục và thúc đẩy nền kinh tế phát triển vượt khỏi những tác động tiêu cực về kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và trên thế giới qua từng giai đoạn lịch sử nhất định của đất nước. Tất cả những nội dung của chức năng quản lý nhà nước về kinh tế được thể hiện bằng những quyết định của nhà nước. Chức năng quản lý nhà nước về kinh tế được thông qua quyết định và thể hiện ở các nội dung chính sau:

- Tạo môi trường và điều kiện cho nền sản xuất hàng hóa phát triển.
- Định hướng và hướng dẫn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của nhà nước.
- Thực hiện **các hình thức tổ chức sản xuất đổi mới theo cơ chế thị trường và đổi mới, tổ chức lại hệ thống quản lý, cơ quan quản lý nhà nước, đổi mới thể chế thủ tục HUẾT**.

- Điều tiết nền kinh tế nhằm đảm bảo tăng trưởng và phát triển.
- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát duy trì trật tự, kỷ cương luật pháp nhà nước ban hành.

Như vậy, có thể hiểu, quyết định quản lý kinh tế của nhà nước nhằm điều tiết tất cả mọi hoạt động kinh tế để đạt hiệu quả kinh tế – xã hội tối ưu.

5.2.2. Yêu cầu đối với quyết định quản lý nhà nước về kinh tế

Một là, các quyết định của quản lý kinh tế nhà nước phải đảm bảo thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế.

Hai là, nội dung các quyết định nhằm mục đích gì? Trong bao lâu? Cấp nào thực hiện? Ý nghĩa khi thực hiện quyết định? Trách nhiệm của người và tổ chức thực hiện? Nói cách khác, các quyết định của quản lý nhà nước về kinh tế phải có định hướng và hệ thống.

Ba là, nội dung các quyết định phải chặt chẽ, rõ ràng, cô đọng, cụ thể, dễ hiểu, không quá chung chung hoặc quá cụ thể và có thể điều chỉnh trong quá trình thực hiện.

Bốn là, tính pháp lý quy định cho các cấp, các đối tượng thực hiện.

Năm là, các quyết định phải có tính khách quan và có cơ sở khoa học.

5.2.3. Các loại quyết định quản lý nhà nước về kinh tế

Các loại quyết định quản lý nhà nước về kinh tế rất đa dạng, bao gồm nhiều nội dung, các đối tượng, phạm vi thời gian khác nhau.

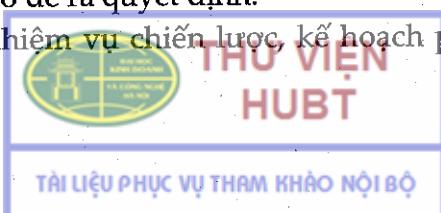
Căn cứ vào nội dung có thể phân loại:

- Quyết định chiến lược, quyết định tác nghiệp (giải pháp)
- Quyết định dài hạn, trung hạn, ngắn hạn
- Quyết định tổ chức, kinh tế, kỹ thuật

5.2.4. Quy trình ra quyết định quản lý nhà nước về kinh tế

Một là, cơ sở đề ra quyết định.

- Căn cứ nhiệm vụ chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội.



- Những yêu cầu bức xúc của nền kinh tế, thực tế sản xuất, kinh doanh đòi hỏi.
- Thu thập, phân tích, đánh giá nguồn thông tin kinh tế - xã hội.
- Sự biến động kinh tế thế giới, vận hội, thời cơ, thách thức.
- Xác định nội dung của quyết định cho cấp nào, ngành nào... để giải quyết vấn đề gì? Lợi ích của quá trình thực hiện quyết định, tổ chức thực hiện quyết định như thế nào?

Hai là, dự thảo quyết định.

- Khởi thảo ý tưởng của quyết định (yêu cầu, sự cần thiết, nội dung, tổ chức thực hiện).
- Thu thập thông tin cần thiết để cung cấp cơ sở lập luận vững chắc cho quyết định.
- Dự thảo quyết định.
- Lấy ý kiến các cơ quan nghiên cứu, các ngành có liên quan, các đối tượng thực hiện quyết định.
- Lựa chọn quyết định tối ưu.

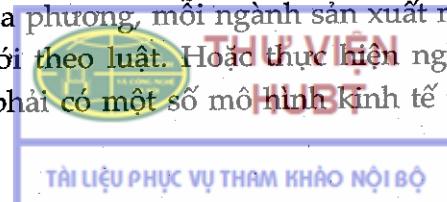
Ba là, ban hành quyết định.

- Quyết định phải được pháp chế hóa để trở thành chỉ thị, mệnh lệnh của nhà nước buộc các cấp, các ngành, các địa phương phải thực hiện.
- Tổ chức tuyên truyền, giải thích ý nghĩa, tầm quan trọng của quyết định, đưa quyết định đi vào thực tế sản xuất, kinh doanh của xã hội.
- Xây dựng các giải pháp thực hiện quyết định.

Bốn là, xây dựng các mô hình thực hiện quyết định.

Có nhiều quyết định về các nội dung khác nhau trong công tác quản lý kinh tế của nhà nước. Trong khi thực hiện quyết định theo diện rộng nhất thiết phải chú trọng chỉ đạo một số mô hình cụ thể.

Ví dụ: Ở Việt Nam, để thực hiện Luật Hợp tác xã thì phải xây dựng ở mỗi địa phương, mỗi ngành sản xuất một số mô hình hợp tác xã kiểu mới theo luật. Hoặc thực hiện nghị quyết về kinh tế trang trại thì phải có một số mô hình kinh tế trang trại điển hình



núi trống trọt, chăn nuôi hoặc trang trại ở đồng bằng, trang trại ở trung du miền núi...

Năm là, kiểm tra việc thực hiện quyết định.

Tổ chức kiểm tra việc thực hiện quyết định là hết sức quan trọng. Kiểm tra nhằm nâng cao trách nhiệm, ý thức của ngành, cấp thực hiện quyết định. Kiểm tra còn nhằm động viên, khuyễn khích kịp thời những nhân tố tích cực trong việc thực hiện quyết định và qua đó xây dựng, phát triển thành phong trào thi đua lao động tích cực sáng tạo hoàn thành tốt các nhiệm vụ đặt ra trong quyết định. Hơn nữa, tổ chức kiểm tra việc thực hiện quyết định không chỉ giúp phát hiện những sai lầm trong thực hiện quyết định để có giải pháp khắc phục kịp thời mà còn phát hiện những nhân tố mới – tiềm lực, sức mạnh còn tiềm ẩn trong nhân dân chưa được khai thác để điều chỉnh, bổ sung vào quyết định thực hiện, đem lại hiệu quả kinh tế – xã hội cao trong quản lý kinh tế của nhà nước.

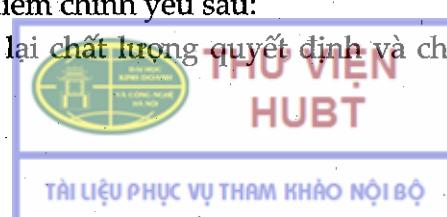
Sáu là, tổng kết thực hiện quyết định.

Tổng kết là bước cuối cùng của quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện quyết định quản lý kinh tế của nhà nước. Làm tốt công tác tổng kết việc thực hiện quyết định là có ý nghĩa lớn. Việc tổng kết không chỉ rút ra những bài học thiết thực, làm phong phú thêm kiến thức, kinh nghiệm quản lý mà còn có tác động giáo dục chính trị – xã hội toàn diện.

Trong quá trình tổng kết, cần xem xét tất cả các giai đoạn công tác, phân tích rõ những thành công cũng như những sai lầm, thiếu sót, phát hiện tối đa những tiềm năng chưa sử dụng. Tổng kết thực hiện quyết định cần có sự phân tích sâu sắc và so sánh các chỉ tiêu kinh tế, từ đó tìm ra nguyên nhân thành công hoặc thất bại nhằm phát huy hơn nữa yếu tố tích cực, hạn chế khắc phục yếu tố tiêu cực, tồn tại trong quyết định và tổ chức thực hiện quyết định.

Có thể nói ngắn gọn, việc tổng kết thực hiện quyết định cần làm nổi rõ các điểm chính yếu sau:

- Đánh giá lại chất lượng quyết định và chất lượng thực hiện quyết định.



- Phát hiện các nguồn lực, các khả năng chưa sử dụng.
- Tìm ra nguyên nhân cản trở hoặc sai sót.
- Rút ra bài học kinh nghiệm.

Nghiên cứu quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế sẽ được khẳng định bằng việc góp phần thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng và phát triển liên tục, ổn định. Các quyết định của nhà nước về kinh tế sẽ góp phần đưa kinh tế ngành, địa phương vượt những trở ngại, khó khăn hoặc điều chỉnh đi đúng định hướng của nhà nước.

Tuy vậy, thực tế hiện nay chúng ta có quá nhiều quyết định, phần lớn các quyết định chưa thực hiện được chức năng quản lý nhà nước về kinh tế. Nhiều quyết định được ban hành nhưng chậm triển khai, nhiều quyết định không chỉ không góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế mà còn gây trở ngại ách tắc cho cơ sở, thậm chí cản trở hoạt động sản xuất – kinh doanh xã hội. Thực tế hiện nay các quyết định quản lý nhà nước về kinh tế còn nhiều hạn chế và yếu kém, như: Quản lý nhà nước chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ mới, chưa hạn chế được tính tự phát, tiêu cực của kinh tế thị trường; hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách chưa đồng bộ và nhất quán, thực hiện chưa nghiêm; quản lý các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, giá cả, kế hoạch hóa, thương mại, phân phối thu nhập, đất đai, vốn và tài sản nhà nước chưa tốt, chậm đổi mới; tổ chức bộ máy nhà nước còn nặng nề, sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp còn có những điểm chưa rõ về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ phân cấp Trung ương – địa phương còn một số mặt chưa cụ thể...

Những nguyên nhân chính khiến các quyết định về quản lý kinh tế nhà nước chưa đem lại hiệu quả kinh tế cho xã hội là:

- Thông tin kinh tế thiếu chính xác, không kịp thời hoặc thiếu thông tin.
- Chưa thực hiện xử lý thông tin theo đúng quy trình.



- Các quyết định chưa có sự tham khảo, trao đổi, còn mang nặng tính chủ quan, thiếu cơ sở khoa học, chưa đáp ứng cả lý luận và thực tiễn.

- Quyết định không rõ ràng, thiếu các điều kiện thực hiện.

- Từ trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung với cơ chế bao cấp chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là công việc mới mẻ, là sự đấu tranh giữa cái mới và cái cũ không tránh khỏi những lúng túng, vướng mắc, cản trở...

TÓM TẮT CHƯƠNG

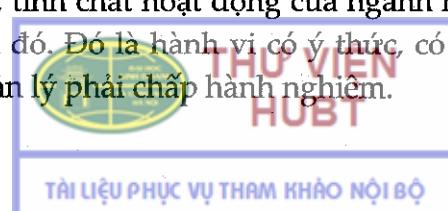
Thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế là công cụ để nắm bắt những tín hiệu mới, để nhà nước thu nhận, xử lý, sử dụng có hiệu quả, từ đó đề ra những quyết định quản lý kinh tế đáp ứng sự phát triển kinh tế đất nước trong những thời kỳ, giai đoạn nhất định.

Sản phẩm của thông tin không phải là vật chất, nhưng nó luôn tồn tại với ý nghĩa vật chất, có vai trò quan trọng trong quản lý nhà nước về kinh tế. Thông tin kinh tế giữ vai trò hết sức to lớn trong quản lý nhà nước về kinh tế. Chính vì vậy, thông tin kinh tế ở bất cứ hình thức nào, của tổ chức nào, ở lĩnh vực nào đều phải đảm bảo các yêu cầu: tính chính xác, cập nhật, kịp thời, đầy đủ, hệ thống và tính khoa học.

Thông tin kinh tế có thể được phân loại theo nhiều cách khác nhau, như theo tính chất, nội dung và hình thức thu thập thông tin.

Để truyền tải thông tin kinh tế đến cơ quan quản lý kinh tế nhà nước, cần thực hiện đầy đủ các quy trình, từ thu thập thông tin, phân loại thông tin, chọn lọc thông tin, xử lý thông tin, bảo quản thông tin và cuối cùng là giao nộp sản phẩm thông tin.

Quyết định quản lý kinh tế của nhà nước là những hành vi sáng tạo với tư cách sản phẩm lao động của nhà nước, nhằm định ra chương trình, tính chất hoạt động của ngành hoặc cấp phải thực hiện quyết định đó. Đó là hành vi có ý thức, có mục đích, đòi hỏi đối tượng bị quản lý phải chấp hành nghiêm.



Quyết định quản lý kinh tế của nhà nước là thực hiện được đầy đủ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và bao gồm các yêu cầu chính: Đảm bảo thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, định hướng và hệ thống; chặt chẽ, rõ ràng, cô đọng, cụ thể, dễ hiểu, không quá chung chung hoặc quá cụ thể và có thể điều chỉnh trong quá trình thực hiện; các quyết định phải có tính khách quan và có cơ sở khoa học.

Các loại quyết định quản lý nhà nước về kinh tế rất đa dạng, bao gồm nhiều nội dung, các đối tượng, phạm vi thời gian khác nhau.

Quy trình ra quyết định quản lý nhà nước về kinh tế bao gồm: Cơ sở đề ra quyết định; dự thảo quyết định, ban hành quyết định; xây dựng các mô hình thực hiện quyết định; kiểm tra việc thực hiện quyết định và tổng kết thực hiện quyết định.

❖ CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Thông tin có vai trò quan trọng như thế nào trong quản lý nhà nước về kinh tế?
2. Hãy nêu các yêu cầu đối với thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế?
3. Có bao nhiêu loại quyết định quản lý nhà nước về kinh tế?
Hãy nêu quy trình ra quyết định quản lý nhà nước về kinh tế?

FILE BÀI TẬP

Bài tập 1

Công khai và minh bạch trong việc công bố thông tin trong các doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước đang vẫn là một khâu yếu ở nước ta hiện nay. Bạn hãy cho biết một số giải pháp để khắc phục điều này?

Bài tập 2

Người ta nói, một bác sỹ quyết định sai giết chết một người, một chỉ huy quân đội quyết định sai có thể giết chết cả một đội



quân, còn một nhà hoạch định kế sách quyết định sai có thể giết chết cả một thế hệ.

Câu hỏi:

1. Bạn có đồng ý với ý kiến nêu trên không? Vì sao?
2. Để có một quyết định lớn và đúng của đất nước, ai sẽ là người thực hiện và việc thực hiện đó cần tổ chức ra sao để có hiệu quả nhất?



Chương 6

BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

6.1. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

6.1.1. Khái niệm

Bộ máy quản lý nhà nước là hệ thống các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung thống nhất, tạo thành một cơ chế đồng bộ để thực hiện các chức năng nhiệm vụ của nhà nước.

Bộ máy nhà nước bao gồm nhiều cơ quan nhà nước liên kết chặt chẽ với nhau. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước được pháp luật quy định để thực hiện chức năng, nhiệm vụ nhất định của nhà nước.

Thứ nhất, cơ quan lập pháp – quốc hội có chức năng chủ yếu xây dựng, phê duyệt các hệ thống luật pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của quốc gia, kiểm tra việc thực hành pháp luật.

Thứ hai, cơ quan hành pháp, hay hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước (chính phủ, các bộ, chính quyền địa phương) có chức năng quản lý điều hành kinh tế – xã hội.

Thứ ba, các cơ quan tư pháp (viện kiểm sát, tòa án) giám sát, xét xử các tội danh, bảo vệ pháp luật.

Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực ở địa phương thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của lãnh đạo địa phương theo đúng luật pháp, nghị quyết, quyết định của cơ quan

quyền lực nhà nước và các văn bản pháp quy của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

Nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nhà nước quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Quyền lực nhà nước là thống nhất, không phân chia, không theo khuynh hướng tam quyền phân lập, song có sự phân công, phân cấp rành mạch chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền cho từng cơ quan của bộ máy nhà nước trong việc thực hiện quyền lực nhà nước thống nhất. Kinh phí cho hoạt động của các cơ quan nhà nước đều được cấp từ ngân sách nhà nước.

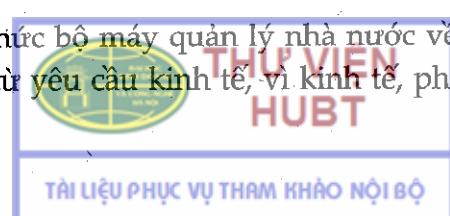
Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế là bộ phận cấu thành của bộ máy nhà nước, có tính độc lập tương đối bao gồm các cơ quan nhà nước, thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế từ trung ương đến địa phương.

Thực ra rất khó phân định rõ ràng giữa bộ máy quản lý nhà nước và bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế. Vì ngày nay không có một nhà nước nào đứng ngoài kinh tế, đứng trên kinh tế. Các nhà nước đều có vai trò chức năng kinh tế. Đặc biệt là Nhà nước ta: "Nhà nước Việt Nam là nhà nước của dân do dân vì dân, thể hiện khối đoàn kết toàn dân trên nền tảng liên minh của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng". Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, phát triển kinh tế hàng hóa vận động theo cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước. Quản lý nhà nước nói chung và quản lý nhà nước về kinh tế nói riêng đều được thực hiện thông qua cả ba cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp.

6.1.2. Nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước về kinh tế

6.1.2.1. Các nhân tố có tính quyết định chi phối tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế

Một là, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế trước hết phải xuất phát từ yêu cầu kinh tế, vì kinh tế, phục vụ cho kinh tế.



Bất kỳ nhà nước nào xây dựng pháp luật kinh tế đều phải dựa trên cơ sở kinh tế, xuất phát từ kinh tế. Do đó, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế như thế nào nhằm đưa pháp luật vào cuộc sống có hiệu lực, hiệu quả cao nhất là vấn đề đặt ra mà các nhà nước đều phải quan tâm.

C. Mác đã chỉ ra mối quan hệ giữa pháp luật, tổ chức hành pháp và kinh tế: "Những ý niệm của chúng ta về pháp luật, triết học tôn giáo là những sản phẩm ít nhiều trực tiếp của những quan hệ kinh tế đang chi phối trong một xã hội nhất định. Những pháp luật tôn giáo không thể đứng vững được một khi quan hệ kinh tế thay đổi".¹ Qua những vấn đề trên, chúng ta thấy rõ tính kinh tế quyết định tổ chức cơ cấu bộ máy quản lý kinh tế.

Đối tượng quản lý của Nhà nước ta hiện nay là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Do vậy, nguyên tắc tổ chức bộ máy quản lý kinh tế của Nhà nước là xuất phát từ đặc điểm của nền kinh tế để tổ chức quản lý, không áp đặt, không chủ quan, tùy tiện trong tổ chức quản lý kinh tế.

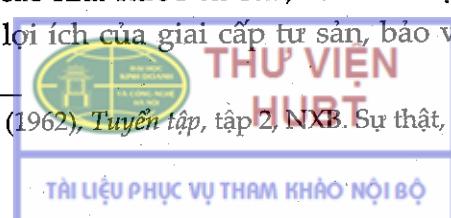
Hai là, tính chính trị chi phối cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh tế của nhà nước. Tổ chức bộ máy quản lý kinh tế của nhà nước là một tổ chức có tính chính trị, bị chính trị chi phối vì nhà nước là một cơ thể chính trị.

Tính chính trị của tổ chức bộ máy quản lý kinh tế nhà nước thể hiện:

- Các tổ chức quản lý kinh tế đều đặt dưới sự lãnh đạo của đảng. Ở nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo.
- Các tổ chức quản lý kinh tế điều hành nền kinh tế theo đúng mục tiêu định hướng đã xác định.
- Các tổ chức quản lý kinh tế xuất phát từ lợi ích của nhân dân, của cộng đồng dân tộc.

Trái lại ở các nhà nước tư sản, tổ chức bộ máy quản lý kinh tế trước hết vì lợi ích của giai cấp tư sản, bảo vệ lợi ích kinh tế và

¹ Mác – Ăngghen (1962), *Tuyển tập*, tập 2, NXB. Sự thật, Hà Nội, tr. 187.



chính trị của giai cấp thống trị. Quần chúng nhân dân có được hưởng phần lợi ích nào đó của nhà nước thì chủ yếu cũng vì lợi ích của giai cấp thống trị.

Nhà nước Mỹ trong thời kỳ Tổng thống Reagan theo thuyết trọng cung thực hiện chính sách cắt giảm thuế. Nhưng họ chỉ cắt giảm thuế cho các công ty để kích thích tăng cung. Đồng thời, họ lại tăng thuế tiêu dùng của nhân dân và cắt giảm các khoản trợ cấp xã hội.

Rõ ràng tính chính trị chỉ phổi tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế. C. Mác đã nói: "... một mặt dưới hình thức trực tiếp mua chuộc công dân (như ở Mỹ), mặt khác dưới hình thức liên minh giữa chính phủ và sở giao dịch. Sự liên minh đó càng tăng lên khi những món nợ nhà nước vay tăng lên và những công ty cổ phần càng tập trung vào tay họ, không chỉ ngành vận tải mà ngành sản xuất nữa. Lấy sở giao dịch làm trung tâm của mình, Pháp, Thụy Sĩ đều như thế cả".¹

Từ những vấn đề nêu trên, có thể thấy bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế là một tổ chức chính trị được thể hiện qua tính giai cấp để xác định quyền thống trị của mình. Chỉ có thống trị được chính trị mới có bộ máy nhà nước cũng như cỗ máy phát triển và hoàn thiện bộ máy nhà nước. Các tổ chức lập pháp, hành pháp, tư pháp chỉ là để xác nhận bảo vệ những quan hệ kinh tế bình thường trong xã hội.

6.1.2.2. Các nguyên tắc tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế

Tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, khoa học và hiệu lực

- Tổ chức bộ máy quản lý kinh tế gọn nhẹ sẽ tiết kiệm chi phí quản lý hành chính. Phần tiết kiệm chi phí đó được đầu tư vào các công trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, khoa học và hiệu lực sẽ giảm được tính mệnh lệnh, quan liêu và trùng lặp, chồng chéo

¹ Mác – Ăngghen (1962), *Tuyển tập*, tập 2, NXB. Sư thật, Hà Nội, tr. 525.

nhau trong công tác quản lý. Tổ chức bộ máy quản lý kinh tế khoa học sát đúng yêu cầu của thực tiễn sẽ thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế theo đúng định hướng, mục tiêu. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng và Nhà nước ta tiến hành cải cách hành chính là nhằm xây dựng bộ máy quản lý kinh tế gọn nhẹ, linh hoạt, có hiệu lực, hiệu quả cao. Đó là sự cân đối ngân sách, cân đối giữa phát triển kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân, cân đối giữa nội lực và ngoại lực của nền kinh tế. Bên cạnh đó là việc tạo ra động lực, kích thích, khuyến khích quyền tự chủ sáng tạo trong sản xuất – kinh doanh của các đơn vị kinh tế.

Tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, khoa học, sát đúng thực tế phải được gắn với từng chức năng và trách nhiệm để thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu nhất định trong hệ thống bộ máy quản lý. Điều này có nghĩa là bộ máy quản lý được chuyên môn hóa, phân thành các nhóm chức năng và giữa chúng có mối liên hệ tác động qua lại trong cả hệ thống để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của quản lý kinh tế.

Luôn xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu, yêu cầu của đổi mới quản lý để sắp xếp bộ máy tổ chức quản lý đúng

- Tùy theo tính chất của từng ngành mà có thể tổ chức bộ máy quản lý và cán bộ theo nguyên tắc song trùng là chính hay theo nguyên tắc thống nhất ngành dọc là chính.

- Kết hợp trực tuyến với chức năng. Lấy trực tuyến là chính, xóa bỏ các cấp trung gian không cần thiết; phân biệt rõ lãnh đạo với chỉ huy điều khiển; tham mưu tư vấn với thủ trưởng...

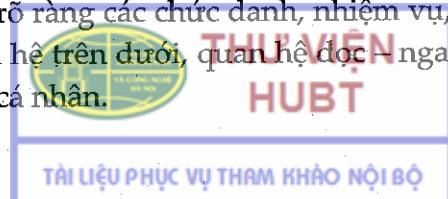
- Kết hợp chế độ thủ trưởng với lãnh đạo tập thể.

Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế có tính hệ thống cao

- Định ra cơ cấu tổ chức của chủ thể quản lý xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ và đổi mới quản lý.

- Có sự phân công, phân cấp hợp lý trong toàn hệ thống.

- Xác định rõ ràng các chức danh, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm các quan hệ trên dưới, quan hệ dọc ngang cho tất cả các tổ chức, cho từng cá nhân.



- Sắp xếp, bố trí cán bộ theo khả năng, nhiệm vụ. Người cán bộ đó phải có năng lực thực hành và phải qua kiểm tra, thử thách trong thực tế.

- Có quy chế làm việc khoa học, có đạo đức, tác phong, tư duy mới.

6.1.3. Mô hình cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế

Hoạt động kinh tế là đa dạng, phong phú và phức tạp. Do vậy, có nhiều mô hình cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế.

Mô hình cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế là cách thức cơ cấu bộ máy quản lý kinh tế của nhà nước theo một tiêu chí, một yêu cầu nhất định.

Trong quản lý kinh tế, do có nhiều tiêu chí, nhiều yêu cầu đặt ra nên có mô hình cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế thích hợp với nó.

Ví dụ, mô hình quản lý nhà nước về kinh tế đối với ngân hàng là một mô hình cơ cấu quản lý khá đặc biệt. Tính đặc biệt được thể hiện:

Thứ nhất, ngân hàng nhà nước đóng vai trò hay còn gọi là một bộ máy quản lý kinh tế lưỡng tính.

Một mặt, ngân hàng nhà nước là một tổ chức trong bộ máy quản lý kinh tế của nhà nước. Chức năng của ngân hàng nhà nước là quản lý toàn bộ tiền tệ, kinh doanh tiền tệ, nhằm ổn định tiền tệ để ổn định sản xuất – kinh doanh.

Mặt khác, trong mối quan hệ với các ngân hàng thương mại thì ngân hàng nhà nước đóng vai trò ngân hàng của các ngân hàng, chi phối sự hoạt động của các ngân hàng đó bằng các công cụ thị trường mở, công cụ tài chính chiết khấu, công cụ dự trữ bắt buộc và những khuyến cáo đặc biệt...

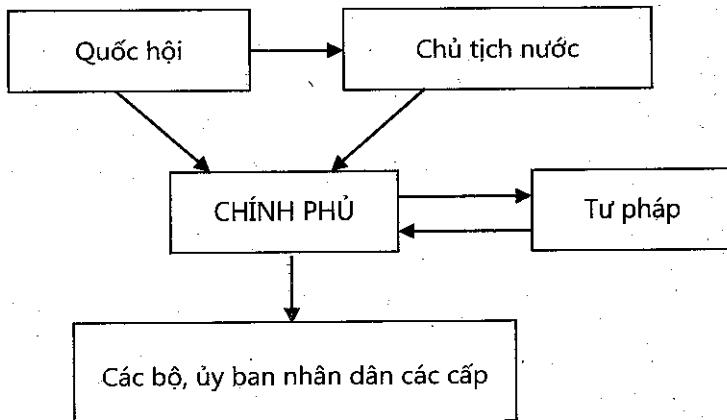
Thứ hai, mô hình quản lý kinh tế này là tập trung thống nhất, không theo địa giới hành chính mà chủ yếu theo quan hệ giao dịch tiền tệ phát sinh...



**THƯ VIỆN
HUBT**

Sau đây là các dạng mô hình cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế.

Mô hình 1: Mô hình cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tổng thể

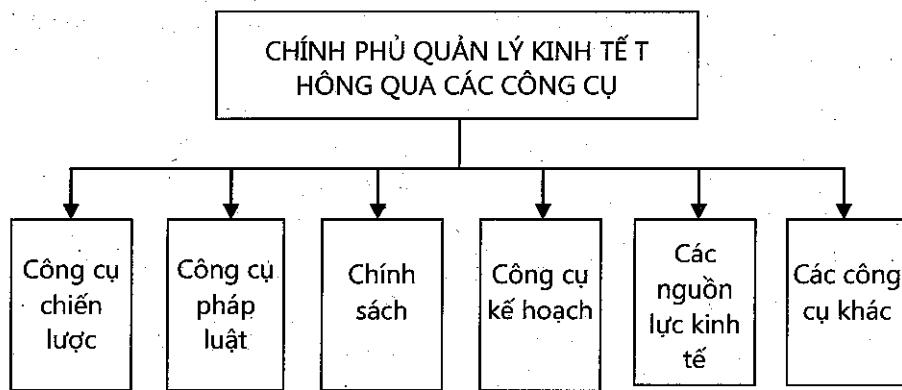


Đặc điểm mô hình:

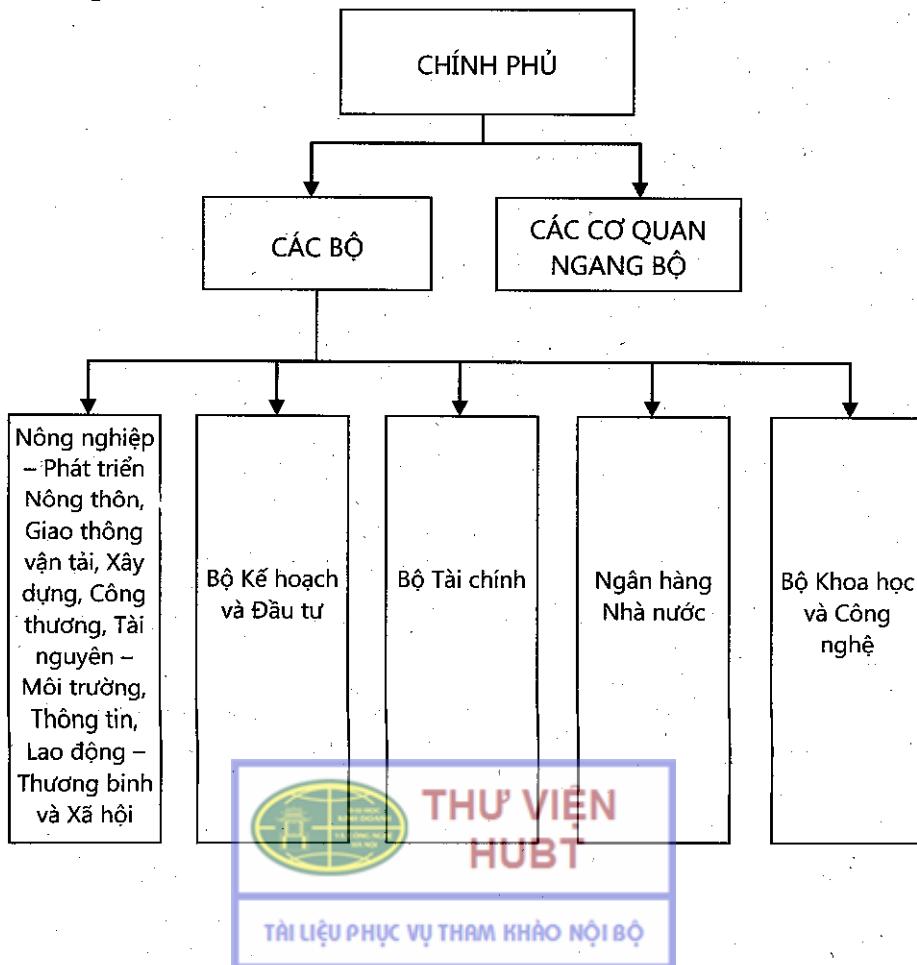
- Nhà nước quản lý thống nhất trên toàn bộ nền kinh tế.
- Các cơ quan quản lý kinh tế nhà nước bao gồm:
 - + Quốc hội: Cơ quan lập pháp
 - + Chính phủ: Cơ quan hành pháp
 - + Tư pháp: Cơ quan kiểm sát, xét xử
 - + Các bộ, ủy ban nhân dân các cấp
- Đối tượng quản lý là quản lý kinh tế vĩ mô và vi mô. Quản lý kinh tế theo nguyên tắc:
 - + Tôn trọng pháp luật, quản lý theo pháp luật
 - + Phát huy cao độ quyền tự chủ sản xuất – kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở
 - + Đảm bảo thực sự quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nhân dân làm chủ



Mô hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý kinh tế xét về công cụ quản lý kinh tế



Mô hình 3: Mô hình cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế theo ngành

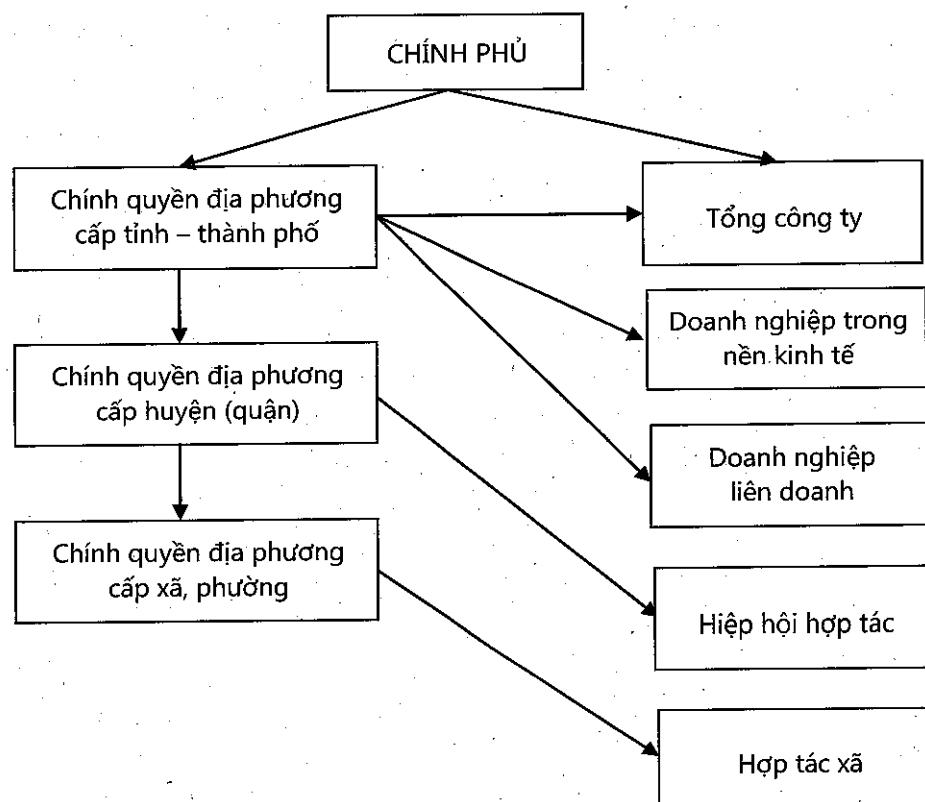


Đặc điểm mô hình:

- Bộ, các cơ quan ngang Bộ là kết quả của sự phân công lao động xã hội chuyên môn hoá theo ngành quản lý.

- Quản lý có tính khoa học, kỹ thuật thống nhất toàn ngành, vì vậy tổ chức bộ máy quản lý theo ngành không giống với bộ máy quản lý kinh tế theo lãnh thổ. Các tổ chức và cán bộ trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Mô hình 4: Mô hình cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế theo lãnh thổ



Hoạt động kinh tế là hoạt động của con người gắn liền với lãnh thổ quốc gia như lãnh thổ khu vực, lãnh thổ vùng và lãnh thổ địa phương theo địa giới hành chính như tỉnh, thành phố, huyện, quận, phường, xã...

Vì vậy, cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế theo lãnh thổ:

- Tổ chức quản lý kinh tế có tính toàn quốc là chính phủ trung ương.
- Tổ chức quản lý kinh tế theo lãnh thổ là chính quyền các cấp. Quản lý kinh tế – xã hội trong mối quan hệ ngành, lãnh thổ.

Đặc điểm mô hình:

- Quản lý theo lãnh thổ

Bất cứ một doanh nghiệp trung ương, doanh nghiệp địa phương, doanh nghiệp liên doanh hay hiệp hội hợp tác, hợp tác xã... đều nằm trên lãnh thổ địa phương nhất định, đều phải chịu sự quản lý của địa phương đó theo sự phân cấp quản lý kinh tế của nhà nước.

- Chính quyền các cấp địa phương quản lý từng mặt hay toàn diện, trực tiếp hay gián tiếp các đơn vị sản xuất kinh – doanh trên địa bàn lãnh thổ của mình là tùy thuộc vào chế độ phân công quản lý của nhà nước quy định.

- Các đơn vị kinh tế ở trên một địa phương lãnh thổ nhất định đều có quyền lợi là sử dụng cơ sở hạ tầng kinh tế ở đó, đồng thời có nghĩa vụ đóng góp xây dựng phát triển hạ tầng kinh tế nơi đó ngày càng tốt hơn, đảm bảo những điều kiện thuận lợi cho sản xuất – kinh doanh không ngừng phát triển. Mặt khác, các đơn vị kinh tế đó có điều kiện tốt hơn trong việc khai thác các tiềm năng, các nguồn lực, được giảm chi phí các yếu tố đầu vào và sản xuất nhiều hàng hóa đáp ứng nhu cầu của cư dân trên địa bàn lãnh thổ cũng như của cả nước ngày càng tốt hơn, hiệu quả kinh tế cao hơn.

6.2: CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ Ở VIỆT NAM

6.2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Trung ương

Người điều hành quản lý cao nhất của bộ máy quản lý kinh tế Trung ương là Thủ tướng. Các Phó Thủ tướng là người giúp việc cho Thủ tướng trong từng phần việc nhất định.

Dưới Thủ tướng và các Phó Thủ tướng là các Bộ trưởng. Điều 116 Hiến pháp năm 1992 ghi rõ: "Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về kinh tế và xã hội, về lĩnh vực mình, ngành mình phụ trách trong phạm vi cả nước".

Như vậy, các Bộ trưởng – người đứng đầu một Bộ có các nhiệm vụ:

- Đề trình dự thảo các chính sách kinh tế – xã hội, các quyết định, đề trình Chính phủ.
- Rà các quyết định, chỉ thị thuộc phạm vi quản lý của Bộ, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các chính sách của Chính phủ, của ngành thuộc phạm vi thẩm quyền của Bộ.
- Tổng kết thực tiễn, kiến nghị các vấn đề về quản lý kinh tế ở cấp Bộ lên Chính phủ.

Mỗi Bộ có một chức năng quản lý. Ví dụ:

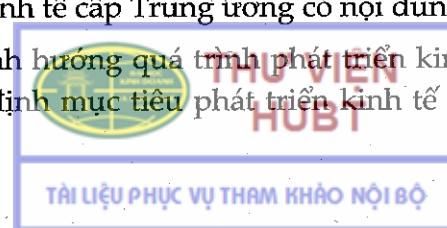
+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư có chức năng tổ chức, hoạch định, quản lý chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, trên cơ sở đề ra các kế hoạch kinh tế ngắn hạn (1 năm), trung hạn (từ 2-3 năm), dài hạn (5 năm trở lên). Gắn liền với kế hoạch là các dự án, các chương trình đầu tư kinh tế trình Chính phủ phê duyệt quyết định.

+ Bộ Tài chính quản lý nhà nước về tài chính. Cụ thể là quản lý tài chính, ngân sách, thuế, dịch vụ tài chính, vay nợ và trả nợ. Trong Bộ có các vụ, cục, tổng cục... là những tổ chức bộ máy theo theo phạm vi chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ nhất định, như Tổng cục Cục thuế, Tổng cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Vụ Ngân sách Nhà nước...

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh tế trung ương đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý, kiểm tra, giám sát của Quốc hội.

Quản lý kinh tế cấp Trung ương có nội dung cơ bản sau:

Một là, định hướng quá trình phát triển kinh tế – xã hội. Định hướng là xác định mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội trong từng



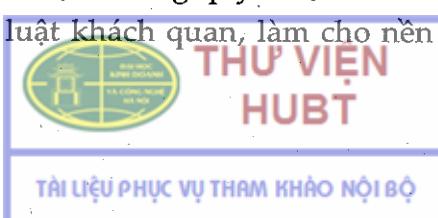
thời kỳ. Quyết định trước cần phải làm gì, nhiệm vụ nào là trung tâm then chốt.

Hai là, tổ chức phối hợp nhằm tạo sự ăn khớp nhịp nhàng đồng bộ trong quản lý kinh tế.

Ba là, điều hành bộ máy quản lý kinh tế trung ương. Điều hành, điều khiển, tác động lên các hoạt động kinh tế và toàn bộ nền kinh tế một cách liên tục, kịp thời để sửa chữa những thiếu sót, uốn nắn những lệch lạc hoặc thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo định hướng nhất định. Do những vấn đề đặt ra của việc điều hành quản lý kinh tế nên bộ máy tổ chức điều hành, điều khiển, tác động nhanh nhẹn, năng động và sáng suốt, có hiệu lực.

Bốn là, kiểm tra và điều chỉnh. Đây là một trong những nội dung quan trọng của quản lý kinh tế. Kiểm tra về việc tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội. Kiểm tra không chỉ để phát hiện những sai sót, tiêu cực trong quá trình tổ chức quản lý kinh tế nhằm lập lại trật tự kỷ cương trong tổ chức quản lý kinh tế mà chủ yếu kiểm tra để phát hiện những tiềm năng, nhân tố tiên tiến, những nguồn lực chưa được khai thác... để điều chỉnh kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp, các ngành, các đơn vị kinh tế tham gia quản lý kinh tế, hoạt động kinh tế đem lại hiệu quả kinh tế cao và hiệu quả xã hội thiết thực.

Đó là lý do mà cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh tế trung ương không ngừng được xây dựng, phát triển hoàn thiện bộ máy kiểm tra, thanh tra có chất lượng cao. Bộ máy thanh tra, kiểm tra có tổ chức chặt chẽ, bộ máy gọn nhẹ, khoa học, cán bộ thanh kiểm tra có năng lực, phẩm chất đạo đức, tính kỷ luật, tính pháp lý cao là điều kiện hết sức quan trọng giúp bộ máy quản lý kinh tế trung ương có được những quyết định khoa học sát đúng yêu cầu của các quy luật khách quan, làm cho nền kinh tế vận hành có hiệu quả cao.



6.2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở địa phương

Hệ thống tổ chức bộ máy chính quyền nước ta được chia làm 4 cấp:

- Cấp Trung ương
- Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- Cấp quận, huyện và tương đương
- Cấp xã, phường, thị trấn

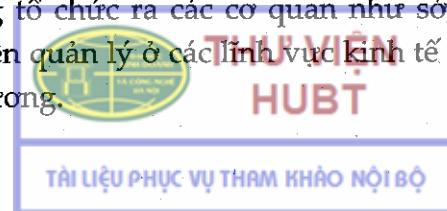
Địa phương được hiểu là từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xuống phường, xã và tương đương. Vì vậy, quản lý kinh tế địa phương gọi chung là cơ cấu bộ máy quản lý kinh tế của chính quyền các cấp. Bộ máy quản lý kinh tế này được tổ chức theo cơ cấu sau:

Thứ nhất, Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm trước Quốc hội, Thủ tướng và Hội đồng nhân dân trong việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh tế – xã hội địa phương.

Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp nào do Hội đồng nhân dân cấp đó bầu ra và phải được Thủ tướng hay Chủ tịch ủy ban nhân dân trên một cấp phê duyệt.

Thứ hai, Hội đồng nhân dân các cấp, trên cơ sở vận dụng, quán triệt nghị quyết của Quốc hội, chủ trương chính sách phát triển kinh tế chung của cả nước và các văn bản pháp quy của các cơ quan quản lý kinh tế trung ương để đề ra các chương trình kế hoạch phát triển kinh tế địa phương. Hội đồng nhân dân các cấp có nhiệm vụ quyết định phương hướng phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn quản lý theo đúng chức năng thẩm quyền và theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Thứ ba, đứng đầu cơ quan hành pháp của địa phương là Chủ tịch ủy ban nhân dân (tỉnh, huyện, xã). Cơ cấu bộ máy quản lý kinh tế địa phương tổ chức ra các cơ quan như sở, ban chuyên ngành nhằm thực hiện quản lý ở các lĩnh vực kinh tế thuộc phạm vi thẩm quyền địa phương.



Tóm lại, cơ cấu bộ máy quản lý kinh tế địa phương được tổ chức theo nguyên tắc:

- Nhà nước Việt Nam là nhà nước đơn nhất và thống nhất quyền lực. Quyền lực nhà nước là của nhân dân. Quyền lực đó nằm trong tay nhân dân được tổ chức lại thành Nhà nước. Không có sự phân chia thành Nhà nước Trung ương và Nhà nước địa phương.

- Điều 108, Hiến pháp năm 1992 xác định: Hội đồng nhân dân địa phương là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

- Chính quyền địa phương cũng như cơ cấu bộ máy quản lý kinh tế địa phương phải được đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ – bộ máy quản lý kinh tế trung ương.

Quyền hạn và nhiệm vụ quản lý kinh tế ở địa phương được thực hiện trên cơ sở pháp luật và sự phân công, phân cấp để xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý kinh tế địa phương phù hợp.

6.3. ĐỔI MỚI BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ Ở VIỆT NAM

6.3.1. Thực trạng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam

Có thể nói, bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện hơn sau nhiều lần sắp xếp lại về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước để giảm bớt sự chồng chéo, giúp việc quản lý có hiệu quả hơn. Việc tổ chức lại bộ máy Chính phủ đã có những thay đổi đáng kể theo hướng Bộ, cơ quan ngang Bộ tập trung làm chức năng quản lý nhà nước, tách khỏi quản lý sản xuất – kinh doanh, đồng thời chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các Bộ, ngành được phân định cụ thể hơn, góp phần tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế – xã hội và thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng

sâu rộng. Vai trò và chức năng của các Bộ và cơ quan ngang Bộ cũng được điều chỉnh phù hợp hơn với yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng như phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Hoạt động dịch vụ công và chức năng đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ bước đầu được tách bạch. Các cơ quan thuộc Chính phủ về cơ bản được phân định rõ: Một số cơ quan có chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực được giao và các cơ quan sự nghiệp chỉ thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công. Cơ cấu tổ chức của Chính phủ được đổi mới: Thành lập, đổi tên và điều chỉnh lại chức năng một số Bộ, cơ quan ngang Bộ; hợp nhất các cơ quan thuộc Chính phủ theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước. Nhờ đạt được những kết quả trong việc phân định chức năng, thẩm quyền và phân cấp nói trên mà tổ chức bộ máy quản lý của Nhà nước đã được sắp xếp lại tinh gọn hơn và hoạt động hiệu quả hơn. Ở Trung ương, tổng số đầu mối của Chính phủ nhiệm kỳ 1997-2002 là 48, trong đó có 24 Bộ, cơ quan ngang Bộ, đến nhiệm kỳ 2002-2007 rút xuống còn 39 đầu mối, trong đó có 26 Bộ, cơ quan ngang Bộ. Nhiệm kỳ 2007-2011, Chính phủ chỉ còn 30 đầu mối, gồm 22 Bộ, cơ quan ngang Bộ. Tại cấp địa phương, các sở và tương đương đã thu gọn từ gần 30 đầu mối xuống còn 20-22 đầu mối; cấp huyện từ 16-17 đầu mối giảm xuống còn 10-12 phòng, ban chức năng. Về cơ bản đã định hình được số cơ quan chuyên môn thuộc cơ cấu tổ chức “cứng” và một số cơ quan thuộc cơ cấu tổ chức “mềm” theo tiêu chí đặc thù của từng địa phương.

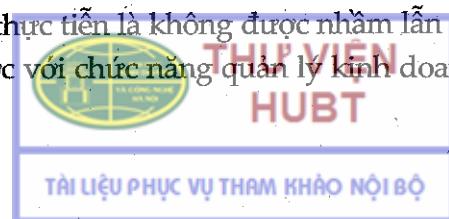
Tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ đã đạt được, bộ máy quản lý nhà nước còn tồn tại không ít hạn chế, yếu kém; bộ máy nhà nước đổi mới chậm, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc phát triển kinh tế – xã hội. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X đã chỉ rõ: Bộ máy quản lý nhà nước còn cồng kềnh, chồng chéo, quan liêu, trách nhiệm không rõ, hiệu lực, hiệu quả thấp. Mỗi quan hệ về trách nhiệm giữa

tập thể và cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu, chưa được quy định cụ thể; chưa phát huy đúng mức vai trò của cá nhân và tập thể, khó đánh giá được kết quả công tác và quy rõ trách nhiệm cá nhân khi có sai phạm, làm cho việc quản lý các quá trình kinh tế – xã hội chưa thật nhanh, nhạy và có hiệu quả cao. Trong khi đó, chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước chưa rõ, vẫn còn chồng chéo, bỏ sót hoặc chưa bao quát hết các lĩnh vực quản lý nhà nước; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng; thủ tục hành chính còn nhiều vướng mắc; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm; hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước chưa tương xứng với yêu cầu.

6.3.2. Sự cần thiết phải đổi mới bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam

Đổi mới là yêu cầu sống còn đối với sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay thì vấn đề đổi mới được đặt ra một cách cấp bách. Đổi mới vừa tạo mọi điều kiện tốt cho nền kinh tế phát triển, nhanh chóng hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới, vừa nhằm khai dậy các tiềm năng và sử dụng các tiềm năng đó một cách có hiệu quả nhất, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển ở trình độ cao, thực sự làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung chuyển sang cơ chế thị trường, chúng ta phải từng bước đổi mới các công cụ quản lý, trong đó bao hàm cả việc đổi mới bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế là một tất yếu khách quan. Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế không phải là bộ máy quản lý kinh doanh, nó thực hiện chức năng quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế cũng như các vấn đề có liên quan đến toàn bộ đời sống kinh tế – xã hội. Một trong những vấn đề lớn nhất cần được làm sáng tỏ về lý luận và thực tiễn là không được nhầm lẫn giữa các chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản lý kinh doanh. Do có sự nhầm



lẫn trên nên còn tình trạng các đơn vị cơ sở, các tổ chức kinh tế quốc doanh đều nằm trong Bộ chủ quản, chịu sự điều hành của Bộ chủ quản trong kinh doanh, nhưng các điều kiện để tiến hành kinh doanh thì hầu như không nằm trong tay Bộ chủ quản mà thuộc Bộ Công thương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên – Môi trường... Thực hiện quản lý nhà nước về kinh tế đang từng bước chuyển sang cơ chế thị trường, bộ máy quản lý được hình thành trong thời bao cấp hiện vẫn còn nhiều nỗi trung gian, nhiều chức năng quản lý còn chồng chéo, bộ máy cồng kềnh kém hiệu lực, gây nhiều cản trở cho quá trình đổi mới và phát triển kinh tế. Trước tình hình đó đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta.

6.3.3. Nội dung đổi mới bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam

Để góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước về kinh tế, trước mắt Nhà nước cần tiếp tục đổi mới và hoàn thiện cơ cấu, tổ chức của các Bộ theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, cải cách bộ máy ngày càng tinh gọn, thông suốt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tiếp tục tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý nhà nước từ Trung ương tới địa phương theo hướng giảm số lượng, tăng chất lượng, phân cấp nhiều hơn cho chính quyền địa phương. Việc đổi mới bộ máy nhà nước về kinh tế cần đạt yêu cầu: bộ máy gọn nhẹ và đạt hiệu lực quản lý cao.

Nội dung chủ yếu của đổi mới bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế bao gồm:

Thứ nhất, sắp xếp lại bộ máy nhà nước trung ương tập trung quản lý vĩ mô, xóa bỏ những tổ chức không có chức năng, tinh giản những khâu trung gian, chồng chéo bất hợp lý, xóa bỏ những tổ chức can thiệp trực tiếp vào hoạt động kinh doanh của các tổ chức kinh tế. Trước mắt cần xóa bỏ tình trạng chủ quản trực thuộc hiện nay vẫn tồn tại. Đổi mới cơ chế vận hành, đổi mới sự phân công, tổ chức lại lao động trong bộ máy. Tiếp tục sắp xếp lại cơ cấu tổ chức nội bộ trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế nhằm giảm bớt đầu mối



trung gian. Tạo tiền đề thực tế để cất bô dần những công việc không đúng với nội dung, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

Thứ hai, xác định đúng vị trí và chức năng của từng bộ phận trong hệ thống bộ máy nhà nước và mối quan hệ giữa chúng như: Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất có nhiệm vụ quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; ban hành các đạo luật; thông qua kế hoạch phát triển kinh tế, ngân sách... Chính phủ là cơ quan hành pháp cao nhất chịu trách nhiệm trước Quốc hội về điều hành phát triển kinh tế – xã hội. Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quản lý nền kinh tế quốc dân theo quy hoạch và kế hoạch thông qua việc xây dựng chế độ, chính sách và ban hành chúng dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật. Chính phủ là cơ quan quản lý có thẩm quyền chung. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ là cơ quan quản lý được giao trách nhiệm quản lý sự phát triển và chịu trách nhiệm về lĩnh vực mình phụ trách. Chức năng của Bộ là ban hành các chính sách phát triển những chương trình, những dự án lớn; tổ chức hướng dẫn thực hiện các chính sách, các chương trình và các dự án phát triển đó. Bộ cũng có chức năng thể chế hóa các nghị định của Chính phủ, tổ chức hướng dẫn và thực hiện các nghị định; theo dõi, giám sát, kiểm tra về các mặt hoạt động của các đơn vị kinh tế trên cơ sở pháp luật, pháp lệnh, nghị định, chế độ đã ban hành.

Thứ ba, đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế là quán triệt quan điểm phục vụ, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế phát triển bình đẳng, đảm bảo quyền tự do kinh doanh của các tổ chức và công dân; cơ cấu bộ máy hành chính phải tinh gọn, ít đầu mối, vận hành thông suốt, nhanh nhẹn, có hiệu lực, hiệu quả cao; khắc phục sự chồng chéo, trùng lắp chức năng, nhiệm vụ giữa các Bộ, ngành theo hướng mỗi việc chỉ giao cho một cơ quan thực hiện; sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của hệ thống hành chính, tăng cường pháp chế, luật



THƯ VIỆN
HỘI ĐỒNG

pháp trong quản lý kinh tế. Bộ máy quản lý phải thực sự trở thành công bộc của dân, do dân và vì dân, thực hiện công bằng xã hội, bảo vệ được bộ phận dân cư dễ bị tổn thương trong quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường, giữ gìn ổn định xã hội.

Đối với các Bộ, ngành có chức năng, nhiệm vụ chồng chéo hoặc tranh chấp về thẩm quyền, trách nhiệm thì nên nghiên cứu sáp nhập thành một Bộ. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương không có đủ điều kiện thành lập thì đưa về Văn phòng Chính phủ. Cơ cấu tổ chức của Chính phủ chỉ nên có các Bộ và cơ quan ngang Bộ, không nên thành lập các cơ quan trực thuộc Chính phủ. Văn đề cơ bản nhất là thông qua việc sắp xếp lại tổ chức, nhân sự và xử lý những vấn đề chồng chéo, trùng lắp hoặc chưa phân công rõ ràng, còn bỏ trống, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các Bộ có liên quan để bảo đảm được những yếu tố cần thiết cho hoạt động của Bộ được tốt hơn, nhất là giải quyết được các vấn đề liên thông phối hợp giữa các Bộ, ngành; bảo đảm hiệu quả hoạt động của các Bộ mới được nâng lên.

Chuyển giao cho doanh nghiệp hoặc tổ chức xã hội dân sự thực hiện một số dịch vụ công không nhất thiết do cơ quan hành chính nhà nước trực tiếp đảm nhiệm; cải tiến phương thức quản lý cũng như lề lối làm việc của cơ quan nhà nước các cấp; kiên quyết đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong tất cả các lĩnh vực, đặc biệt xóa bỏ những quy định không cần thiết về cấp phép, thanh tra, kiểm tra, giám định nhưng không cản trở sản xuất – kinh doanh.

Thứ tư, xây dựng hệ thống thể chế về tổ chức đầy đủ, đồng bộ và cụ thể; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của các bộ phận cấu thành, của từng người, từng vị trí công tác trong hệ thống hành chính. Đặc biệt, quy định rõ thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và thủ trưởng các cơ quan trong bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế. Thể chế về tổ chức bộ máy hành chính phải được quy định rõ ràng và cụ thể trong Hiến pháp, trong Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Thứ năm, bảo đảm các điều kiện để đổi mới tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế: đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ,



THƯ VIỆN
HUBT

công chức, viên chức có đủ điều kiện năng lực, trình độ để lãnh đạo, quản lý và thực thi công vụ trong bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Từ Bộ trưởng đến thủ trưởng các đơn vị đòi hỏi phải có trình độ lãnh đạo, quản lý bao quát tổng hợp hơn. Bản thân đội ngũ cán bộ, công chức thực thi công vụ trong bộ máy quản lý phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vừa chuyên sâu, vừa tổng hợp và đặc biệt là thành thạo các tác vụ hành chính...; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thông qua đổi mới công tác tuyển chọn, sử dụng, sa thải và quản lý cán bộ, đồng thời tăng cường các biện pháp giáo dục cán bộ về tinh thần trách nhiệm, ý thức tận tâm, tận tụy với công việc đi đôi với trả lương thỏa đáng (lương đủ cao và có các chế tài đi kèm để góp phần chống tham nhũng), thực hành kỷ luật nghiêm minh, nghiêm khắc. Tạo điều kiện cho việc tổ chức, phân công lao động trong bộ máy quản lý một cách hợp lý trên cơ sở các nguyên tắc tổng hợp, hệ thống, chế định, chuyên môn hóa, ổn định, sáng tạo có mục đích... Đồng thời, phải quy chế hóa các hoạt động quản lý, chuẩn hóa các quy trình quản lý và quy trình tác nghiệp của cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức.

TÓM TẮT CHƯƠNG

Bộ máy nhà nước là hệ thống các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung thống nhất, tạo thành một cơ chế đồng bộ để thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Nhà nước.

Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế là bộ phận cấu thành của bộ máy nhà nước, có tính độc lập tương đối bao gồm các cơ quan nhà nước, thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế từ Trung ương đến địa phương.

Bộ máy nhà nước về kinh tế được tổ chức và hoạt động theo các nguyên tắc sau:

- Tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, khoa học và hiệu quả cao.



- Luôn luôn xuất phát từ yêu cầu của đối tượng quản lý để sắp xếp bộ máy tổ chức quản lý đúng chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu đặt ra.

- Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế có tính hệ thống cao.

Mô hình cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế là cách thức cơ cấu bộ máy quản lý kinh tế của nhà nước theo một tiêu chí, một yêu cầu nhất định. Có 4 dạng mô hình bộ máy quản lý kinh tế chủ yếu:

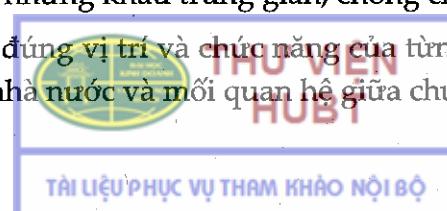
- Mô hình cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tổng thể
- Mô hình cơ cấu bộ máy quản lý kinh tế xét về công cụ quản lý kinh tế
- Mô hình cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế theo ngành
- Mô hình cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế theo lãnh thổ

Hệ thống tổ chức bộ máy chính quyền nước ta được chia làm 4 cấp:

- Cấp Trung ương
- Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- Cấp quận, huyện và tương đương
- Cấp xã, phường, thị trấn

Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện hơn sau nhiều lần sáp xếp lại về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước để tránh sự chồng chéo, giúp việc quản lý có hiệu quả hơn. Tuy nhiên, bộ máy nhà nước đổi mới chậm, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc phát triển kinh tế – xã hội. Do vậy, cần thiết phải đổi mới bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam theo các nội dung chủ yếu sau:

- Sắp xếp lại bộ máy, xóa bỏ những tổ chức không có chức năng, tinh giản những khâu trung gian, chồng chéo bất hợp lý.
- Xác định đúng vị trí và chức năng của từng bộ phận trong hệ thống bộ máy nhà nước và mối quan hệ giữa chúng.



- Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.
- Xây dựng hệ thống thể chế về tổ chức đầy đủ, đồng bộ và cụ thể.
- Bảo đảm các điều kiện để đổi mới tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế.

❖ CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm và nguyên tắc cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế
2. Trình bày cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam.
3. Vì sao phải đổi mới bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam?
4. Phân tích các nội dung đổi mới bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam?

⌚ BÀI TẬP

Bài tập 1

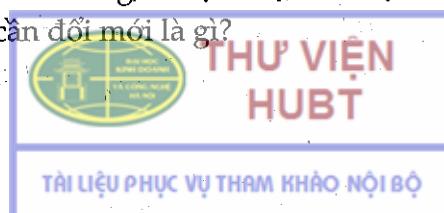
Có ý kiến cho rằng, bộ máy quản lý nhà nước ở Việt Nam nói chung, bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế nói riêng vẫn còn cồng kềnh, chồng chéo, kém hiệu quả. Bạn có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?

Bài tập 2

Việc đổi mới bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau. Theo bạn, đâu là giải pháp cơ bản và quan trọng nhất?

Bài tập 3

Phân tích chức năng, nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Những bất cập cần đổi mới là gì?



Chương 7

CÁN BỘ, CÔNG CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

7.1. TỔNG QUAN VỀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

7.1.1. Khái niệm

Điều 4 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 quy định: Cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội ở Trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp và trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội (sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp công lập), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước; đối với công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý

của đơn vị sự nghiệp công lập thì lương được bảo đảm từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

- Cán bộ xã, phường, thị trấn là công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội; công chức cấp xã là công dân Việt Nam được tuyển dụng giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ủy ban nhân dân cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

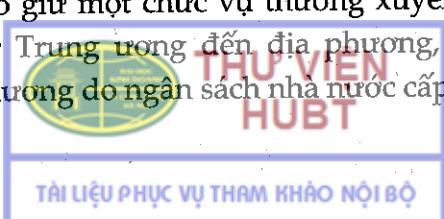
Như vậy, công chức nhà nước là:

Thứ nhất, những người được bầu cử, phê chuẩn giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Thứ hai, những người được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp và trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

Thứ ba, những người được bầu cử để giữ chức vụ theo nhiệm kỳ hoặc được tuyển dụng để giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ủy ban nhân dân cấp xã.

Thứ tư, công chức nhà nước là một bộ phận của cán bộ nhà nước nói chung, được tuyển dụng thông qua thi tuyển và bổ nhiệm hoặc được giao giữ một chức vụ thường xuyên trong các cơ quan hành chính từ Trung ương đến địa phương, được xếp vào một ngạch, hưởng lương do ngân sách nhà nước cấp.



Công chức là những người làm việc chuyên môn, có tính chất lâu dài và ổn định trong bộ máy nhà nước. Họ có tư cách pháp lý trong khi thi hành công vụ.

“Ngạch” chỉ chức danh công chức. Mỗi ngạch thể hiện chức và cấp về chuyên môn nghiệp vụ, có tiêu chuẩn riêng.

“Bậc” là chỉ số tiền lương trong ngạch.

“Nâng ngạch” là nâng từ ngạch thấp lên ngạch cao.

“Chuyển ngạch” là chuyển từ ngạch công chức theo ngành chuyên môn này sang ngạch chuyên môn khác có trình độ tương đương.

“Tuyển dụng” là việc tuyển người vào cơ quan nhà nước sau khi đã đạt kết quả của thi tuyển.

“Bổ nhiệm” là quyết định xếp ngạch công chức chính thức cho người đạt yêu cầu tập sự, người đạt kỳ thi nâng ngạch và công chức lãnh đạo.

Như vậy, có thể hiểu: *Cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế là công chức nhà nước, làm việc trong lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế, được bố trí trong hệ thống các cơ quan quản lý kinh tế nằm trong bộ máy nhà nước.*

Cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế trong phạm vi hẹp là một bộ phận công chức làm việc trong các cơ quan quản lý kinh tế của Chính phủ và chính quyền các cấp.

7.1.2. Đặc trưng của cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế

Cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế có các đặc trưng chung sau:

- Cán bộ công chức được Nhà nước ủy thác hoặc lấy danh nghĩa Nhà nước hoạt động.

- Được bố trí làm việc thường xuyên trong các cơ quan, tổ chức thuộc guồng máy Nhà nước (được Đảng/Nhà nước trả lương hoặc trợ cấp lương hàng tháng).



THỦ TƯỚNG
HUBT

- Cán bộ, công chức giữ một chức vụ nào đó trong bộ máy nhà nước quản lý về kinh tế, được xếp mã ngạch, bậc nhất định.

- Được hưởng lương (hoặc trợ cấp về lương) từ ngân sách nhà nước.

7.1.3. Phân loại cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế

7.1.3.1. Phân loại theo ngạch được bổ nhiệm

- Loại A gồm những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương;

- Loại B gồm những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương;

- Loại C gồm những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương;

- Loại D gồm những người được bổ nhiệm vào ngạch cán sự hoặc tương đương và nhân viên.

7.3.1.2. Phân loại theo vị trí công tác

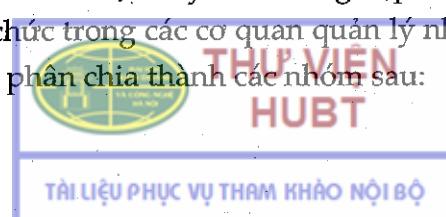
Công chức lãnh đạo (chỉ huy và điều hành)

Công chức lãnh đạo là những người giữ vị trí lãnh đạo. Họ được dân bầu cử hoặc do các cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm. Công chức loại này chịu trách nhiệm hoạch định chính sách, chỉ huy và điều hành các công việc quản lý kinh tế từ Trung ương đến địa phương và ở các đơn vị cơ sở.

Công chức chuyên môn nghiệp vụ

Đó là những người thực hành chế độ thường nhiệm, thực hành các quyền lực hành chính nhà nước. Do vậy, họ phải có một tri thức và năng lực quản lý hành chính thích hợp. Họ được đào tạo, tuyển chọn qua thi cử và được quản lý theo Luật Cán bộ, công chức.

Căn cứ theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ và công việc đảm nhận của công chức trong các cơ quan quản lý nhà nước, công chức nghiệp vụ được phân chia thành các nhóm sau:



Thứ nhất, các nhà chức trách.

Các nhà chức trách không phải là thủ trưởng, chỉ huy điều hành trong các cơ quan nhà nước. Họ là những chuyên gia (chuyên môn), nhiệm vụ của công chức nhóm này là chuẩn bị và thực hiện các tác động quản lý nhà nước. Họ không trực tiếp thực hiện thẩm quyền cơ quan mà chỉ là người tham gia vào quá trình thực hiện thẩm quyền đó. Hành động của họ quyết định chức trách được giao. Các nhà chức trách thực hiện theo chức năng được giao giữ và chịu trách nhiệm về chức năng đó. Hoạt động của họ luôn đem lại những hiệu quả nhất định.

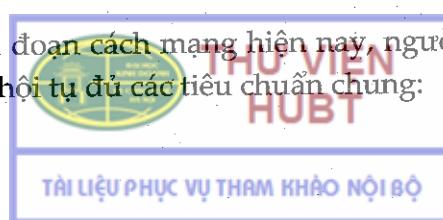
Chẳng hạn, để có được một quyết định pháp lý đúng đắn và khoa học của thủ trưởng, của cơ quan, các nhà chức trách – mỗi người một tác nghiệp cụ thể nhất định, như đi về địa phương, các cơ quan có liên quan để sưu tầm, nghiên cứu tài liệu và khảo sát thực tiễn hoặc kiểm tra các quá trình thực hiện quyết định quản lý của cơ quan nhà nước.

Thứ hai, những người phục vụ.

Đó là những nhân viên thực hiện các hoạt động vật chất kỹ thuật, phục vụ cho quá trình quản lý. Họ là những người lái xe cơ quan, đánh máy, làm công tác thông tin liên lạc... Ngày nay, các phương tiện kỹ thuật được sử dụng nhiều trong quá trình quản lý. Do vậy, đội ngũ những người phục vụ cho quá trình quản lý cũng tăng lên, ở bất cứ một cơ quan quản lý nào của Nhà nước cũng có loại công chức này. Loại công chức này không phải là một sự phân công về mặt xã hội mà đó là sự phân công về mặt pháp lý. Vì mỗi một loại công chức nhà nước có đặc điểm pháp lý và trách nhiệm pháp lý khác nhau, có sự đòi hỏi khác nhau về chất lượng, về đặc trưng đào tạo, chuyên môn, tổ chức bồi dưỡng.

7.1.4. Tiêu chuẩn của cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế

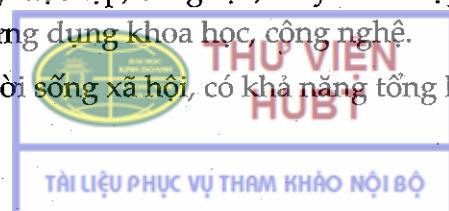
Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, người cán bộ, công chức nói chung cần hội tụ đủ các tiêu chuẩn chung:



- Phẩm chất chính trị
- Đạo đức lối sống
- Kiến thức, trình độ, năng lực

Đối với những cán bộ, công chức do vị trí công tác và đặc trung riêng thì có những tiêu chuẩn cụ thể sau:

- Đối với cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân:
 - + Có bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở lập trường giai cấp, trung thành với lý tưởng cách mạng. Có năng lực dự báo và định hướng sự phát triển, tổng kết thực tiễn, tham gia xây dựng đường lối chính sách, luật pháp, thuyết phục và tổ chức nhân dân thực hiện, có ý thức và khả năng đấu tranh bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.
 - + Gương mẫu về đạo đức, lối sống, có tác phong dân chủ, khoa học, có khả năng tập hợp quần chúng, đoàn kết cán bộ.
 - + Có kiến thức về khoa học lãnh đạo và quản lý. Đã học tập có hệ thống ở các trường của Đảng, Nhà nước và đoàn thể nhân dân. Trải qua kinh nghiệm hoạt động thực tiễn có hiệu quả.
 - Đối với cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang:
 - + Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân, sẵn sàng hy sinh bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.
 - + Có tinh thần cảnh giác cao, có ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm, giữ gìn bí mật quân sự, bí mật quốc gia.
 - + Nắm vững và có khả năng vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng vào xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Nắm được những vấn đề cơ bản về quản lý kinh tế, xã hội.
 - Đối với cán bộ khoa học, chuyên gia:
 - + Có tư duy độc lập, sáng tạo, có ý thức hợp tác say mê trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ.
 - + Bám sát đời sống xã hội, có khả năng tổng kết thực tiễn.



+ Chuyên gia đầu ngành phải có khả năng tập hợp và đào tạo cán bộ khoa học.

- Đối với cán bộ quản lý kinh tế:

+ Hiểu biết một cách sâu sắc các quan điểm kinh tế của Đảng, có phẩm chất và đạo đức, cần kiệm, liêm chính, không lợi dụng chức quyền để tham ô, lăng phí, xa hoa.

+ Có kiến thức về kinh tế thị trường và quản trị kinh doanh, hiểu biết khoa học, công nghệ, pháp luật và thông lệ quốc tế.

+ Có kỹ năng chuyên sâu về ngành quản lý kinh tế.

+ Có kỹ năng phân tích và hoạch định chính sách, kỹ năng kiểm tra, giám sát theo chức trách, nhiệm vụ.

+ Có khả năng tổ chức kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế – xã hội.

Trong “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, các tiêu chuẩn của cán bộ, công chức được cụ thể hóa hơn. Đó là: có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng; có ý thức tổ chức kỷ luật; trung thực, không cơ hội, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm; có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hóa, chuyên môn, năng lực, sức khỏe để làm việc hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Ngoài các tiêu chuẩn “cứng” nêu trên, cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế còn cần phải có:

- Hiểu biết về thể chế kinh tế thị trường. Với tiêu chuẩn này, cán bộ cấp chiến lược cần nắm vững những quy luật của kinh tế thị trường và biết điều hành nền kinh tế vĩ mô theo những quy luật đó. Cán bộ, công chức thừa hành cần biết vận dụng chúng trong công việc cụ thể được giao. Cả hai loại cán bộ đều phải chuyển từ chỗ sử dụng những công cụ quản lý trực tiếp theo mệnh lệnh hành chính

sang sử dụng những công cụ quản lý gián tiếp, chủ yếu là những biện pháp kinh tế – kỹ thuật.

- Hiểu biết thế giới, ít nhất là trong những lĩnh vực mình được giao, từ đó tận dụng được những cơ hội, ứng phó với những thách thức do quá trình hội nhập đặt ra, khôn khéo vận dụng những luật chơi của thế giới và những cam kết quốc tế của nước ta.

- Hiểu biết pháp luật, bao gồm pháp luật nước ta và các quy định pháp lý quốc tế. Trong đó, cán bộ cấp chiến lược phải biết xây dựng hoặc tham gia xây dựng luật pháp; cán bộ thừa hành phải nắm chắc những quy định pháp luật liên quan tới công việc của mình và biết vận dụng sát đúng trong lĩnh vực được giao.

7.1.5. Vai trò của cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế

Đội ngũ cán bộ, công chức là những chủ thể trực tiếp định hướng, dẫn dắt nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội và thắt chặt quan hệ giữa Nhà nước với đời sống xã hội dân sự, đồng thời họ chính là vốn quý trực tiếp xây dựng Nhà nước và các tổ chức xã hội thực sự trong sạch, vững mạnh.

Bác Hồ từng đánh giá: “Đội ngũ cán bộ, công chức là những người đem chính sách của Chính phủ, của đoàn thể thi hành trong nhân dân. Nếu cán bộ dở thì chính sách hay cũng không thể thực hiện được”.

Đội ngũ này đã trở thành lực lượng quan trọng quyết định sự thành công hay thất bại của hệ thống quản lý, hiệu quả của hoạt động kinh tế – xã hội. Điều đó thể hiện:

- Cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế là người trực tiếp tham gia vào quá trình hoạch định các đường lối, chính sách, các thể chế và cơ chế quản lý kinh tế – xã hội của đất nước.

- Cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế là những người có khả năng đưa ra phương án tối ưu nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội.

- Cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế là những người đại diện cho Nhà nước, là người thực thi công vụ.

- Cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế là cầu nối giữa Nhà nước với nhân dân và các tổ chức kinh tế. Hiệu quả hoạt động của cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế quyết định hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quản lý kinh tế và bộ máy nhà nước nói chung.

- Cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế là một trong những nhân tố đảm bảo sự thành công của quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Vai trò của cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế ngày càng tăng do:

- Sản xuất xã hội ngày càng phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, có sự cạnh tranh quyết liệt trên thị trường. Điều đó làm tăng số lượng các phương án và quyết định lựa chọn phương án tối ưu trở nên phức tạp hơn.

- Tác động của các quyết định quản lý đối với đời sống xã hội vừa sâu sắc, vừa có hiệu quả lớn hoặc để lại hậu quả nghiêm trọng, đòi hỏi trách nhiệm cao của mỗi cán bộ quản lý cả về chất lượng lẫn tính khoa học khi đưa ra các quyết định.

- Sự tăng nhanh khối lượng tri thức và độ phức tạp của cơ cấu tri thức, sự xuất hiện của hệ thống thông tin mới đòi hỏi khả năng xử lý chọn lọc để có quyết định quản lý đúng đắn và hiệu quả.

Vai trò của cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế càng tăng cũng đòi hỏi người cán bộ phải phát huy tối đa khả năng, có bản lĩnh, tri thức và năng động trên cơ sở nắm vững và vận dụng quy luật khách quan cũng như các quan điểm, định hướng, chính sách phát triển kinh tế – xã hội của mỗi quốc gia.

7.1.6. Nhiệm vụ của cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế

Luật Cán bộ, Công chức quy định, cán bộ công chức cần thực hiện các nghĩa vụ sau:

- Trung thành với Nhà nước CHXHCN Việt Nam; bảo vệ sự an toàn, danh dự và lợi ích quốc gia.



- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, thi hành nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật.
- Tân túy phục vụ nhân dân, tôn trọng nhân dân.
- Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân.
- Có nếp sống lành mạnh, trung thực, cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư, không được quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm trong công tác, thực hiện nghiêm chỉnh nội quy của cơ quan, tổ chức, giữ gìn và bảo vệ của công, bảo vệ bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật.
- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ, chủ động sáng tạo phối hợp trong công tác nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ, công vụ được giao.
- Chấp hành sự điều động, phân công công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
- Không được chây lười trong công tác, trốn tránh trách nhiệm hoặc thoái thác nhiệm vụ, công vụ, không được gây bè phái mất đoàn kết, cục bộ hoặc tự ý bỏ việc.
- Không cửa quyền hách dịch, sách nhiễu, gây khó khăn phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong khi giải quyết công việc.
- Không được thành lập, điều hành các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, bệnh viện tư, trường học tư và các tổ chức nghiên cứu khoa học tư. Không làm tư vấn cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh, dịch vụ và các tổ chức cá nhân ở trong nước và nước ngoài về các công việc có liên quan đến bí mật công tác.

7.2. XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

7.2.1. Kế hoạch hóa đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế

Xây dựng chiến lược cán bộ công chức dựa trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ

hội, thách thức, xác định mục tiêu, cơ cấu cán bộ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Kế hoạch hóa đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế xuất phát từ mục tiêu và kế hoạch hoạt động của toàn bộ hệ thống quản lý, trên cơ sở đó có kế hoạch tuyển chọn, đào tạo, sắp xếp, đề bạt, bố trí, sử dụng và đánh giá cán bộ.

Những nội dung cơ bản và tính chất dài hạn của các biện pháp xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế, tính hiệu quả của công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đòi hỏi phải tăng cường kế hoạch hóa công tác cán bộ.

Kế hoạch hóa công tác cán bộ là một nhiệm vụ hết sức phức tạp, trong đó việc xác định nhu cầu, đào tạo, tuyển chọn cán bộ là khâu xuất phát. Kế hoạch tuyển chọn được quy định trong kế hoạch đào tạo chuyên gia về quản lý ở các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, các trường quản lý, trong kế hoạch phát triển hệ thống đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý.

Kế hoạch hóa cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế được tiến hành theo trình tự:

- Trước hết, tiến hành dự báo tình hình cán bộ, sự biến động cán bộ và những nhu cầu mới về số lượng và chất lượng cán bộ;

- Vạch kế hoạch bổ sung cán bộ và kế hoạch luân chuyển cán bộ, từ đó mới có thể xác định biện pháp và hình thức tuyển chọn cán bộ từ nội bộ và từ bên ngoài. Bộ phận cơ bản của kế hoạch này là kế hoạch về cán bộ dự bị và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý một cách có hệ thống.

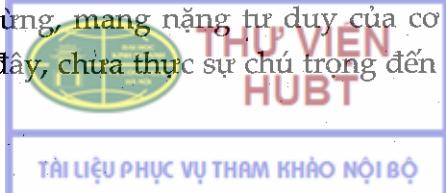
- Cuối cùng là kế hoạch hóa từng mặt riêng biệt, như kế hoạch trẻ hóa đội ngũ cán bộ quản lý, kế hoạch định kỳ, nâng cao trình độ cán bộ đương chức.

7.2.2. Đánh giá cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế

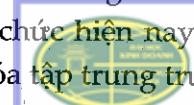
Đánh giá cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế là đánh giá về năng lực, điểm mạnh, điểm yếu, sự đồng bộ cân đối,

hướng xây dựng phát triển của đội ngũ và đánh giá năng lực, phẩm chất của từng cá nhân khi tiến hành bổ nhiệm; kiểm điểm kết quả công tác hàng năm; khi cần bố trí sử dụng vào vị trí thích hợp và khi cán bộ, công chức chuyển công tác khỏi đơn vị. Từ năm 1998, sau khi ban hành Pháp lệnh Cán bộ, công chức đến nay, Việt Nam đã có quy định thực hiện đánh giá công chức hàng năm. Kết quả này cơ bản được sử dụng chung cho tất cả các hoạt động sử dụng và quản lý cán bộ, công chức. Cơ quan sử dụng công chức được giao thẩm quyền và có trách nhiệm đánh giá công chức. Căn cứ vào tiêu chuẩn ngạch công chức, chức trách nhiệm vụ được phân công và nghĩa vụ công chức theo quy định, việc đánh giá công chức gắn theo 8 nội dung: Chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước; kết quả công tác; tinh thần kỷ luật; tinh thần phối hợp trong công tác; lối sống đạo đức; tính trung thực trong công tác; tinh thần học tập nâng cao trình độ; tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân. Đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, còn phải căn cứ vào kết quả hoạt động của cơ quan, khả năng tổ chức quản lý cơ quan, tinh thần hợp tác với đơn vị bạn và mức độ tín nhiệm với mọi người. Mỗi nội dung đánh giá được chấm theo thang điểm 10. Tổng số điểm của 8 nội dung sẽ là căn cứ để xếp loại công chức. Căn cứ vào kết quả đánh giá từng nội dung này, công chức được xếp vào một trong 4 loại gồm xuất sắc, khá, trung bình, kém. Việc đánh giá được tiến hành theo trình tự: Công chức tự đánh giá, sau đó tập thể đơn vị đóng góp ý kiến, cuối cùng là người đứng đầu đơn vị trực tiếp đánh giá và xếp loại công chức.

Đến nay, công tác đánh giá công chức quản lý nhà nước về kinh tế đã từng bước đi vào nề nếp. Tuy nhiên, phương pháp và nội dung đánh giá còn một số hạn chế. Nội dung đánh giá quy định còn chung chung, dàn trải; khối lượng hoàn thành công việc là thước đo kết quả lao động của công chức lại đặt ngang bằng với các tiêu chí khác làm lu mờ giữa công chức làm việc tích cực với người làm việc cầm chừng mang nặng tư duy của cơ chế kế hoạch hóa tập trung trước đây, chưa thực sự chú trọng đến các yếu tố gắn với



hoạt động công vụ của công chức như kết quả, tiến độ, số lượng và chất lượng hoàn thành công vụ của công chức – còn bị chi phối bởi nhiều yếu tố và nội dung khác, dẫn đến không phân biệt được chính xác người làm việc tốt, có hiệu quả với người không làm việc hoặc làm việc chưa tốt, thiếu hiệu quả. Tỷ trọng nội dung liên quan đến hoàn thành công vụ, nhiệm vụ được giao chiếm quá ít trong các nội dung đánh giá (1/8); người lãnh đạo, quản lý là người hiểu và nắm rõ nhất tình hình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của công chức nhưng chưa phải là người toàn quyền quyết định kết quả đánh giá. Nhiều cơ quan có số công chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm tỷ trọng lớn, trong khi mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan đó không tương ứng tỷ lệ thuận với kết quả này; công chức có thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công vụ nhưng các nội dung khác như quan hệ phối hợp công tác, tinh thần học tập... nếu có khiếm khuyết thì dễ được đánh giá ngang bằng với người chưa hoàn thành nhiệm vụ nhưng chịu khó đi học tập đầy đủ. Trước đây, khi công chức còn nằm chung trong cụm từ “cán bộ, công nhân viên chức nhà nước” thì việc đánh giá chưa có một phương pháp đánh giá phù hợp với đặc điểm và tính chất công tác của công chức; quy định về đánh giá có thể áp dụng chung cho cả cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và lực lượng vũ trang. Đến năm 1998, khi Pháp lệnh Cán bộ, công chức được Nhà nước ban hành, chúng ta mới quy định được chế độ đánh giá công chức hàng năm theo các tiêu chí và nội dung thống nhất. Mặc dù còn hạn chế, nhưng lần đầu tiên, chúng ta đã có một quy định riêng về đánh giá công chức hàng năm, gắn với các nội dung của Pháp lệnh Cán bộ, công chức (trước đây) và Luật Cán bộ, Công chức hiện nay. Từ đó, bước đầu đã đưa công tác đánh giá công chức trong các cơ quan nhà nước vào nề nếp; khắc phục được việc đánh giá chung chung, không có tiêu chí cụ thể đối với công chức sau mỗi năm công tác trước đây. Tuy vậy, với phương pháp đánh giá công chức hiện nay vẫn còn mang những dấu ấn của cơ chế kế hoạch hóa tập trung trước kia và còn nhiều hạn chế. Cụ thể:



THƯ VIỆN
HUBI

- Nội dung và tiêu chí đánh giá chưa chú trọng đến hiệu quả và kết quả, trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức. Việc đánh giá công chức chưa gắn với việc phục vụ nhân dân và xã hội.

- Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chưa được xác định và quy định rõ trong đánh giá công chức. Người đứng đầu là người phân công, bố trí, giao nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ nhưng không được trao quyền trong đánh giá công chức. Quyền đánh giá công chức bị ảnh hưởng bởi nhiều chủ thể, dẫn đến thiếu trách nhiệm trong các kết luận về đánh giá công chức. Nhiều thủ trưởng đơn vị còn đánh giá chung chung, làm cho qua chuyện, sờ mệt lòng nhiều người.

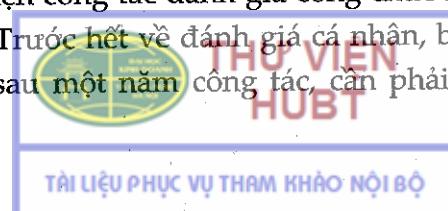
- Việc chấm điểm theo các nội dung đánh giá và lấy ý kiến của công chức trong cùng cơ quan, đơn vị qua phiếu luôn bị ảnh hưởng bởi thiên kiến chủ quan, chưa thể hiện được chính xác và khách quan đối với việc thực hiện nhiệm vụ của từng công chức.

- Tỷ lệ công chức được đánh giá theo các loại xuất sắc, khá, trung bình và kém không gắn với kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan. Điều đó làm xuất hiện tình trạng “dĩ hòa vi quý”, tỷ lệ công chức đạt loại xuất sắc và khá thì cao trong khi mức độ hoàn thành nhiệm vụ được cấp trên giao cho cơ quan lại thấp.

- Chưa có quy định cụ thể xử lý kết quả đánh giá, người làm tốt chưa được khen thưởng thăng tiến, người làm kém chưa bị xem xét sắp xếp lại, làm cho đánh giá công chức hàng năm thành công việc mang tính thủ tục, kém hiệu quả.

- Chưa có quy định hướng dẫn đánh giá công chức trước khi bổ nhiệm; sau khi kết thúc thời gian biệt phái; đánh giá công chức khi xử lý kỷ luật; đánh giá khi cử công chức dự thi nâng ngạch; đi tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng; đánh giá khi thực hiện quy hoạch.

Để có thể xây dựng và quản lý tốt đội ngũ công chức, việc đổi mới và hoàn thiện công tác đánh giá công chức là một yêu cầu cấp bách hiện nay. Trước hết về đánh giá cá nhân, bên cạnh việc đánh giá công chức sau một năm công tác, cần phải bổ sung các hình



thức đánh giá khác để phục vụ cho từng mục đích sử dụng và quản lý công chức khác nhau, đó là: Đánh giá sau một năm công tác (thực hiện vào cuối năm công tác); đánh giá khi xem xét bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo; đánh giá khi khen thưởng – kỷ luật công chức; đánh giá để đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch; đánh giá khi xem xét cử công chức dự thi nâng ngạch.

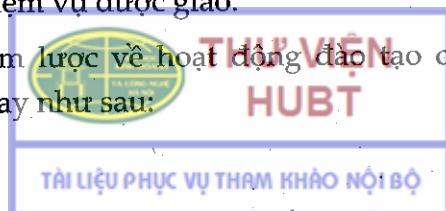
7.2.3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế là một nhiệm vụ then chốt trong chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ quản lý của mỗi quốc gia. Tại Việt Nam, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức theo yêu cầu cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tiếp tục khẳng định sự cần thiết và tầm quan trọng của việc đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước ở nước ta không chỉ trong giai đoạn hiện nay mà còn cả về lâu dài.

Thực tiễn đào tạo cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế

Đào tạo cán bộ, công chức nhà nước ở nước ta hiện nay bao gồm hai nội dung: đào tạo tiền công vụ và đào tạo trong công vụ. Trong đó, đào tạo trong công vụ lại bao gồm đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn thông qua hệ thống các trường cao đẳng, đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân và đào tạo về kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước tại Học viện Chính trị – Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh. Ở đây chúng ta chỉ đề cập đến hoạt động đào tạo cán bộ, công chức do Học viện Hành chính và hệ thống các trường quản lý cán bộ của bộ ngành và trường chính trị các tỉnh thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Có thể tóm lược về hoạt động đào tạo cán bộ, công chức ở nước ta hiện nay như sau:



Về định hướng đào tạo

Việc cử cán bộ đi đào tạo là một nhiệm vụ, đồng thời là một yêu cầu trong đánh giá kết quả hoạt động của cơ quan, đơn vị. Thêm vào đó, người được cử đi đào tạo thường phải bao đảm những điều kiện nhất định về thẩm niê, cấp bậc lương và quy hoạch phát triển công chức. Vì vậy, xu hướng phổ biến hiện nay là đào tạo công chức theo chỉ tiêu của cơ quan và theo thẩm niê, theo cấp của người được đào tạo chứ không theo chức năng mà họ thực hiện. Đào tạo theo nhu cầu người học – một xu thế đào tạo tiến bộ và bắt đầu phổ biến ở khu vực tư – hiện vẫn chưa được áp dụng rộng rãi trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức khu vực công.

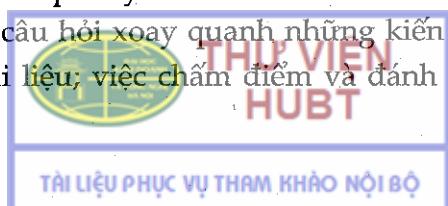
Nội dung và phương pháp đào tạo

Xuất phát từ định hướng đào tạo nêu trên, nội dung đào tạo được áp dụng chung cho các nhóm đối tượng người học có trình độ chuyên môn khác nhau, công tác ở các vị trí công việc rất khác nhau. Người học được cung cấp những kiến thức cơ bản về Nhà nước, hành chính nhà nước, về pháp luật..., tức là những kiến thức chung về quản lý nhà nước, chứ không đi vào yêu cầu công việc; phần kỹ năng hầu như bị bỏ trống. Thêm vào đó, chưa có sự phân định rõ ràng về nhóm kiến thức dành cho những người sắp bước vào nền công vụ, hay với những cán bộ, công chức đang làm việc.

Với nội dung đào tạo như vậy, phương pháp đào tạo được áp dụng chủ yếu là thuyết trình. Việc trao đổi, thảo luận được thiết kế trong khung chương trình, song áp dụng chưa nhiều do thời lượng hạn chế, dẫn đến người học khó có thể hình thành kỹ năng giải quyết công việc sau khi kết thúc khóa học.

Tiêu chí và phương pháp đánh giá kết quả đào tạo

Trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng, người học được đánh giá kết quả thông qua điểm của bài kiểm tra giữa kỳ. Kết thúc khóa đào tạo, người học trải qua kỳ thi kiểm tra dưới hình thức tự luận là chính; nội dung câu hỏi xoay quanh những kiến thức quản lý nhà nước có trong tài liệu; việc chấm điểm và đánh giá trên tinh thần



“giơ cao đánh khẽ” vì học viên đều là những người hoặc sắp bước vào nền công vụ, hoặc đang công tác ở một vị trí nhất định và khả năng thăng tiến của họ có thể phụ thuộc một phần vào xếp loại của chứng chỉ khóa học mà họ vừa tham gia.

Dối với cả đơn vị đào tạo và đơn vị cử cán bộ đi đào tạo, kết quả và chất lượng đào tạo chủ yếu được xác định dựa trên số lượng học viên tốt nghiệp và xếp loại giỏi hay khá, mà không quan tâm nhiều đến việc sau khóa học, người học sẽ ứng dụng được gì vào công việc hàng ngày ở cơ quan, đơn vị.

Như vậy, có thể thấy việc đào tạo cán bộ, công chức ở nước ta hiện nay còn mang tính hình thức, mới tập trung vào lượng chứ chưa chú trọng nhiều vào chất. Và đôi khi vì lý do này hay lý do khác mà có hiện tượng đánh đồng giữa số lượng đào tạo và chất lượng đào tạo. Chính vì vậy, xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo là một đòi hỏi khách quan và có tính cấp thiết để từng bước xây dựng được một đội ngũ cán bộ, công chức có chất lượng, hướng tới một nền công vụ tiên tiến, của dân, do dân, vì dân.

Tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo cán bộ, công chức

Trong đào tạo, nói đến chất lượng là nói đến kết quả và hiệu quả của cả quá trình từ nhận thức đến tư duy và hành động của mỗi con người, rất khó “cân đo đong đếm” một cách rạch ròi như các biến định lượng khác.

“Sản phẩm” của đào tạo cán bộ, công chức là sự bù đắp đầy đủ hơn về phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ và kiến thức được bổ sung, kỹ năng được huấn luyện để công chức nhà nước gắn bó trọn vẹn với chức nghiệp hay việc làm trong nền công vụ và hiệu quả hoạt động của họ ảnh hưởng trực tiếp đến nền công vụ quốc gia. Chính vì vậy, nói đến chất lượng đào tạo công chức là nói đến kết quả và hiệu quả làm việc của họ thu được cao hơn sau đào tạo – tức là sau mỗi khóa học, người học phải có được những phẩm chất, năng lực gì giúp ích cho họ trong thực thi công việc.



TRƯỜNG
HỌC
HỘI
VĂN
HỌC

Một khóa đào tạo có chất lượng là một khóa học mà khi kết thúc, cán bộ, công chức hình thành được những phẩm chất và năng lực sau đây:

Một là, có kiến thức quản lý nhà nước về kinh tế.

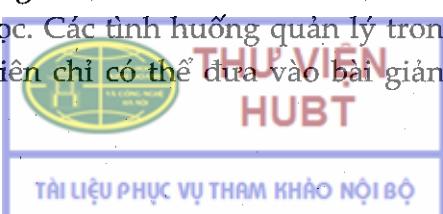
Trong phạm vi các khóa đào tạo, bối cảnh về quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế, tiêu chí đầu tiên để đánh giá chất lượng đào tạo là sau khóa học, công chức phải có được những kiến thức cơ bản về Nhà nước, xác định đúng chức năng của Nhà nước nói chung, của mỗi hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước nói riêng và xác định đúng chức trách của công chức trong thực thi quản lý nhà nước về kinh tế.

Hai là, có khả năng đặt vấn đề và kỹ năng giải quyết vấn đề.

Công việc thực tế của cán bộ, công chức trong quản lý nhà nước về kinh tế luôn phải đối mặt và giải quyết các vấn đề trong hệ thống và ngoài xã hội, trong đó, có những vấn đề biểu hiện bên ngoài là giống nhau nhưng đòi hỏi cách giải quyết khác nhau, có những vấn đề đòi hỏi không chỉ một mà nhiều biện pháp giải quyết đồng bộ... Vì vậy, người cán bộ, công chức hoàn thành nhiệm vụ là người có khả năng phát hiện vấn đề và giải quyết được vấn đề.

Tuy nhiên, kỹ năng là sự kết hợp chín muồi giữa lý thuyết với kinh nghiệm thực tiễn. Khó lòng đòi hỏi một công chức dự bị sau khi trải qua một khóa đào tạo tiền công vụ phải có khả năng phát hiện và kỹ năng giải quyết vấn đề như một chuyên viên chính. Thêm nữa, kỹ năng cần có đối với mỗi công chức ở mỗi vị trí công việc, mỗi lĩnh vực công tác khác nhau là khác nhau.

Mặc dù có những khác biệt nhất định như vậy, song tiêu chí chung để đánh giá chất lượng của một khóa đào tạo cán bộ, công chức là sau khóa học, người học biết chủ động liên hệ giữa kiến thức đã được tiếp nhận để có những đề xuất cụ thể, sát thực tế trong lĩnh vực công tác, từ đó tìm kiếm được cách thức giải quyết công việc khoa học. Các tình huống quản lý trong thực tế hết sức đa dạng, giảng viên chỉ có thể đưa vào bài giảng một số bài tập



tình huống, đặt ra một số vấn đề trong vô vàn vấn đề này sinh trong cuộc sống. Với thời lượng đào tạo ngắn, mục tiêu học tập càng cần rõ ràng, cụ thể theo cách cung cấp cho người học phương pháp để họ khoa học hóa việc phát hiện và giải quyết vấn đề, tạo tiền đề cho họ vừa thử nghiệm, vừa tích lũy tiếp kĩ năng trong quá trình công tác.

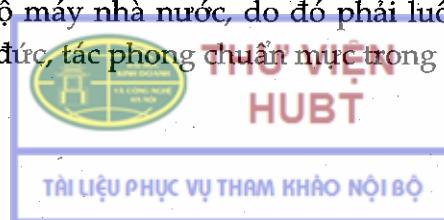
Ba là, có thái độ tích cực trong thực thi công việc.

Tiêu chí thái độ rất quan trọng, nhưng cũng không dễ dàng định lượng. Ở đây, mục tiêu hướng tới của đào tạo cán bộ, công chức là đào tạo ra những con người làm việc trong bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế có trình độ, năng lực, đồng thời mong muốn đem kiến thức, kỹ năng đó áp dụng vào thực thi công việc nhằm nâng cao hiệu quả công tác.

Tiêu chí này được cụ thể hóa bằng những yêu cầu như sau:

- Có phẩm chất chính trị: Quản lý nhà nước luôn phải hướng tới mục tiêu chính trị, vì thế cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước rất cần được rèn luyện và củng cố về phẩm chất chính trị. Sau mỗi khóa học, học viên phải thấm nhuần hơn những lý tưởng cao đẹp mà Đảng, Nhà nước và xã hội đang theo đuổi, từ đó xây dựng niềm tin vững chắc vào lý tưởng đó và trung thành với lợi ích mà mục tiêu chính trị đã xác định, đồng thời xác lập quyết tâm thực hiện mục tiêu chính trị của mỗi tổ chức và toàn hệ thống. Đo lường tiêu chí này có thể là sự thống nhất cao độ hay không của mỗi học viên trong toàn khóa học.

- Có đạo đức xã hội: Các khóa đào tạo công chức thường thiết kế các nội dung về đạo đức công vụ, về công vụ, công chức... Sau khi kết thúc khóa học, cán bộ, công chức phải ý thức được rằng mình là người làm việc trong bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế, người dân nhìn vào mình để đánh giá thương hiệu của từng cơ quan hay cả bộ máy nhà nước, do đó phải luôn có ý thức giữ gìn hình ảnh, đạo đức, tác phong chuẩn mực trong con mắt quần chúng nhân dân.



- Có đạo đức nghề nghiệp: Một chủ tiêu đánh giá khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức có chất lượng cao là khi kết thúc khóa học, công chức ý thức được rằng mình là một người lao động làm công việc đặc biệt như: làm việc trong bộ máy nhà nước, sử dụng công sản vào thực thi công vụ, hưởng lương từ ngân sách nhà nước, phục vụ lợi ích công. Từ đó, họ ý thức được mình là công bộc của dân, cần phải có thái độ tôn trọng nhân dân, có nghĩa vụ phục vụ nhân dân. Đồng thời, sau khóa đào tạo, bồi dưỡng, công chức giao tiếp có văn hóa hơn với công dân, làm cho họ hài lòng hơn về thái độ và chuyên môn nghiệp vụ trong giải quyết các mối quan hệ hay sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn lực công...

- Có "tầm nhìn" chung: Công chức trải qua đào tạo phải nhận thức được đầy đủ mục tiêu mà nền hành chính nhà nước đang hướng tới là gì, từ đó nỗ lực phấn đấu thực hiện mục tiêu đề ra. Kết thúc khóa đào tạo, công chức phải biết xác định tầm nhìn mà họ và các đồng sự đang hướng tới phù hợp với định hướng chính trị mà cả ngành hay đơn vị đang theo đuổi. Cụ thể hóa của tầm nhìn ở mỗi cán bộ, công chức là dự kiến đúng mục tiêu giải quyết vấn đề và các phương án khả thi cho việc giải quyết vấn đề đó. Có như vậy, họ mới tự giác và đồng tâm thực hiện nhiệm vụ được giao một cách tốt nhất.

Trong công cuộc cải cách hành chính hiện nay, việc đào tạo cán bộ, công chức được coi là có chất lượng khi làm cho công chức có tầm nhìn chung: Xây dựng một nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại hóa, theo hướng phục vụ dân, từ đó họ tự hào vì mình được góp phần vào việc hiện thực hóa tầm nhìn chung.

Đào tạo cán bộ, công chức không chỉ nhằm thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hiện tại, mà còn có ý nghĩa lâu dài hơn là hình thành một nền văn hóa công vụ chuyên nghiệp, hiện đại cho tương lai. Vì vậy, nâng cao chất lượng đào tạo công chức, trong đó có việc xây dựng tiêu chí **đánh giá chất lượng đào tạo công chức** là một yêu cầu cấp thiết đặt ra cho các nhà quản lý công chức và quản lý giáo dục hiện nay.



**THỦ YỆN
HUBT**

7.2.4. Tuyển dụng, lựa chọn cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế

7.2.4.1. Điều kiện tuyển dụng

Việc tuyển dụng công chức phải căn cứ vào nhu cầu công việc, có vị trí công tác và theo chỉ tiêu biên chế được giao.

Người được tuyển dụng phải có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng được tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của ngạch tuyển vào và các điều kiện quy định của Nhà nước.

Người muốn được dự tuyển vào một ngạch công chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Là công dân Việt Nam, tuổi đời đủ 18 đến 40 tuổi đối với nam, 18 đến 35 tuổi đối với nữ. Trường hợp người dự tuyển là sĩ quan trong lực lượng vũ trang hoặc là viên chức trong doanh nghiệp nhà nước thì tuổi dự tuyển có thể cao hơn.

- Có đơn dự tuyển, có lý lịch rõ ràng, có các văn bằng, chứng chỉ đào tạo theo yêu cầu trình độ của ngạch dự tuyển.

- Có sức khỏe để đảm nhận công vụ. Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, quản chế...

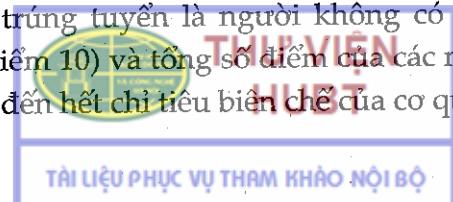
- Người dân tộc thiểu số, người tình nguyện phục vụ ở vùng sâu, vùng cao, hải đảo, vùng xa, thương binh, con liệt sỹ... Những người tốt nghiệp ở các bậc đào tạo chuyên môn đạt loại giỏi được ưu tiên trong tuyển dụng.

7.2.4.2. Tổ chức thi tuyển

- Việc tuyển dụng công chức phải thông qua kỳ thi theo quy chế thi tuyển, người không qua thi tuyển công chức không được tuyển dụng vào biên chế trong các cơ quan nhà nước.

- Nội dung thi tuyển vào các ngạch công chức theo ngành chuyên môn do các cơ quan quản lý ngành chuyên môn đó xây dựng, ban hành sau khi thống nhất bằng văn bản của Bộ Nội vụ.

- Người trúng tuyển là người không có môn thi nào dưới 5 (theo thang điểm 10) và tổng số điểm của các môn được tính từ cao đến thấp cho đến hết chỉ tiêu biên chế của cơ quan.



7.2.4.3. Lựa chọn cán bộ, công chức

Người trúng tuyển, được tuyển dụng vào công chức phải qua thời gian tập sự.

Đối với công chức loại A, thời gian tập sự là 12 tháng, riêng công chức là bác sĩ thì thời gian tập sự là 9 tháng. Công chức loại B thời gian tập sự là 6 tháng. Công chức loại C thời gian tập sự là 3 tháng

Trong thời gian tập sự, người tập sự được hưởng 85% hệ số lương khởi điểm của ngạch được tuyển dụng. Người được tuyển dụng làm việc ở vùng sâu, vùng cao, vùng xa, hải đảo hoặc trong các ngành nghề độc hại, nguy hiểm thì trong thời gian tập sự được hưởng 100% hệ số lương của ngạch được tuyển và được hưởng phụ cấp, chính sách ưu đãi theo quy định.

Hết thời gian tập sự, người tập sự phải làm báo cáo kết quả tập sự, người hướng dẫn tập sự nhận xét, đánh giá kết quả đối với người tập sự và báo cáo với thủ trưởng cơ quan sử dụng công chức.

Thủ trưởng cơ quan sử dụng công chức đánh giá phẩm chất đạo đức và kết quả công việc của người tập sự. Nếu người tập sự đạt yêu cầu của ngạch thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm chính thức vào ngạch.

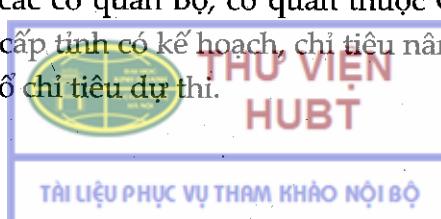
Trong trường hợp người tập sự không đạt yêu cầu của ngạch, thủ trưởng cơ quan sử dụng công chức đề nghị cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức hủy bỏ quyết định tuyển dụng và được trợ cấp 01 tháng lương hiện hưởng.

7.2.5. Sử dụng cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế

7.2.5.1. Nâng ngạch, chuyên ngạch công chức nhà nước

Việc nâng ngạch công chức theo Luật Cán bộ, Công chức được tiến hành như sau:

- Hàng năm các cơ quan Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các ủy ban nhân dân cấp tỉnh có kế hoạch, chỉ tiêu nâng ngạch và được Bộ Nội vụ phân bổ chỉ tiêu dự thi.



CHƯƠNG 7: Cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế 217

- Việc nâng ngạch công chức phải thông qua kỳ thi nâng ngạch theo quy định người được dự thi để nâng ngạch phải căn cứ vào nhu cầu, vị trí công tác của cơ quan nơi công chức đang làm việc.

- Công chức dự thi nâng ngạch phải có đủ các văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng và các điều kiện cần thiết khác theo quy định ở ngạch dự thi. Người dự thi nâng ngạch phải được hội đồng sơ tuyển cấp Bộ, ủy ban nhân dân tỉnh cử tham gia kỳ thi. Nếu trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch thì được bổ nhiệm và được xếp hệ số lương của ngạch đó.

Về chuyển ngạch:

- Công chức chuyển từ ngạch chuyên môn này sang ngạch chuyên môn khác hoặc những viên chức làm việc ở doanh nghiệp nhà nước được tuyển dụng và xếp lương vào ngạch công chức trước khi Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới trong các doanh nghiệp mà được tiếp nhận vào cơ quan thuộc khu vực hành chính sự nghiệp, thì phải đáp ứng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch chuyển đến và trong chỉ tiêu biên chế được phân bổ của cơ quan.

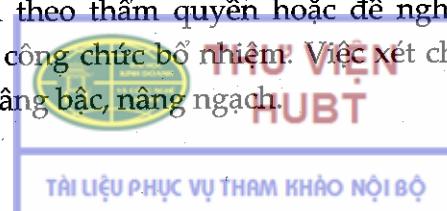
- Những công chức muốn được chuyển ngạch phải xuất trình các văn bằng chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của ngạch mới, phải qua kỳ kiểm tra sát hạch về trình độ, năng lực.

Nội dung bao gồm:

+ Phỏng vấn công chức chuyển ngạch về hiểu biết, nhận thức về chính trị, xã hội, chuyên môn.

+ Kiểm tra người chuyển ngạch viết văn bản quản lý theo yêu cầu nhiệm vụ của ngạch.

Nếu công chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của ngạch mới thì cơ quan sử dụng công chức tiếp nhận, ra quyết định bổ nhiệm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức bổ nhiệm. Việc xét chuyển ngạch không được kết hợp nâng bậc, nâng ngạch.



- Công chức đảm nhiệm các nhiệm vụ như:
 - + Được bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ các chức vụ theo nhiệm kỳ trong cơ quan quyền lực các cấp của Nhà nước, trong cơ quan chính phủ, tòa án, viện kiểm sát.
 - + Được bầu, giữ các chức vụ chuyên trách ở các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị và đoàn thể xã hội, thành viên của hệ thống chính trị nước Cộng hòa CHXHCN Việt Nam.
 - + Được bổ nhiệm vào các chức vụ là thành viên chuyên trách hội đồng quản trị, tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng các doanh nghiệp nhà nước hoặc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước.
 - + Thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Những công chức này khi không đảm nhận các nhiệm vụ đó được bố trí công tác theo năng lực, sở trường, ngành, nghề chuyên môn của mình và được bảo đảm các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

7.2.5.2. Quản lý cán bộ, công chức

Bộ Nội vụ là cơ quan giúp Chính phủ quản lý công chức trong cả nước. Cơ quan này có nhiệm vụ: Xây dựng dự án luật, pháp lệnh công chức để Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành, xây dựng trình Chính phủ phê duyệt quy hoạch, kế hoạch xây dựng đội ngũ công chức, xây dựng trình Chính phủ ban hành chế độ tiền lương và các chính sách chế độ đãi ngộ khác đối với công chức; quản lý về số lượng, bổ nhiệm, xếp lương và nâng lương đối với công chức cao cấp (chuyên viên cao cấp và các ngạch tương đương); ban hành các quy chế thi tuyển, thi nâng ngạch và quy chế đánh giá công chức; ban hành sửa đổi bổ sung các chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức theo đề nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; xây dựng chỉ tiêu biên chế trình Thủ tướng Chính phủ và quản lý số lượng biên chế công chức do Chính phủ quản lý trong cả nước; chủ trì tổ



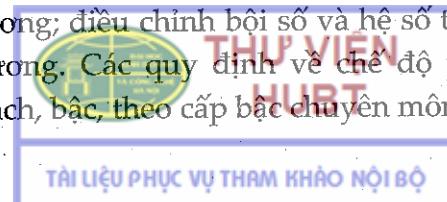
chức thi nâng ngạch chuyên viên chính lên chuyên viên cao cấp và các ngạch tương đương khác, thống kê công chức, thanh tra, kiểm tra các Bộ, ngành, địa phương và cơ sở thi hành các quy định của Nhà nước về công chức. Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được giao quản lý công chức theo ngành chuyên môn của mình và có nhiệm vụ quản lý số lượng bổ nhiệm, xếp lương, nâng bậc lương từ ngạch chuyên viên chính trở xuống.

Các ủy ban nhân dân các cấp tỉnh có nhiệm vụ tổ chức quản lý công chức từ ngạch chuyên viên chính trở xuống, tổ chức thi tuyển công chức, thi nâng ngạch từ nhân viên lên cán sự, từ cán sự lên chuyên viên theo quy chế chung và nội dung thi của các Bộ quản lý ngạch công chức theo các ngành chuyên môn; phân bổ chỉ tiêu quản lý biên chế và quỹ lương công chức thuộc tỉnh.

7.2.6. Chính sách đối với cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế

Chính sách đối với cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế bao gồm các chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội cùng các đài ngộ khác. Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã xác định: “Đổi mới và xây dựng hệ thống chính sách cán bộ (nhất là chính sách tiền lương, nhà ở) một cách nhất quán, công bằng, có lý có tình, thống nhất trong cả nước và giữa các loại cán bộ, thực sự khuyến khích những cán bộ có tài, trân trọng những cán bộ có công, phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước”.

Hiện nay, cán bộ công chức đang hưởng lương theo hình thức thang, bảng lương tương ứng với ngạch, bậc và các loại phụ cấp. Trong những năm vừa qua, việc cải cách chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức đã thu được những kết quả bước đầu, từng bước nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho họ. Đã từng bước nâng mức lương tối thiểu cho cán bộ, công chức; cải cách hệ thống thang lương, bảng lương; điều chỉnh bội số và hệ số tiền lương trong các thang, bảng lương. Các quy định về chế độ phụ cấp ngoài tiền lương theo ngạch, bậc, theo cấp bậc chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ,



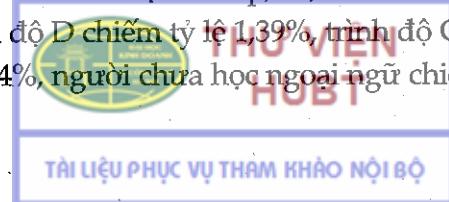
công chức cho cán bộ, công chức làm việc trong điều kiện khó khăn, nguy hiểm, độc hại đã từng bước được sửa đổi, bổ sung. Bên cạnh đó, các chế độ bảo hiểm xã hội đối với cán bộ, công chức cũng có những cải cách bước đầu. Tuy nhiên, chính sách tiền lương đối với công chức hiện vẫn còn nhiều bất cập. Chế độ lương hiện hành của cán bộ công chức chưa đủ để bù đắp giá trị sức lao động, chưa đảm bảo cuộc sống tối thiểu so với mặt bằng xã hội. Việc trả lương còn nặng về chủ nghĩa bình quân “sống lâu lên lão làng”, không phản ánh đúng năng lực của mỗi cán bộ, nhất là chưa tương xứng với năng lực và kết quả làm việc của những người tài. Mức thang, bậc lương không có tác động tích cực đến sự nỗ lực phấn đấu hoặc răn đe cán bộ công chức. Ngoài ra, điều kiện môi trường làm việc và các ưu đãi vật chất khác cũng còn nhiều bất cập.

Thực tiễn đã chỉ ra rằng, khi tiền lương của công chức không bảo đảm được mức sống bình thường thì tất yếu dẫn đến tình trạng là ngoài việc thực hiện công vụ, công chức phải “tìm kiếm” việc làm để có thu nhập thêm cho mình bằng mọi cách, có thể hợp pháp, thậm chí là bất hợp pháp. Đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng tham nhũng, cửa quyền, hách dịch, vòi vĩnh đối với dân, cơ quan, tổ chức; tình trạng cháy máu chất xám, công chức bỏ việc ra ngoài không còn là cá biệt.

7.3. ĐỔI MỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

7.3.1. Thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam

Theo kết quả cuộc tổng điều tra về cán bộ, công chức tính đến ngày 10/11/2005 do Bộ Nội vụ tiến hành trong tổng số 195.422 cán bộ công chức hành chính cả nước, có 56 người có trình độ tiến sĩ khoa học, 1.044 tiến sĩ, 4.775 thạc sĩ, 120.140 đại học. Về trình độ lý luận chính trị, 10,43% có trình độ cao cấp, 30,21% có trình độ trung cấp. Về ngoại ngữ, trình độ D chiếm tỷ lệ 1,39%, trình độ C chiếm 8,55%, trình độ B chiếm 41,64%, người chưa học ngoại ngữ chiếm 30,32%. Về trình



độ tin học, chỉ có 1,98% có trình độ C, 40,22% trình độ B, 25,4% chưa học tin học... Trong tổng số 192.438 cán bộ, công chức cấp xã, phường, thị trấn: người dân tộc thiểu số chiếm 21,79%, đảng viên chiếm 84,67%. Về trình độ văn hóa, 75,45% có trình độ trung học phổ thông, 21,48% trung học cơ sở. Về chuyên môn nghiệp vụ: có 9 người có trình độ tiến sĩ, 41 thạc sĩ, 14.244 đại học, 3.147 cao đẳng, 93.816 người chưa qua đào tạo (chiếm 48,75%). Về trình độ lý luận chính trị, 4,08% có trình độ cao cấp, 38,15% có trình độ trung cấp, 22,94% có trình độ sơ cấp. Trong tổng số cán bộ công chức cấp xã, số người chưa học ngoại ngữ chiếm 94,22%, chưa học tin học chiếm 87,30%.

Sau gần 30 năm đổi mới, chúng ta đã có một đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với sự nghiệp cách mạng; có kiến thức, trình độ và năng lực hoạt động thực tiễn, góp phần quan trọng vào những thành công của công cuộc đổi mới đất nước. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đã có nhiều chuyển biến rõ rệt. Phần lớn đội ngũ cán bộ, công chức vẫn giữ được phẩm chất đạo đức cách mạng; có bản lĩnh và lập trường chính trị vững vàng; có tinh thần trách nhiệm trong công tác; ý thức tổ chức kỷ luật tốt, khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ, luôn gắn bó và giữ mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Trình độ đào tạo về các mặt của đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từng bước được nâng lên. Nhiều cán bộ được quy hoạch, bổ nhiệm giữ các chức trách quan trọng trong bộ máy nhà nước. Về cơ cấu đội ngũ đã có chuyển biến theo hướng tích cực, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ được nâng lên đáng kể... Tổng số cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng trong giai đoạn I (2001-2005) khoảng 2.510.000 lượt người; trong đó có 407.000 lượt người đã qua đào tạo về lý luận chính trị, 894.000 lượt người đã qua đào tạo về kiến thức quản lý nhà nước, 1.076.000 lượt người đã qua đào tạo về chuyên môn, 37.000 lượt người đã qua đào tạo về ngoại ngữ và 96.000 lượt người đã qua đào tạo về tin học¹.

¹ Số liệu của Học viện Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.



7.3.2. Sự cần thiết đổi mới công tác cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, đội ngũ cán bộ, công chức vẫn còn bất cập, hẫng hụt về một số mặt như: tri thức và năng lực quản lý nhà nước về xã hội, kinh tế thị trường, pháp luật, hành chính, kỹ năng thực thi công vụ cũng như khả năng vận dụng khoa học công nghệ hiện đại trong công tác quản lý... Mặt khác, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật của một bộ phận cán bộ, công chức còn yếu, còn có hiện tượng quan liêu, tham nhũng gây nên những tiêu cực trong thi hành công vụ, làm giảm hiệu lực của bộ máy nhà nước. So với yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập sâu, rộng vào kinh tế thế giới thì với thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức như hiện nay, rõ ràng là vẫn còn nhiều điểm hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, thể hiện ở những mặt chính sau:

- Một bộ phận cán bộ, công chức vẫn còn vô cảm, chưa hết lòng phục vụ nhân dân; thậm chí đẩy khó khăn về cho nhân dân và tìm thuận lợi cho mình. Họ thường sử dụng quyền hạn và đưa ra ý kiến riêng khi xử lý công việc với dân và doanh nghiệp nhằm đưa ra những giải pháp để tạo sự an toàn cho Nhà nước và bản thân họ chứ không phải tạo sự an toàn cho doanh nghiệp và người dân.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng mặc dù đã được tăng cường, số lượng cán bộ, công chức qua các lớp, khóa đào tạo, bồi dưỡng khá lớn, nhưng nhìn chung chất lượng còn thấp, chưa đáp ứng các yêu cầu về mức độ chuyên nghiệp, tính chuyên sâu, kỹ năng hành chính, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, quản lý kinh tế..., nhất là ở các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, dẫn đến hạn chế nhiều mặt trong quản lý điều hành ở cơ sở.

- Kỹ năng nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp, khả năng săn sàng đáp ứng sự thay đổi nhiệm vụ, môi trường công tác của cán bộ, công chức các cấp còn yếu. Phương thức, lề lối làm việc còn thủ công, lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu chuyên nghiệp, hiện đại.



HUBT

Không ít cán bộ, công chức chưa nắm chắc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao nên giải quyết công việc còn mang tính chủ quan, tùy tiện, xử lý các vụ việc không đúng pháp luật, vi phạm chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Nhiều cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế còn thiếu tri thức về hội nhập quốc tế.

- Cơ chế “bảo hộ suốt đời” bằng biên chế biến cơ quan nhà nước thành môi trường nuôi dưỡng sự thụ động, dựa dẫm, trì trệ của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức. Bởi cán bộ, công chức đã thuộc diện biên chế chỉ trừ khi vi phạm pháp luật, còn làm việc chây ì, vô thưởng vô phạt, học nghề này làm việc khác, thậm chí làm sai, làm hỏng cũng ít bị phạt lương, mất việc làm...

- Việc phân bổ chỉ tiêu và xác định đối tượng đi học bồi dưỡng nâng ngạch chuyên viên chính và chuyên viên cao cấp ở một số nơi, chủ yếu dành cho các vị trí lãnh đạo cấp phòng, cấp vụ, hoặc tương đương. Các cán bộ, công chức ở những vị trí này sau khi học xong sẽ được xếp vào ngạch lương cao hơn, có người rút ngắn được vài bậc. Một cơ chế ưu đãi theo kiểu “nước chảy chỗ trũng” như vậy cũng đã trở thành một trong những nguyên nhân giải thích vì sao hầu hết cán bộ, công chức đều muốn làm lãnh đạo và các cơ quan, cấp chính quyền nhà nước vẫn chưa xây dựng được một đội ngũ chuyên gia “đầu đàn”, chuyên viên giỏi, thực tài để chuyên làm tư vấn, xây dựng đề án, phân tích, tham mưu chính sách...

- Số lượng cán bộ, công chức có trình độ, phẩm chất và năng lực còn ít, chưa đồng bộ, chưa tương xứng với yêu cầu và tốc độ phát triển của đất nước. Số cán bộ, chuyên viên giỏi, thực tài để chuyên làm tư vấn, xây dựng đề án, phân tích, tham mưu chính sách còn thiểu và chưa mạnh. Số cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ và trẻ chưa nhiều.

- Công tác quy hoạch cán bộ chưa được thực hiện một cách tích cực và đầu tư đúng mức, chưa có các chủ trương, kế hoạch cụ thể và biện pháp mạnh trong xây dựng đội ngũ cán bộ. Công tác bổ

nhiệm cán bộ có lúc, có nơi còn lúng túng. Công tác tuyển chọn cán bộ ở một số đơn vị còn máy móc, thiếu chặt chẽ. Một số cán bộ lãnh đạo chưa tích cực học tập chính trị, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chưa thực sự là tấm gương sáng cho nhân viên noi theo.

- Nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tuy đã có một số đổi mới nhưng nhìn chung vẫn chưa có những cải cách cơ bản như chương trình tổng thể đã đặt ra. Công tác đào tạo, bồi dưỡng vẫn có biểu hiện chạy theo thành tích hình thức và có phần chủ quan, phiến diện. Những giáo trình, tài liệu về hành chính và quản lý hành chính nhà nước có nội dung lý thuyết chung chung, chủ quan phiến diện, xa rời thực tế và không bám sát nhu cầu của người học, làm cho số lượng cán bộ hành chính được đi đào tạo, bồi dưỡng tăng lên hàng năm, nhưng nội dung, mục đích "học để làm việc", nghĩa là học để vận dụng, thực hành thành thạo kỹ năng, nghiệp vụ hành chính, giỏi về thực hành quản lý vẫn chưa được cả cơ quan quản lý, cơ quan có chức năng đào tạo, bồi dưỡng và đa số học viên thực sự coi trọng. Bằng cấp, chứng chỉ tăng, nhưng chất lượng thực sự của cán bộ, công chức đang là vấn đề đáng lo ngại.-

- Công tác đánh giá, luân chuyển, đề bạt cán bộ công chức chậm thay đổi, chậm áp dụng các phương pháp khoa học trong kết quả công tác của từng cán bộ, công chức để thay thế phương pháp đánh giá dựa vào tập thể là chủ yếu. Việc tổng điều tra, khảo sát, đánh giá đội ngũ cán bộ, công chức chậm được triển khai làm ảnh hưởng chung đến kết quả thực hiện mục tiêu xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức.

- Việc kiểm tra, thanh tra công vụ và xử lý cán bộ vi phạm pháp luật chưa thường xuyên và không nghiêm. Tính rắn đe làm gương trong xử lý kỷ luật cán bộ, công chức hầu như không có. Chính vì vậy, đạo đức công vụ, thái độ phục vụ dân, tổ chức của cán bộ công chức không được tăng cường.

- Cơ chế thực hành dân chủ trong các cơ quan, các cấp hành chính chưa thường xuyên, đều **khắp** **KHIỂN** cho cán bộ, công chức



thiếu động lực tinh thần, tình cảm và sự quyết tâm tiến hành cải cách. Vẫn còn tồn tại không ít hiện tượng áp đặt, quan liêu cưa quyền, tham nhũng, hối lộ, tự do vô tổ chức, tùy tiện, coi thường kỷ cương, kỷ luật công vụ... làm cho mỗi cán bộ, công chức không phát huy được tinh thần sáng tạo, không đề xuất được các sáng kiến, giải pháp về cải cách hành chính.

- Lương thấp, cán bộ, công chức thiếu động lực và quyết tâm làm cải cách. Bản thân bộ máy hành chính chưa tạo ra sự hấp dẫn cũng như chưa có chính sách hợp lý để thu hút và động viên cán bộ, công chức làm việc. Việc nhiều cán bộ, công chức nước ta đạt bằng cấp cao như thạc sĩ, tiến sĩ cho thấy năng lực tri thức của họ nhưng thứ mà cán bộ, công chức còn thiếu là động lực và kỹ năng để làm việc. Lương cán bộ, công chức nước ta rất thấp so với công chức trong khu vực và thế giới, chưa đủ mức cần thiết và xứng đáng để công chức an tâm công hiến.

- Một bộ phận cán bộ, công chức thiếu kinh nghiệm thực tiễn dẫn đến làm việc đôi khi còn máy móc, sách vở... Điều này vô tình làm cho họ ngày càng trở nên thụ động và bất lực trước những biến đổi nhanh chóng của xã hội.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, việc đổi mới công tác cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế là tất yếu khách quan nhằm đáp ứng nhu cầu của thực tiễn.

7.3.3. Phương hướng đổi mới công tác cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế

Công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế – xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế đang đặt ra những yêu cầu cấp bách về đổi mới công tác cán bộ, công chức nói chung và cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế nói riêng.

Các Nghị quyết Trung ương và của Quốc hội đã xác định phương hướng đổi mới công tác cán bộ, công chức với các nội dung chủ yếu sau đây:



- Xác định rõ vị trí, cơ cấu và tiêu chuẩn chức danh, công chức trong từng cơ quan của Nhà nước để làm căn cứ tuyển dụng và bố trí sử dụng cán bộ, công chức.

- Làm tốt công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch cán bộ, công chức; thông qua việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, xác định rõ những người đủ và không đủ tiêu chuẩn. Có chính sách thích hợp đối với những người không đủ tiêu chuẩn phải đưa ra khỏi bộ máy.

- Thực hiện thí điểm bỏ hội đồng nhân dân cấp huyện và nhất thể hóa chức danh bí thư đảng ủy và chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

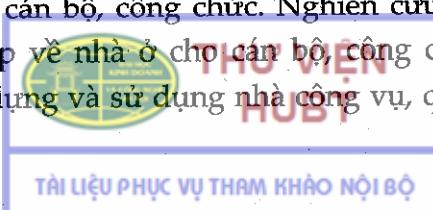
- Đổi mới chế độ tuyển dụng và quản lý cán bộ, công chức. Tuyển dụng cán bộ, công chức phải căn cứ vào nhu cầu, vị trí, cơ cấu và tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức. Thông qua việc thi tuyển, sát hạch, kiểm tra để tuyển dụng cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực vào làm việc trong bộ máy. Khắc phục tình trạng vào cơ quan rồi mới đưa đi đào tạo và chủ yếu là đào tạo tại chức.

- Việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức phải căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện việc thi tuyển đối với một số chức danh lãnh đạo gắn với chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp.

- Đổi mới công tác quản lý biên chế. Đổi với các cơ quan nhà nước: Trên cơ sở xây dựng chức danh, tiêu chuẩn, vị trí việc làm và cơ cấu công chức, từng cơ quan nhà nước rà soát lại đội ngũ công chức, đổi chiếu với tiêu chuẩn để bố trí lại cho phù hợp. Tiếp tục thực hiện chế độ hợp đồng để thực hiện một số loại việc trong cơ quan nhà nước.

- Thực hiện cải cách tiền lương và các chế độ, chính sách khác đối với đội ngũ cán bộ, công chức. Nghiên cứu để có chính sách, chế độ thích hợp về nhà ở cho cán bộ, công chức. Nhà nước có chính sách xây dựng và sử dụng nhà công vụ, quy định rõ chế độ,



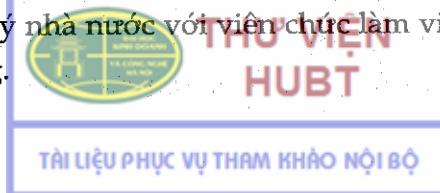
tiêu chuẩn sử dụng nhà công vụ để áp dụng trong cả hệ thống chính trị. Xây dựng chế độ phụ cấp đối với cán bộ, công chức hành chính, bao gồm cả cán bộ, công chức đảng, đoàn thể trong hệ thống chính trị.

- Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Đổi mới phương thức và nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức sát với thực tế, hướng vào các vấn đề thiết thực đặt ra từ quá trình thực thi công vụ, nhất là kỹ năng hành chính. Thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng hành chính, bảo đảm tính thống nhất trong hoạt động của cơ quan hành chính, nhất là trong giải quyết các yêu cầu của dân, doanh nghiệp. Thực hiện cơ chế đào tạo tiền công vụ và đào tạo, bồi dưỡng trong công vụ định kỳ bắt buộc hàng năm; thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm.

Coi trọng công tác giáo dục đạo đức và phẩm chất chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức để nâng cao lòng yêu nước, yêu chế độ, niềm tự hào dân tộc và tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức.

- Để khắc phục tình trạng quá nhiều cấp phó trong cơ quan hành chính, trước hết cần tập trung đổi mới phương thức, lề lối làm việc của các cơ quan; giảm hội họp, phân định rõ trách nhiệm của tập thể và người đứng đầu cơ quan. Từ đó, giảm hợp lý cấp phó trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Cải cách, hoàn thiện chế độ công chức, công vụ gắn với đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, hệ thống chính trị, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, đáp ứng yêu cầu của cải cách kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Cải cách, hoàn thiện chế độ công chức, công vụ theo hướng điều chỉnh chuyên biệt giữa cán bộ, công chức thực thi công vụ trong các cơ quan quản lý nhà nước với viên chức làm việc trong các tổ chức sự nghiệp công.

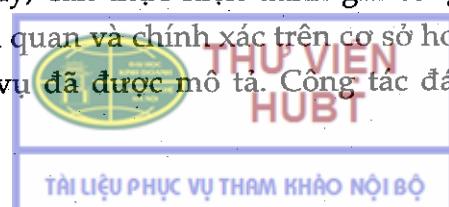


7.3.4. Nội dung, phương pháp đổi mới công tác cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế

Thứ nhất, triển khai thực hiện tốt Luật Cán bộ, công chức; tiếp tục sửa đổi, điều chỉnh, hoàn thiện thể chế pháp luật liên quan đến cán bộ, công chức. Cần khẩn trương xây dựng, ban hành Luật Công vụ để làm căn cứ tập trung, thống nhất trong việc xác định nghĩa vụ, quyền lợi, trách nhiệm, xác định các tiêu chí đào tạo, tuyển dụng, đánh giá, khen thưởng, xử phạt, các điều kiện thực thi công vụ của cán bộ, công chức cũng như làm căn cứ định hướng xây dựng các tiêu chí văn hóa, văn minh, dân chủ gắn với kỷ cương, kỷ luật nơi cơ quan, công sở.

Thứ hai, xây dựng cơ cấu vị trí, chức danh theo yêu cầu công tác của từng cơ quan, theo chiến lược phát triển và nhiệm vụ ưu tiên trong từng giai đoạn. Trong đó, quy định cụ thể những việc cơ quan, tổ chức hay công chức, viên chức (nhóm nào) thực hiện việc gì (hay bị cấm việc gì) để tránh lạm quyền hay thiếu hiệu quả quản lý khi cấp trên phải giải quyết công việc của cấp dưới. Tiến hành mô tả rõ yêu cầu, tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh và các mối quan hệ phối hợp đọc, ngang giữa các vị trí công tác.

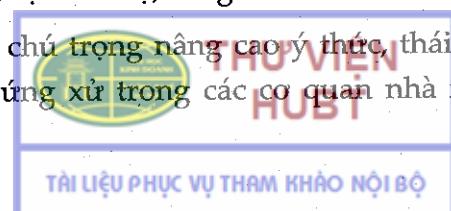
Thứ ba, tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, quản lý cán bộ, công chức, gắn việc đánh giá, sử dụng, bổ nhiệm, đài ngộ, khen thưởng với chức trách nhiệm vụ và kết quả, hiệu suất công tác của cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế. Áp dụng hình thức tuyển dụng công khai, minh bạch vào tất cả các cơ quan hành chính – sự nghiệp. Đảm bảo công chức tuyển dụng mới phải đúng chuyên ngành, chuyên môn cần tuyển, đáp ứng yêu cầu được giao. Để tạo cơ sở cho sử dụng, phát triển và đài ngộ được hợp lý, cần thực hiện đánh giá công chức, viên chức một cách khách quan và chính xác trên cơ sở hoàn thiện các trách nhiệm, nhiệm vụ đã được mô tả. Công tác đánh giá không chỉ



đơn thuần tập trung vào phẩm chất, năng lực chuyên môn bao gồm kiến thức, khả năng thực hiện nhiệm vụ, việc chấp hành pháp luật, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong chuyên nghiệp, tuân thủ các quy định văn hóa công sở, mà phải đánh giá kết quả đầu ra của công vụ như số lượng, chất lượng, hiệu quả công tác so với mục tiêu, nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở quy trình chặt chẽ, với các tiêu chí lượng hóa được, năng lực và cống hiến của từng công chức, viên chức sẽ được đánh giá chuẩn xác và đầy đủ hơn, tạo căn cứ khách quan cho công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, đai ngộ, khen thưởng, kỷ luật; có chế độ đai ngộ thỏa đáng người tài, người có năng lực, hết lòng tận tâm, tận lực với công việc. Có chính sách thu hút người tài, tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp chính quy loại xuất sắc, khá, giỏi ở các trường đại học trong cả nước về làm việc trong bộ máy nhà nước, thu hút sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên về đảm nhận các chức danh chuyên môn, nghiệp vụ ở các xã, phường, thị trấn, qua đó góp phần nâng cao trình độ chuyên môn và trẻ hóa đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở.

Thứ tư, tiến hành xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng các loại cán bộ, công chức trước mắt cũng như lâu dài để phục vụ yêu cầu phát triển. Đầu tư thích đáng, bổ sung kịp thời cán bộ trẻ, có trình độ cao cho các đơn vị đang thiếu cán bộ đầu đàn, chuyên viên giỏi. Phải quy hoạch hệ thống các cơ sở đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ, công chức theo hướng chủ động đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Từng bước thực hiện chính sách xã hội hóa trong đào tạo cán bộ, khuyến khích các thành phần kinh tế kể cả tư nhân và nước ngoài góp phần đầu tư vào lĩnh vực giáo dục – đào tạo cán bộ, công chức.

Thứ năm, chú trọng nâng cao ý thức thái độ phục vụ và văn hóa, hành vi ứng xử trong các cơ quan nhà nước; chú trọng rèn



luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Thứ sáu, tăng cường trách nhiệm của cán bộ, công chức đối với công việc và nhiệm vụ được giao. Triển khai thực hiện thí điểm khoán thu – chi ngân sách và tự chủ tài chính ở xã, phường, thị trấn nhằm làm tăng tính chủ động trong việc khai thác nguồn thu, chi ngân sách tiết kiệm và hiệu quả, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ thuộc địa phương một cách hợp lý, tinh giản biên chế, nâng cao thu nhập đi đôi với gắn trách nhiệm cụ thể cho từng chức danh trong thực thi nhiệm vụ. Thông qua việc khoán thu chi ngân sách và cơ chế tự chủ tài chính, đội ngũ cán bộ, công chức có thể chủ động, tích cực, chịu khó suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo; gắn quyền với trách nhiệm, đi vào thực chất công việc, giảm hình thức, quan liêu, rập khuôn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Thứ bảy, phát huy dân chủ, tạo ra phong trào toàn dân đóng góp ý kiến về cải cách thủ tục hành chính và phản ánh các hiện tượng nhũng nhiễu trong hoạt động công vụ bằng các kênh thông tin như hòm thư góp ý, báo chí, trả lời trực tuyến... Công khai thủ tục hành chính và hoạt động cải cách hành chính, thực hiện nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Nhũng gì người dân được hưởng, nếu các cơ quan nhà nước không đảm bảo sẽ bị chính nhân dân yêu cầu phải thực hiện.

Thứ tám, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thực hiện chế độ thanh tra, kiểm tra công vụ định kỳ và đột xuất ở tất cả các ngành, các cấp, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh ngay các sai phạm. Đồng thời, gắn liền với hoạt động tăng cường và nâng cao hiệu quả việc kiểm tra, thanh tra thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong các cơ quan, cấp chính quyền, Nhà nước. Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm trong hoạt động công vụ bằng các hình thức kỷ luật và xử lý hành chính...



**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

TÓM TẮT CHƯƠNG

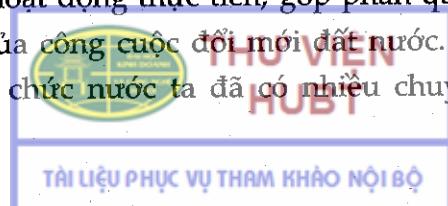
Công chức nhà nước ở Việt Nam là một bộ phận của cán bộ nhà nước nói chung được tuyển dụng thông qua thi tuyển và bổ nhiệm hoặc được giao giữ một chức vụ thường xuyên trong các cơ quan hành chính từ Trung ương đến địa phương, được xếp vào một ngạch, hưởng lương do ngân sách nhà nước cấp.

Cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế là công chức nhà nước, làm việc trong lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế, được bố trí trong hệ thống các cơ quan quản lý kinh tế nằm trong bộ máy nhà nước với các tiêu chuẩn chung, như: Có phẩm chất chính trị; đạo đức lối sống và kiến thức, trình độ, năng lực.

Đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế có vai trò quan trọng, là lực lượng quan trọng quyết định sự thành công hay thất bại của hệ thống quản lý, hiệu quả của hoạt động kinh tế – xã hội. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức quản lý Nhà nước về kinh tế thể hiện qua các nội dung chính là:

- Kế hoạch hóa đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế.
- Đánh giá cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế.
- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế.
- Tuyển dụng, lựa chọn cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế.
- Chính sách đối với cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế.

Sau gần 30 năm đổi mới, chúng ta đã có một đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với sự nghiệp cách mạng; có kiến thức, trình độ và năng lực hoạt động thực tiễn, góp phần quan trọng vào những thành công của công cuộc đổi mới đất nước. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nước ta đã có nhiều chuyển biến rõ rệt. Tuy



nhiên, đội ngũ này vẫn còn những bất cập nhất định, đòi hỏi cần phải đổi mới hơn nữa.

Việc đổi mới công tác cán bộ, công chức cần thực hiện các nội dung chủ yếu sau:

- Xác định rõ vị trí, cơ cấu và tiêu chuẩn chức danh, công chức trong từng cơ quan của Nhà nước để làm căn cứ tuyển dụng và bố trí sử dụng cán bộ, công chức.

- Làm tốt công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch cán bộ, công chức.

- Đổi mới chế độ tuyển dụng và quản lý cán bộ, công chức.

- Việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức phải căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện việc thi tuyển đối với một số chức danh lãnh đạo gắn với chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp.

- Đổi mới công tác quản lý biên chế.

- Thực hiện cải cách tiền lương và các chế độ, chính sách khác đối với đội ngũ cán bộ, công chức.

- Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

- Cải cách, hoàn thiện chế độ công chức, công vụ.

Nội dung và phương pháp đổi mới bao gồm:

- Triển khai thực hiện tốt Luật Cán bộ, công chức; tiếp tục sửa đổi, điều chỉnh, hoàn thiện thể chế pháp luật liên quan đến cán bộ, công chức.

- Xây dựng cơ cấu vị trí, chức danh theo yêu cầu công tác của từng cơ quan.

- Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, quản lý cán bộ, công chức.



- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chiến lược đào tạo, bồi dưỡng các loại cán bộ, công chức trước mắt cũng như lâu dài để phục vụ yêu cầu phát triển.

- Chú trọng nâng cao ý thức, thái độ phục vụ và văn hóa, hành vi ứng xử trong các cơ quan nhà nước.

- Tăng cường trách nhiệm của cán bộ, công chức đối với công việc và nhiệm vụ được giao.

- Phát huy dân chủ, tạo ra phong trào toàn dân đóng góp ý kiến về cải cách thủ tục hành chính.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

❖ CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm và các đặc trưng của cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế?

2. Cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế có vai trò gì trong hoạt động quản lý nhà nước và đời sống xã hội?

3. Hiện nay công tác đánh giá, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế đã thỏa đáng chưa? Vì sao?

4. Vì sao phải đổi mới công tác cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế?

5. Phân tích phương hướng và nội dung đổi mới công tác cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế?

FILE BÀI TẬP

Bài tập 1

Người ta thường nói, cán bộ, công chức là “công bộc” của nhân dân. Bạn suy nghĩ thế nào về ý kiến này? Theo bạn, cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam hiện nay đã thực sự là “công bộc” của nhân dân chưa?



THỦ TƯỚNG
HUBT

Bài tập 2

Vừa qua, làn sóng cán bộ, công chức bỏ việc cơ quan nhà nước khá nhiều. Theo bạn, đâu là nguyên nhân của tình trạng này? Để khắc phục điều này, theo bạn Nhà nước cần phải làm gì?

Bài tập 3

Hiện nay, bên cạnh một bộ phận cán bộ, công chức làm không hết việc cũng còn nhiều trường hợp chỉ “ngồi chơi xoi nước”, đến cơ quan để “đánh trống ghi tên”. Theo bạn, việc đánh giá, sử dụng cán bộ, công chức ở Việt Nam hiện nay như thế nào? Đã hợp lý chưa?

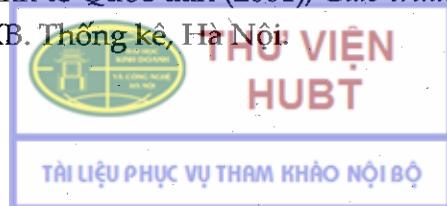
Bài tập 4

Việc cải cách hành chính và đổi mới công tác cán bộ, công chức đã được đặt ra từ lâu nhưng kết quả đạt được vẫn còn khiêm tốn. Bạn có ý kiến gì về vấn đề này?

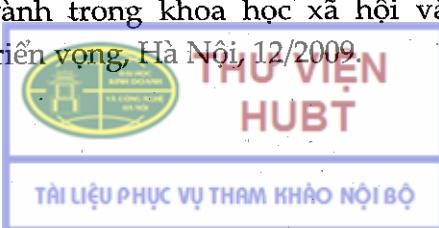


TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Hồng Anh (2001), *Tổ chức và hoạt động của nghị viện ở một số nước trên thế giới*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đinh Văn Ân, Lê Xuân Bá (Đồng chủ biên) (2006), *Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, NXB. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
3. Báo Nhân dân ngày 8/2/1960: "Quỹ đen, Quỹ trắng".
4. C. Mác, Ăngghen (1962), *Mác – Ăngghen tuyển tập*, tập 2, NXB. Sự thật, Hà Nội.
5. C. Mác, Ăngghen (1978), *Mác – Ăngghen toàn tập*, tập 1, NXB. Sự thật, Hà Nội.
6. C. Mác, Ăngghen (1980), *Mác – Ăngghen tuyển tập*, tập 23, NXB. Sự thật, Hà Nội.
7. Nguyễn Cúc (Chủ biên) (2009), *Tập bài giảng Quản lý Nhà nước về kinh tế*, NXB. Chính trị – Hành chính, Hà Nội.
8. D. Begg, S. Fischer, R. Dornbush (1992), *Kinh tế học*, tập 2, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
9. Lý Quang Diệu (1994), *Tuyển tập 40 năm chính luận*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Chu Đức Dũng (2002), *Vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế – Kinh nghiệm Pháp*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
11. Đại học Kinh tế Quốc dân (2001), *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB. Thông kê, Hà Nội.



12. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, NXB. Sự thật, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X*, NXB. Sự thật, Hà Nội.
14. David Osborne, T. Gadbler (1995), *Sáng tạo lại chính phủ*, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Hà Nội.
15. Đỗ Đức Định (Chủ biên) (1991), *Nhà nước trong cơ chế thị trường các nước đang phát triển Châu Á*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
16. Đại học Kinh tế Quốc dân (2001), *Chính sách trong quản lý kinh tế – xã hội*, NXB. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
17. Phan Huy Đường (1996), *Lý luận cơ chế thị trường và sự vận dụng ở Việt Nam*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
18. Phan Huy Đường (2007), *Kinh tế đối ngoại Việt Nam*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.
19. Phan Huy Đường (2009), “Quản lý nhà nước về xuất khẩu lao động ở Việt Nam”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia Hà Nội.
20. Phan Huy Đường (2009), “Kinh nghiệm quản lý nhà nước về xuất khẩu lao động của một số nước và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, Số tháng 8-2009.
21. Phan Huy Đường, “Nâng cao chất lượng dịch vụ bảo vệ người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài”, *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, Số 143.
22. Phan Huy Đường (2012) (Chủ biên), *Quản lý nhà nước về lao động nước ngoài chất lượng cao ở Việt Nam*, NXB. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
23. Phan Huy Đường, Tô Hiến Thà, *Nhân tố văn hóa trong phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Nghiên cứu liên ngành trong khoa học xã hội và nhân văn: Kinh nghiệm và triển vọng, Hà Nội, 12/2009.



24. *Đổi mới để phát triển* (2002), NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
25. Đỗ Văn Điển (2009), *Một số vấn đề về quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
26. *Hệ thống chính phủ Liên bang Nga* (2002), NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
27. *Hiến pháp Việt Nam năm 1992 sửa đổi năm 2001* (2002), NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
28. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2007), *Giáo trình quản lý kinh tế*, NXB. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
29. Đỗ Hoàng Toàn (Chủ biên) (2009), *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB. Thế giới, Hà Nội.
30. *Hồ Chí Minh toàn tập* (1970), tập 9, NXB. Sự thật, Hà Nội.
31. J. W. Moellermann (1994), *Guồng máy thịnh vượng – BMWI* (bản dịch).
32. *Kiêm chế tham nhũng* (2002), NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. *Luật hiến pháp của các nước tư bản* (1994), Đại học Tổng hợp Hà Nội.
34. *Phân cấp quản lý hành chính* (2002), NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
35. P. Elegant (1994), *Vận mệnh Thái Bình Dương*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
36. P. J. Gordon (1994), *Kinh tế học vĩ mô*, NXB. Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.
37. R. Nixon (1992), *Chớp lấy thời cơ*, Viện Mác – Lê nin, Hà Nội.
38. *Thuyết “Tam quyền phân lập” và bộ máy nhà nước tư sản hiện đại* (1992), Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Hà Nội.
39. *Tiến đến xây dựng một nhà nước với vai trò là nhà hoạch định chiến lược, người đảm bảo cho lợi ích chung* (2000), NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.



40. V. I. Lenin toàn tập (1977), tập 25, tập 39, NXB. Tiến bộ, Matxcova.
41. Về mô hình tổ chức bộ máy hành chính của các nước trên thế giới (1994), NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
42. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia (2002), Vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế – Kinh nghiệm Pháp, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
43. Những vấn đề cốt lõi của quản lý (1998) (sách dịch), NXB. Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.
44. William Pounds (1969), *The Process of Problem Finding*, Industrial Management Review, Fall.
45. Luật Cán bộ, công chức (2008), NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
46. *Thuyết "tam quyền phân lập" và bộ máy nhà nước tư sản hiện đại*, (1992), Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Hà Nội.



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: Biên tập: (04) 39714896
Quản lý xuất bản: (04) 39728806; Tổng Biên tập: (04) 39715011
Fax: (04) 39729436

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ
(Sách giáo trình)

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập: TS. Phạm Thị Trâm
Biên tập: Đậu Kiều Ngọc Anh
Chế bản: Lưu Quang Đà
Thiết kế bìa: Nguyễn Ngọc Anh

Liên kết xuất bản: BỘ PHẬN TẠP CHÍ – XUẤT BẢN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ – ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
Địa chỉ: Phòng 703, Nhà E4, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (04) 37547506 (703 – 713); Fax: (04) 37546765
Email: tapchiktkd_kt@vnu.edu.vn
Website: ueb.vnu.edu.vn

Mã số: 2L-201 ĐH2017. In 1.000 cuốn, khổ 16x24cm tại Công ty Cổ phần In Sao Việt. Địa chỉ: 9/40 Ngụy Như Kon Tum, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4518-2017/CXBDPH/06-413/ĐHQGHN, ngày 11/12/2017. Quyết định xuất bản số: 1497/EKXH/QĐ - NXB ĐHQGHN, ngày 15/12/2017. In xong và nộp lưu chiểu năm 2017.



QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ISBN: 978-604-62-9984-4

9786046299844

Giá: 79.000đ